Bộ Kinh Tăng Chi [Tăng Chi Kinh Bộ] - Quyển 8 [Aṭṭhaka-Nipāta] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN "TÁM" (Aṭṭhaka-Nipāta)

ii

Về Bản Dịch AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này gồm có 11 QUYỂN (nipāta) được đặt tên lần lượt là QUYỂN "MỘT" cho đến QUYỂN "MƯỜI MỘT", trong đó "Một"... vừa là tên của QUYỂN kinh (nói về một điều, một pháp, một người ...) vừa là số thứ tự của QUYỂN kinh. Mỗi QUYỂN lại có nhiều NHÓM kinh (vagga, phẩm), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh. Các QUYỂN 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển 3-10 thì gom các NHÓM kinh vào những PHẦN "Năm Mươi Kinh" (Đầu Tiên ... Thứ Tư) và có QUYỂN có thêm PHẦN "Năm Mươi Kinh Thêm" ở cuối. - Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó. - Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như Mp, Mp-ṭ, Paṭis ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Trong phần chú-thích có chỉ dẫn các kinh chỉ ghi số như 3:101, 7:215 thì có nghĩa nó thuộc bộ kinh AN này; vì nếu thuộc bộ kinh khác thì đã ghi rõ là SN, MN, hay DN ... trước số kinh rồi. Và các số đầu như 3 và 7 chính là số QUYỂN 3 và 7 (tức là: Quyển AN 3 kinh 101, AN 7 kinh 215). - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh AN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một số NHÓM bài kinh, thì trong

iv

một số ít ngày quý vị sẽ đọc hết một PHẦN, rồi một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Số kinh tóm-lược theo một mẫu-kinh là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần đọc lướt qua. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách-nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

- Do bộ kinh có 11 QUYỂN khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ QUYỂN nào để đọc. Nhưng nếu không ưu tiên hay cần đọc những chủ-đề nào trước, quý vị nên đọc theo thứ tự từ đầu tới cuối, như cách đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy.

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú-thích thì người đọc có thể bị lạc khỏi ý chính của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-giải, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và trọn vẹn nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Nhà Bè, mùa mưa 2019 (PL 2564) (hoàn chỉnh và in cuối năm thảm dịch Covids 2021)

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN ..... iii [Năm Mươi Kinh Đầu] ..... 1 NHÓM 1. TÂM TỪ ..... 1 1 (1) Tâm Từ..... 1

2 (2) Trí Tuệ 2

3 (3) Dễ Mến (1) 6

4 (4) Dễ Mến (2) 6

5 (5) Thế Gian (1)..... 7

6 (6) Thế Gian (2)..... 7

7 (7) Sự Thất Bại Của Đề-Bà-Đạt-Đa 10

8 (8) Ngài Uttara Nói Về Sự Thất Bại..... 11

9 (9) Nanda 13

10 (10) Rác..... 15

NHÓM 2. NHÓM LỚN ..... 18 11 (1) Verañjā 18

12 (2) Tướng Quân Sīha 25

13 (3) Thuần Chủng..... 33

14 (4) Ngựa Non Chưa Thuần Phục 34

15 (5) Những Vết Ố 37

16 (6) Đi Sứ 38

17 (7) Sự Trói Buộc (1) 39

18 (8) Sự Trói Buộc (2) 39

vi

19 (9) Pahārāda 39

20 (10) Bố-Tát 43

NHÓM 3. NHỮNG GIA CHỦ ..... 47 21 (1) Ugga (1) 47

22 (2) Ugga (2) 50

23 (3) Hattaka (1) 53

24 (4) Hattaka (2) 54

25 (5) Mahānāma (5) 55

26 (6) Jīvaka 57

27 (7) Những Sức Mạnh (1) 57

28 (8) Những Sức Mạnh (2) 58

29 (9) Những Thời Không Phải 59

30 (10) A-Nậu-Lâu-Đà 63

NHÓM 4. BỐ THÍ ..... 70 31 (1) Bố Thí (1) 70

32 (2) Bố Thí (2) 70

33 (3) Những Nền Tảng 71

34 (4) Ruộng 71

35 (5) Sự Tái Sinh Nhờ Bố Thí 74

36 (6) Sự Tạo Công Đức 76

37 (7) Những Món Quà Của Người Tốt 79

38 (8) Người Tốt 79

39 (9) Những Dòng Chảy 80

40 (10) Đưa Đến (Hậu Quả) 82

vii

NHÓM 5. BỐ-TÁT ..... 83 41 (1) Một Cách Tóm Gọn 84

42 (2) Một Cách Chi Tiết 86

43 (3) Visākhā (1) 90

44 (4) Vāseṭṭha..... 91

45 (5) Bojjhā 92

46 (6) A-nậu-lâu-đà..... 92

47 (7) Visākhā (2) 95

48 (8) Nakula 95

49 (9) Trong Đời Này (1) 96

50 (10) Trong Đời Này (2) 99

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai] ..... 101 NHÓM 1. KIỀU-ĐÀM-DI ..... 101 51 (1) Kiều-Đàm-Di 101

52 (2) Sự Khởi Xướng 106

53 (3) Một Cách Tóm Gọn 107

54 (4) Dīghajāṇu 108

55 (5) Ujjaya 112

56 (6) Hiểm Họa 113

57 (7) Đáng Được Cúng Dường (1) 114

58 (8) Đáng Được Cúng Dường (2) 115

59 (9) Tám Loại Người (1) 116

60 (10) Tám Loại Người (2) 117

NHÓM 2. CĀPĀLA 117

viii

61 (1) Tham Muốn 117

62 (2) Có Khả Năng 119

63 (3) Một Cách Ngắn Gọn 122

64 (4) Gayā 125

65 (5) (Tám Cơ Sở Để) Vượt Trên..... 128

66 (6) (Tám) Sự Giải Thoát 129

67 (7) Những Tuyên Bố (1) 130

68 (8) Những Tuyên Bố (2) 131

69 (9) Những Hội Chúng 131

70 (10) Những Trận Động Đất 132

NHÓM 3. CẶP ĐÔI ..... 137 71 (1) Niềm Tin (1) 137

72 (2) Niềm Tin (2) 139

73 (3) Sự Chánh Niệm Về Cái Chết (1) 141

74 (4) Sự Chánh Niệm Về Cái Chết (2) 144

75 (5) Những Thành Tựu (1) 146

76 (6) Những Thành Tựu (2) 146

77 (7) Tham Muốn 148

78 (8) Có Khả Năng 149

79 (9) Sự Sa Sút 149

80 (10) Những Cơ Sở Cho Sự Lười Biếng và Sự Phát Khởi Nỗ Lực 150

NHÓM 4. SỰ CHÁNH NIỆM ..... 153 81 (1) Sự Chánh Niệm 153

82 (2) Ngài Puṇṇiya 154

ix

83 (3) Bắt Rễ 155

84 (4) Kẻ Trộm 156

85 (5) Những Chữ Để Chỉ 157

86 (6) Ngài Nāgita 158

87 (7) Thức Ăn Khất Thực 161

88 (8) Thiếu Niềm Tin..... 161

89 (9) Hòa Giải 162

90 (10) Hành Vi..... 163

NHÓM 5. GIỐNG NHAU 164 91 (1) 117 (27) 164

NHÓM 6. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 164 118 (1) 164

119 (2) 164

120 (3) 165

121 (4) 147 (30)..... 166

148 (31) 627 (510)..... 167

BẢNG VIẾT TẮT ..... 169 CHÚ THÍCH 173

x

Kính Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!

[Năm Mươi Kinh Đầu]

NHÓM 1. TÂM TỪ

1 (1) Tâm Từ Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ đã được theo đuổi, được tu tập và tu dưỡng, được làm thành một cỗ xe (tu thừa), được thực hiện, được củng cố, và được đảm nhận đúng cách, thì có thể trông đợi tám lợi-ích. Tám đó là gì? (1) “Người tu được ngủ ngon; (2) thức dậy an lạc; (3) không gặp những ác mộng; (4) làm vui lòng người; (5) làm vui lòng những quỷ thần;1615 (6) được các thiên thần địa thần phù hộ; (7) lửa, chất độc, và vũ khí không làm hại mình; và (8) nếu không thâm nhập xa hơn nữa, người đó vẫn tiến lên cõi trời brahmā (phạm thiên giới). “Này các Tỳ kheo, khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ đã được theo đuổi, được tu tập và tu dưỡng, được làm thành một cỗ xe, được thực hiện, được củng cố, và được đảm nhận đúng cách, thì có thể trông đợi tám lợi-ích này.” Đối với người tu, có chánh-niệm,

Tu tập tâm-từ vô lượng,
Những gông-cùm mòn mỏng dần khi người đó nhìn thấy
Sự phá hủy những sự thu-nạp (sanh y).
Nếu, với một cái tâm không còn thù-ghét,
Người tu phát khởi tình thương tới chỉ một chúng sinh,
Thì nhờ đó mình trở thành tốt thiện.
Còn trong tâm bi-mẫn đối với tất cả chúng sinh,1616
Những bậc thánh tạo dồi dào phước đức.
Những sa-môn hoàng tộc đã chinh phạt địa cầu
Có muôn vàn chúng sinh trên đó.
Họ cứ đi khắp nơi tổ chức những lễ cúng tế:
Cúng tế ngựa,1617 cúng tế người, sammāpāsa, vājapeyya, niraggaḷa.1618

Tất cả mọi sự cúng tế đó chẳng đáng bằng 1/16
So với tâm-từ đã được khéo tu tập,
Giống như một chòm sao1619đâu thể bằng 1/16
So với ánh sáng của mặt trăng.
Người không giết hại hay sai xúi giết hại,
Người không ăn hiếp hay sai xúi ăn hiếp,
Người có tâm-từ đối với mọi chúng sinh1620
Không chấp chứa hận thù với bất cứ ai.
2 (2) Trí Tuệ (I) “Này các Tỳ kheo, có tám nhân duyên [nguyên-nhân và điều-kiện] này dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh1621 nếu chưa đạt được nó, và dẫn tới sự gia-tăng, sự trưởng-thành và sự hoàn-thiện của trí-tuệ sau khi đã đạt được nó. Tám đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo sống nương dựa [phụ thuộc] vào Vị Thầy hay dựa vào một đạo hữu (sư huynh) ở vị trí là thầy mình, đối với họ

•3

người đó thiết lập một cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự cảm-mến và sự tôn-kính. Đây là nhân duyên thứ nhất dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh nếu chưa đạt được nó, và dẫn tới sự gia-tăng, sự trưởng-thành và sự hoàn-thiện của trí- tuệ sau khi đã đạt được nó. (2) “Khi người đó đang sống nương dựa vào Vị Thầy hay dựa vào một sư huynh ở vị trí là thầy mình, đối với họ người đó thiết lập một cảm- nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự cảm- mến và sự tôn-kính, người đó thường thường đến gặp họ để vấn hỏi: ‘Thưa Thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’ Rồi những vị thầy ấy sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ những điều còn chưa rõ, và xua tan sự nghi ngờ của người đó về những luận điểm còn làm nghi ngờ. Đây là nhân duyên thứ hai dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (3) “Sau khi đã nghe Giáo Pháp, lui về trong hai loại sự thu-mình (rút lui, hiền hưu, hiền trú), đó là: thu thân và thu tâm. Đây là nhân duyên thứ ba dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (4) “Người đó là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. Đây là nhân duyên thứ tư dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (5) “Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở, tốt lành ở giữa, và tốt ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, (chúng) tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Đây là nhân duyên thứ năm dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh …

4 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

(6) “Người đó phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Đây là nhân duyên thứ sáu dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (7) “Khi đang ở giữa Tăng Đoàn, người đó không tham gia vào những sự nói chuyện lan man và vô nghĩa. Người đó sẽ nói về Giáo Pháp, hoặc thỉnh cầu người khác nói, hoặc giữ sự im lặng thánh thiện.1622 Đây là nhân duyên thứ bảy dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh … (8) “Người đó sống quán sát (quán niệm, thiền quán) sự khởi-sinh và sự biến-diệt trong năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn): ‘Này là thân-sắc, này là sự khởi sinh của thân-sắc, này là sự biến diệt của sắc; này là cảm- giác … này là nhận-thức … này là những sự tạo-tác cố ý … này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức.’ Đây là nhân duyên thứ tám dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh nếu chưa đạt được nó, và dẫn tới sự gia-tăng, sự trưởng-thành và sự hoàn- thiện của trí-tuệ sau khi đã đạt được nó. (II) (1) “Những Tỳ kheo đồng đạo tôn trọng người đó như vầy: ‘Quý thầy này sống nương dựa vào Vị Thầy hay dựa vào sư huynh (đạo hữu) ở vị trí là thầy mình, đối với họ người đó thiết lập một cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức, sự cảm-mến và sự tôn-kính. Quý thầy này chắc chắn biết và thấy.’ Phẩm chất này dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự hòa hợp, và sự đoàn kết.1623 (2) “‘Khi quý thầy này đang sống nương dựa vào Vị Thầy hay dựa vào một sư huynh ở vị trí là thầy mình … Rồi những vị thầy sẽ khai mở … và xua tan sự nghi-ngờ của người đó về những luận điểm còn làm nghi- ngờ. Quý thầy này chắc chắn biết và thấy.’ Phẩm chất này cũng dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự hòa hợp, và sự đoàn kết. (3) “‘Sau khi đã nghe Giáo Pháp, lui về trong hai loại sự thu-mình, đó

•5

là: thu thân và thu tâm. Quý thầy này chắc chắn biết và thấy.’ Phẩm chất này cũng dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự hòa hợp, và sự đoàn kết. (4) “‘Quý thầy này là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ kheo], có được đức-hạnh và nơi nương- tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Quý thầy này chắc chắn biết và thấy.’ Phẩm chất này cũng dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự hòa hợp, và sự đoàn kết. (5) “‘Quý thầy này đã học-hiểu nhiều … và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Quý thầy này chắc chắn biết và thấy.’ Phẩm chất này cũng dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự hòa hợp, và sự đoàn kết. (6) “‘Quý thầy này đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. Quý thầy này chắc chắn biết và thấy.’ Phẩm chất này cũng dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự hòa hợp, và sự đoàn kết. (7) “‘Khi ở giữa Tăng Đoàn, quý thầy này không tham gia những sự nói chuyện lan man và vô ích … thầy ấy giữ sự im lặng thánh thiện. Quý thầy này chắc chắn biết và thấy.’ Phẩm chất này cũng dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự hòa hợp, và sự

đoàn kết. (8) “‘Quý thầy này sống quán sát sự khởi-sinh và sự biến-diệt trong năm-uẩn bị dính-chấp. Quý thầy này chắc chắn biết và thấy.’ Phẩm chất này cũng dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự hòa hợp, và sự đoàn kết. “Này các Tỳ kheo, đây là tám nhân duyên dẫn tới sự đạt được trí-tuệ là nền tảng của đời sống tâm linh nếu chưa đạt được nó, và dẫn tới sự gia- tăng, sự trưởng-thành và sự hoàn-thiện của trí-tuệ sau khi đã đạt được nó.”

6 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

3 (3) Dễ Mến (1) 1624 “Này các Tỳ kheo, có tám phẩm chất, một Tỳ kheo là khó ưa (khó thích, khó mến) và khó chịu (khó hài lòng, bất đồng) bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng. Tám đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo khen người khó ưa, (2) chê người dễ mến, (3) một Tỳ kheo ham muốn lợi-lộc, và (4) sự tôn-vinh, (5) người đó không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (6) bất-chấp về mặt đạo đức; (7) người đó có những tham-muốn xấu ác, và (8) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có tám phẩm chất này, một Tỳ kheo là khó ưa và khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng. “Này các Tỳ kheo, có được tám phẩm chất, một Tỳ kheo là dễ mến (dễ thích, dễ ưa) và dễ chịu (hài lòng, thuận tình) bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn kính và kính trọng. Tám đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo không khen người khó ưa, hay (2) chê người dễ mến, (3) một Tỳ kheo không ham muốn lợi-lộc, hay (4) sự tôn-vinh, (5) người đó có cảm- nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (6) biết sợ-hãi về mặt đạo đức; (7) người đó ít ham-muốn (thiểu dục), và (8) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được tám phẩm chất này, một Tỳ kheo là dễ mến và dễ chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn kính và kính trọng.”

4 (4) Dễ Mến (2) “Này các Tỳ kheo, có tám phẩm chất, một Tỳ kheo là khó ưa và khó chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng. Tám đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo (1) tham muốn lợi-lộc, (2) sự tôn-vinh, và (3) danh-tiếng; (4) người đó không biết sự hợp-thời, (5) không biết sự tiết-độ; (6) người đó không trong-sạch;1625 (7) người đó nói nhiều; và (8) người đó xúc phạm và chê chửi những Tỳ kheo đồng đạo. Có tám phẩm chất này, một Tỳ kheo là khó ưa và khó chịu bởi những Tỳ

•7

kheo đồng đạo, và cũng không được họ kính trọng hay tôn trọng. “Này các Tỳ kheo, có được tám phẩm chất, một Tỳ kheo là dễ mến và dễ chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn kính và kính trọng. Tám đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo (1) không tham muốn lợi-lộc, (2) sự tôn-vinh, và (3) danh-tiếng; (4) người đó là người biết sự hợp-thời, và (5) người biết sự tiết-độ; (6) người đó là trong-sạch; (7) người đó không nói nhiều; và (8) người đó không xúc phạm hay chê chửi những Tỳ kheo đồng đạo. Có được tám phẩm chất, một Tỳ kheo là dễ mến và dễ chịu bởi những Tỳ kheo đồng đạo, và cũng được họ tôn kính và kính trọng.”

5 (5) Thế Gian (1) “Này các Tỳ kheo, có ‘tám tình trạng thế tục’ xoay quanh thế gian, và thế gian xoay quanh ‘tám tình trạng thế tục’ này. Tám đó là gì? Được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ. Tám tình trạng này xoay quanh thế gian, và thế gian xoay quanh tám tình trạng này.” (tám thói đời) Được và mất, vinh và nhục, Khen và chê, sướng và khổ: Những tình trạng này mà người đời gặp phải: Là vô thường, biến hoại, và luôn bị thay đổi. Một người có trí và có chánh-niệm biết rõ chúng, Và nhìn thấy chúng luôn bị thay đổi. Gặp những cảnh sướng tâm người ấy không phấn khích, Gặp những cảnh khổ tâm người ấy không phiền bực Người đó đã xua tan sự hấp-dẫn lẫn sự đáng-chê Chúng đã hết và không còn có mặt. Sau khi đã biết trạng thái ‘vô bụi bẩn’, ‘vô sầu’, Người đó hiểu một cách đúng đắn và thoát khỏi sự hiện-hữu.

6 (6) Thế Gian (2)

8 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

“Này các Tỳ kheo, có ‘tám tình trạng thế tục’ xoay quanh thế gian, và thế gian xoay quanh ‘tám tình trạng thế tục’ này. Tám đó là gì? Được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ. Tám tình trạng này xoay quanh thế gian, và thế gian xoay quanh tám tình trạng này.” (tám thói đời) “Này các Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy gặp những sự được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ. Một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy cũng gặp những sự được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ. Vậy cái gì là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy và một người người phàm phu không được chỉ dạy về vấn đề này?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: (I) “Này các Tỳ kheo, (1) khi một người phàm phu không được chỉ dạy gặp cái ‘được’ [lợi lộc, có được, thành đạt], người đó không biết suy xét (quán chiếu) như vầy: ‘Cái ‘được’ này ta đã gặp là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi.’ Người đó không hiểu điều đó đúng như nó thực là. (2) Khi người đó gặp cái ‘mất’ [mất mát, thua, thiệt] … (3) … cái ‘vinh’ [danh tiếng, được khen] … (4) … cái ‘nhục’ [ô danh, bị chê chửi, tội tình] … (5) … cái ‘khen’ … (6) … cái ‘chê’ … (7) … cái ‘sướng’ … (8) … cái ‘khổ’, người đó không biết suy xét như vầy: ‘Cái ‘khổ’ này ta đã gặp là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi.’ Người đó không hiểu điều đó đúng như nó thực là. “Cái ‘được’ ám muội tâm người đó, và cái ‘mất’ ám muội tâm người đó. Cái ‘vinh’ ám muội tâm người đó, và cái ‘nhục’ ám muội tâm người đó. Cái ‘khen’ ám muội tâm người đó, và cái ‘chê’ ám muội tâm người đó. Cái ‘sướng’ ám muội tâm người đó, và cái ‘khổ’ ám muội tâm người đó.

•9

Người đó chạy theo cái ‘được’ và chống cự cái ‘mất’. Người đó chạy theo cái ‘vinh’ và chống cự cái ‘nhục’. Người đó chạy theo cái ‘khen’ và chống cự cái ‘chê’. Người đó chạy theo cái ‘sướng’ và chống cự cái ‘khổ’. Như vậy cứ luôn dính vào sự chạy-theo (thuận)

và sự chống-lại (nghịch), người đó không được giải-thoát khỏi sự sinh, khỏi sự già và chết, khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não); người đó không thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. (II) “Nhưng, này các Tỳ kheo, (1) khi một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, người đó biết suy xét như vầy: ‘Cái ‘được’ này ta đã gặp là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi.’ Người đó hiểu được điều đó đúng như nó thực là. (2) Khi người đó gặp cái ‘mất’ … (3) … cái ‘vinh’ … (4) … cái ‘nhục’ … (5) … cái ‘khen’ … (6) … cái ‘chê’ … (7) … cái ‘sướng’ … (8) … cái ‘khổ’, người đó biết suy xét như vầy: ‘Cái ‘khổ’ này ta đã gặp là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi.’ Người đó hiểu điều đó đúng như nó thực là. “Cái ‘được’ không ám muội tâm người đó, và cái ‘mất’ không ám muội tâm người đó. Cái ‘vinh’ không ám muội tâm người đó, và cái ‘nhục’ không ám muội tâm người đó. Cái ‘khen’ không ám muội tâm người đó, và cái ‘chê’ không ám muội tâm người đó. Cái ‘sướng’ không ám muội tâm người đó, và cái ‘khổ’ không ám muội tâm người đó. Người đó không chạy theo cái ‘được’ hay chống cự cái ‘mất’. Người đó không chạy theo cái ‘vinh’ hay chống cự cái ‘nhục’. Người đó không chạy theo cái ‘khen’ hay chống cự cái ‘chê’. Người đó không chạy theo cái ‘sướng’ hay chống cự cái ‘khổ’. Như vậy không dính vào sự chạy-theo (thuận) và sự chống-lại (nghịch), người đó được giải-thoát khỏi sự sinh, khỏi sự già và chết, khỏi sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy. “Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa một người đệ tử thánh thiện và một người phàm phu không được chỉ dạy.” [Tiếp tục phần thi kệ như cuối kinh 8:05 kế trên.]

10 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

7 (7) Sự Thất Bại Của Đề-Bà-Đạt-Đa Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền, không lâu sau khi Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã bỏ đi.1626 Ở đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo đề cập tới Đề-bà-đạt-đa như vầy: “Này các Tỳ kheo, thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thất-bại của mình. Thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thất-bại của người khác. Thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thành-tựu của mình. Thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thành-tựu của người khác. Vì Đề-bà-đạt-đa bị chi phối và ám muội bởi ‘tám điều-kiện xấu’, nên ông ta hướng đến cảnh giới khổ đau, hướng đến địa ngục, và ông ta sẽ ở đó suốt một đại kiếp, không thể nào cứu được. Tám đó là gì? (I) “(1) Vì Đề-bà-đạt-đa bị chi phối và ám muội bởi cái ‘được’ [lợi lộc, có được, thành đạt], nên ông ta hướng đến cảnh giới khổ đau, hướng đến địa ngục, và ông ta sẽ ở đó suốt một đại kiếp, không thể nào cứu được. (2) Vì Đề-bà-đạt-đa bị chi phối và ám muội bởi cái ‘mất’ [mất mát, thua, thiệt] … (3) … bởi ‘danh’ [danh tiếng] … (4) … bởi ‘ô danh’ … (5) … bởi ‘vinh’ [sự tôn vinh] … (6) … bởi ‘sự thiếu vinh’ … (7) … bởi những tham-muốn xấu ác … (8) … bởi bạn-bè xấu, nên ông ta hướng đến cảnh giới khổ đau, hướng đến địa ngục, và ông ta sẽ ở đó suốt một đại kiếp, không thể nào cứu được. Vì Đề-bà-đạt-đa bị chi phối và ám muội bởi tám điều-kiện xấu đó, nên ông ta bị hướng đến cảnh giới khổ đau, hướng đến địa ngục, và ông ta sẽ ở đó suốt một đại kiếp, không thể nào cứu được. (II) “(1) Thật tốt lành cho một Tỳ kheo vượt qua cái ‘được’ khi nó khởi sinh. Thật tốt lành cho một Tỳ kheo (2) vượt qua cái ‘mất’ … (3) … vượt qua ‘danh’

… (4) … vượt qua ‘ô danh’ … (5) … vượt qua ‘vinh’ … (6) … vượt qua ‘sự thiếu vinh’ … (7) … vượt qua những tham-muốn xấu

• 11

ác … (8) … vượt qua bạn-bè xấu mỗi khi nó phát sinh. - “Và vì lý do gì một Tỳ kheo nên vượt qua cái ‘được’ mỗi khi nó phát sinh? Vì lý do gì người đó nên vượt qua cái ‘mất’ … ‘danh’ … ‘ô danh’ … ‘vinh’ … ‘sự thiếu vinh’ … những tham-muốn xấu ác … bạn-bè xấu mỗi khi nó phát sinh? Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, có thể khởi sinh trong một người chưa vượt qua cái ‘được’, nhưng không khởi sinh trong một người đã vượt qua nó. Những ô-nhiễm đó, là khốn khổ và sốt não, có thể khởi sinh trong một người chưa vượt qua cái ‘mất’ … ‘danh’ … ‘ô danh’ … ‘vinh’ … ‘sự thiếu vinh’ … những tham-muốn xấu ác … bạn-bè xấu, nhưng không khởi sinh trong một người đã vượt qua nó. Vì lý do này một Tỳ kheo nên vượt qua cái ‘được’ mỗi khi nó khởi sinh. Người đó nên vượt qua cái ‘mất’ … ‘danh’ … ‘ô danh’ … ‘vinh’ … ‘sự thiếu vinh’ … những tham-muốn xấu ác … bạn-bè xấu mỗi khi nó khởi sinh. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ vượt qua cái ‘được’. Chúng ta sẽ vượt qua cái cái ‘mất’ … ‘danh’ … ‘ô danh’ … ‘vinh’ … ‘sự thiếu vinh’ … những tham-muốn xấu ác … bạn-bè xấu mỗi khi nó khởi sinh.’ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.”

8 (8) Ngài Uttara Nói Về Sự Thất Bại Trong một lần có Ngài Uttara đang sống ở Mahisavatthu, trên Núi Saṅkheyya, vùng Dhavajālikā. Ở đó thầy Uttara đã nói với các Tỳ kheo … “Này các đạo hữu, thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thất-bại của mình. Thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thất-bại của người khác. Thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thành-tựu của mình. Thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thành-tựu của người khác.” Bấy giờ, vào lúc đó có đại vương Vessavaṇa [là một thiên thần] đang đi du hành từ bắc xuống nam vì một số công việc. Vị tiên đó nghe tin có

12 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

thầy Uttara ở Mahisavatthu, trên Núi Saṅkheyya, vùng Dhavajālikā, đang chỉ dạy Giáo Pháp cho những Tỳ kheo như vầy: ‘Này các đạo hữu, thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thất-bại của mình … những thất-bại của người khác … những thành-tựu của mình … những thành-tựu của người khác.’ Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, vị tiên Vessavaṇa biến mất khỏi Núi Saṅkheyya và hiện ra chỗ những thiên thần của cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa; cõi trời 33). Vị tiên đã đến gặp vua trời Đế-thích (Sakka), vua của những thiên thần, và thưa với ngài: “Kính thưa vua trời, ngài nên biết rằng thầy Uttara ở Mahisavatthu, trên Núi Saṅkheyya, vùng Dhavajālikā, đang chỉ dạy Giáo Pháp cho những Tỳ kheo như vầy: ‘Này các đạo hữu, thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thất-bại của mình … những thất-bại của người khác … những thành-tựu của mình … những thành-tựu của người khác.’” Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, vua trời Đế-thích đã biến mất khỏi chỗ những thiên thần cõi trời Đao-lợi và hiện ra ở

Mahisavatthu, trên Núi Saṅkheyya, vùng Dhavajālikā, trước mặt thầy Uttara. Vị trời đến gặp thầy Uttara, kính lễ, đứng sang một bên, và nói với thầy ấy: “Thưa thầy, có đúng như đã nghe nói, rằng thầy đang chỉ dạy Giáo Pháp cho những Tỳ kheo như vầy: ‘Này các đạo hữu, thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thất-bại của mình … những thất-bại của người khác … những thành-tựu của mình … những thành-tựu của người khác.’?” “Đúng vậy, này đức vua của các thiên thần.” “Nhưng, thưa thầy, đây là sự nhận-biết của chính thầy, hay là lời của đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác?” “Được rồi, này đức vua của các thiên thần, tôi sẽ cho ngài một ví dụ; nhờ phương tiện ví dụ mà một số người thông minh hiểu được ý nghĩa của điều đã được nói ra. Ví dụ, không xa một ngôi làng hay thị trấn có một

• 13

đống ngũ cốc lớn, và một đám nhiều người đến múc lấy bằng ống (sào) tre, bằng rổ, bằng bao, và bằng hai tay bụm lại. Sau đó có người tới gặp đám đông và hỏi họ: ‘Các vị lấy ngũ cốc từ đâu?’ thì họ sẽ nói gì?” “Thưa thầy, những người đó nên nói: ‘Chúng tôi lấy từ đống ngũ cốc lớn.’” “Cũng giống như vậy, này vua của các thiên thần, những điều gì được nói ra một cách hay khéo đều là lời của đức Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Bản thân tôi và những đệ tử khác đều có được những lời tốt thiện từ đức Thế Tôn.” “Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa thầy, về cách thầy đã khéo nói điều này: ‘Những điều gì được nói ra một cách hay khéo đều là lời của đức Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Bản thân tôi và những đệ tử khác đều có được những lời tốt thiện từ đức Thế Tôn.’1627 “Thầy Uttara, trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền, không lâu sau khi thầy Đề-bà-đạt-đa đã bỏ đi. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo đề cập tới Đề-bà-đạt- đa như vầy: ‘Này các Tỳ kheo, thật tốt lành cho một Tỳ kheo thường hay xét lại những thất-bại của mình … [vua trời Đế-thích đọc lại toàn bộ nội dung bài kinh 8:07 kế trên do Phật nói ra, cho đến:] … Này các Tỳ kheo, chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.’1628 “Thưa thầy Uttara, bài thuyết giảng Giáo Pháp này chưa được ban hành ở đâu trong bốn hội nhân chúng nào, đó là: (hội chúng) các Tỳ kheo, các Tỳ kheo ni, nam đệ tử tại gia, nữ đệ tử tại gia.1629 Thưa thầy, hãy học bài thuyết giảng Giáo Pháp này, và lưu nhớ trong tâm bài thuyết giảng Giáo Pháp này. Bài thuyết giảng Giáo Pháp này là ích-lợi; nó thuộc về những nền-tảng của đời sống tâm linh.”

9 (9) Nanda “Này các Tỳ kheo, (1) ai nói một cách đúng đắn thì sẽ nói về Nanda

rằng thầy ấy là một người họ tộc, (2) rằng thầy ấy là khỏe mạnh, (3) thầy ấy là duyên dáng, và (4) thầy ấy dính nặng theo nhục dục.1630 Còn cách nào khác để thầy Nanda có thể dẫn dắt đời sống tâm linh toàn thiện và trong sạch hay không, trừ khi (5) thầy ấy biết phòng-hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác-quan), (6) giữ sự tiết-độ trong ăn uống, (7) và chú-ý (chủ tâm, để ý) tới sự tỉnh-thức, và (8) có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác)? - “Này các Tỳ kheo, đây là cách thầy Nanda phòng-hộ các cửa của các căn cảm-nhận: Nếu thầy ấy cần nhìn phía đông, thầy ấy sẽ làm vậy sau khi đã xem

xét đầy đủ vấn đề và rõ biết về nó như vầy: ‘Khi tôi nhìn phía đông, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (ưu) không chảy vào tôi.’ Nếu thầy ấy cần nhìn phía tây … phía nam … phía bắc … nhìn lên … nhìn xuống … nhìn những hướng ở-giữa (của những hướng trên, như tây-nam, tây-bắc …), thầy ấy sẽ làm vậy sau khi đã xem xét đầy đủ vấn đề và rõ biết về nó như vầy: ‘Khi tôi nhìn phía đông, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền- bực (ưu) không chảy vào tôi.’ Đó là cách thầy Nanda phòng-hộ các cửa của các căn cảm-nhận. - “Đây là cách thầy Nanda giữ sự tiết-độ trong ăn uống: Ở đây, sau khi suy xét một cách kỹ càng (như lý quán chiếu), thầy Nanda ăn uống: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có được sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn—mà (iv) chỉ để (cho mục đích) giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: ‘Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới (thèm ăn uống). Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách (không tội lỗi; vì việc ăn uống), và sống được an ổn.’ Đó là cách thầy Nanda đã giữ sự tiết-độ trong ăn uống. - “Đây là cách thầy Nanda chú-ý tới sự tỉnh-thức: Trong ngày, khi đang đi tới và đi lại, khi đang ngồi, thầy Nanda thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm-chất (là, gây, mang tính) chướng ngại. Trong canh-đầu ban

• 15

đêm, khi đang đi tới và đi lại, khi đang ngồi, thầy Nanda thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm-chất chướng ngại. Trong canh-giữa ban đêm, thầy ấy nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm, với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã lưu ý trong tâm về thời điểm thức dậy. Trong canh-cuối ban đêm (gần sáng), sau khi thức dậy, khi đang đi tới và đi lại, khi đang ngồi, thầy Nanda thanh lọc tâm mình khỏi những phẩm-chất chướng ngại. Đó là cách thầy Nanda chú-ý tới sự tỉnh-thức. - “Đây là sự chánh-niệm và sự rõ-biết của thầy Nanda: Thầy Nanda biết những cảm-giác (thọ) khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất; thầy ấy biết những nhận-thức (tưởng) khi chúng khởi sinh, khi chúng có mặt, khi chúng biến mất.1631 Đó là sự chánh-niệm và sự rõ-biết của thầy Nanda. “Này các Tỳ kheo, còn cách nào khác thầy Nanda có thể dẫn dắt đời sống tâm linh toàn thiện và trong sạch hay không, trừ khi (5) thầy ấy biết phòng-hộ các cửa của các căn cảm-nhận, (6) giữ sự tiết-độ trong ăn uống, (7) chú-ý tới sự tỉnh-thức, và (8) có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết?”

10 (10) Rác Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā bên bờ Hồ Sen Gaggārā. Lúc đó là dịp có các Tỳ kheo đang khiển trách một Tỳ kheo về một tội phạm giới. Khi đang bị khiển trách, Tỳ kheo đó trả lời quanh co, chuyển hướng câu chuyện, và tỏ ra tức giận, thù ghét, và cay đắng.1632 Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, hãy tống khứ người này! Này các Tỳ kheo, hãy tống khứ người này!1633 Người này nên bị trục xuất. Tại sao con trai của người khác lại quấy rầy các thầy?1634 “Ở đây, này các Tỳ kheo, chừng nào các Tỳ kheo không nhìn thấy tội của một người, thì người đó (coi như) có cùng phẩm-cách: (1) đi tới, và (2) đi lại, (3) nhìn trước, và (4) nhìn

một bên, (5) cúi người, và (6) duỗi

tay chân, và (7) mặc y phục, và (8) mang theo bình bát và cà sa, giống như những Tỳ kheo tốt.1635 Tuy nhiên, khi họ nhìn thấy tội của người đó, họ biết người đó là một người hư bại trong số những tu sĩ, chỉ là phần trấu cặn và rác rưởi trong số những tu sĩ, thì họ trục xuất người đó. Vì lý do gì? Để người đó không làm hư đồi những Tỳ kheo tốt. “Ví dụ có một đồng lúa đang lên xanh, một số cây lúa có lá sâu lá cháy xuất hiện thì giống như phần trấu cặn và rác rưởi giữa những cây lúa tốt. Chừng nào những ngọn lá sâu lá cháy chưa xuất hiện, thì rễ của nó (coi như) cũng như giống rễ những cây lúa tốt, thân của nó cũng giống như thân những cây lúa tốt, lá của nó cũng giống như lá những cấy lúa tốt. Tuy nhiên, khi lá sâu lá cháy xuất hiện, họ biết ngay đó là cây lúa sâu lúa hư, chỉ là phần trấu cặn và rác rưởi giữa những cây lúa tốt, thì họ nhổ gốc chúng và quăng ra khỏi đồng lúa. Vì lý do gì? Để chúng không làm lây hại những cây lúa tốt. “Cũng giống như vậy, chừng nào các Tỳ kheo không nhìn thấy tội của một người, thì người đó (coi như) có cùng phẩm-cách: (1) đi tới … (8) mang theo bình bát và cà sa, giống như những Tỳ kheo tốt. Tuy nhiên, khi họ nhìn thấy tội của người đó, họ biết người đó là một người hư bại trong số những tu sĩ, chỉ là phần trấu cặn và rác rưởi trong số những tu sĩ. Thì họ trục xuất người đó. Vì lý do gì? Để người đó không làm hư đồi những Tỳ kheo tốt.” “Ví dụ có một đống lúa lớn đang được sàng lọc, những hạt lúa cứng và chắc gạo tạo thành một đống một bên, và gió thổi bay những hạt bị hư và trấu lép qua bên khác. Rồi những người chủ lúa còn lấy chổi để quét tống chúng đi. Vì lý do gì? Để chúng không làm hư tạp đống lúa tốt. “Cũng giống như vậy, chừng nào các Tỳ kheo không nhìn thấy tội của một người, thì người đó (coi như) có cùng phẩm cách: (1) đi tới … (8) mang theo bình bát và cà sa giống như những Tỳ kheo tốt. Tuy nhiên, khi họ nhìn thấy tội của người đó, họ biết người đó là một người hư bại trong số những tu sĩ, chỉ là phần trấu cặn và rác rưởi trong số những tu sĩ. Thì họ trục xuất người đó. Vì lý do gì? Để người đó không làm hư đồi những Tỳ

kheo tốt.” “Ví dụ một người cần một cái máng để cạnh giếng nước (để đổ nước ra mương …). Người đó mang theo cây rìu bén đi vô rừng. Người đó dùng rìu gõ (hay chặt) vô mấy cây (để chọn).1636 Khi bị gõ (hay chặt) như vậy, những cây cứng và đặc ruột sẽ phát ra âm thanh nặng chắc, nhưng những cây trong ruột đã bị thối, bị hư, và mục nát thì sẽ phát ra tiếng nhẹ rỗng. Người đó sẽ chặt hạ cây (nặng chắc) đó xuống, róc bỏ hết cành lá, moi sạch phần ruột hư, và dùng nó như cái máng để gần giếng. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào các Tỳ kheo không nhìn thấy tội của một người, thì người đó (coi như) có cùng phẩm- cách: (1) đi tới, và (2) đi lại, (3) nhìn trước, và (4) nhìn một bên, (5) cúi người, và (6) duỗi tay chân, và (7) mặc y phục, và (8) mang theo bình bát và cà sa giống như những Tỳ kheo tốt. Tuy nhiên, khi họ nhìn thấy tội của người đó, họ biết người đó là một người hư bại trong số những tu sĩ, chỉ là phần trấu cặn và rác rưởi trong số những tu sĩ, thì họ trục xuất người đó. Vì lý do gì? Để người đó không làm hư đồi những Tỳ kheo tốt.” Bằng cách sống cùng người đó, biết được người

đó Là một người tức giận với nhiều tham-muốn xấu ác (tà dục); Là người chê bai, ngang ngạnh, và xấc xược, Ghen tỵ, keo kiệt, và lừa dối. Người đó nói với mọi người như một bậc sa-môn, [Nói với họ] bằng giọng nói điềm tĩnh; Nhưng lại bí mật làm những điều xấu ác (tà nghiệp), Nắm giữ những quan-điểm độc hại, và thiếu sự tôn trọng. Mặc dù nd là mưu mẹo, là người nói những điều dối trá, Các thầy nên biết người đó đích thực là vậy; Thì các thầy nên họp mặt trong sự hòa hợp, Và chắc chắn tống khứ người đó. Loại bỏ rác rưởi! Loại bỏ những bạn tu suy đồi!

Quét bỏ phần trấu cặn, những người không phải sa-môn
Mà nghĩ mình là những sa-môn!
Sau khi trục xuất những người đầy tà dục
Có hạnh-kiểm xấu và nơi nương-dựa xấu,
Các thầy được sống trong đạo đoàn, luôn có chánh-niệm,
Người trong-sạch sống với người trong-sạch;
Rồi, trong sự hòa-hợp, tỉnh-giác,
Thì các thầy sẽ làm nên sự diệt-khổ.
NHÓM 2. NHÓM LỚN

11 (1) Verañjā Trong một lần đức Thế Tôn sống ở Verañjā đang ở dưới gốc cây sầu đâu (cây nim [neem] Ấn Độ) của (quỷ dạ-xoa) Naḷeru.1637 Lúc đó có một bà-la-môn ở Verañjā đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, tôi nghe nói: ‘Sa-môn Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã qua tuổi xế chiều, đang ở giai đoạn cuối đời; cũng không đứng dậy chào họ hay nhường chỗ ngồi cho họ.’ Điều này đúng là thật, vì Thầy Cồ-đàm không kính lễ những bà-la-môn già, nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã qua tuổi xế chiều, đang ở giai đoạn cuối đời; cũng không đứng dậy chào họ hay nhường chỗ ngồi cho họ. Thầy Cồ-đàm, như vậy là không phải phép.”1638 “Này bà-la-môn, trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương (Māra), và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh có những những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta không thấy có ai mà ta phải nên kính lễ, hay nên đứng dậy chào, hay nên nhường chỗ ngồi. Bởi vì nếu Như Lai còn phải kính lễ ai, hay đứng dậy chào, hay nhường chỗ

ngồi, thì đầu của người đó sẽ bị bể ra.” (1) “Thầy Cồ-đàm thiếu vị-giác.”1639 “Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể dùng để nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm thiếu vị-giác’. Như Lai đã dẹp bỏ vị- giác đối với những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, và những đối-tượng chạm xúc; bậc ấy đã đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm thiếu vị-giác’. Nhưng ông đã không nói (về vị-giác) theo nghĩa như vầy.” (2) “Thầy Cồ-đàm là không thân-thiện.”1640 “Này

bà-la-môn, có một cách người ta dùng để nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là không thân-thiện’. Như lai đã dẹp bỏ sự thân-thiện đối với những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, và những đối-tượng chạm xúc; bậc ấy đã đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là không thân-thiện’. Nhưng ông đã không nói (về sự không thân-thiện) theo nghĩa như vầy.” (3) “Thầy Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì.”1641 “Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương không-làm-gì’. Vì ta khẳng định sự không-làm những hành-vi xấu ác của thân, miệng, và tâm; ta khẳng định sự không-làm nhiều loại hành-vi xấu ác bất thiện. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương không hành-động’. Nhưng ông đã không nói (về sự không-làm-gì) theo nghĩa như vầy.” (4) “Thầy Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt.”1642 “Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn

về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt’. Vì ta khẳng định sự hủy diệt tham, sân, si; ta khẳng định sự hủy diệt nhiều loại phẩm chất bất thiện. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt.’ Nhưng ông đã không nói (về sự hủy-diệt) theo nghĩa như vầy.” (5) “Thầy Cồ-đàm là một người chê-chán.”1643 “Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chê-chán’. Vì ta thấy chê-chán với những hành-vi xấu ác của thân, miệng, tâm; ta thấy chán-chê với sự tích-tạo nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chê- chán’. Nhưng ông đã không nói (về sự chê-chán) theo nghĩa như vầy.” (6) “Thầy Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ.”1644 “Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ’. Vì ta chỉ dạy Giáo Pháp để dẫn tới sự bãi-bỏ tham, sân, si; ta chỉ dạy Giáo Pháp để bãi-bỏ nhiều loại phẩm chất bất thiện xấu ác. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ’. Nhưng ông đã không nói (về sự bãi-bỏ) theo nghĩa như vầy.” (7) “Thầy Cồ-đàm là một người hành-hạ (hành xác, thiêu đốt).”1645 “Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người hành-hạ’. Vì ta khẳng định những phẩm-chất bất thiện xấu ác như—những hành-vi xấu ác của thân, miệng, và tâm—là cần phải bị thiêu-đốt. Ta nói một người là người thiêu-đốt là sau khi người đó đã trừ-bỏ những phẩm-chất bất thiện xấu ác vốn cần phải bị thiêu-đốt; sau khi người đó đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Như Lai đã trừ-bỏ những phẩm-chất bất thiện xấu ác vốn cần phải bị thiêu-đốt; bậc ấy đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng

thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người hành-hạ'. Nhưng ông đã không nói (về sự hành-hạ) theo nghĩa như vầy." (8) "Thầy Cồ-đàm là một người đã rút-khỏi."1646 "Này bà-la-môn, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người rút-khỏi'. Vì ta gọi một người là người đang rút-khỏi là sau khi người đó đã trừ-bỏ 'sự tạo-ra sự tái hiện- hữu', đã dẹp-bỏ 'sự chui-vào bào thai trong tương lai'; sau khi người đó đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Như Lai đã trừ-bỏ 'sự tạo-ra sự tái hiện-hữu', đã dẹp-bỏ 'sự chui-vào bào thai trong tương lai'; bậc ấy đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người rút-lui'. Nhưng ông đã không nói (về sự rút-lui) theo nghĩa (khỏi vòng luân hồi tái-sinh) như vầy." "Này bà-la-môn, ví dụ có một con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng nó đã ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng đúng cách. Con gà đầu tiên biết dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng và nở ra an toàn thì được gọi là con già nhất hay trẻ nhất?" "Nó sẽ được gọi là con già nhất, Thầy Cồ-đàm. Do vậy nó là con già nhất trong chúng." "Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, trong một quần thể (chúng sinh) chìm nghỉm trong sự vô-minh, điều đó [trở nên] như trong một cái trứng, bị (lớp vỏ) bao bọc che tối hoàn toàn,1647 ta đã phá thủng cái vỏ trứng vô-minh đó. Ta là người duy nhất trong thế gian đã tỉnh-thức tới sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng. Vì vậy ta là người già nhất, là bậc nhất trong thế gian này rồi còn gì. "Này bà-la-môn, sự nỗ-lực (tinh tấn) của ta đã được phát khởi một

cách không hề chùn-giảm; sự chánh-niệm của ta đã được thiết lập một cách không hề mờ-rối (thất niệm); thân ta đã được tĩnh-lặng (khinh an) một cách không hề có sự quấy-động; tâm của ta đã đạt-định và nhất-điểm. 1- "Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi- xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách- ly đó. 2- "Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. 3- "Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), ta đã trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: 'Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc). 4- "Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. 5- "Sau khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, đã được thanh- lọc, được

thanh-tẩy, không còn ố-nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm (vô lậu), dễ uốn nắn, dễ sử dụng, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, ta hướng nó tới trí-biết nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh).1648 Ta đã nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn

• 23

lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (Ta nhớ rõ) 'Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục (kiếp khác) ... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.' Ta nhớ lại nhiều kiếp trước với những tổng quan và chi tiết như vậy. "Này bà-la-môn, đây là trí-biết thứ nhất ta chứng ngộ được vào canh đầu của đêm đó (đêm giác-ngộ). Vô-minh đã bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, như sẽ xảy ra đối với một người sống chuyên-chú, nhiệt-thành, và kiên-định. Này bà-la-môn, đây là lần đột-phá đầu tiên của ta, giống như con gà con đã phá thủng thoát ra khỏi vỏ trứng. 6- "Sau khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, đã được thanh- lọc, được thanh-tẩy, không còn ố-nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm (vô lậu), dễ uốn nắn, dễ sử dụng, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, ta hướng nó tới trí-biết (minh) về sự chết-đi và tái-sinh của chúng sinh. Với mắt thiên thánh, được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), ta nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta hiểu được cách những chúng sinh trả giá tùy theo những nghiệp của mình như vầy: 'Những chúng sinh này dính vào những hành-vi sai trái bằng thân, lời-nói và tâm (03 ác hành); người chửi mắng những bậc thánh nhân; những người chửi mắng những thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và làm những nghiệp dựa trên cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh khác làm những hành-vi tốt thiện bằng thân, lời-nói, và tâm (03 thiện hành); là

những người không mắng chửi những thánh nhân, nứm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và làm những nghiệp dựa trên cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá tùy theo những nghiệp của mình, như vậy. "Này bà-la-môn, đây là trí-biết thứ hai ta chứng ngộ được

vào canh đầu của đêm đó (đêm giác-ngộ). Vô-minh đã bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, như sẽ xảy ra đối với một người sống chuyên-chú, nhiệt-thành, và kiên-định. Này bà-la-môn, đây là lần đột-phá đầu tiên của ta, giống như con gà con đã phá thủng thoát ra khỏi vỏ trứng. 7- “Sau khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, đã được thanh- lọc, được thanh-tẩy, không còn ố-nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm (vô lậu), dễ uốn nắn, dễ sử dụng, vững vàng, và đã đạt tới sự bất-động, ta hướng nó tới trí-biết (minh) về sự tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận minh). Ta hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; ta hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; ta hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; ta hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ’. Ta hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô- nhiễm’; ta hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc những ô- nhiễm’; ta hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt những ô- nhiễm’; ta hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm-dứt những ô-nhiễm’. “Khi ta đã biết và thấy như vậy, tâm của ta đã được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm do/của tham-dục (dục lậu), khỏi những ô-nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi những ô-nhiễm do/của vô-minh (vô minh lậu).1649 Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘[Nó] được giải-thoát.’ Ta đã trực tiếp biết: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những

• 25

gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ “Này bà-la-môn, đây là trí-biết thứ ba ta chứng ngộ được vào canh đầu của đêm đó (đêm giác-ngộ). Vô-minh đã bị xua tan, trí-biết đích thực (minh) đã khởi sinh; bóng tối đã bị xua tan, ánh sáng đã khởi sinh, như sẽ xảy ra đối với một người sống chuyên-chú, nhiệt-thành, và kiên-định. Này bà-la-môn, đây là lần đột-phá đầu tiên của ta, giống như con gà con đã phá thủng thoát ra khỏi vỏ trứng.” Sau khi lời này được nói ra, bà-la-môn Verañjā đã thưa với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm là già lão nhất! Thầy Cồ-đàm là bậc nhất! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật xuất sắc, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như thầy đã dựng đứng những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến cuối đời.”

12 (2) Tướng Quân Sīha Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong ngôi đền mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Bấy giờ, lúc đó có một số người Lic- chavi nổi tiếng đã tề tựu trong hội trường và đang ngồi cùng nhau nói về nhiều cách đề cao Phật, Pháp, Tăng. Vào lúc đó có tướng quân Sīha, vốn là một đệ tử của những người Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha, theo đạo Jain), cũng đang ngồi trong hội trường đó. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với ông: “Không nghi ngờ gì nữa, bậc ấy đúng là một đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Bởi vì một số người Licchavi nổi tiếng này đã tề tựu trong hội trường và đang ngồi cùng nhau nói về nhiều cách đề đề cao Phật, Pháp, Tăng. Vậy ta

hãy nên đến gặp bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn

Giác đó." Rồi tướng quân Sīha đến chỗ Ni-kiền-tử Nātaputta và nói với ông ta: "Thưa ngài, tôi muốn đến gặp mặt sa-môn Cồ-đàm." "Này Sīha, ông là người theo sự hành-động, vậy tại sao đi gặp sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì? Bởi vì sa-môn Cồ- đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì, ông ta chỉ dạy Giáo Pháp của mình vì sự không-làm-gì và hướng dẫn những đệ tử của ông như vậy."1650 Vậy là ý định đi đến gặp đức Thế Tôn của tướng quân Sīha đã chùn xuống. Lần thứ hai, một số người Licchavi nổi tiếng lại tề tựu trong hội trường và đang ngồi cùng nhau nói về nhiều cách đề đề cao Phật, Pháp, Tăng … [tiếp tục tình huống y hệt lần thứ nhất ở trên] … Vậy là lần thứ hai, ý định đi đến gặp đức Thế Tôn của tướng quân Sīha lại chùn xuống. Lần thứ ba, một số người Licchavi nổi tiếng lại tề tựu trong hội trường và đang ngồi cùng nhau nói về nhiều cách đề cao Phật, Pháp, Tăng. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với ông: "Không nghi ngờ gì nữa, bậc ấy đúng là một đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Bởi vì một số người Licchavi nổi tiếng này đã tề tựu trong hội trường và đang ngồi cùng nhau nói về nhiều cách đề đề cao Phật, Pháp, Tăng. Vậy ta hãy nên đến gặp bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đó. Những người Ni-kiền-tử có thể làm gì ta nếu ta xin phép hay không xin phép họ? Không cần phải được phép của những người Ni-kiền-tử, ta cứ đến gặp bậc Thế Tôn, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác đó."1651 Rồi, với năm trăm xe ngựa, tướng quân Sīha đã lên đường từ Vesālī vào lúc giữa trưa để đến gặp đức Thế Tôn. Ông ta đi bằng xe hết phần đường xe có thể đi được, sau đó xuống xe và đi bộ vào khu vực tịnh xá. Ông đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa ngài, tôi nghe được điều này: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì, là người chỉ dạy Giáo Pháp của mình vì sự

khong-làm-gì và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.' Có phải những người nói như vậy là nói đúng lời bậc Thế Tôn đã nói và họ không diễn dịch sai bằng những điều trái với sự thật (mà bậc ấy đã nói)? Có phải như vậy là họ giải thích đúng theo Giáo Pháp và không tạo ra cơ sở có lý nào để bị người ta phê bình?1652 Vì chúng tôi không muốn diễn dịch sai lời bậc Thế Tôn." (1) "Này Sīha, có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì, là người chỉ dạy Giáo Pháp vì sự không-làm-gì và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'1653 (2) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa- môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự (những) hành-động … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.' (3) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.' (4) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người chê-chán … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.' (5) "Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa- môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.' (6)

“Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa- môn Cồ-đàm là một người hành-hạ (hành xác, thiêu đốt) … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.’ (7) “Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa- môn Cồ-đàm là một người rút-khỏi … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.’ (8) “Có một cách người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-

môn Cồ-đàm là một người an-ủi1654 … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.’ (1) “Và, này Sīha, theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự không-làm-gì … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy’? Vì ta khẳng định sự không-làm những hành-vi xấu ác của thân, lời-nói, và tâm (03 ác hành); ta khẳng định sự không-làm nhiều loại hành-động xấu ác bất thiện (nghiệp xấu ác, nghiệp bất thiện). Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương không- làm-gì … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.’ (2) “Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự (những) hành-động … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy’? Vì ta khẳng định sự nên-làm những hành-vi thiện lành của thân, lời-nói, và tâm (03 thiện hành); ta khẳng định sự nên-làm nhiều loại hành-vi thiện lành (nghiệp tốt, nghiệp thiện). Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự (những) hành-động … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.’ (3) “Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy’? Vì ta khẳng định sự hủy-diệt tham, sân, si; ta khẳng định sự hủy-diệt nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự hủy-diệt … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.’ (4) “Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chê-chán … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy’? Vì ta thấy chê-chán đối với những hành-vi xấu ác của thân, lời-nói, tâm; ta thấy chê-chán với sự tích-tạo nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chê-chán … và hướng dẫn

những đệ tử của mình như vậy.’ (5) “Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy’? Vì ta chỉ dạy Giáo Pháp để dẫn tới sự bãi-bỏ tham, sân, si; ta chỉ dạy Giáo Pháp để bãi-bỏ nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người chủ trương sự bãi-bỏ … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.’ (6) “Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: ‘Sa-môn Cồ-đàm là một người hành-hạ (thiêu đốt) … và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy’? Vì ta khẳng định những phẩm-chất bất thiện xấu ác như—những hành-vi xấu ác của thân, lời-nói, và

tâm—là cần phải bị thiêu đốt. Ta gọi một người là người thiêu đốt là sau khi người đó đã trừ bỏ những phẩm-chất bất thiện xấu ác vốn cần phải bị thiêu đốt; sau khi người đó đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Như Lai đã trừ bỏ những phẩm-chất bất thiện xấu ác vốn cần phải bị thiêu đốt; bậc ấy đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người hành-hạ ... và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.' (7) "Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người rút-khỏi ... và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy'? Vì ta gọi một người là người đang rút-khỏi là sau khi người đó đã trừ-bỏ 'sự tạo-ra sự tái hiện-hữu', đã dẹp-bỏ 'sự chui-vào bào thai trong tương lai'; sau khi người đó đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Như Lai đã trừ-bỏ 'sự tạo-ra sự tái hiện-hữu', đã dẹp-bỏ 'sự chui-vào bào thai trong tương lai'; bậc ấy đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh

trong tương lai. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người rút-khỏi ... và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.' (8) "Và theo cách nào người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người an-ủi ... và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy'? Vì ta là một người an ủi bằng sự an-ủi tối thượng; ta chỉ dạy Giáo Pháp vì (để đạt tới) có sự an-ủi (tối thượng đó) và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy. Chính theo cách này người ta có thể nói một cách đúng đắn về ta là: 'Sa-môn Cồ-đàm là một người an-ủi ... và hướng dẫn những đệ tử của mình như vậy.'"1655 Sau khi lời này được nói ra, tướng quân Sīha đã thưa với đức Thế Tôn: Thật xuất sắc, thưa Thế Tôn! Thật xuất sắc, thưa Thế Tôn! ... Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến cuối đời." (i) "Này Sīha, trước tiên hãy điều tra tìm hiểu! Sẽ tốt cho một người nổi tiếng như ông nên có sự điều tra tìm hiểu." 1656 "Thưa Thế Tôn, con thậm chí còn thỏa mãn và hài lòng hơn khi Thế Tôn nói với con: 'Này Sīha, trước tiên hãy điều tra tìm hiểu! Sẽ tốt cho một người nổi tiếng như ông nên có sự điều tra tìm hiểu.' Bởi vì những người giáo phái khác, khi có được con là một đệ tử của họ, họ sẽ mang cờ xí đi khắp thành Vesālī để công bố rằng: 'Tướng quân Sīha đã trở thành một môn đồ của chúng tôi.' Nhưng Thế Tôn thì lại nói với con: 'Này Sīha, trước tiên hãy điều tra tìm hiểu! Sẽ tốt cho một người nổi tiếng như ông nên có sự điều tra tìm hiểu.' Vì vậy, thưa Thế Tôn, lần thứ hai con xin quy y theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thế Tôn hãy chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (ii) "Này Sīha, gia đình của ông từ lâu đã là nguồn trợ giúp cho những người Ni-kiền-tử; vì vậy ông nên xem xét tiếp tục cúng dường thức

ăn cho họ mỗi khi họ đến chỗ ông." "Thưa Thế Tôn, con thậm chí còn thỏa mãn và hài lòng hơn khi Thế Tôn nói với con: 'Này Sīha, gia đình của ông từ lâu đã là nguồn trợ giúp cho những người Ni-kiền-tử; vì vậy ông nên xem xét tiếp tục cúng dường thức ăn cho họ mỗi khi họ đến chỗ ông.' Thưa Thế Tôn, con từng nghe họ đồn rằng sa-môn Cồ-đàm đã nói như vầy: 'Quà cúng chỉ nên được cúng cho ta; quà cúng không nên được cúng cho những người khác. Quà cúng chỉ nên được cúng cho đệ tử của ta; quà cúng không nên được cúng cho đệ tử của những người khác.'1657 Nhưng ở đây Thế Tôn cũng lại khuyến khích con hãy (tiếp tục) cúng dường cho những Ni-kiền-tử. Chúng con sẽ biết lúc đúng đắn để làm việc đó. Vì vậy, thưa Thế Tôn, lần thứ ba con xin quy y theo đức Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thế Tôn hãy chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời." (iii) /Rồi sau đó đức Thế Tôn đã ban cho tướng quân Sīha một bài giảng pháp để tu tiến, đó là bài nói chuyện về sự bố-thí, giới-hạnh, và cõi- trời; đức Thế Tôn đã chỉ ra sự nguy-hại, sự suy-đồi, và sự ô-nhiễm của những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và ích-lợi của sự từ-bỏ. Sau khi đức Thế Tôn đã biết rằng tâm của gia chủ Upāli đã sẵn sàng, dễ tiếp thu (dễ uốn nắn, nhu nhuyến), không còn những chướng-ngại, phấn chấn, và tự tin, đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho ông về giáo pháp đặc trưng riêng những vị Phật, đó là: "sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con- đường (dẫn tới sự chấm-dứt khổ; tức bốn diệu đế)". "Giống như một tấm vải sạch đã được tẩy sạch mọi vết bẩn thì sẽ tiếp nhận thuốc nhuộm đẹp đều; cũng giống như vậy, khi tướng quân Sīha ngồi đó, con mắt Giáo Pháp (pháp nhãn) không ố nhiễm không dính bụi đã khởi sinh trong ông ấy như vầy: "Mọi thứ khởi-sinh đều chấm-dứt (có sinh thì có diệt)." "Tướng quân Sīha đã trở thành một người đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã chứng ngộ Giáo Pháp, đã hiểu được Giáo Pháp, đã thấu đạt Giáo Pháp, đã vượt qua nghi-ngờ, đã loại bỏ hoang-mang, đã đạt tới sự tự-tin, và đã trở

thành không còn phụ thuộc vào những người khác về giáo lý của Vị Thầy./ Rồi vị tướng đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn cùng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo chấp nhận bữa cơm trưa ngày mai do con cúng dường." Đức Thế Tôn đã đồng ý trong im lặng. Sau khi hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, tướng quân Sīha đứng đậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và ra về. Sau đó tướng quân Sīha đã nói với người của ông: "Này thiện hữu, hãy tìm mua thịt tươi được bày bán." Rồi, khi đêm đã qua, tướng quân Sīha đã có đủ nhiều loại thức ăn ngon dọn sẵn ở tư gia của ông ta, sau đó gần đến giờ ông đến báo với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, đến giờ ăn, thức ăn đã sẵn sàng." Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến nơi ở của tướng quân Sīha cùng với Tăng đoàn các Tỳ kheo, và đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị cho mình. Bấy giờ, vào lúc đó có một số người Ni-kiền-tử [đã đi] khắp các đường phố, từ khu này tới khu nọ trong thành Vesālī, họ vỗ tay và tung hô: "Bữa này tướng quân Sīha đã giết một con thú béo mập để làm bữa cơm cho sa- môn Cồ-đàm! Sa-môn Cồ-đàm biết rõ thịt đó là [từ con thú bị giết] để biệt đãi cho ông ta, hành-động [sát-sinh] đó đã được làm vì ông ta." Rồi một người đã đến gặp tướng quân Sīha và mách nhỏ vào

tai ông ta (về sự việc những Ni-kiền-tử đã đi khắp phố phường tung hô những lời như trên). “Đủ rồi, này thiện hữu. Đã từ lâu những vị đó cứ muốn làm mất uy tín Đức Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Họ chẳng bao giờ chịu ngừng1658 xuyên tạc đức Thế Tôn bằng những điều không thật, vô căn cứ, sai giả, và trái với sự thật, và chúng tôi chẳng bao giờ cố ý lấy mạng một chúng sinh nào cả, ngay cả để cứu sống mạng của chúng tôi.”1659 Rồi, tướng quân Sīha đã tự tay mình phục vụ và làm vui lòng bằng nhiều món ăn rất ngon cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo dẫn đầu bởi Đức Phật.

• 33

Rồi, sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và dẹp bình bát qua một bên, tướng quân Sīha ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ tướng quân Sīha bằng một bài Giáo Pháp. Sau đó đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.

13 (3) Thuần Chủng “Này các Tỳ kheo, có được tám yếu tố, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của vua xứng đáng là của nhà vua, là thứ (đồ, công cụ) của nhà vua, và được cho là một yếu tố của vương triều. Tám đó là gì? “Ở đây, (1) một con ngựa thuần chủng xuất sắc của vua được thuần sinh từ cả hai phía, cha và mẹ; nó được sinh ra ở vùng những con ngựa thuần chủng khác được sinh ra. (2) Nó ăn một cách tôn trọng mọi thức ăn người ta cho nó ăn, dù ướt hay khô, không hề bỏ rớt. (3) Nó ghê tởm khi ngồi hay nằm gần phân hay nước tiểu. (4) Nó hiền lành 1660 và sống hòa đồng, và không chọc quậy những con ngựa khác. (5) Nó cho thấy những trò xạo của mình, những mánh lới, những trò liều, và những mưu toan của mình, đúng thực như chúng là, để cho người huấn luyện của nó có thể nỗ lực loại bỏ những thói hư tật xấu đó ra khỏi nó. (6) Nó thồ chở những thứ đồ đạc, với quyết tâm: ‘Dù những con ngựa khác có thồ chở hay không, ta cũng tự mình thồ chở những thứ đó.’ (7) Khi đi nó chỉ đi dọc trên đường thẳng (không đi vòng vẹo, lên bờ xuống ruộng). (8) Nó khỏe mạnh, và nó thể hiện sức mạnh của mình cho đến tận cuối đời. Có được tám yếu tố này, một con ngựa thuần chủng xuất sắc của vua xứng đáng là của nhà vua, là thứ của nhà vua, và được cho là một yếu tốt của vương triều. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Tám đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ kheo), có được đức-hạnh và nơi

nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập trong những điều luật đó. (2) Người đó ăn một cách tôn trọng mọi thứ thức ăn người ta cúng dường, dù dở hay ngon, không hề khó chịu. (3) Người đó ghê tởm những hành-vi xấu ác của thân, lời-nói, tâm (03 ác hành); người đó chán-chê sự tích-tạo nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. (4) Người đó hiền lành và sống hòa đồng, và không quấy rầy những Tỳ kheo khác. (5) Người đó cho thấy những trò xạo của mình, những mánh lới, những trò liều, và những mưu toan của

mình để Vị Thầy hay Tỳ kheo đồng đạo trí hiền loại bỏ những thói hư tật xấu đó ra khỏi người đó. (6) Người đó đảm nhận sự tu- tập, với quyết tâm: 'Cho dù những Tỳ kheo khác có tu tập hay không, ta cũng tự mình tu tập.' (7) Khi đi người đó chỉ đi dọc theo con đường thẳng. Con đường thẳng là (bát) chánh đạo, gồm có: chánh-kiến … chánh-định. (8) Người đó đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) như vầy: 'Quyết tâm, cho dù chỉ còn da, gân và xương, và cho dù thịt và máu khô cạn trên thân này, ta sẽ không lơi lỏng sự nỗ-lực chừng nào ta chưa chứng đắc điều có thể được chứng đắc bởi sức người, bởi sự nỗ-lực của con người, và bởi sự quyết-chí của con người.'1661 Có được tám phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà … là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

14 (4) Ngựa Non Chưa Thuần Phục "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy tám loại ngựa non chưa thuần phục và tám khuyết-điểm của một con ngựa, và ta sẽ dạy cho các thấy tám loại người giống như những con ngựa non chưa thuần phục và tám lỗi-lầm của một người. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói. "Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tám loại ngựa non chưa thuần phục và tám khuyết-điểm của một con ngựa? [1] "Ở đây, khi một con ngựa non chưa thuần phục được hô lệnh: 'Đi

tới!' và bị thúc bằng gót nhọn và la hét bởi người huấn luyện, nó lại đi lùi và hất đầu xoay chỏng chiếc xe ngựa.1662 Có loại ngựa non như vậy ở đây. Đây là khuyết điểm thứ nhất của một con ngựa. [2] "Lại nữa, khi một con ngựa non chưa thuần phục được hô lệnh: 'Đi tới!' và bị thúc bằng gót nhọn và la hét bởi người huấn luyện, nó lại nhảy lùi hai chân sau đá ngược ra sau, đạp hư thanh xe và làm gảy thanh ba ở trước xe.1663 Có loại ngựa non như vậy ở đây. Đây là khuyết điểm thứ hai của một con ngựa. [3] "Lại nữa, khi một con ngựa non chưa thuần phục được hô lệnh: 'Đi tới!' và bị thúc bằng gót nhọn và la hét bởi người huấn luyện, nó lại rút bắp vế qua gọng xe và đè nát gọng xe.1664 Có loại ngựa non như vậy ở đây. Đây là khuyết điểm thứ ba của một con ngựa. [4] "Lại nữa, khi một con ngựa non chưa thuần phục được hô lệnh: 'Đi tới!' và bị thúc bằng gót nhọn và la hét bởi người huấn luyện, nó lại chạy sai đường và dẫn xe ngựa rớt ra khỏi đường. Có loại ngựa non như vậy ở đây. Đây là khuyết điểm thứ tư của một con ngựa. [5] "Lại nữa, khi một con ngựa non chưa thuần phục được hô lệnh: 'Đi tới!' và bị thúc bằng gót nhọn và la hét bởi người huấn luyện, nó lại nhảy chồm thân trước lên và hai chân đạp trên không. Có loại ngựa non như vậy ở đây. Đây là khuyết điểm thứ năm của một con ngựa. [6] "Lại nữa, khi một con ngựa non chưa thuần phục được hô lệnh: 'Đi tới!' và bị thúc bằng gót nhọn và la hét bởi người huấn luyện, nó không thèm chú ý đến người huấn luyện hay gót nhọn thúc vào nó,1665 mà chỉ lo nhai phá hàm thiết (khớp bịt miệng) và chạy tứ tung theo ý nó. Có loại ngựa non như vậy ở đây. Đây là khuyết điểm thứ sáu của một con ngựa. [7] "Lại nữa, khi một con ngựa non chưa thuần phục được hô lệnh: 'Đi tới!' và bị thúc bằng gót nhọn và la hét bởi người huấn luyện, nó không đi cũng không lùi, mà đứng yên như cây cột. Có loại ngựa non như vậy ở đây. Đây là khuyết điểm thứ bảy của một con ngựa.

[8] “Lại nữa, khi một con ngựa non chưa thuần phục được hô lệnh: ‘Đi tới!’ và bị thúc bằng gót nhọn và la hét bởi người huấn luyện, nó lại hạ hai chân trước hai chân sau, và ngồi xuống trên bốn chân. Có loại ngựa non như vậy ở đây. Đây là khuyết điểm thứ tám của một con ngựa. “Đây là tám loại ngựa non chưa thuần phục và tám khuyết điểm của một con ngựa. “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tám loại người giống như những con ngựa non chưa thuần phục và tám lỗi-lầm của một người? (1) “Ở đây, khi các Tỳ kheo đang khiển trách một Tỳ kheo vì một tội, người đó lại giả bộ nói rằng: ‘Tôi đâu nhớ mình đã phạm vào tội gì.’ Ta nói loại người này giống như ngựa non chưa thuần phục loại [1] (người dịch không lặp lại sự mô tả của đoạn [1] … [8]). Có loại người như vậy giống như ngựa non. Đây là lỗi lầm thứ nhất của một người. (2) “Lại nữa, khi các Tỳ kheo đang khiển trách một Tỳ kheo vì một tội, người đó lại trêu chọc những người khiển trách mình: ‘Lấy quyền gì mà mấy người bất tài ngu xuẩn như các vị nói như vậy? Các vị thực sự nghĩ mình có điều để nói hay sao?’ Ta nói loại người này giống như ngựa non chưa thuần phục loại [2]. Có loại người như vậy giống như ngựa non. Đây là lỗi lầm thứ hai của một người. (3) “Lại nữa, khi các Tỳ kheo đang khiển trách một Tỳ kheo vì một tội, người đó lại đỗ tội lại cho những người khiển trách mình: ‘Các vị cũng đã từng phạm vào tội như vậy. Tự mình tu sửa trước đi.’ Ta nói loại người này giống như ngựa non chưa thuần phục loại [3]. Có loại người như vậy giống như ngựa non. Đây là lỗi lầm thứ ba của một người. (4) “Lại nữa, khi các Tỳ kheo đang khiển trách một Tỳ kheo vì một tội, người đó lại trả lời một cách né tránh, chuyển hướng câu chuyện sang chủ đề không liên quan, và thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng. Ta nói loại người này giống như ngựa non chưa thuần phục loại [4]. Có loại người như vậy giống như ngựa non. Đây là lỗi lầm thứ tư của một người. (5) “Lại nữa, khi các Tỳ kheo đang khiển trách một Tỳ kheo vì một

tội, người đó nói lại với hai tay vung vảy chỉ chỏ ngay giữa Tăng Đoàn. Ta nói loại người này giống như ngựa non chưa thuần phục loại [5]. Có loại người như vậy giống như ngựa non. Đây là lỗi lầm thứ năm của một người. (6) “Lại nữa, khi các Tỳ kheo đang khiển trách một Tỳ kheo vì một tội, người đó không chú ý tới Tăng Đoàn hay những người khiển trách mình, mà cứ nói tứ tung theo ý mình trong khi mình đang mắc tội. Ta nói loại người này giống như ngựa non chưa thuần phục loại [6]. Có loại người như vậy giống như ngựa non. Đây là lỗi lầm thứ sáu của một người. (7) “Lại nữa, khi các Tỳ kheo đang khiển trách một Tỳ kheo vì một tội, người đó không nói ‘Tôi đã phạm tội’ cũng không nói ‘Tôi không phạm tội’, mà cứ ngồi im lặng như để chọc tức Tăng Đoàn. Ta nói loại người này giống như ngựa non chưa thuần phục loại [7]. Có loại người như vậy giống như ngựa non. Đây là lỗi lầm thứ bảy của một người. (8) “Lại nữa, khi các Tỳ kheo đang khiển trách một Tỳ kheo vì một tội, người đó lại nói: ‘Sao các vị cứ làm ầm ĩ về tôi như vậy. Thôi để tôi bỏ tu hoàn tục cho rồi.’ Rồi người đó bỏ tu và quay lại đời sống thấp tục, và tuyên bố: ‘Giờ quý vị đã thỏa mãn chưa!’ Ta nói loại người này giống như ngựa non chưa thuần phục loại [8]. Có loại người như vậy giống như ngựa

non. Đây là lỗi lầm thứ tám của một người. “Này các Tỳ kheo, đây là tám loại người giống như những con ngựa non chưa thuần phục và tám lỗi-lầm của một người.”

15 (5) Những Vết Ố “Này các Tỳ kheo, có tám vết ố. Tám đó là gì? Đó là, (1) Không xướng tụng là vết ố của những bài kinh tụng (bài chú). (2) Không coi sóc là vết ố của nhà cửa.1666 (3) Tánh lười biếng là vết ố của sắc đẹp. (4) Sự lơ-tâm là vết ố của người canh gác. (5) Hành-vi xấu ác là vết ố của phụ nữ. (6) Sự keo-kiệt là vết ố của người bố thí. (7) Những phẩm chất bất thiện xấu ác là những vết ố trong đời này và kiếp sau. (8) Tệ hại hơn là sự

vô-minh, chính là sự tệ hại nhất trong số những vết ố. Này các Tỳ kheo, đây là tám vết ố.”

Không ca tụng đọc là vết ố của kinh tụng;
Không coi sóc là vết ố của nhà cửa;
Sự lười biếng là vết ố của sắc đẹp,
Sự lơ tâm là vết ố của người canh gác.
Hành vi xấu ác là vết ố của phụ nữ,
Keo kiệt bủn xỉn là vết ố của người bố thí;
Những phẩm chất bất thiện xấu ác là những vết ố
Trong đời này và kiếp sau.
Một vết ố tệ hại hơn những vết ố này
Là sự vô-minh, sự tệ hại nhất trong những vết ố.1667

16 (6) Đi Sứ “Này các Tỳ kheo, có tám phẩm chất, một Tỳ kheo là xứng đáng để đi làm sứ giả (truyền đạo). Tám đó là gì? “Ở đây, (1)–(2) một Tỳ kheo là người biết lắng nghe và làm người khác lắng nghe; (3)–(4) người đó là người khéo học hỏi và làm người khác học hỏi; (5)–(6) người đó là người hiểu biết và khéo giao tiếp; (7) người đó giỏi về [sự biết] điều gì là có liên quan và điều gì là không liên quan; và (8) người đó không xúi giục khích lệ những cuộc tranh cãi. Có được tám phẩm chất này, một Tỳ kheo là xứng đáng để đi làm sứ giả. “Này các Tỳ kheo, có tám phẩm chất, thầy Xá-lợi-phất là xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám đó là gì? “Ở đây, (1)–(2) thầy Xá-lợi-phất là người biết lắng nghe và làm người khác lắng nghe … (8) thầy ấy không xúi giục khích lệ những cuộc tranh cãi. Có được tám phẩm chất này, thầy Xá-lợi-phất là xứng đáng để đi làm sứ giả.”
Người không run sợ mỗi khi đến một hội chúng,

Có những người tranh biện gay gắt;
Người không bỏ mất chữ nào
Cũng không che giấu thông điệp;
Người nói không lấp lững do dự,
Và không phất phơ khi bị người khác chất vấn;
Một Tỳ kheo như vậy là xứng đáng

Để đi làm sứ giả.

17 (7) Sự Trói Buộc (1) “Này các Tỳ kheo, một phụ nữ trói buộc một đàn ông bằng tám cách. Tám đó là gì? Một phụ nữ trói buộc đàn ông bằng sắc thân … bằng nụ cười … bằng lời nói … bằng sự ca hát … bằng sự khóc … bằng dáng vẻ … bằng quà tặng1668 … bằng sự chạm xúc.1669 Một phụ nữ trói buộc đàn ông bằng tám cách. Những chúng sinh nào bị trói buộc hoàn toàn chính là người bị trói buộc bởi sự chạm-xúc.”1670

18 (8) Sự Trói Buộc (2) “Này các Tỳ kheo, một nam nhân trói buộc một phụ nữ bằng tám cách. Tám đó là gì? Một nam nhân trói buộc một phụ nữ bằng sắc thân (thân thể) … bằng nụ cười … bằng lời nói … bằng sự ca hát … bằng sự khóc … bằng dáng vẻ … bằng quà tặng … bằng sự chạm xúc. Một nam nhân trói buộc một phụ nữ bằng tám cách. Những chúng sinh nào bị trói buộc hoàn toàn chính là người bị trói buộc bởi sự chạm-xúc.”

19 (9) Pahārāda Trong một lần đức Thế Tôn sống ở Verañjā đang ở dưới gốc cây sầu đâu (cây nim [neem] Ấn Độ) của (quỷ dạ-xoa) Naḷeru. Lúc đó có Pahārāda, vua của các quỷ thần a-tu-la (asura) đã đến gặp, kính lễ đức Thế Tôn và đứng qua một bên. Đức Thế Tôn mới nói với vị ấy:

(I) “Này Pahārāda, những quỷ thần a-tu-la có thích thú với đại dương không?” “Thưa Thế Tôn, những quỷ thần a-tu-la có thích thú đại dương.” “Nhưng, này Pahārāda, có bao nhiêu tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương cho nên họ thích thú như vậy?” “Những quỷ thần a-tu-la thấy có tám tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương cho nên họ thích thú. Tám đó là gì? (1) “Thưa Thế Tôn, đại dương nghiêng xuống, dốc xuống, sâu dần, chứ không hụp sâu đột ngột (như vực núi).1671 Đây là tính chất thứ nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương cho nên họ thích thú như vậy. (2) “Lại nữa, đại dương ổn định (trong bốn bề) chứ không tràn lấn qua những bờ biên của nó. Đây là tính chất thứ hai đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương … (3) “Lại nữa, đại dương không dung nạp xác chết, nó nhanh chóng xô giạt xác chết vô bờ và hất lên đất liền. Đây là tính chất thứ ba đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương … (4) “Lại nữa, khi những sông lớn—như sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—chảy ra đại dương, chúng từ bỏ hết những tên chính danh và tục danh của mình, và được gọi thành biển lớn. Đây là tính chất thứ tư đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương … (5) “Lại nữa, dù có nhiều hay ít sông ngòi chảy ra đại dương và nhiều hay ít mưa xuống từ trên trời, nước trong đại dương vẫn không thấy bị trụt xuống hay đầy thêm. Đây là tính chất thứ năm đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương … (6) “Lại nữa, đại dương chỉ có một vị, đó là vị mặn của muối. Đây là tính chất thứ sáu đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương …

(7) “Lại nữa, đại dương có chứa nhiều thứ quý, rất nhiều thứ quý giá như ngọc trai, đá quý, ngọc dương lưu ly (lapis lazuli), xà cừ, thạch anh, bạc, vàng, hồng ngọc, và ngọc

mắt mèo. Đây là tính chất thứ bảy đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương … (8) “Lại nữa, đại dương là cõi sống của nhiều loại chúng sinh lớn như: những loài cá timi, cá timiṅgala, cá timirapiṅgala, những quỷ thần a- tu-la, rồng nāga, và càn-thát-bà (gandhabba).1672 Trong đại dương có những chúng sinh to lớn có thân mình dài cả trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, và năm trăm do-tuần (yojana). Đây là tính chất thứ tám đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương cho nên họ thích thú. “Thưa Thế Tôn, đây là tám tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương cho nên họ thích thú như vậy. Còn những Tỳ kheo có thích thú với Giáo Pháp và giới luật này hay không?” (II) “Này Pahārāda, những Tỳ kheo có thích thú với Giáo Pháp và giới luật này.” “Nhưng, thưa Thế Tôn, có bao nhiêu tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này cho nên họ thích thú như vậy?” “Các Tỳ kheo thấy có tám tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này cho nên họ thích thú. Tám đó là gì? (1) “Này Pahārāda, giống như đại dương nghiêng xuống, dốc xuống, sâu dần chứ không hụp sâu đột ngột (như vực núi): trong Giáo Pháp và giới luật này sự thâm-nhập tới trí-biết cuối cùng (giác ngộ) xảy ra nhờ sự tu-học tiến dần, sự thực-hành tiến dần, và sự tu-tập tiến dần1673 chứ không phải như một cái rụp (tức thời, một phát, chóng vánh; như kiểu giác-ngộ một cái rụp hay đốn ngộ). Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ nhất họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này cho nên họ thích thú như vậy. (2) “Giống như đại dương ổn định (trong bốn bề) chứ không tràn lấn

qua những bờ biên của nó: khi ta mô tả một giới-luật tu hành cho những đệ tử của ta, thì họ không còn lấn phạm vào nó nữa cho dù phải đổi bằng mạng sống. Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ nhất họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này … (3) “Giống như đại dương không dung nạp xác chết, nó nhanh chóng xô giạt xác chết vô bờ và hất lên đất liền: Tăng Đoàn không giao lưu với một người thất-đức, thuộc tính-cách xấu ác, không trong-sạch và có hành- vi đáng ngờ, hành-động bí mật lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không phải người sống độc-thân mà tự xưng là người độc-thân, bên trong bị suy đồi, hư hỏng, thối nát; thay vì vậy, Tăng Đoàn nhanh chóng họp mặt và trục xuất người đó. Dù cho người đó đang ngồi giữa Tăng Đoàn các Tỳ kheo nhưng người đó là ở xa khỏi Tăng Đoàn và Tăng Đoàn ở xa khỏi người đó. Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ ba họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này … (4) “Giống như khi những sông lớn chảy ra đại dương, chúng từ bỏ hết những tên chính danh và tục danh của mình, và được gọi thành biển lớn: khi những người thuộc những giai cấp xã hội khác nhau—như giai cấp chiến-sĩ, bà-la-môn, nông-thương, hay bần-lao hạ tiện—từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, thì họ đã từ bỏ tên gọi và họ tộc của mình, và được gọi thành những sa-môn (tu sĩ) tu theo người con của dân tộc Thích-Ca (tức Phật). Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ ba họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này … (5) “Giống như dù có nhiều hay ít sông ngòi chảy ra đại dương và nhiều hay ít mưa xuống từ trên trời, nước trong đại dương vẫn không thấy bị trụt xuống hay đầy thêm: cho dù có nhiều Tỳ kheo chứng ngộ

Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn) bằng yếu-tố niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y niết-bàn giới), thì yếu-tố niết-bàn (niết-bàn giới) vẫn không thấy có sự giảm bớt hay đầy thêm.1674 Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ năm họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này … (6) “Giống như đại dương chỉ có một vị, đó là vị mặn của muối:

• 43

trong Giáo Pháp và giới luật này cũng có một vị, đó là vị giải-thoát. Đây là tính chất thứ sáu đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này … (7) “Giống như đại dương có chứa nhiều thứ quý, rất nhiều thứ quý giá như ngọc trai, đá quý, ngọc dương lưu ly, xà cừ, thạch anh, bạc, vàng, hồng ngọc, và ngọc mắt mèo: Giáo Pháp và giới luật này có chứa những chất liệu quý giá, đó là, bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (tứ chánh cần), bốn cơ-sở (tạo ra) thần-thông (tứ thần túc), năm căn tâm-linh (ngũ căn), năm năng-lực (ngũ lực), bảy chi (của sự) giác-ngộ (thất giác chi), con-đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo). Đây là tính chất thứ bảy đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này … (8) “Giống như đại dương là cõi sống của nhiều loại chúng sinh lớn như: những loài cá timi … càn-thát-bà. Trong đại dương có những chúng sinh to lớn có thân mình dài cả trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, và năm trăm do-tuần: trong Giáo Pháp và giới luật này là cõi trú của những chúng sinh vĩ đại như: những bậc Nhập-lưu, những bậc đang tu tập tới thánh quả Nhập-lưu; những bậc Nhất-lai, những bậc đang tu tập tới thánh quả Nhất- lai; những bậc Bất-lai, những bậc đang tu tập tới thánh quả Bất-lai; những bậc A-la-hán, những bậc đang tu tập tới thánh quả A-la-hán. Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tám họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này cho nên họ thích thú như vậy. “Này Pahārāda, đây là tám tính chất các Tỳ kheo thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này cho nên họ thích thú với nó như vậy.”

20 (10) Bố-Tát 1675 Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Lâu Đài của Migāramata [mẹ của Migāra], trong Khu Vườn Phía Đông. Bấy giờ, vào lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), đức Thế Tôn đang ngồi giữa Tăng đoàn các Tỳ kheo ngồi xung quanh. Rồi, khi đêm đã khuya, khi canh

44 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

một đã qua, Ngài Ānanda đứng dậy khỏi chỗ ngồi, xếp lại y áo trên một vai, kính lễ đức Thế Tôn, và thưa: “Thưa Thế Tôn, đêm đã khuya, canh một đã qua; Tăng đoàn các Tỳ kheo đã ngồi từ lâu. Kính mong Thế Tôn tụng giảng Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ Kheo) cho các Tỳ kheo.” Khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn im lặng. Khi đêm đã càng khuya [thêm nữa], khi canh giữa đã qua, thầy Ānanda đứng dậy khỏi chỗ ngồi lần thứ hai, xếp lại y áo trên một vai, kính lễ đức Thế Tôn và thưa: “Thưa Thế Tôn, đêm đã khuya, canh một đã qua; Tăng đoàn các Tỳ kheo đã ngồi từ lâu. Kính mong Thế Tôn tụng giảng Pātimokkha cho các Tỳ kheo.” Lần thứ hai đức Thế Tôn vẫn im lặng. Khi đêm đã càng khuya [thêm nữa], khi canh cuối đã qua, khi rạng động đã tới và một ráng hồng đã hiện ở chân trời, thầy Ānanda đứng dậy khỏi chỗ ngồi lần thứ ba, xếp lại y áo trên một vai, kính lễ đức Thế Tôn và thưa: “Thưa Thế Tôn, đêm đã khuya, canh một đã qua;

Tăng đoàn các Tỳ kheo đã ngồi từ lâu. Kính mong Thế Tôn tụng giảng Pātimokkha cho các Tỳ kheo." "Này Ānanda, hội chúng này là không trong-sạch (không thanh tịnh)." Rồi Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) có ý nghĩ: "Đức Thế Tôn nói 'Hội chúng ở đây là không trong-sạch' là đang hàm chỉ người nào?" Rồi thầy Mục-kiền-liên cố định sự chú-tâm của mình vào toàn thể Tăng đoàn các Tỳ kheo, bằng tâm mình bao trùm tâm của họ. Rồi thầy đã nhìn ra người đó đang ngồi giữa Tăng đoàn: đó là một người thất-đức, thuộc tính-cách xấu ác, không trong-sạch và có hành-vi đáng ngờ, hành- động bí mật lén lút, không phải bậc sa-môn (tu sĩ) mà tự xưng là sa-môn, không phải người sống độc-thân mà tự xưng là người độc-thân, bên trong bị suy đồi, hư hỏng, thối nát. Sau khi nhìn thấy người đó, thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đi tới chỗ người đó, và nói với người đó: "Này đạo hữu, hãy đứng lên. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy. Thầy không thể ở chung với các Tỳ kheo ở đây." Sau khi lời này được nói ra, người đó vẫn im lặng.

• 45

Lần thứ hai ... Lần thứ ba thầy Mục-kiền-liên nói với người đó: "Này đạo hữu, hãy đứng lên. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy. Thầy không thể ở chung với các Tỳ kheo ở đây." Lần thứ ba người đó vẫn im lặng. Rồi thầy Mục-kiền-liên đã dùng tay nắm người đó, kéo người đó ra khỏi cổng ngoài, và đóng chốt cổng lại. Rồi thầy quay lại chỗ đức Thế Tôn và thưa: "Thưa Thế Tôn, con đã trục xuất thầy đó rồi. Giờ hội chúng là trong-sạch. Mong Thế Tôn tụng giảng Pātimokkha cho các Tỳ kheo." "Thật ngạc nhiên và lạ kỳ, này Mục-kiền-liên, làm sao con người rỗng tuếch đó cứ ngồi lì đó đợi1676 cho đến khi mình bị nắm kéo đi bằng tay như vậy." Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy nên tự mình tiến hành lễ bố-tát (uposatha) và đọc tụng Pātimokkha. Kể từ ngày hôm nay, ta sẽ không làm việc đó nữa. Không thể có chuyện và không thể hình dung rằng Như Lai có thể cử hành lễ bố-tát và tụng giảng Pātimokkha trong một hội tăng chúng không trong-sạch." (I) "Này các Tỳ kheo, những quỷ thần a-tu-la (asura) nhìn thấy tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời này trong đại dương cho nên họ thích thú với nó. Tám đó là gì? (1) "Này các Tỳ kheo, đại dương nghiêng xuống, dốc xuống, sâu dần, chứ không hụp sâu đột ngột như vực. Đây là tính chất thứ nhất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương cho nên họ thích thú như vậy ... [Tiếp tục nội dung mà Pahārāda đã nói ở phần (I) kinh 8:19 kế trên, chỉ khác là kinh này Phật nói cho các Tỳ kheo, cho đến:] ...

(8) "Lại nữa, đại dương là cõi sống của nhiều loại chúng sinh lớn ... dài ... và năm trăm do-tuần (yojana). Đây là tính chất thứ tám đáng ngạc nhiên và tuyệt vời họ thấy có trong đại dương cho nên họ thích thú. "Này các Tỳ kheo, đây là tám tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời những quỷ thần a-tu-la nhìn thấy trong đại dương cho nên họ thích thú với nó.

(II) Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nhìn thấy tám tính chất trong Giáo Pháp và giới luật này cho nên họ thích thú với nó. Tám đó là gì? (1) "Này các Tỳ kheo, giống như đại dương nghiêng xuống, dốc xuống, sâu dần chứ không hụp sâu đột

ngột (như vực núi): trong Giáo Pháp và giới luật này sự thâm-nhập tới trí-biết cuối cùng (giác ngộ) xảy ra nhờ sự tu-học tiến dần, sự thực-hành tiến dần, và sự tu-tập tiến dần chứ không phải như một cái rụp (tức thời, một phát, chóng vánh; như kiểu giác-ngộ một cái rụp hay đốn ngộ). Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ nhất họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này cho nên họ thích thú như vậy … [Tiếp tục nội dung mà Phật đã nói cho Pahārāda ở phần (II) kinh 8:19 kế trên, chỉ khác là kinh này Phật nói cho các Tỳ kheo, cho đến:] …

(8) “Giống như đại dương là cõi sống của nhiều loại chúng sinh lớn như: những loài cá timi … càn-thát-bà. Trong đại dương có những chúng sinh to lớn có thân mình dài cả trăm … và năm trăm do-tuần: trong Giáo Pháp và giới luật này là cõi trú của những chúng sinh vĩ đại như: những bậc Nhập-lưu, những bậc đang tu tập tới thánh quả Nhập-lưu; những bậc Nhất-lai, những bậc đang tu tập tới thánh quả Nhất-lai; những bậc Bất-lai, những bậc đang tu tập tới thánh quả Bất-lai; những bậc A-la-hán, những bậc đang tu tập tới thánh quả A-la-hán. Đây là tính chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tám họ thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này cho nên họ thích thú như vậy. “Này các Tỳ kheo, đây là tám tính chất các Tỳ kheo thấy có trong Giáo Pháp và giới luật này cho nên họ thích thú với nó như vậy.”

• 47

NHÓM 3. NHỮNG GIA CHỦ

21 (1) Ugga (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong ngôi đền mái nhọn trong khu Rừng Lớn. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, các thầy nên ghi nhớ gia chủ Ugga ở thành Vesālī là một người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời.”1677 Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình. Rồi, vào buổi sáng, có một Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới tư gia của gia chủ Ugga ở thành Vesālī. Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn cho mình. Rồi gia chủ Ugga ở thành Vesālī đã ra gặp Tỳ kheo đó, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Tỳ kheo đó mới nói với ông: “Này gia chủ, đức Thế Tôn đã tuyên bố chú có tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Tám đó là gì?” “Thưa thầy, con không biết về tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đức Thế Tôn đã tuyên bố con có được. Tuy nhiên, trong con thấy có tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Xin thầy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Con sẽ nói.” “Được, này gia chủ”, Tỳ kheo đó đáp lại. Gia chủ Ugga của xứ Vesālī đã nói điều này: (1) “Thưa thầy, khi lần đầu con nhìn thấy đức Thế Tôn từ xa, ngay khi con nhìn thấy đức Thế Tôn tâm con đã có được niềm-tin vào bậc ấy. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ nhất thấy có trong con. (2) “Với một cái tâm tự-tin, con đến gặp đức Thế Tôn. /Đức Thế Tôn

đã ban cho con một bài giảng pháp để tu tiến, đó là bài nói chuyện về sự bố-thí, giới-hạnh, và cõi-trời; đức Thế Tôn đã chỉ ra sự nguy-hại, sự suy- đồi, và sự ô-nhiễm của

những khoái-lạc giác quan (dục lạc) và ích-lợi của sự từ-bỏ. Sau khi đức Thế Tôn đã biết rằng tâm của con đã sẵn sàng, dễ tiếp thu (dễ uốn nắn, nhu nhuyến), không còn những chướng-ngại, phấn chấn, và tự tin, đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho con về giáo pháp đặc trưng riêng những vị Phật, đó là: "sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường (dẫn tới sự chấm-dứt khổ; tức bốn diệu đế)". "Giống như một tấm vải sạch đã được tẩy sạch mọi vết bẩn thì sẽ tiếp nhận thuốc nhuộm đẹp đều; cũng giống như vậy, khi con ngồi đó, con mắt Giáo Pháp (pháp nhãn) không ố nhiễm không dính bụi đã khởi sinh trong con như vầy: "Mọi thứ khởi-sinh đều chấm-dứt (có sinh thì có diệt)." "Con đã trở thành một người đã nhìn thấy Giáo Pháp, đã chứng ngộ Giáo Pháp, đã hiểu được Giáo Pháp, đã thấu đạt Giáo Pháp, đã vượt qua nghi-ngờ, đã loại bỏ hoang-mang, đã đạt tới sự tự-tin, và đã trở thành không còn phụ thuộc vào những người khác về giáo lý của Vị Thầy./ Ngay lúc đó con đã quy y theo Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, và nhận lãnh những giới-luật tu hành, và thứ năm là sống độc-thân.1678 Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ hai thấy có trong con. (3) "Con có bốn người vợ trẻ. Con đã đến nói với họ: 'Này các em, tôi đã nhận lãnh những giới-luật tu hành, với thứ năm là giới sống độc- thân. Nếu các em muốn, các em có thể ở lại để thụ hưởng của cải ở đây và lo làm những việc công-đức, hoặc có thể về lại gia đình mình, hoặc có thể nói cho tôi các em muốn tôi gả các em cho người nào khác cũng được.' Người vợ cả của con mới nói: 'Thưa gia chủ trẻ, hãy gả em cho ông kia'. Con đã gửi vợ cho ông đó, tay trái con dắt vợ, tay phải con mang cái bình làm lễ, và con giao cô ta cho ông đó. Nhưng ngay cả khi đang giao người vợ trẻ của mình cho người khác, con không nhớ có sự biến đổi gì trong tâm con (tức không luyến tiếc hay buồn). Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ ba thấy có trong con.

• 49

(4) "Gia đình của con thì giàu có nhưng của cải được chia sẻ rộng rãi (không giấu giếm tiếc của) với những người đức-hạnh, có tính-cách thiện. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tư thấy có trong con. (5) "Mỗi khi con gặp gỡ một Tỳ kheo, con gặp người đó một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ năm thấy có trong con. (6) "Nếu quý thầy đó chỉ dạy con Giáo Pháp, con sẽ lắng nghe một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Nếu quý thầy đó không chỉ dạy con Giáo Pháp, thì con sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho quý thầy đó. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ sáu thấy có trong con. (7) "Không lạ thường gì khi có các thiên thần đến gặp và báo cho con: 'Này gia chủ, Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn.' Rồi con nói với các thiên thần: 'Dù các tiên có nói hay không nói như vậy, Giáo Pháp vẫn được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn.' Lại nữa, con không nhớ có sự phấn khích tinh thần nào (như: tự hào, phóng tâm tự cao) khởi sinh vì nhân duyên những thiên thần đến gặp con hay vì nhân duyên con được nói chuyện với các thiên thần. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ bảy thấy có trong con. (8) "Trong năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) đã được giảng dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy có gông-cùm nào con chưa dẹp bỏ.1679 Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tám thấy có trong con. "Thưa thầy, đây là tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thấy có trong con. Còn

tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời nào khác mà đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng con có được thì con không biết." Rồi Tỳ kheo đó, sau khi đã nhận đồ cúng dường từ gia chủ Ugga ở thành Vesālī, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Sau khi trở về, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện của mình với gia chủ Ugga ở thành Vesālī.

[Đức Thế Tôn nói:] "Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thì đó chính là tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời mà ta đã tuyên bố gia chủ Ugga ở Vesālī có được, đúng như ông ta mới giải thích một cách đúng đắn cho thầy. Các thầy nên ghi nhớ gia chủ Ugga ở Vesālī là một người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đó."

22 (2) Ugga (2) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Vajji (Bạt-kỳ), ở làng Hatthi (Hatthigāma). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo … "Này các Tỳ kheo, các thầy nên nhớ gia chủ Ugga ở làng Hatthi (là Ugatta như trong kinh 1:254) là một người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời." Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình. Rồi, vào buổi sáng, có một Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, rồi đi tới tư gia của gia chủ Ugga ở làng Hatthi. Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn cho mình. Rồi gia chủ Ugga ở làng Hatthi đã ra gặp Tỳ kheo đó, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Tỳ kheo đó mới nói với ông: "Này gia chủ, đức Thế Tôn đã tuyên bố chú có tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Tám đó là gì?" "Thưa thầy, con không biết về tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đức Thế Tôn đã tuyên bố con có được. Tuy nhiên, trong con thấy có tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Xin thầy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Con sẽ nói." "Được, này gia chủ", Tỳ kheo đó đáp lại. Gia chủ Ugga ở làng Hatthi đã nói điều này: (1) "Thưa thầy, lần đầu tiên con nhìn thấy đức Thế Tôn từ xa khi con đang say sưa chè chén ở Vườn Nāga (khu Vườn Rồng, Long Viên). Ngay

khi con nhìn thấy đức Thế Tôn, tâm con đã đạt được niềm-tin vào đức Thế Tôn và sự say xỉn của con đã biến mất. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ nhất thấy có trong con. (2) "Với một cái tâm tự-tin, con đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã ban cho con một bài giảng pháp để tu tiến … [giống toàn bộ đoạn (2) trong kinh 8:21 kế trên] … Ngay lúc đó con đã quy y theo Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, và nhận lãnh những giới-luật tu hành, và thứ năm là sống độc-thân. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ hai thấy có trong con. (3) "Con có bốn người vợ trẻ … [giống toàn bộ đoạn (3) trong kinh 8:21 kế trên] … Nhưng ngay cả khi đang giao người vợ trẻ của mình cho người khác, con không nhớ có sự biến đổi gì trong tâm con (tức không luyến tiếc hay buồn). Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ ba thấy có trong con. (4) "Gia đình của con thì giàu có nhưng của cải được chia sẻ rộng rãi (không giấu giếm tiếc của) với những người đức-hạnh, có tính-cách thiện. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tư thấy có trong con. (5) "Mỗi khi con gặp gỡ một Tỳ kheo,

con gặp người đó một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Nếu quý thầy đó chỉ dạy con Giáo Pháp, con sẽ lắng nghe một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Nếu quý thầy đó không chỉ dạy con Giáo Pháp, thì con sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho quý thầy đó. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ năm thấy có trong con. "Mỗi khi con gặp gỡ một Tỳ kheo, con gặp người đó một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ năm thấy có trong con. Nếu vị sư đó chỉ dạy con Giáo Pháp, con sẽ lắng nghe một cách tôn trọng, không phải không tôn trọng. Nếu người đó không chỉ dạy con Giáo Pháp, thì con sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho vị ấy. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ năm thấy có trong con. (kết hợp (5) và (6) của kinh kế trên)

52 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

(6) "Không phải gì là hiếm lạ khi Tăng Đoàn được con mời [dùng cơm trưa], những thiên thần đến gặp và mách bảo cho con: 'Này gia chủ, có Tỳ kheo đó được giải-thoát bằng cả hai phương diện. Có vị này được giải-thoát nhờ trí-tuệ. Có vị kia được giải-thoát nhờ niềm-tin. Có vị kia là người tu theo Giáo Pháp (căn tín). Có vị kia là người tu theo niềm-tin (căn tín). Có vị kia là đức hạnh (có giới-hạnh), có tính cách thiện. Có vị kia là thất đức (thiếu giới-hạnh), thuộc tính cách xấu ác.' Lại nữa, khi con đang phụng sự Tăng Đoàn, con không nhớ mình có ý nghĩ: 'Mình cúng dường vị này ít, mình cúng dường vị kia nhiều.' Thay vì vậy, con cúng dường với một cái tâm bình đẳng. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ sáu thấy có trong con. (7) "Không lạ thường gì khi có các thiên thần đến gặp và báo cho con: 'Này gia chủ, Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn.' Rồi con nói với các thiên thần: 'Dù các tiên có nói hay không nói như vậy, Giáo Pháp vẫn được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn.' Lại nữa, con không nhớ có sự phấn khích tinh thần nào (như: tự hào, phóng tâm tự cao) khởi sinh vì nhân duyên những thiên thần đến gặp con hay vì nhân duyên con được nói chuyện với các thiên thần. Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ bảy thấy có trong con. (8) "Nếu con qua đời trước đức Thế Tôn, sẽ không gì ngạc nhiên nếu đức Thế Tôn tuyên bố về con là: 'Không còn gông-cùm nào làm cho gia chủ Ugga ở làng Hatthi còn quay lại thế gian này nữa.' 1680 Đây là phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tám thấy có trong con. "Thưa thầy, đây là tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thấy có trong con. Còn tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời nào khác mà đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng con có được thì con không biết." Rồi Tỳ kheo đó, sau khi đã nhận đồ cúng dường từ gia chủ Ugga ở làng Hatthi, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Sau khi trở về, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện của mình với gia chủ Ugga ở làng Hatthi.

• 53

[Đức Thế Tôn nói:] "Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thì đó chính là tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời mà ta đã tuyên bố gia chủ Ugga ở làng Hatthi có được, đúng như ông ta mới giải thích một cách đúng đắn cho thầy. Các thầy nên ghi nhớ gia chủ Ugga ở làng Hatthi là một người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đó."

23 (3) Hattaka (1) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Āḷavī, chỗ khu Đền Aggāḷava. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy nên ghi nhớ Hatthaka ở xứ Āḷavī là người có được bảy phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Bảy đó là gì? (1) Hatthaka ở xứ Āḷavī được phú cho niềm-tin. (2) Người đó là đức-hạnh (có giới-hạnh), và (3) có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (4) biết sợ- hãi về mặt đạo đức. (5) Người đó học-hiểu nhiều, (6) rộng lòng bố-thí, và (7) có trí. Các thầy nên ghi nhớ Hatthaka ở xứ Āḷavī là người có được bảy phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đó.” Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, Vị Thầy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở của mình. Rồi, vào buổi sáng, có một Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới tư gia của ông Hatthaka ở xứ Āḷavī. Sau khi đến nơi, thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn cho mình. Rồi ông Hatthaka ở xứ Āḷavī đã ra gặp Tỳ kheo đó, kính lễ, và ngồi xuống một bên. Tỳ kheo đó mới nói với ông: “Này đạo hữu,1681 đức Thế Tôn đã tuyên bố chú có bảy phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Bảy đó là gì? (đức Thế Tôn đã nói) (1) Hat- thaka ở xứ Āḷavī được phú cho niềm-tin. (2) Người đó là đức-hạnh (có giới-hạnh), và (3) có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (4) biết sợ- hãi về mặt đạo đức. (5) Người đó học-hiểu nhiều, (6) rộng lòng bố-thí, và (7) có trí.’” “Thưa thầy, con hy vọng, rằng lúc đó không có người tại gia áo trắng

nào đã có mặt ở đó phải không?” “Không có, này đạo hữu. Lúc đó không có người tại gia mặc áo trắng nào có mặt ở đó.” “Vậy là tốt, thưa thầy.” Rồi Tỳ kheo đó, sau khi đã nhận đồ cúng dường từ Hatthaka ở xứ Āḷavī, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Sau khi trở về, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện của mình với ông Hatthaka ở xứ Āḷavī.1682 [Đức Thế Tôn đã nói:] “Tốt, tốt, nay Tỳ kheo! Người họ tộc đó có ít tham-muốn (thiểu dục), vì ông ấy không muốn những phẩm chất thiện lành bên trong của mình được biết đến bởi nhiều người. Vì vậy, này Tỳ kheo, thầy nên ghi nhớ Hatthaka ở xứ Āḷavī còn là người có phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời thứ tám này, đó là, (8) sự ít tham-muốn.”

24 (4) Hattaka (2) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Āḷavī, ở Đền Aggāḷava. Rồi gia chủ Hatthaka ở xứ Āḷavī đó, đi cùng với 500 đệ tử tại gia, đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với ông ta: “Này chú Hatthaka, đoàn người đi theo chú là đoàn lớn. Làm cách nào chú duy trì được đoàn lớn này như vậy?” “Thưa Thế Tôn, con làm được vậy nhờ ‘bốn phương-tiện duy trì một mối quan hệ tốt đẹp’ mà đức Thế Tôn đã chỉ dạy. 1683 (i) Khi con biết: ‘Người này nên được duy trì bằng quà tặng’, con duy trì (mối quan hệ với) người đó bằng quà tặng. (ii) Khi con biết: ‘Người này nên được duy trì bằng lời nói thân ái’, con duy trì người đó bằng lời nói thân ái. (iii) Khi con biết: ‘Người này nên được duy trì bằng hành-vi thiện ích (từ thiện)’, con duy trì người đó bằng hành vi thiện ích. (iv) Khi con biết: ‘Người này

nên được duy trì bằng sự vô tư (không thiên vị)', con duy trì người đó bằng sự vô tư. Thưa Thế Tôn, còn có sự giàu có trong gia đình con. Họ không nghĩ nên lắng nghe con nếu con nghèo khó."1684 "Tốt, tốt, này Hatthaka! Đây là phương pháp nhờ đó chú có thể duy trì đoàn người lớn theo mình. Những ai trong quá-khứ đã duy trì được một đoàn lớn những người theo mình cũng đều làm theo 'bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp' như vậy. Những ai trong tương-lai sẽ duy trì được một đoàn lớn những người theo mình sẽ làm theo 'bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp' như vậy. Và những ai trong hiện- tại đang duy trì được một đoàn lớn những người theo mình cũng đang làm theo 'bốn phương tiện để duy trì một mối quan hệ tốt đẹp' như vậy." Rồi, sau khi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ ông Hatthaka ở xứ Āḷavī bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ông Hatthaka đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi về. Rồi, không lâu sau khi ông Hatthaka ở xứ Āḷavī đã đi, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo, các thầy nên ghi nhớ Hatthaka ở xứ Āḷavī là người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời. Tám đó là gì? (1) Người đó được phú cho niềm-tin. (2) Người đó là đức-hạnh (có giới- hạnh), và (3) có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và (4) biết sợ-hãi về mặt đạo đức. (5) Người đó học-hiểu nhiều, (6) rộng lòng bố-thí, và (7) có trí. (8) Người đó có ít tham-muốn. Các thầy nên nhớ Hatthaka ở xứ Āḷavī là người có được tám phẩm chất đáng ngạc nhiên và tuyệt vời đó."

25 (5) Mahānāma (5) Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Ka- pilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha. Rồi ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người đệ tử tại gia?" "Này Mahānāma, khi một người đã quy y theo Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, theo cách đó người đó là một đệ tử tại gia." "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia là đức-hạnh (có giới- hạnh)?" "Này Mahānāma, một đệ tử tại gia kiêng cữ sự sát-sinh, sự gian-cắp, sự tà-dâm tà dục, lời nói-dối nói láo, và sự uống rượu nặng rượu nhẹ hay dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, theo cách đó một đệ tử tại gia là đức-hạnh." "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia tu tập vì phúc-lợi của mình nhưng không vì phúc-lợi của người khác?" (1) "Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia tự mình thành tựu về niềm- tin (vào Tam Bảo) nhưng không khuyến khích những người khác thành tựu về niềm-tin; (2) khi người đó tự mình thành tựu về giới-hạnh nhưng không khuyến khích những người khác thành tựu về giới-hạnh; (3) khi người đó tự mình thành tựu về sự rộng lòng bố-thí nhưng không khuyến khích những người khác thành tựu về sự rộng lòng bố-thí; (4) khi người đó tự mình muốn gặp gỡ các Tỳ kheo nhưng không khuyến khích những người khác gặp gỡ các Tỳ kheo; (5) khi người đó tự mình muốn nghe Giáo Pháp nhưng không khuyến khích những người khác nghe Giáo Pháp; (6) khi người đó tự mình lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã nghe được nhưng không

khuyến khích những người khác lưu nhớ trong tâm những giáo lý họ đã nghe được; (7) khi người đó tự mình xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu nhớ trong tâm nhưng không khuyến khích những người khác làm vậy; (8) khi người đó tự mình đã hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp và thực hành đúng theo Giáo Pháp nhưng không khuyến khích những người khác làm vậy: này Mahānāma, chính theo cách này là một đệ tử tại gia đang thực hành vì phúc-lợi của mình, nhưng không vì phúc-lợi của người khác. “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia là đang thực hành vì

• 57

phúc-lợi của mình và vì phúc-lợi của người khác?” (1) “Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia tự mình thành tựu về niềm- tin (vào Tam Bảo) và cũng khuyến khích những người khác thành tựu về niềm-tin; (2) khi người đó tự mình thành tựu về giới-hạnh và cũng khuyến khích những người khác thành tựu về giới-hạnh; (3) khi người đó tự mình thành tựu về sự rộng lòng bố-thí và cũng khuyến khích những người khác thành tựu về sự rộng lòng bố-thí; (4) khi người đó tự mình muốn gặp gỡ các Tỳ kheo và cũng khuyến khích những người khác gặp gỡ các Tỳ kheo; (5) khi người đó tự mình muốn nghe Giáo Pháp và cũng khuyến khích những người khác nghe Giáo Pháp; (6) khi người đó tự mình lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã nghe được và cũng khuyến khích những người khác lưu nhớ trong tâm những giáo lý họ đã nghe được; (7) khi người đó tự mình xem xét ý nghĩa của những giáo lý đã được lưu nhớ trong tâm và cũng khuyến khích những người khác làm vậy; (8) khi người đó tự mình đã hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp và thực hành đúng theo Giáo Pháp và cũng khuyến khích những người khác làm vậy: này Mahānāma, chính theo cách này là một đệ tử tại gia đang thực hành vì phúc-lợi của mình và vì phúc-lợi của người khác.”

26 (6) Jīvaka Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu vườn xoài của (lương y) Jīvaka. Lúc đó ông Jīvaka Komārabhacca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ, và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:1685 “Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một đệ tử tại gia?” [Tiếp tục phần như kinh 8:25 kế trên, chỉ khác bây giờ người hỏi Phật là Jīvaka.]

27 (7) Những Sức Mạnh (1)

58 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

“Này các Tỳ kheo, có tám sức-mạnh. Tám đó là gì? (1) Sức-mạnh của trẻ con đang khóc; (2) sức-mạnh của phụ nữ đang giận; (3) sức-mạnh của phường trộm cướp là vũ khí; (4) sức-mạnh của vua chúa là quyền cai trị; (5) sức-mạnh của những người ngu là phàn nàn; (6) sức-mạnh của người có trí là cân nhắc kỹ lưỡng;1686 (7) sức-mạnh của người có học là sự suy xét (quán chiếu); (8) sức-mạnh của những tu sĩ và bà-la-môn là sự nhẫn nhịn. Đây là tám sức-mạnh.”

28 (8) Những Sức Mạnh (2) Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn … Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này Xá-lợi-phất, khi những ô-nhiễm (lậu hoặc) của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có bao nhiêu sức-mạnh (lực, năng lực) mà nhờ đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’?” “Thưa Thế Tôn, khi những

ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có được tám sức-mạnh nhờ đó người đó có thể tuyên bố: 'Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.' Tám đó là gì? (1) "Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng 'mọi hiện-tượng có điều kiện (mọi pháp hữu vi) đều là vô-thường', đúng như nó thực là. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm dựa vào đó người đó có thể tuyên bố: 'Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.' (2) "Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng 'những khoái-lạc giác quan (dục lạc) giống như một hố than đang cháy', đúng như nó thực là. Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ... (3) "Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là ngã về, đổ về, và hướng về sự sống tách-ly (ẩn dật, lánh trần, ẩn tu); nó (tâm) được rút-lui (thu tâm, rút khỏi, lánh khỏi),1687 vui thích sự từ-bỏ, và đã hoàn

toàn tiệt-dứt với mọi thứ là cơ sở tạo ra những ô-nhiễm. Đây là một sức- mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ... (4) "Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã tu tập và khéo tu dưỡng 'bốn nền tảng chánh-niệm' (tứ niệm xứ). Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ... (5)–(8) "Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã tu tập và khéo tu dưỡng (5) bốn cơ-sở (tạo ra) thần thông (tứ thần túc) ... (6) năm căn tâm-linh (ngũ căn) ... (7) bảy chi giác-ngộ (thất giác chi) ... (8) con- đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo). Đây là một sức-mạnh của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm dựa vào đó người đó có thể tuyên bố: 'Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.'. Thưa Thế Tôn, khi những ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có được tám sức-mạnh này mà nhờ đó người đó có thể tuyên bố: 'Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.'"

29 (9) Những Thời Không Phải "Này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy thường nói: 'Thế gian đã có được thời cơ! Thế gian đã có được thời cơ!' 1688 nhưng người đó không biết cái gì là thời cơ và cái gì không phải là thời cơ. Này các Tỳ kheo, có tám thời không phải (không hợp lúc, không thích hợp; là phi thời), là những thời gian không đúng để sống đời sống tâm linh (tức không có thời cơ để tu theo Phật). Tám đó là gì? (1) "Ở đây, một Như Lai đã khởi sinh trong thế gian: 'là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí- biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn', và 'Giáo Pháp dẫn tới sự bình-an, niết-bàn, và sự giác-ngộ' đã được chỉ dạy và tuyên thuyết bởi một bậc Phúc Lành. Nhưng một người đã bị tái sinh trong địa-ngục. Đây là thời không phải thứ nhất, là thời không đúng để

(người đó) sống đời sống tâm linh (tu hành theo Phật). (bị đọa địa ngục không gặp được Phật Pháp)

(2) “Lại nữa, một Như Lai đã khởi sinh trong thế gian … và ‘Giáo Pháp dẫn tới sự bình-an, niết-bàn, và sự giác-ngộ’ được chỉ dạy và tuyên thuyết bởi một bậc Phúc Lành. Nhưng một người đã bị tái sinh trong cõi súc-sinh. Đây là thời không phải thứ hai, là thời không đúng để sống đời sống tâm linh. (là súc sinh không gặp được Phật Pháp) (3) “Lại nữa, một Như Lai đã khởi sinh trong thế gian … và ‘Giáo Pháp dẫn tới sự bình-an, niết-bàn, và sự giác-ngộ’ được chỉ dạy và tuyên thuyết bởi một bậc Phúc Lành. Nhưng một người đã bị tái sinh trong cảnh hồn ma ngạ-quỷ thống khổ. Đây là thời không phải thứ ba, là thời không đúng để sống đời sống tâm linh. (là hồn ma quỷ đói không gặp được Phật Pháp)

(4) “Lại nữa, một Như Lai đã khởi sinh trong thế gian … và ‘Giáo Pháp dẫn tới sự bình-an, niết-bàn, và sự giác-ngộ’ được chỉ dạy và tuyên thuyết bởi một bậc Phúc Lành. Nhưng một người đã tái sinh trong số những thiên-thần sống trường thọ.1689 Đây là thời không phải thứ tư, là thời không đúng để sống đời sống tâm linh. (là thiên thần sống lâu ở cõi trời không gặp được Phật Pháp)

(5) “Lại nữa, một Như Lai đã khởi sinh trong thế gian … và ‘Giáo Pháp dẫn tới sự bình-an, niết-bàn, và sự giác-ngộ’ được chỉ dạy và tuyên thuyết bởi một bậc Phúc Lành. Nhưng một người đã bị tái sinh trong những miền ngoại-biên (ngoại bang) xa xôi là nơi chỉ có những tộc dân man rợ, [là nơi] những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, đệ tử tại gia nam, và những đệ tử tại gia nữ không đi qua đó. Đây là thời không phải thứ năm, là thời không đúng để sống đời sống tâm linh. (là dân ở vùng man rợ cách biệt không gặp được Phật Pháp)

(6) “Lại nữa, một Như Lai đã khởi sinh trong thế gian … và ‘Giáo Pháp dẫn tới sự bình-an, niết-bàn, và sự giác-ngộ’ được chỉ dạy và tuyên thuyết bởi một bậc Phúc Lành. Một người đã được tái sinh trong những

• 61

miền trung-phần (những tỉnh ly, những vùng dân có văn minh), nhưng (trong thời này) người đó lại nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và có cách-nghĩ sai lệch như vầy: (đối với người đó) [‘Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’]. Đây là thời không phải thứ sáu, là thời không đúng để sống đời sống tâm linh. (trong kiếp này là người có tà kiến và không tin theo Phật nên không tu theo Phật)

(7) “Lại nữa, một Như Lai đã khởi sinh trong thế gian … và ‘Giáo Pháp dẫn tới sự bình-an, niết-bàn, và sự giác-ngộ’ được chỉ dạy và tuyên thuyết bởi một bậc Phúc Lành. Một người đã được tái sinh trong những miền trung-phần, nhưng (trong thời này)

người đó lại không có trí, ngu si, đần độn, không thể hiểu được nghĩa của điều được nói ra một cách hay khéo hay một cách dở tệ. Đây là thời không phải thứ bảy, là thời không đúng để sống đời sống tâm linh. (trong kiếp này là người đần dộn vô trí nên không tu theo Phật được)

(8) "Lại nữa, một Như Lai chưa khởi sinh trong thế gian ... và [chưa có] 'Giáo Pháp dẫn tới sự bình-an, niết-bàn, và sự giác-ngộ' được chỉ dạy và tuyên thuyết bởi một bậc Phúc Lành. Một người đã được tái sinh trong những miền trung-phần, và (trong thời này) người đó có trí, thông minh, tinh nhạy, có thể hiểu được nghĩa của điều được nói ra một cách hay khéo hay một cách dở tệ. Đây là thời không phải thứ tám, là thời không đúng để sống đời sống tâm linh. (trong kiếp là người có trí nhưng chưa có Phật Pháp nên không tu theo Phật được)

"Đây là tám thời không hợp, là những thời không đúng để sống đời

sống tâm linh. "Này các Tỳ kheo, có một thời cơ duy nhất, đó là thời đúng để sống đời sống tâm linh. Đó là gì? Ở đây, một Như Lai đã khởi sinh trong thế gian: 'là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc- lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn', và 'Giáo Pháp dẫn tới sự bình-an, niết-bàn, và sự giác-ngộ' đã được chỉ dạy và tuyên thuyết bởi một bậc Phúc Lành. Và một người đã được tái sinh trong những miền trung-phần, và (trong thời này) người đó có trí, thông minh, tinh nhạy, có thể hiểu được nghĩa của điều được nói ra một cách hay khéo hay một cách dở tệ. Này các Tỳ kheo, đây là thời cơ thích hợp duy nhất, là thời cơ đúng lúc để sống đời sống tâm linh." Sau khi đạt được trạng thái làm người, Sau khi thiện Pháp đã được tuyên thuyết một cách hay khéo, Những người không nắm lấy thời này, Thì coi như đã để thời cơ đúng vuột mất. Vì nhiều 'thời không phải' đã được nói ra, Là những 'thời gian' cản trở (người) đến được với đạo; Chỉ có một số thời, là đúng thời, Là lúc có những Như Lai khởi sinh trong thế gian. Nếu một người đã trực tiếp gặp đúng những thời đó, [Là vận may] hiếm thay có được trong thế gian, Nếu ai đã đạt được trạng thái làm người Và cũng có thiện Pháp đang được chỉ dạy, Đối với người mong muốn điều tốt lành cho chính mình Thì (thời cơ này) là đáng đủ khích lệ để chuyên-cần tu (tinh cần). Làm sao một người hiểu được thiện Pháp, Để thời cơ không bị vuột mất?

Còn những ai bỏ lỡ thời cơ này sẽ bị sầu khổ
Sau khi bị tái sinh trong địa ngục.
Những ai ở đây đã thất bại không đạt-được
'Lộ trình đã định của Giáo Pháp thiện lành',1690
Thì sẽ bị hối tiếc dài lâu dai dẳng,
Như một thương buôn đã vuột mất phần lợi nhuận.
Một người bị cản trở bởi vô-minh,

Người đã thất bại về (không chứng ngộ) Giáo Pháp thiện lành,
Sẽ đời đời nếm trải sự lang thang trôi giạt
Trong [cái vòng] sinh-tử tử-sinh.
Nhưng những ai đạt-được trạng thái làm người,
Vào thời có thiện Pháp được tuyên thuyết một cách hay khéo,
Họ đã hoàn thành lời dạy của Vị Thầy
Hoặc sẽ hoàn thành, hoặc hiện đang hoàn thành.
Những ai đã thực hành con đường đạo
Được tuyên thuyết bởi Như Lai,
Là đã thâm nhập thời cơ đúng trong thế gian
Và đời sống tâm linh vô thượng.
Các thầy sống không lơi lỏng [rò rỉ],
Được phòng hộ, luôn có chánh-niệm trong những sự kiềm-chế
Đã được dạy bởi Bậc có Tầm-Nhìn,
Là Hậu Duệ của Thái Dương.
Sau khi đã cắt bỏ mọi khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên)
Vốn đã theo người trôi giạt trong lãnh địa của Ma Vương,1691
Những ai chứng đắc sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận),
Thì dù còn ở trong thế gian, đã vượt thoát khỏi nó.
30 (10) A-Nậu-Lâu-Đà Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Bhagga, ở

Suṃsumāragira, trong khu vườn nai ở Rừng Bhesakalā. Bấy giờ, trong lúc đó Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đang sống giữa xứ người Ceti, trong khu vườn tre phía đông. Trong lúc thầy A-nậu-lâu-đà đang ở một mình trong nơi ẩn cư, một dòng ý nghĩ đã khởi sinh trong tâm thầy ấy như vầy:1692 (1) “Giáo Pháp này dành cho người ít tham-muốn (thiểu dục), không dành cho người nhiều tham-muốn (thiểu dục). (2) Giáo Pháp này dành cho người biết hài-lòng (tri túc), không dành cho người không biết hài-lòng. (3) Giáo Pháp này dành cho người lui về sống độc-cư, không dành cho người vui thích gặp-gỡ giao lưu. (4) Giáo Pháp này dành cho người nỗ-lực (tinh tấn), không dành cho người lười-biếng. (5) Giáo Pháp này dành cho người có sự chánh-niệm được thiết lập, không dành cho người có tâm mờ- rối. (6) Giáo Pháp này dành cho người đạt-định, không dành cho người không đạt-định. (7) Giáo Pháp này dành cho người có-trí, không dành cho người vô-trí.” Đức Thế Tôn bằng tâm mình đã biết dòng ý nghĩ trong tâm thầy A- nậu-lâu-đà. Rồi, nhanh như người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, đức Thế Tôn biến mất khỏi chỗ những người Bhagga ở Suṃsumāragira, trong khu khu vườn nai ở Rừng Bhesakalā và hiện ra trước mặt thầy A-nậu-lâu- đà ở chỗ xứ người Ceti, trong khu vườn tre phía đông. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình. Thầy A-nậu-lâu-đà kính lễ đức Thế Tôn và đứng sang một bên, và đức Thế Tôn đã nói với thầy: “Tốt, tốt thay, này A-nậu-lâu-đà! Thật tốt lành thầy đã quán chiếu về những ý nghĩ của một vĩ nhân (đại nhân, thượng nhân, trượng phu) như vậy, đó là:

(1) ‘Giáo Pháp này dành cho người ít tham-muốn, không dành cho người nhiều tham-muốn … (7) Giáo Pháp này dành cho người có-trí, không dành cho người vô-trí.’ Vậy thì, này A-nậu-lâu-đà, thầy cũng nên quán chiếu về ý nghĩ thứ tám này của một vĩ nhân: (8) ‘Giáo Pháp này dành cho người thích sự không tăng-phóng (phóng đại), người vui thích sự không tăng-phóng, không dành cho người thích sự tăng-phóng, người thích thú với sự tăng-phóng.’1693

• 65

(i) “Này A-nậu-lâu-đà, khi thầy quán chiếu về tám ý nghĩ của một vĩ nhân như vậy, thì tùy theo mình muốn thầy có thể: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, thầy chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ (ii) “Khi thầy quán chiếu về tám ý nghĩ của một vĩ nhân như vậy, thì tùy theo mình muốn thầy có thể: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi- xét (tứ), thầy chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm.’ (iii) “Khi thầy quán chiếu về tám ý nghĩ của một vĩ nhân như vậy, thì tùy theo mình muốn thầy có thể: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), thầy an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), thầy trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); thầy chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh- phúc (tâm lạc).’ (iv) “Khi thầy quán chiếu về tám ý nghĩ của một vĩ nhân như vậy, thì tùy theo mình muốn thầy có thể: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), thầy chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ (v) “Này A-nậu-lâu-đà, khi thầy quán chiếu về tám ý nghĩ của một vĩ nhân như vậy, và tùy theo mình muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, thầy chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này, thì trong khi thầy an trú một cách hài-lòng, chiếc cà-sa được làm từ giẻ rách của thầy đối với thầy là giống như một cái rương chứa đầy những y phục đủ loại màu

66 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

sắc đối với một gia chủ [hay con trai ông ta] vậy; và nó sẽ phục vụ để có sự vui-thích, sự khỏi-lo, sự an-ổn của thầy và để chứng nhập Niết-bàn. (vi) “Khi thầy quán chiếu về tám ý nghĩ của một vĩ nhân như vậy, và tùy theo mình muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, thầy chứng đắc bốn tầng thiền định … thì trong khi thầy an trú một cách hài-lòng, mấy miếng thức-ăn khất thực đối với thầy là giống như một phần cơm trắng đã lọc sạch những hạt đen kèm theo những món ngon và cà ri đối với một gia chủ vậy; và chúng sẽ phục vụ để có sự vui-thích, sự khỏi-lo, sự an-ổn của thầy và để chứng nhập Niết-bàn. (vii) “Khi thầy quán chiếu về tám ý nghĩ của một vĩ nhân như vậy, và tùy theo

mình muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, thầy chứng đắc bốn tầng thiền định ... thì trong khi thầy an trú một cách hài-lòng, chỗ-trú dưới gốc cây đối với thầy là giống như một ngôi nhà mái nhọn, được trét vữa bên trong và bên ngoài, không bị gió độc, với then chốt có thể cài chặt và cửa sổ có thể đóng kín đối với một gia chủ vậy; và nó sẽ phục vụ để có sự vui-thích, sự khỏi-lo, sự an-ổn của thầy và để chứng nhập Niết-bàn. (viii) “Khi thầy quán chiếu về tám ý nghĩ của một vĩ nhân như vậy, và tùy theo mình muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, thầy chứng đắc bốn tầng thiền định ... thì trong khi thầy an trú một cách hài-lòng, chỗ-nằm và chỗ-ngồi được làm từ rơm rạ đối với thầy sẽ giống như một cái trường kỷ được trải thảm nệm, chăn mền, và tấm phủ, xung quanh được bọc bằng da sơn dương, có lộng che ở trên và gối đỏ tía ở hai đầu đối với một gia chủ vậy; và chúng sẽ phục vụ để có sự vui-thích, sự khỏi-lo, sự an-ổn của thầy và để chứng nhập Niết-bàn. (ix) “Khi thầy quán chiếu về tám ý nghĩ của một vĩ nhân như vậy, và tùy theo mình muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, thầy chứng đắc bốn tầng thiền định ... thì thuốc trị bệnh được làm từ nước đái bò đối với thầy sẽ giống như nhiều loại dược liệu khác nhau như ván sữa, bơ, dầu, mật ong, và mật đường đối với một gia chủ vậy; và và chúng sẽ phục vụ để có sự vui-thích, sự khỏi-lo, sự an-ổn của thầy và để chứng nhập Niết-bàn.

• 67

“Do vậy, này A-nậu-lâu-đà, thầy cũng nên ở thêm những kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) tiếp theo nơi này giữa xứ người người Ceti, trong khu vườn tre phía đông.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy A-nậu-lâu-đà đáp lại. Rồi, sau khi đã khởi xướng cho thầy A-nậu-lâu-đà, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, đức Thế Tôn biến mất trước mặt thầy A-nậu-lâu-đà giữa xứ người Ceti, trong khu vườn tre phía đông và hiện ra lại giữa xứ người Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong khu vườn nai ở Rừng Bhesakalā. Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình và nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy tám ý nghĩ của một vĩ nhân. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tám ý nghĩ của một vĩ nhân? [1] “Giáo Pháp này dành cho người ít tham-muốn (thiểu dục), không dành cho người nhiều tham-muốn. [2] Giáo Pháp này dành cho người biết hài-lòng (trí túc), không dành cho người không biết hài-lòng. [3] Giáo Pháp này dành cho người lui về sống độc-cư, không dành cho người vui thích gặp- gỡ giao lưu. [4] Giáo Pháp này dành cho người nỗ-lực (tinh tấn), không dành cho người lười-biếng. [5] Giáo Pháp này dành cho người có sự chánh-niệm được thiết lập, không dành cho người có tâm mờ-rối. [6] Giáo Pháp này dành cho người đạt-định, không dành cho người không đạt-định. [7] Giáo Pháp này dành cho người có-trí, không dành cho người vô-trí. [8] ‘Giáo Pháp này dành cho người thích sự không tăng-phóng (phóng đại), người vui thích sự không tăng-phóng, không dành cho người vui thích sự tăng-phóng, người thích thú với sự tăng-phóng.’ (1) “Khi điều [1] được nói ra, chiếu theo những gì nó được nói như vậy? Ở đây, khi một Tỳ kheo là người ít tham-muốn (thiểu dục), người đó không ham muốn: ‘Hãy cho mọi người biết ta là người ít tham-muốn.’ Khi người đó hài-lòng (tri túc), người đó không ham muốn: ‘Hãy cho mọi

người biết ta là người biết hài-lòng.' Khi người đó lui về sống độc-cư, người đó không ham muốn: 'Hãy cho mọi người biết ta là một người lui về sống độc-cư.' Khi người đó nỗ-lực (tinh tấn), người đó không ham muốn: 'Hãy cho mọi người biết ta là nỗ-lực.' Khi người đó có chánh- niệm, người đó không ham muốn: 'Hãy cho mọi người biết ta là người có chánh-niệm.' Khi người đó đạt-định, người đó không ham muốn: 'Hãy cho mọi người biết ta là người đạt-định. Khi người đó là có-trí, người đó không ham muốn: 'Hãy cho mọi người biết ta là người có-trí.' Khi người đó thích sự không tăng-phóng, người đó không ham muốn: 'Hãy cho mọi người biết ta là người thích sự không tăng-phóng. Khi điều [1] được nói ra, chiếu theo điều này nên nó được nói ra như vậy. (2) "Khi điều [2] được nói ra, chiếu theo những gì nó được nói như vậy? Ở đây, khi một Tỳ kheo biết hài-lòng với mọi thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh. Khi điều [2] được nói ra, chiếu theo điều này nên nó được nói ra như vậy. (3) "Khi điều [3] được nói ra, chiếu theo những gì nó được nói như vậy? Ở đây, khi một Tỳ kheo lui về sống độc-cư, có lúc có những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam, những đệ tử tại gia nữ, vua chúa, quan lại, những giáo chủ giáo phái khác và/hoặc những đệ tử của họ đến gặp Tỳ kheo đó. Trong mỗi lần như vậy, với cái tâm ngã về, đổ về, và hướng về sự sống tách-ly (ẩn dật), thu mình,1694 vui thích sự từ-bỏ, người đó trước sau như một đều nói chuyện đề cập tới việc muốn (đuổi) họ đi khỏi. Khi điều [3] được nói ra, chiếu theo điều này nên nó được nói như vậy. (4) "Khi điều [4] được nói ra, chiếu theo những gì nó được nói như vậy? Ở đây, khi một Tỳ kheo đã phát khởi nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Khi điều [4] được nói ra, chiếu theo điều này nên nó được nói như vậy. (5) "Khi điều [5] được nói ra, chiếu theo những gì nó được nói như

vậy? Ở đây, khi một Tỳ kheo là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự tỉnh-giác cao nhất, là người nhớ và nhớ lại được những gì mình đã nói và làm từ lâu. Khi điều [5] được nói ra, chiếu theo điều này nên nó được nói như vậy. (6) "Khi điều [6] được nói ra, chiếu theo những gì nó được nói như vậy? Ở đây, khi một Tỳ kheo: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc) ... chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ... (ii) ... thứ hai ... (iii) ... thứ ba ... (iv) ... thứ tư. Khi điều [6] được nói ra, chiếu theo điều này nên nó được nói như vậy. (7) "Khi điều [7] được nói ra, chiếu theo những gì nó được nói như vậy? Ở đây, khi một Tỳ kheo là có-trí; người đó có được loại trí-tuệ nhận biết sự khởi-sinh và biến-diệt, (loại trí tuệ) đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn chấm-dứt khổ. Khi điều [7] được nói ra, chiếu theo điều này nên nó được nói như vậy. (8) "Khi điều [8] được nói ra, chiếu theo những gì nó được nói như vậy? Ở đây, tâm của một Tỳ kheo vươn tới sự chấm-dứt sự tăng-phóng (hết phóng đại này nọ), nó trở nên ôn-hòa, lắng-đọng, và được giải-thoát ở bên trong nó. Khi điều [8] được nói ra, chiếu theo điều này nên nó được nói như vậy." Sau đó,

thầy A-nậu-lâu-đà đã trải qua những kỳ an-cư mùa mưa tiếp theo ngay tại nơi đó giữa xứ người Ceti, trong khu vườn tre phía đông. Sống một mình, thu mình, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, không bao lâu sau thầy A-nậu-lâu-đà, bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, thầy ấy an trú trong đó. Thầy ấy hiểu rằng: "Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa." Và thầy A-nậu-lâu-đà đã trở thành một trong những vị A-la-hán. Trong thời đó, sau khi thầy A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ thánh quả A- la-hán, thầy ấy đã nói ra những thi kệ này: 1695

"Sau khi đã hiểu được những ý nghĩ của tôi,
Vị Thầy vô thượng trong thế gian
Đã đến với tôi bằng thần-thông,
Trong một thân được làm bằng-tâm.
"Vị thầy đã chỉ dạy tôi nhiều hơn,
Hơn những ý nghĩ của tôi có trong đó:
Vị Phật, ưa thích sự không tăng-phóng,
Đã chỉ dẫn cho tôi về sự không tăng-phóng.
"Sau khi đã học Giáo Pháp của bậc ấy,
Tôi vui thích lời dạy của bậc ấy.
Tôi đã đạt được ba loại trí-biết đích thực (minh);
Lời dạy của vị Phật đã được thực hiện xong."

NHÓM 4. BỐ THÍ

31 (1) Bố Thí (1) "Này các Tỳ kheo, có tám món quà.1696 Tám đó là gì? (1) Người bố thí một món quà sau khi đã sỉ nhục [người nhận].1697 (2) Người bố thí một món quà do sợ hãi. (3) Người bố thí một món quà [vì nghĩ]: 'Người đó đã bố thí cho mình'. (4) Người bố thí một món quà [vì nghĩ]: 'Người đó sẽ bố thí cho mình'. (5) Người đó không cúng tặng một món quà [chỉ vì nghĩ]: 'Sự bố thí là tốt'. (6) Người bố thí một món quà [vì nghĩ]: 'Tôi nấu; những người này không nấu. Sẽ không đúng đắn nếu tôi nấu mà không cúng tặng cho những người không nấu'. (7) Người bố thí một món quà [vì nghĩ]: 'Do tôi đã bố thí món quà này, nên tôi sẽ được tiếng tốt'. (8) Người bố thí một món quà với mục đích trang điểm cho cái tâm, trang bị cho cái tâm."1698

32 (2) Bố Thí (2) 1699

Niềm-tin, sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, và sự bố-thí thiện lành, Là những phẩm chất mà người tốt theo đuổi; Vì điều này, họ nói, là con-đường thiên thánh (thiên đạo) Nhờ (đạo) đó một người đến được cõi những thiên-thần.

33 (3) Những Nền Tảng “Này các Tỳ kheo, có tám nền tảng (lý do) của sự bố-thí.1700 Tám đó là gì? (1) Người bố thí một món quà do tham (muốn). (2) Người bố thí một món quà do sân (ghét). (3) Người bố thí một món quà do si (ngu). (4) Người bố thí một món quà do sợ (bị chê trách).1701 (5) Người bố thí một món quà [vì nghĩ]: ‘Sự bố thí đã được cha ông mình làm trước đây; nên giờ mình cũng làm theo chứ không nên dẹp bỏ phong tục gia truyền.’ (6) Người bố thí một món quà [vì nghĩ]: ‘Sau khi bố thí món quà này, khi thân tan rã, sau khi chết, mình sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.’ (7) Người bố thí một món quà [vì nghĩ]: ‘Khi tôi đang bố thí một món quà, tâm của tôi được hiền dịu, và sự phấn khởi và niềm hoan hỷ khởi sinh.’ (8) Người bố thí một món quà vì mục đích làm đẹp đẽ cái tâm, trang bị cho cái tâm. Đây là tám nền tảng của sự bố- thí.”

34 (4) Ruộng (I) “Này các Tỳ kheo, một hạt giống được gieo trên một miếng ruộng có tám yếu tố thì không đưa đến nhiều trái quả, [những trái quả của nó] không ngon lành, và nó không mang lại lợi tức. Tám đó là gì? “Ở đây, (1) ruộng có lồi lõm gò rãnh; (2) ruộng có đá cuội đá sỏi; (3) ruộng bị nhiễm mặn; (4) ruộng không được cày sâu xới kỹ; (5) ruộng không có cửa nước vô [khi khô]; (6) ruộng không có cửa nước thoát [khi ngập úng]; (7) ruộng không có các kênh thủy lợi; và (8) nó không có bờ bao. Một hạt giống mà được gieo trên một miếng ruộng có tám yếu tố đó

thì không đưa đến nhiều trái quả, [những trái quả của nó] không ngon lành, và nó không mang lại lợi tức. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một món quà được bố thí cho những tu sĩ và bà-la-môn, là những người có được tám yếu tố này, sẽ không mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, và việc làm đó là không xán lạn (sáng sủa, sáng láng) và không thấm nhập gì. Tám đó là gì? Ở đây, những tu sĩ và bà-la-môn đó là có tà kiến, tà tư-duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh-tấn, tà niệm, và tà định [cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời- nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc; bát chi tà đạo]. Một món quà mà được bố thí cho những tu sĩ và bà-la-môn, là những người có được tám yếu tố này, sẽ không mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, và việc làm đó là không xán lạn và không thấm tháp gì.” (II) “Này các Tỳ kheo, một hạt giống được gieo trên một miếng ruộng có tám yếu tố thì sẽ đưa đến nhiều trái quả, [những trái quả của nó] ngon lành, và nó mang lại lợi tức. Tám đó là gì? “Ở đây, (1) ruộng không có lồi lõm gò rãnh; (2) ruộng không có đá cuội đá sỏi; (3) ruộng không bị nhiễm mặn; (4) ruộng được cày sâu xới kỹ; (5) ruộng có cửa nước vô [khi khô]; (6) ruộng có cửa nước thoát [khi ngập úng]; (7) ruộng có các kênh thủy lợi; và (8) nó có bờ bao. Một hạt giống mà được gieo trên một miếng ruộng có tám yếu tố này thì sẽ đưa đến nhiều trái quả, [những trái quả của nó] ngon lành, và nó mang lại lợi tức. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một món quà được bố thí cho những tu sĩ và bà-la-môn, là những người có được tám yếu tố này, sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, và việc làm đó xán lạn và thấm nhập một cách khác thường (đặc biệt, phi thường). Tám đó là gì? Ở đây, những tu sĩ và bà-la-môn đó là có chánh kiến, chánh tư-duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh-tấn,

chánh niệm, và chánh định [cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn,

• 73

sự định-tâm đúng đắn; bát chi thánh đạo]. Một món quà được bố thí cho những tu sĩ và bà-la-môn, là những người có được tám yếu tố này, sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, và việc làm đó xán lạn và thấm nhập một cách khác thường."
Khi ruộng đất là tốt,
Và hạt giống được gieo là tốt,
Và lượng nước mưa tốt,
Thì thu hoạch trái quả sẽ tốt.1702
Sức khỏe của hạt giống là tốt;
Thì sự phát triển của nó [cũng] tốt;
Sự chín muồi của nó tốt;
Thành quả của nó thực sự tốt.
Tương tự vậy khi một người bố thí thức ăn tốt
Cho những bậc thành tựu về giới-hạnh,
Thì việc đó dẫn đến nhiều loại sự tốt lành,
Bởi điều người đó đã làm là tốt.
Do vậy nếu ai mong muốn sự tốt lành,
Người đó nên thành tựu tốt việc ở đây;
Người đó nên dựa vào một bậc đã thành tựu về trí-tuệ;
Nhờ vậy những thành-tựu của mình sẽ đơm hoa kết quả.
Người đã thành tựu về trí-biết và thiện-hành,
Sau khi đã đạt được sự thành tựu của tâm,
Thực hiện hành động đã được thành tựu,
Và thành tựu những điều thiện lành.
Sau khi đã biết thế giới là như vậy,
Người đó nên đạt tới thành tựu về chánh-kiến.
Người đã thành tựu trong tâm thì tấn tới,
Bằng cách dựa vào sự thành tựu trong thánh đạo.
Sau khi đã tẩy bỏ mọi sự ố-nhiễm,
Sau khi đã chứng ngộ Niết-bàn,
74 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

Rồi người đó sẽ được thoát khỏi mọi sự khổ: Đây chính là tổng thành tựu.

35 (5) Sự Tái Sinh Nhờ Bố Thí "Này các Tỳ kheo, có tám loại tái-sinh nhờ vào sự bố-thí. Tám là gì? (1) "Ở đây, có người bố thí một món quà cho một tu sĩ (sa-môn) hay một bà-la-môn: như thức ăn và thức uống; y phục và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; chỗ nằm, chỗ ở, và đèn thắp. Khi bố thí thứ gì người đó đều trông đợi được báo

đáp. Người đó nhìn thấy những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, hay những bà-la-môn giàu có, hay những gia-chủ giàu có đang thụ hưởng bản thân và được chu cấp năm đối-tượng khoái-lạc giác quan (năm thứ dục lạc). Người đó mới nghĩ: 'Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu cho ta được tái sinh trong số những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, hay những bà-la-môn giàu có, hay những gia chủ giàu có!' - Người đó thiết lập tâm mình về điều này, và tu tập trạng thái này của tâm. Khát nguyện này của người đó,1703 nó đã định đoạt cho điều (mục tiêu) tiểu nhược đó,1704 không phát triển cao hơn, sẽ dẫn tới sự tái sinh đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những người giai cấp chiến-sĩ giàu có, hay những bà-la-môn giàu có, hay những gia-chủ giàu có—và (kết quả) đó là dành cho người đức-hạnh (có giới hạnh), ta nói vậy, chứ không dành cho người thất-đức. Ước nguyện của trái tim (lòng dạ) của một người đức-hạnh thành công được nhờ sự trong-sạch (thanh tịnh) của người đó. (2) "Có người khác bố thí một món quà cho một tu sĩ hay một bà-la- môn: như thức ăn và thức uống ... và đèn thắp. Khi bố thí thứ gì người đó đều trông đợi được báo đáp. Người đó nghe rằng: 'Những thiên thần cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương là sống trường thọ, đẹp đẽ, và dồi dào hạnh phúc.' Người đó mới nghĩ rằng: 'Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu cho ta được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời tứ đại thiên vương!' - Người đó thiết lập tâm mình về điều này, và tu tập trạng thái

• 75

này của tâm. Khát nguyện này của người đó, nó đã định đoạt cho điều (mục tiêu) tiểu nhược đó, không phát triển cao hơn, sẽ dẫn tới sự tái sinh đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời tứ đại thiên vương—và (kết quả) đó là dành cho người đức-hạnh (có giới hạnh), ta nói vậy, chứ không dành cho người thất-đức. Ước nguyện của trái tim của một người đức-hạnh thành công được nhờ sự trong-sạch của người đó. (3)–(7) "Có người khác bố thí một món quà cho một tu sĩ hay một bà-la-môn: như thức ăn và thức uống ... và đèn thắp. Khi bố thí thứ gì người đó đều trông đợi được báo đáp. Người đó nghe rằng: 'Những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa) ... những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma) ... những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita) ... những thiên thần vui thích sự sáng tạo (hóa lạc thiên) ... những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên) là sống trường thọ, đẹp đẽ, và dồi dào hạnh phúc.' Người đó mới nghĩ rằng: 'Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu cho ta được tái sinh trong số những thiên thần thiên thần cõi trời Đao-lợi ... những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác!' - Người đó thiết lập tâm mình về điều này, và tu tập trạng thái này của tâm. Khát nguyện này của người đó, nó đã định đoạt cho điều (mục tiêu) tiểu nhược đó, không phát triển cao hơn, sẽ dẫn tới sự tái sinh đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần thiên thần cõi trời Đao-lợi ... những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác—và (kết quả) đó là dành cho người đức-hạnh (có giới hạnh), ta nói vậy, chứ không dành cho người thất-đức. Ước nguyện của trái tim của một người đức-hạnh thành công được nhờ sự trong-sạch của người đó. (8) "Có người khác bố thí một món quà cho một tu sĩ hay một bà-la- môn: như thức ăn và thức uống ... và đèn thắp. Khi bố thí thứ gì người đó đều trông đợi được báo đáp. Người đó nghe rằng:

‘Những thiên thần trong đoàn tùy tùng của Trời Brahmā (Phạm chúng thiên) là sống trường thọ, đẹp đẽ, và dồi dào hạnh phúc.’ Người đó mới nghĩ rằng: ‘Ồ, khi thân tan

rã, sau khi chết, cầu cho ta được tái sinh trong số những thiên thần trong đoàn tùy tùng của Trời Brahmā!’ - Người đó thiết lập tâm mình về điều này, và tu tập trạng thái này của tâm. Khát nguyện này của người đó, nó đã định đoạt cho điều (mục tiêu) tiểu nhược đó, không phát triển cao hơn, sẽ dẫn tới sự tái sinh đó. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần trong đoàn tùy tùng của Trời Brahmā—và (kết quả) đó là dành cho người đức-hạnh (có giới hạnh), ta nói vậy, chứ không dành cho người thất-đức; dành cho những người không còn tham- dục, không dành cho những người có tham-dục.1705 Ước nguyện của trái tim của một người đức-hạnh thành công được nhờ sự trong-sạch của người đó. “Này các Tỳ kheo, đây là tám loại tái-sinh nhờ vào sự bố-thí.”

36 (6) Sự Tạo Công Đức “Này các Tỳ kheo, có ba cơ-sở của hành vi (hoạt động, việc làm) công-đức. Ba đó là gì? Cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên (nhờ vào, trọng yếu là, cốt ở) sự bố-thí; cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh; và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức hạn chế; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức hạn chế; nhưng người đó chưa tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong loài người trong một hoàn cảnh bất lợi (không may, không tốt). (2) “Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức trung bình; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công- đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức trung bình; nhưng người đó chưa tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong loài người trong một hoàn cảnh thuận lợi (may mắn, tốt lành).

(3) “Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công- đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời [được trị vì bởi] Tứ Đại Thiên Vương. Ở đó có bốn vị vua trời lớn đó, là những người trước kia đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời, sắc-đẹp cõi trời, phúc-lạc cõi trời, vinh- quang cõi trời, và quyền-huy cõi trời; và về những hình-sắc, những âm- thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, và những đối-tượng chạm-xúc ở cõi trời. (4) “Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công- đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập

cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa). Ở đó có vua trời Đế-thích (Sakka), vua của những thiên thần, là người đã trước kia đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố- thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần cõi trời Đao-lợi đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời ... và những đối-tượng chạm-xúc ở cõi trời. (5) "Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công- đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma). Ở đó có thiên thần trẻ Suyāma, là người đã trước kia đã tu tập cơ- sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần cõi

trời Dạ-ma đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời ... và những đối- tượng chạm-xúc ở cõi trời. (6) "Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công- đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đâu- suất (Tusita). Ở đó có thiên thần trẻ Santusita, là người đã trước kia đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần cõi trời Đâu-suất đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời ... và những đối-tượng chạm-xúc ở cõi trời. (7) "Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cơ-sở của hành vi công- đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên). Ở đó có thiên thần trẻ Sunimmita, là người đã trước kia đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần vui thích sáng tạo đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời ... và những đối-tượng chạm-xúc ở cõi trời. (8) "Ở đây, có người đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí tới một mức cao siêu; người đó đã tu tập cõ sở tạo công đức dựa trên sự giới-hạnh tới một mức cao siêu; nhưng người đó chưa tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự thiền-tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên). Ở đó có thiên thần trẻ Vasavattī, là người đã trước kia đã tu tập cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự bố-thí và cơ-sở của hành vi công-đức dựa trên sự giới-hạnh một cách cao siêu hơn hết thảy những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của

các thiên thần khác đó về mười phương diện: về tuổi-thọ cõi trời, sắc-đẹp cõi trời, phúc-lạc cõi trời, vinh-quang cõi trời, và quyền-huy cõi trời; và về những hình-sắc, những âm-thanh, những mùi-hương, những mùi-vị, và những đối-tượng chạm-xúc ở cõi trời. “Này các Tỳ kheo, đây là ba cơ-sở của hoạt động công-đức.”

37 (7) Những Món Quà Của Người Tốt “Này các Tỳ kheo, có tám món quà của một người tốt.1706 Tám đó là gì? (1) Người đó bố thí thứ trong sạch; (2) người đó bố thí thứ xuất sắc; (3) người đó bố thí món quà đúng thời đúng lúc; (4) người đó bố thí thứ được phép (được phép nhận theo giới luật); (5) người đó bố thí sau khi điều tra tìm hiểu; (6) người đó bố thí thường xuyên; (7) trong khi đang bố thí tâm người đó ổn định trong sự tự-tin; và (8) sau khi bố thí, người đó hoan hỷ. Đây là tám món quà của một người tốt.” Người đó bố thí thứ thanh tịnh và xuất sắc, Những thức ăn, thức uống được cho phép vào lúc thích hợp; Người đó bố thí thường xuyên cho ruộng-phước màu mỡ, Là những người sống đời sống tâm linh. Người đó không thấy tiếc của, Sau khi đã cho đi nhiều thứ vật chất. Người có trí tuệ thâm sâu sẽ khen ngợi Những món quà được bố thí như vậy. Sau khi đã tu tập sự từ thiện như vậy Với cái tâm rộng lòng hào sảng, Người thông minh và có trí, giàu có về niềm-tin, Được tái sinh trong một thế giới vui sướng không khổ đau.

38 (8) Người Tốt 1707 “Này các Tỳ kheo, khi một người tốt được sinh ra trong một gia đình,

điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc (1) của cha mẹ người đó, (2) của vợ và con cái của người đó, (3) của những nô bộc, người làm, và người hầu cận của người đó, (4) của bạn bè và đồng nghiệp của người đó, (5) của ông bà tổ tiên đã khuất của người đó, (6) của nhà vua, (7) của những thiên thần, và (8) của những tu sĩ và bà-la-môn. “Giống như đám mây (làm) mưa lớn sẽ tưới tốt những mùa màng, nó xuất hiện vì sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Cũng giống như vậy, khi một người tốt được sinh ra trong một gia đình, điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc của nhiều người. Điều này là sự tốt lành, ích lợi, và hạnh phúc (1) của cha mẹ người đó … (8) của những tu sĩ và bà-la-môn.” Người có trí sống tại gia, Thực sự sống vì sự tốt lành của nhiều người. Ngày và đêm đều tận tụy (chuyên cần, cần mẫn) đối với Mẹ, cha, và tổ tiên của mình,1708 Người đó kính trọng họ đúng theo Giáo Pháp, Tưởng nhớ công ơn họ đã làm cho mình trong quá khứ.1709 Vững chắc trong niềm-tin, người hiếu hạnh đó Sau khi đã biết những phẩm hạnh tốt của họ1710 Tôn kính những bậc từ-bỏ và không-nhà (vô gia, xuất gia) Là những khất sĩ sống đời sống tâm linh.1711 Hữu ích đối với nhà vua và những thiên thần, Hữu ích đối với những người thân và bạn bè, Hữu ích với hết thảy mọi người, thực vậy. Được khéo thiết lập trong Giáo Pháp thiện lành, Người đó đã loại bỏ sự ố-nhiễm là tính keo-kiệt, Và được hưởng phúc trong một cõi phúc lành.

39 (9) Những Dòng Chảy

- “Này các Tỳ kheo, có tám dòng chảy của phước đức, là những dòng chảy của thiện lành, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc.1712 Tám đó là gì? (1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện đã quy y theo Phật. Đây là dòng chảy thứ nhất của phước đức, dòng chảy của thiện lành, là một dưỡng chất của hạnh phúc— thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. (2) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện đã quy y theo Giáo Pháp. Đây là dòng chảy thứ hai của phước đức … dẫn tới điều thường được ước, được mong và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. (3) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện đã quy y theo Tăng Đoàn. Đây là dòng chảy thứ ba của phước đức … dẫn tới điều thường được ước, được mong và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. - “Và này các Tỳ kheo, có năm món quà, là những món quà lớn, từ thuở ban sơ, đã có lâu đời, truyền thống, tự cổ xưa, không bị pha tạp và chưa hề bị pha tạp, hiện đang không bị pha tạp và sẽ không bị pha tạp, không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Năm đó là gì? (4) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện, sau khi đã dẹp bỏ sự sát-sinh, kiêng cữ sát-sinh. Bằng cách kiêng cữ sát-sinh, (coi như) người đệ tử thánh thiện (đã) cho tặng cho vô lượng chúng sinh sự không-bị sợ hãi, thù ghét, và đau đớn. Đến lượt mình người đó cũng tự mình hưởng được sự không-bị sợ hãi, thù ghét, và đau đớn. Đây là món quà thứ nhất, một món quà lớn, từ thuở ban sơ, đã có lâu đời, truyền thống, tự cổ xưa, không bị pha tạp và chưa hề bị pha tạp, hiện đang không bị pha tạp và sẽ không bị pha tạp, không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Đây là dòng chảy thứ tư của phước đức … dẫn tới điều thường được ước, được mong và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc.

(5)–(8) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện, sau khi đã dẹp bỏ sự gian- cắp, kiêng cữ gian-cắp … kiêng cữ tà-dâm tà dục … kiêng cữ nói-dối nói láo … kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Bằng cách kiêng cữ gian-cắp … kiêng cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, (coi như) người đệ tử thánh thiện (đã) cho tặng cho vô lượng chúng sinh sự không-bị sợ hãi, thù ghét, và đau đớn. Đến lượt mình người đó cũng tự mình hưởng được sự không-bị sợ hãi, thù ghét, và đau đớn. Đây là món quà thứ hai … thứ năm, một món quà lớn, từ thuở ban sơ, đã có lâu đời, truyền thống, tự cổ xưa, không bị pha tạp và chưa hề bị pha tạp, hiện đang không bị pha tạp và sẽ không bị pha tạp, không bị chối bỏ bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Đây là dòng chảy thứ năm … thứ tám của phước đức … dẫn tới điều thường được ước, được mong và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc. “Này các Tỳ kheo, đây là tám dòng chảy của phước đức, là những dòng chảy của thiện lành, là những dưỡng chất của hạnh phúc—thuộc cõi trời, chín muồi thành hạnh phúc, đưa đến cõi trời—chúng dẫn tới điều thường được ước, được mong, và được muốn, dẫn tới ích lợi và hạnh phúc.”

40 (10) Đưa Đến (Hậu Quả) (1) “Này các Tỳ kheo, sự sát-sinh, nếu tái tục theo đuổi, triển khai, và phát triển, là đưa đến địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ đày đọa; còn

nếu có được tái sinh làm người thì do (nghiệp) sát-sinh chí ít cũng đưa đến (nghiệp quả) bị chết yểu. (2) “Sự gian-cắp, nếu tái tục theo đuổi, triển khai, và phát triển, là đưa đến địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ đày đọa; còn nếu có được tái sinh làm người thì do (nghiệp) gian-cắp chí ít cũng đưa đến (nghiệp quả) bị mất tài sản. (3) “Sự tà-dâm tà dục, nếu tái tục theo đuổi, triển khai, và phát triển,

• 83

là đưa đến địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ đày đọa; còn nếu có được tái sinh làm người thì do (nghiệp) tà-dâm tà dục chí ít cũng đưa đến (nghiệp quả) bị oán ghét và thù địch. (4) “Sự nói-dối nói láo, nếu tái tục theo đuổi, triển khai, và phát triển, là đưa đến địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ đày đọa; còn nếu có được tái sinh làm người thì do (nghiệp) nói-dối nói láo chí ít cũng đưa đến (nghiệp quả) bị kết tội oan sai. (5) “Sự nói lời gây chia-rẽ, nếu tái tục theo đuổi, triển khai, và phát triển, là đưa đến địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ đày đọa; còn nếu có được tái sinh làm người thì do (nghiệp) nói lời gây chia-rẽ chí ít cũng đưa đến (nghiệp quả) bị chia rẽ (khỏi người thân yêu, thân thuộc). (6) “Sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ, nếu tái tục theo đuổi, triển khai, và phát triển, là đưa đến địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ đày đọa; còn nếu có được tái sinh làm người thì do (nghiệp) nói lời gắt-gỏng nạt nộ chí ít cũng đưa đến (nghiệp quả) bị những âm thanh chát chúa đinh tai (ví dụ phải sống ở khu ồn ào, đinh tai nhức óc). (7) “Sự nói lời tầm-phào tán dóc, nếu tái tục theo đuổi, triển khai, và phát triển, là đưa đến địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ đày đọa; còn nếu có được tái sinh làm người thì do (nghiệp) nói lời chuyện tầm- phào tán dóc chí ít cũng đưa đến (nghiệp quả) bị mọi người không tin những gì mình nói. (8) “Sự uống rượu nặng, rượu nhẹ (và dùng những chất độc hại), nếu tái tục theo đuổi, triển khai, và phát triển, là đưa đến địa ngục, cõi súc sinh, và cảnh giới ngạ quỷ đày đọa; còn nếu có được tái sinh làm người thì do (nghiệp) uống rượu nặng, rượu nhẹ (và dùng những chất độc hại) chí ít cũng đưa đến (nghiệp quả) bị điên khùng mất trí.”

NHÓM 5. BỐ-TÁT

84 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

41 (1) Một Cách Tóm Gọn Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, nếu trai giới toàn-bộ trong (bằng/với) tám chi-phần (trong tám chi giới; bát quan trai giới), thì dịp bố-tát (uposatha) sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn (sáng sủa, sáng láng) và thấm nhập một cách khác thường (đặc biệt, phi thường). Và theo cách nào là sự trai giới bố-tát được tuân giữ toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường?1713 (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện biết suy xét (quán chiếu) như vầy: ‘[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, họ sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ

và kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, tôi cũng sống bi-mẫn với tất cả mọi chúng sinh. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.]' Đây là chi phần thứ nhất nó (dịp bố-tát) có được. (không sát sinh)

(2) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự gian- cắp, chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cắp. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự gian-cắp; tôi chỉ nhận lấy thứ đã được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và trung thực hết lòng, tránh bỏ việc gian-cắp (gian lận, lừa gạt, manh mún, nhận hối lộ, nhận tiền mới giúp, tham nhũng ...). Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.'] Đây là chi phần thứ hai nó (dịp bố-tát) có được. (không gian cắp)

• 85

(3) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ hành vi dâm-dục và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly, kiêng cữ giao hợp, kiêng cữ mọi hành vi tính-dục của người phàm (mọi dạng chánh dâm, tà dâm, hay thủ dâm, thị dâm, ý dâm ...). Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ hành vi tính-dục, và giữ giới sống độc-thân, sống tách ly (ở riêng), kiêng cữ giao hợp, kiêng cữ mọi hành vi tính-dục của người phàm ... Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.'] Đây là chi phần thứ ba nó (dịp bố-tát) có được. (không dâm dục) (4) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự nói- dối, nói sai sự thật; họ nói sự thật, giữ đúng sự thật; họ là những người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự nói-dối, nói sai sự thật; tôi chỉ nói sự thật, giữ đúng sự thật; tôi làm người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ tư nó (dịp bố-tát) có được. (không nói dối) (5) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ sự uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ năm nó (dịp bố-tát) có được. (không rượu bia, thuốc lá, ma túy, chất gây hại gây nghiện ...)

(6) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán chỉ ăn một bữa một ngày, kiêng cữ sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ ăn một bữa một ngày, kiêng cữ sự ăn ban đêm và ăn những thức ăn ngoài giờ quy định. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ sáu nó (dịp bố-tát) có được. (chỉ ăn một bữa ăn một

86 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

ngày, ăn trước giờ ngọ, không ăn phi thời)

(7) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán kiêng cữ sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp, và kiêng cữ việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ kiêng cữ sự ca, múa, đàn trống, nhạc kịch không thích hợp, và kiêng cữ việc trang điểm, làm đẹp, đeo vòng hoa, dùng nước hoa, phấn sáp. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ bảy nó (dịp bố-tát) có được. (không và không coi ca, múa, nhạc, kịch; không trang điểm, hóa trang, ăn diện, làm đẹp)

(8) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ nằm ngồi trên giường ghế cao và sang; họ nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ việc nằm trên giường cao và sang; tôi nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ tám nó (dịp bố-tát) có được. (không nằm ngồi trên giường ghế cao sang sung sướng) "Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là sự trai giới bố-tát được tuân giữ toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường."

42 (2) Một Cách Chi Tiết (I) "Này các Tỳ kheo, nếu trai giới toàn-bộ trong (bằng, với) tám chi- phần (trong tám chi giới; bát quan trai giới), thì dịp bố-tát (uposatha) sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn (sáng sủa, sáng láng) và thấm nhập một cách khác thường (đặc biệt, phi thường). Và theo cách nào là dịp bố-tát được trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường?

• 87

(1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện biết suy xét (quán chiếu) như vầy: '[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, họ sống bi-mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng dẹp bỏ và kiêng cữ sự sát-sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, đầy lương tâm và hiền từ, tôi cũng sống bi-mẫn với tất cả mọi chúng sinh. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự giữ giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.]' Đây là chi phần thứ nhất nó (dịp bố-tát) có được. (không sát sinh) [Tiếp tục các chi phần (2)-(7) như kinh 8:41 kế trên, cho đến:] ...

(8) "'[Khi còn sống, những bậc A-la-hán dẹp bỏ và kiêng cữ nằm ngồi trên giường ghế cao và sang; họ nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Bữa nay, ban ngày và ban đêm, tôi cũng sẽ dẹp bỏ và kiêng cữ việc nằm trên giường cao và sang; tôi nằm nghỉ ngủ ở chỗ nằm thấp, nằm trên tấm chiếu hay giường nhỏ. Tôi sẽ bắt chước những vị A-la-hán về phương diện này và sự trai giới bố-tát sẽ được tôi tuân thủ.] Đây là chi phần thứ tám nó (dịp bố-tát) có được. (không nằm ngồi trên giường ghế cao sang sung sướng) "Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là sự trai giới bố-tát được tuân giữ toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường. (II) "Nó mang lại phước-quả và

ích-lợi lớn lao tới mức nào? Nó xán lạn và thấm nhập một cách khác thường tới mức nào? Ví dụ có người thực thi sự thống trị và vương quyền khắp mười sáu đại quốc chứa nhiều thứ thuộc hàng bảy báu, đó là [các nước của dân tộc] Aṅgan, Magadha (Ma-kiệt-đà), Kāsi, Kosala (Kiều-tất-la), Vajji (Bạt-kỳ), Malla, Ceti, Vaṅga, Kuru, Pañcāla, Maccha, Sūrasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, và Kam- boja: thì điều này cũng không bằng 1/16 sự trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần vừa mới nói ra. Vì lý do gì? Vì vương quyền ở cõi người nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(i) "Đối với những thiên thần cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương: 01 ngày đêm là tương đương với 50 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 500 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi- phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời tứ đại thiên vương. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(ii) "Đối với những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa, cõi trời 33): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 100 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 1.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đao-lợi. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iii) "Đối với những thiên thần cõi trời Dạ-ma (Yāma): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 200 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 2.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Dạ-ma. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(iv) "Đối với những thiên thần cõi trời Đâu-suất (Tusita): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 400 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 4.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này,

khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Đâu-suất. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.

(v) “Đối với những thiên thần vui thích sáng tạo (Hóa lạc thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 800 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 8.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần vui thích sáng tạo. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời. (vi) “Đối với những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên): 01 ngày đêm ở đó là tương đương với 1.600 năm cõi người; 30 ngày đêm như vậy là 01 tháng, và 12 tháng như vậy là 01 năm. Tuổi thọ của những thiên thần đó là 16.000 năm cõi trời như vậy. Này các Tỳ kheo, có thể rằng: đối với một phụ nữ hay đàn ông giữ giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần này, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác. So chiếu với điều này nên ta mới nói vương quyền ở cõi người là nghèo kém so với sự hạnh-phúc ở cõi trời.”1714 Không sát-sinh; không gian-cắp; Không nói-dối; không rượu, bia, hút, chích; Kiêng cữ dâm-dục, cả chánh dâm, tà dâm; Không ăn ban đêm, không ăn phi thời. Không trang điểm, đeo vòng hoa, sức nước hoa, phấn sáp; Ngủ trên giường thấp thường hay chiếu trải trên đất; Đây được người ta gọi là ngày bố-tát tám trai giới Được tuyên dạy bởi Đức Phật—bậc đã đạt tới sự diệt-khổ. Khi nào mặt trời và mặt trăng còn quay chuyển, Là còn chiếu sáng, và đó thật là tuyệt đẹp khi nhìn,

Là những thứ xua tan bóng tối, vẫn tuần hoàn trong vũ trụ,
Chúng chiếu sáng bầu trời, soi sáng khắp mọi phương.
Mọi của cải trong cõi giới này—
Từ trân châu, ngọc quý, và ngọc lưu ly,
Vàng sừng bò hay vàng núi,
Và vàng thiên nhiên được gọi là haṭaka—
Tất cả những thứ đó cũng không bằng một phần mười sáu,
So với sự giữ giới bố-tát (bát quan trai giới).
Giống như gom hết ánh sáng những vì sao (đang thấy),
Cũng không bằng sự phát sáng của mặt trăng.
Bởi vậy, những người nam hay nữ có giới-hạnh,
Do đã luôn tuân giữ đầy đủ tám giới của những ngày bố-tát,
Sẽ đi—một cách không còn gì đáng chê,
Và sau khi đã tu tạo những công đức tạo ra hạnh-phúc—
Sẽ đi lên một cõi trời (sau khi chết).

43 (3) Visākhā (1) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Lâu Đài của Migāramata [mẹ của Migāra], trong Khu Vườn Phía Đông. Lúc đó có Visākhā Migāramātā [Visākhā là mẹ của Migāra] (tức là nữ đại thí chủ Visākhā) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn

mới nói với cô ấy: (I) “Này Visākhā, nếu trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần (tám giới kiêng; bát quan trai giới), thì dịp bố-tát [uposatha] sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường. Và theo cách nào dịp bố-tát được trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường?” [Tiếp tục phần còn lại giống hệt kinh 8:42 kế trên, gồm cả phần thi kệ.]

• 91

44 (4) Vāseṭṭha Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong hội trường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có đệ tử tại gia nam tên là Vāseṭṭha đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với chú ấy: (I) “Này Vāseṭṭha, nếu trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần (tám giới kiêng; bát quan trai giới), thì dịp bố-tát [uposatha] sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường. Và theo cách nào dịp bố-tát được trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường?” [Tiếp tục phần còn lại giống hệt kinh 8:42 kế trên, gồm cả phần thi kệ.]

Sau khi lời này được nói ra, đệ tử tại gia nam Vāseṭṭha đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, nếu những người thân yêu và gia đình của con mà trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần, thì điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) … những bà-la-môn (brahmin) … những người giai cấp nông-thương (vessa) … những người giai cấp bần-lao (sudra) mà trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần, thì việc đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ.” “Đúng vậy, này Vāseṭṭha, đúng như vậy! Nếu tất cả những người giai cấp chiến-sĩ … những bà-la-môn … những người giai cấp nông-thương … những người giai cấp bần-lao mà trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi- phần, thì việc đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Nếu thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người mà trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần, thì việc đó sẽ ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu của họ. Nếu những cây sa-la lớn này mà cũng trai giới bố-tát toàn-bộ trong tám chi-phần [nếu chúng có thể chọn],1715 thì việc đó

92 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

cũng sẽ ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho chúng. Huống chi một người mà làm được vậy thì tốt lành nhiều tới mức nào!”

45 (5) Bojjhā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó có đệ tử tại gia nữ tên là Bojjhā đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với cô ấy: (I) “Này Bojjhā, nếu trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần (tám giới kiêng; bát quan trai giới), thì dịp bố-tát [uposatha] sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm nhập một cách khác thường. Và theo cách nào dịp bố-tát được trai giới toàn-bộ trong tám chi-phần, để nó sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao, xán lạn và thấm

nhập một cách khác thường?” [Tiếp tục phần còn lại giống hệt kinh 8:42 kế trên, gồm cả phần thi kệ.]

46 (6) A-nậu-lâu-đà Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Bấy giờ, vào lúc đó Ngài A-nậu- lâu-đà (Anuruddha) đã ra ngoài cả ngày để an trú qua ngày và ở tách-ly một mình, khi đó có một số thiên thần có thân hình khả ái đã đến gặp thầy ấy, họ kính lễ, và đứng sang một bên, và thưa với thầy ấy:1716 “Thưa thầy A-nậu-lâu-đà, chúng tôi, những thiên thần có thân khả ái, làm chủ (tự chủ) và kiểm soát (tự tại) được ba điều. Muốn màu sắc nào chúng tôi lập tức có được. Muốn sự vui sướng nào chúng tôi lập có được. Và muốn giọng nói nào chúng tôi lập tức có được. Chúng tôi, những thiên thần làm chủ và kiểm soát được ba điều này.” Rồi thầy A-nậu-lâu-đà nghĩ: “Cầu cho tất cả thiên thần này biến thành màu xanh dương, có da xanh, với y phục xanh và trang sức xanh.” Sau khi

• 93

biết được ý nghĩ của thày A-nậu-lâu-đà, các thiên thần đó đều biến thành màu xanh dương, có da xanh, với y phục xanh và trang sức xanh. Rồi thầy A-nậu-lâu-đà nghĩ: “Cầu cho tất cả thiên thần này biến thành màu vàng … màu đỏ … màu trắng, có da trắng, với y phục trắng và trang sức trắng.” Sau khi biết được ý nghĩ của thày A-nậu-lâu-đà, các thiên thần đó đều biến thành màu trắng, có da trắng, với y phục trắng và trang sức trắng. Rồi một thiên thần đã hát, một múa, và một còn lại bún ngón tay. Giống như, khi một ban nhạc được luyện tập bài bản và nhịp chơi được phối hợp một cách hay khéo,1717 và ban nhạc gồm có những nhạc sĩ tài hoa, nhạc của ban thì tuyệt hay, khêu gợi, tình tứ, quyến rũ, và làm say sưa; sự biểu diễn của các thiên thần đó là tuyệt hay, khêu gợi, tình tứ, quyến rũ, và làm say sưa. Nhưng lúc đó thầy A-nậu-lâu-đà đã thu lui các giác-quan (các căn cảm-nhận; thu thúc lục căn). Rồi các thiên thần đó [do nghĩ]: “Thầy A-nậu-lâu-đà không thưởng thức [màn này]” nên họ biến mất ngay tại chỗ.1718 Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy A-nậu-lâu-đà ra khỏi chỗ ẩn cư và đến gặp đức Thế Tôn. Thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, ở đây, lúc con đã ra ngoài cả ngày để an trú qua ngày và ở tách-ly một mình, khi đó có một số thiên thần có thân hình khả ái đã đến gặp … [Thầy ấy kể lại toàn bộ chuyện đã xảy ra như trên] … Rồi các thiên thần đó [do nghĩ]: “Thầy A-nậu-lâu-đà không thưởng thức [màn này]” nên họ biến mất ngay tại chỗ. “Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu phẩm-chất một người nữ có được để mà, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái như vậy?” “Này A-nậu-lâu-đà, nếu người nữ có được tám phẩm-chất thì, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái. Tám đó là gì?1719 (1) “Ở đây, này A-nậu-lâu-đà, đối với người chồng nào mà cha mẹ

của một phụ nữ đã gả cho cô ấy—họ làm vậy vì mong muốn điều tốt đẹp cho cô ta, để tìm kiếm phúc lợi cho cô ta, đặt sự bi mẫn lên cô ấy, làm vì sự bi mẫn dành cho cô ấy—thì cô ấy thức dậy trước chồng và đi nghỉ sau chồng, đảm đương những việc cần

được làm, hòa nhã trong hành-vi và khả ái trong lời-nói của mình. (2) Cô ấy sẽ vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người mà chồng mình kính trọng—như cha mẹ chồng, các tu sĩ và bà-la- môn—và khi họ đến nhà cô ấy mời chỗ ngồi và nước uống. (3) Cô ấy khéo léo và chú ý đến những công việc trong nhà của chồng, dù đó là việc đan thêu hay may vá; cô ấy có nhận định đúng đắn về những công việc để cô ấy làm và thu xếp một cách phù hợp. (4) Cô ấy để ý đến những người giúp việc của nhà chồng—từ người hầu, người đưa tin, hay người làm công—để coi việc nào họ đã làm xong hay chưa làm; cô ấy tìm hiểu tình trạng sức khỏe của họ khi họ bị bệnh; và phân phát những phần thức ăn đúng mức cho họ. (5) Cô ấy phòng hộ và bảo vệ những thu-nhập mà chồng mang về— dù đó là tiền, hay lúa gạo, hay vàng bạc—1720 và cô ấy không phải là một người tiêu phá, gian cắp, phá của, hay tiêu xài lãng phí những thứ chồng làm ra. (6) “Cô ấy là một đệ tử tại gia nữ đã quy y theo Phật, Pháp, Tăng. (7) “Cô ấy là đức-hạnh (có giới hạnh), kiêng cữ (năm giới) sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. (8) “Cô ấy rộng lòng bố-thí, là người sống ở nhà với một cái tâm không bị ố nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng cho-đi, dang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự bố-thí và chia-sẻ. “Này A-nậu-lâu-đà, một phụ nữ có được tám phẩm-chất này thì, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái.”

• 95

Vợ thì không coi thường chồng,
Là người đã liên tục nuôi nấng mình,
Là người luôn nhiệt tình và hăng hái
Mang về cho vợ mọi thứ cô cần có.1721
Người phụ nữ tốt cũng không mắng chửi chồng
Bằng những lời lẽ do ghen tỵ mà ra;1722
Người phụ nữ khôn ngoan thì luôn thể hiện sự kính trọng,
Đối với những người mà chồng mình kính trọng.
Vợ thức dậy sớm, làm việc siêng năng,
Quản lý (những) người giúp việc trong nhà;
Vợ đối xử với chồng bằng những cách khả ái,
Và bảo vệ của cải chồng làm ra.
Người phụ nữ hoàn thành những bổn phận như vậy,
Theo ý chí và ước muốn của chồng,
Thì sẽ được tái sinh trong số những thiên thần
Được gọi là “những vị tiên khả ái”.

47 (7) Visākhā (2) Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Lâu Đài của Migāramata [mẹ của Migāra], trong Khu Vườn Phía Đông. Lúc đó có Visākhā Migāramātā [Visākhā là mẹ của Migāra] (tức là nữ đại thí chủ Visākhā) đã đến gặp đức Thế Tôn … Rồi đức Thế Tôn mới nói với cô ấy: “Này Visākhā, nếu người

nữ có được tám phẩm-chất thì, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái. Tám đó là gì? [Tiếp tục phần còn lại giống như kinh 8:46 kế trên, gồm cả phần thi kệ.]

48 (8) Nakula

96 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ người Bhagga, ở Suṃsumāragira, trong vườn nai ở khu Rừng Bhesakalā. Lúc đó có nữ gia chủ Nakulamātā [Mẹ của Nakula] đã đến gặp đức Thế Tôn … Đức Thế Tôn đã nói với cô ấy: “Này Nakulamātā, nếu người nữ có được tám phẩm-chất thì, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần có thân hình khả ái. Tám đó là gì? [Tiếp tục phần còn lại giống như kinh 8:46 kế trên, gồm cả phần thi kệ.]

49 (9) Trong Đời Này (1) 1723 Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvatthī (Xá- vệ), trong Lâu Đài của Migāramata [mẹ của Migāra], trong Khu Vườn Phía Đông. Lúc đó có Visākhā Migāramātā [Visākhā là mẹ của Migāra] (tức là nữ đại thí chủ Visākhā) đã đến gặp đức Thế Tôn … Rồi đức Thế Tôn mới nói với cô ấy: (I) “Này Visākhā, khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất thì cô ta đang hướng tới sự thắng-lợi trong đời này và cuộc sống của cô ấy trong cõi (thế gian) này là thành-công.1724 Bốn đó là gì? “Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ có khả năng trong công việc; cô ta biết quản lý (những) người giúp việc trong nhà; cô ta biết cư xử theo cách khả ái đối với chồng mình; và cô ta biết bảo vệ những thứ (thu nhập) chồng mình làm ra. (1) “Và theo cách nào là một phụ nữ có khả năng trong công việc? Ở đây, cô ta khéo tay và siêng năng đối với những công việc trong nhà của người chồng, dù là việc dệt len hay dệt vải; cô ta biết tìm hiểu những phương tiện thích hợp và có khả năng làm và thu xếp mọi thứ một cách hợp lý. Theo cách như vậy là một người phụ nữ có khả năng trong công việc của mình. (2) “Và theo cách nào là một phụ nữ biết quản lý (những) người giúp

• 97

việc trong nhà? Ở đây, này Visākhā, đối với những người giúp việc trong nhà chồng—người ở, người hầu, hoặc người làm—cô ta coi ngó trực tiếp để biết rõ những gì họ đã làm và chưa làm; cô ta biết rõ lúc họ bệnh đau hay khỏe mạnh; và cô ta phân chia những thức ăn cho họ một cách phù hợp. Theo cách như vậy là một người phụ nữ biết quản lý (những) người giúp việc trong nhà. (3) “Và theo cách nào là một người phụ nữ biết cư xử một cách khả ái đối với chồng mình? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ không nên làm một việc xấu nào mà chồng mình cho là không chấp nhận được, ngay cả khi phải chết cô cũng không làm vậy. Theo cách như vậy là người phụ nữ cư xử một cách khả ái đối với chồng mình. (4) “Và theo cách nào là một phụ nữ biết bảo vệ những thứ (thu nhập) chồng mình làm ra? Ở đây, này Visākhā, bất cứ thứ gì người chồng mang về—tiền, hay lúa gạo, bạc hay vàng—cô ta phải làm tốt việc bảo vệ và bảo toàn nó, và cô ta không phải là một người tiêu phá, gian cắp, phá của, hay tiêu xài lãng phí những thứ chồng làm ra. Theo cách như vậy là một người phụ nữ bảo vệ những

thứ chồng mình làm ra. “Này Visākhā, khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất này thì cô ta đang hướng tới sự thắng-lợi trong đời này và cuộc sống của cô ấy trong cõi này là thành-công. (II) “Khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất [khác] thì cô ta đang hướng sự thắng-lợi trong đời sau và cuộc sống của cô trong cõi sau sẽ thành-công. Bốn đó là gì? “Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ thành tựu về niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự rộng lòng bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. (5) “Và theo cách nào là một người phụ nữ thành tựu về niềm-tin (tín)? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ là có niềm-tin, cô ta đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A- la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết

98 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

(những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về niềm-tin. (6) “Và theo cách nào là một phụ nữ thành tựu về giới-hạnh (giới)? Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về giới-hạnh. (7) “Và theo cách nào là một người phụ nữ thành tựu về sự rộng lòng bố-thí (thí)? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ sống ở nhà với một cái tâm không bị ố nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, dang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự bố-thí và chia-sẻ. Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về sự rộng lòng bố-thí. (8) “Và theo cách nào một người phụ nữ thành tựu về trí-tuệ (tuệ)? Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ có được trí-tuệ để nhận biết sự khởi-sinh và biến-diệt (của mọi thứ), (trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.1725 “Khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất này thì cô ta đang hướng sự thắng-lợi trong đời sau và cuộc sống của cô trong cõi sau sẽ thành-công.” Có khả năng làm được những công việc của mình, Quản lý những người giúp việc trong nhà, Vợi đối xử với chồng theo những cách khả ái, Và bảo vệ của cải chồng làm ra. Giàu về niềm-tin (tín), có được giới-hạnh (giới), Từ-thiện và không có tánh keo-kiệt (thí), Cô ấy thường xuyên thanh lọc đạo (của mình) Dẫn tới sự an-toàn trong kiếp vị lai. Người ta gọi một phụ nữ

• 99

Mà có được tám phẩm-chất này,
Có đức-hạnh, vững-vàng trong Giáo Pháp
Là một người nói lên sự-thật.
Đã thành-tựu về mười sáu phương-diện,1726
Toàn-vẹn trong tám chi-phần (tám chi giới?),
Một nữ đệ tử tại gia đức-hạnh như vậy
Sẽ được tái sinh trong một cõi thiên thần khả ái.

50 (10) Trong Đời Này (2) “Này các Tỳ kheo, khi một người phụ nữ có được bốn phẩm-chất thì cô ta đang hướng tới sự thắng-lợi trong đời này và cuộc sống của cô ấy trong cõi (thế gian) này là thành-công. Bốn đó là gì? [Tiếp tục nội dung còn lại giống kinh 8:49 kế trên, gồm cả phần thi kệ.]

100 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

[Năm Mươi Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1. KIỀU-ĐÀM-DI

51 (1) Kiều-Đàm-Di 1727 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích-Ca (Sakya), ở Ka- pilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigro- dha.1728 Lúc đó có bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di [Mahāpajāpatī Gotamī]: là di mẫu (vừa là dì ruột và là mẹ kế) và bảo mẫu của Đức Phật) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, đứng qua một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu một phụ nữ có thể (được phép) từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai.”1729 “Đủ rồi, dì Kiều-đàm-di (Gotamī)! Đừng có ủng hộ những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai.” Lần thứ hai … Lần thứ ba bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu một phụ nữ có thể được từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai.” “Đủ rồi, dì Kiều-đàm-di! Đừng có ủng hộ những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai.”1730 Rồi bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di, do nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn không cho phép những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành” nên đã khổ sở và buồn bã, khóc ràng rụa nước mắt trên mặt bà.

102 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

Rồi bà đã kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải của mình, và ra về. Sau khi đã ở lại Kapilavatthu một thời gian theo ý mình, đức Thế Tôn đã lên đường đi du hành tới Vesālī (Tỳ-xá-li). Sau khi đã du hành hết chuyến đi, cuối cùng đức Thế Tôn cũng đến Vesālī, ở đó đức Thế Tôn trú ở trong hội trường mái nhọn trong khu Rừng Lớn. Rồi bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đã cạo tóc, khoát y màu vàng úa, rồi cùng với một số phụ nữ người Thích-Ca,1731 cũng lên đường đi tới Vesālī. Cuối cùng bà cũng đến được Vesālī và [đi đến] hội trường mái nhọn trong khu Rừng Lớn. Rồi, với hai bàn chân đã bị sưng phồng và thân thể đầy bụi đất, khổ sở và buồn bã, khóc ràng rụa nước mắt trên mặt bà, bà cứ đứng ở ngoài cổng. Ngài Ānanda nhìn thấy bà đứng đó trong cảnh đó, thầy đã nói với bà: “Dì Kiều-đàm-di, sao dì cứ đứng ngoài cổng với hai bàn chân đã bị sưng phồng và thân thể đầy bụi đất, khổ sở và buồn bã, khóc ràng rụa nước mắt trên mặt như vậy?” “Thầy Ānanda, con ra nông nỗi như vầy bởi vì đức Thế Tôn không cho phép những phụ nữ xuất gia tu hành.” “Thì ra là vậy, này dì Kiều-đàm-di, dì hãy chờ ngay đây [một chốc 1732 lát] để tôi thử đi thỉnh cầu đức Thế Tôn cho phép những phụ nữ xuất gia.” Rồi thầy Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế

Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, dì Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đang đứng ở ngoài cổng với hai bàn chân đã bị sưng phồng và thân thể đầy bụi đất, khổ sở và buồn bã, khóc ràng rụa nước mắt trên mặt, bởi vì đức Thế Tôn không cho phép những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai.” “Đủ rồi, này Ānanda! Đừng có ủng hộ những phụ nữ từ bỏ đời sống

• 103

tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai.” Lần thứ hai … Lần thứ ba thầy Ānanda thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu một phụ nữ có thể được từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai.” “Đủ rồi, này Ānanda! Đừng có ủng hộ những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai.” Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với thầy Ānanda: “Đức Thế Tôn đã không cho phép những phụ nữ từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Vậy mình hãy thỉnh cầu theo cách khác để đức Thế Tôn cho phép phụ nữ xuất gia.” Rồi thầy Ānanda đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, nếu như một phụ nữ (được phép) từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, liệu có khả năng nào họ chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, thánh quả Nhất-lai, thánh quả Bất-lai, và thánh quả A-la- hán, hay không?” “Điều đó là có thể, này Ānanda. “Thưa Thế Tôn, nếu có khả năng là phụ nữ chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, thánh quả Nhất-lai, thánh quả Bất-lai, và thánh quả A-la-hán, [và sau khi xem xét rằng] dì Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đã rất giúp-ích đối với đức Thế Tôn—dì ấy đã từng là dì ruột, vú nuôi, và mẹ nuôi, là người đã nuôi dưỡng bậc ấy bằng chính sữa của mình sau khi mẹ ruột của bậc ấy qua đời—thì giờ sẽ tốt lành nếu những phụ nữ có thể đạt được sự từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai.” “Này Ānanda, nếu dì Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di chấp nhận được bộ

104 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

‘tám quy-tắc về sự tôn-trọng’ (bát tôn quy),1733 thì hãy để chính đó là (gồm có trong?) sự thụ-giới toàn-bộ của dì ấy (đại thọ giới, cụ túc giới; để thành Tỳ kheo ni).1734 (1) “Một Tỳ kheo ni đã thụ giới một trăm năm cũng phải kính lễ một Tỳ kheo mới thụ giới trong ngày, phải đứng dậy khi thấy Tỳ kheo đó, chào người đó một cách kính trọng, và cư xử một cách lễ phép đối với người đó. Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm.1735 (2) “Một Tỳ kheo ni không được nhập kỳ an-cư mùa mưa (kiết hạ) ở những nơi có các Tỳ kheo.1736 Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm. (3) “Mỗi nửa-tháng một Tỳ kheo ni phải thỉnh mời Tăng Đoàn về hai điều: về [ngày] bố-tát (uposatha), và về việc (Tỳ kheo) đến để khởi xướng (chỉ dạy, giáo giới; tức là Tăng đoàn cử Tỳ kheo đến để giảng dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo ni).1737 Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi

phạm. (4) “Một Tỳ kheo ni sau khi đã tuân thủ xong kỳ an-cư mùa mưa, ni đó phải làm lễ-mời (lễ tự tứ) (để tu chỉnh tội hay lỗi của mình) trước mặt cả Tăng đoàn và Ni Đoàn đối với ba điều: đối với điều đã được thấy, đã được nghe, hay đã được nghi ngờ.1738 Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm. (5) “Một Tỳ kheo ni đã vi phạm một tội nặng phải tuân thủ hình phạt nửa-tháng trước mặt cả Tăng Đoàn và Ni Đoàn.1739 Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm. (6) “Một nữ tu tập sự đã hoàn thành hai năm tu tập trong sáu quy-tắc thì phải xin cả Tăng Đoàn và Ni Đoàn cho thụ toàn-bộ giới (đại thọ giới, cụ túc giới, để thành Tỳ kheo ni).1740 Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm. (7) “Một Tỳ kheo ni bằng mọi giá không được sỉ nhục hay chửi mắng

một Tỳ kheo. Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm. (8) “Từ hôm nay, này Ānanda, những Tỳ kheo ni bị cấm (không được) khiển trách các Tỳ kheo, nhưng các Tỳ kheo thì không bị cấm (được) khiển trách các Tỳ kheo ni. Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm. “Này Ānanda, nếu dì Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di chấp nhận được bộ ‘tám quy-tắc về sự tôn-trọng’ này, thì hãy để chính đó là sự thụ-giới toàn- bộ của dì ấy.”1741 Rồi thầy Ānanda, sau khi đã học bộ ‘tám quy-tắc về sự tôn-trọng’ này từ đức Thế Tôn, đã ra gặp bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di, và nói với bà ấy: “Này dì Kiều-đàm-di, nếu dì chấp nhận bộ ‘tám quy-tắc về sự tôn- trọng’, thì chính nó là sự thụ-giới toàn-bộ của dì, đó là: (1) “Một Tỳ kheo ni đã thụ giới một trăm năm cũng phải kính lễ một Tỳ kheo mới thụ giới trong ngày … [lặp lại toàn bộ tám quy-tắc từ (1)-(8) mà Phật mới nói ra] … Quy tắc này phải được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng và tôn kính, và suốt đời không được vi phạm.” “Này dì Kiều-đàm-di, nếu dì chấp nhận bộ ‘tám quy-tắc về sự tôn- trọng’, thì chính nó là sự thụ-giới toàn-bộ của dì.” “Thưa thầy Ānanda, nếu một người nữ hay nam—trẻ tuổi, trẻ trung, và mang đầy trang sức, với đầu được sức dầu—mà đạt được một vòng hoa được làm từ hoa sen, hoa lài, hay hoa huệ,1742 thì người đó sẽ chấp nhận nó bằng cả hai tay và đội nó trên đầu mình. Như cách (trang trọng) đó, con chấp nhận bộ ‘tám quy-tắc về sự tôn-trọng’ này suốt đời không vi phạm.” Rồi thầy Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa lại: “Thưa Thế Tôn, dì Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di đã chấp nhận ‘tám quy- tắc về sự tôn-trọng’ là những điều suốt đời không được vi phạm.” “Này Ānanda, nếu những phụ nữ không đạt được sự từ bỏ đời sống

tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, thì đời sống tâm linh sẽ trường tồn rất lâu; thiện Giáo Pháp sẽ đứng vững thậm chí một ngàn năm. Tuy nhiên, này Ānanda, do những phụ nữ đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành trong Giáo Pháp và giới luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, nên giờ đời sống tâm linh sẽ không trường tồn được lâu dài; thiện Pháp chỉ kéo dài được năm trăm năm.1743 “Này Ānanda, giống như những kẻ

trộm cướp đang rình mò1744 sẽ dễ dàng tấn công những gia đình có ít nam nhiều nữ; trong Giáo Pháp và giới luật nào những phụ nữ đạt được sự từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì đời sống tâm linh đó không trường tồn được lâu dài. “Này Ānanda, giống như một ruộng lúa nương đã chín, nếu bệnh trắng lá tấn công nó,1745 thì ruộng lúa nương đó không trụ được lâu; trong Giáo Pháp và giới luật nào những phụ nữ đạt được sự từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì đời sống tâm linh đó không trường tồn được lâu dài. “Này Ānanda, giống như một ruộng mía đã chín, nếu bệnh rỉ sét tấn công nó,1746 thì ruộng mía đó không trụ được lâu; trong Giáo Pháp và giới luật nào những phụ nữ đạt được sự từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì đời sống tâm linh đó không trường tồn được lâu dài. “Này Ānanda, giống như một người xây một con đê bao xung quanh một hồ trữ nước lớn như một sự phòng ngừa nước thoát chảy ra ngoài; như một sự phòng ngừa, ta đã quy định đối với những Tỳ kheo ni ‘tám quy-tắc về sự tôn-trọng’ này là những điều suốt đời không được vi phạm.”1747

52 (2) Sự Khởi Xướng Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội

trường mái nhọn trong khu Rừng Lớn. Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo cần có được bao nhiêu phẩm-chất để được chấp nhận là một người khởi-xướng (giáo giới, chỉ dạy) cho những Tỳ kheo ni?” 1748 “Này Ānanda, một Tỳ kheo cần có được tám phẩm-chất để được chấp nhận là một người khởi-xướng cho các Tỳ kheo ni. Tám đó là gì? (1) “Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo là có giới-hạnh … [như mẫu đoạn (4) ở kinh 8:02] …

(2) “Người đó đã học-hiểu nhiều … [như mẫu đoạn (5) ở kinh 8:02] … (3) “Cả hai Pātimokkha (Giới bổn Tỳ Kheo và Giới bổn Tỳ Kheo Ni) đã được truyền thừa cho người đó một cách chi tiết, đã được phân tích, đã được nắm vững, đã được phán quyết theo đúng những điều-luật và những dẫn giải chi tiết của chúng. (4) “Người đó là người thuyết giảng hay khéo, có sự truyền tải tốt; người đó được phú cho giọng nói trau chuốt, rõ ràng, rõ chữ, giải bày ý nghĩa. (5) “Người đó có khả năng chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ Ni Đoàn bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. (6) “Người đó làm hài lòng và đáng mến đối với hầu hết những Tỳ kheo ni. (7) “Người đó chưa từng phạm một tội nặng nào đối với một phụ nữ mặc cà sa màu vàng úa đã xuất gia theo/dưới đức Thế Tôn. (8) “Người đó có thâm niên tuổi hạ 20 năm hoặc hơn. “Một Tỳ kheo cần có được tám phẩm-chất này để được chấp nhận là một người giáo giới cho các Tỳ kheo ni.”

53 (3) Một Cách Tóm Gọn 1749

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong hội trường mái nhọn trong khu Rừng Lớn. Lúc đó bà Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di [Mahāpajāpatī Gotamī] đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi

nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, lui về, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập).” “Này ni Kiều-đàm-di, những điều nào ni có thể biết: ‘Những điều này: dẫn tới (1) sự mê-đắm, không phải sự không còn mê-đắm (tỉnh ngộ), (2) dẫn tới sự trói-buộc, không phải sự tách-lìa; (3) dẫn tới sự xây-đắp, không phải sự phá-bỏ; (4) dẫn tới những tham-muốn mạnh (đa dục), không phải sự ít tham-muốn (thiểu dục); (5) dẫn tới sự không biết hài-lòng (bất tri túc), không phải sự biết hài-lòng (tri túc, thanh bần); (6) dẫn tới sự gặp-gỡ giao lưu, không phải sự ở một-mình (độc cư); (7) dẫn tới sự lười- biếng, không phải sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn); (8) dẫn tới sự khó được ủng-hộ, không phải sự dễ được ủng-hộ’, thì ni dứt khoát nhận định rằng: ‘Đây không phải Giáo Pháp; đây không phải giới luật; đây không phải giáo lý của Vị Thầy (Phật).’ Nhưng, này ni Kiều-đàm-di, những điều nào ni có thể biết: ‘Những điều này: (1) dẫn tới sự không-còn mê đắm, không phải sự mê-đắm, (2) dẫn tới sự tách-lìa, không phải sự trói-buộc; (3) dẫn tới sự phá-bỏ, không phải sự xây-đắp; (4) dẫn tới sự ít tham-muốn, không phải những tham-muốn mạnh; (5) dẫn tới sự biết hài-lòng, không phải sự không biết hài-lòng; (6) dẫn tới sự ở một-mình, không phải sự gặp-gỡ giao lưu; (7) dẫn tới sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), không phải sự lười-biếng; (8) dẫn tới sự dễ được ủng-hộ, không phải sự khó được ủng-hộ’, thì ni dứt khoát nhận định rằng: ‘Đây là Giáo Pháp; đây là giới- luật; đây là giáo lý của Vị Thầy.’”

54 (4) Dīghajāṇu Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những xứ dân Koliya

• 109

(Câu-lợi) trong một thị trấn của họ tên là thị trấn Kakkarapatta. Rồi một người họ tộc tên Dīghajānu (Chân Cọp Dài) đã đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống như vậy, ông ta thưa với đức Thế Tôn như vầy: “Thưa Thế Tôn, chúng con là những người tại gia đang thụ hưởng những dục-lạc (khoái-lạc giác quan), đang sống ở nhà với đầy con cháu. Chúng con dùng gỗ đàn hương tốt từ Kāsi; chúng con đeo vòng hoa, dùng dầu thơm (nước hoa) và phấn sáp (kem, chất cao); chúng con nhận dùng vàng bạc. Mong Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con Giáo Pháp để dẫn đến ích lợi và hạnh phúc ngay trong kiếp này và trong những kiếp sau.” (I) “Này ông Byagghapajja,1750 có bốn điều dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của một người họ tộc ngay trong kiếp này. Bốn là gì? Có đầy đủ sự tháo-vát, có đầy đủ sự cẩn-trọng, có bạn-tốt, và có đời sống cân-bằng. (thuộc đời sống thế tục) (1) “Và cái gì là sự có đầy đủ sự tháo-vát? Ở đây, này ông Byag- ghapajja, dù nghề nghiệp gì người tại gia đang làm—làm nông, buôn bán, chăn nuôi gia súc, săn bắn, làm công sở hoặc bất cứ nghề gì—thì ở đó người đó cần phải có kỹ năng và siêng năng; tìm hiểu rõ cách làm và công cụ nghề nghiệp; có khả năng thực hiện và thu xếp công việc một cách hợp lý. Đây được gọi là sự có đầy đủ sự tháo-vát. (2) “Và cái gì là sự có đầy đủ sự cẩn-trọng? Ở đây, này ông Byag- ghapajja, một người họ tộc nên thiết lập sự bảo vệ và phòng hộ tài sản do mình đã làm ra bằng sự tháo-vát và nỗ-lực, được tích cóp bằng công sức của tay mình, kiếm được bằng mồ hôi của mình, là tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đó luôn biết nghĩ: ‘Làm cách nào tôi bảo vệ tài sản không bị cướp bóc hay bị vua chúa tịch thu, không bị hỏa hoạn cháy mất, không bị lũ lụt cuốn mất, và không

bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt?' Đây được gọi là sự có đầy đủ sự cẩn-trọng. (3) "Và cái gì là sự có bạn-tốt? Ở đây, này ông Byagghapajja, trong làng hay phố thị nào một người họ tộc sống, người đó nên biết giao lưu

với những gia chủ [hay con trai của họ], dù trẻ mà có đức-hạnh hay già và có đức-hạnh, là những người thành tựu (có đầy đủ) về niềm-tin, giới-hạnh, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ; người đó nói chuyện với họ và tham gia thảo luận với họ. Người đó thi đua với họ để thành tựu bằng họ về mức độ niềm-tin, giới-hạnh, sự bố-thí, và trí-tuệ. Đây được gọi là sự có bạn-tốt. (4) "Và cái gì là sự có đời sống cân-bằng? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người họ tộc nên biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, làm sao để cho mức thu nhập luôn nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại. Ví dụ một người thợ bạc [hay người phụ việc của ông ta] khi cầm cân lên, biết rõ: 'Bớt bao nhiêu thì cần cân nghiêng xuống, thêm bao nhiêu thì cần cân nhỏng lên'. Cũng giống như vậy, một người họ tộc cũng biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, làm sao để cho mức thu nhập luôn nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại. "Nếu người họ tộc này có thu nhập ít mà sống một cách xa xỉ, những người khác sẽ nói về ông: 'Ông họ tộc này chắc ăn của cải như ăn trái sung.'1751 Nhưng nếu ông có thu nhập nhiều nhưng sống một cách hà tiện, những người khác sẽ nói về ông: "Họ tộc này chắc bỏ đói cả chính mình luôn.'1752 Nhưng đời sống được gọi là cân bằng khi một người họ tộc biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, và [biết]: 'Theo cách này mức thu nhập của mình sẽ nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại.' (a) "Tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa làm tiêu tán, đó là: trai gái, rượu chè, cờ bạc, và có bạn xấu. Giống như một cái hồ trữ nước lớn có bốn cửa chảy vô và bốn cửa chảy ra, nếu một người đóng các cửa vô và mở các cửa ra, và không có lượng nước mưa nào thêm vào, thì nước sẽ càng lúc càng hao hụt chứ không tăng lên; cũng giống như vậy, tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa làm tiêu tán, đó là: trai gái; rượu chè; cờ bạc; và bạn xấu.

(b) "Tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa tích lũy thêm, đó là: tránh bỏ trai gái, rượu chè, cờ bạc, và bạn xấu. Giống như một cái hồ trữ nước lớn có bốn cửa chảy vô và bốn cửa chảy ra, nếu một người đóng các cửa ra và mở các cửa vô, và có thêm lượng nước mưa vào, thì nước sẽ càng lúc càng tăng lên chứ không hao hụt; cũng giống như vậy, tài sản được tích lũy như vậy có bốn cửa tích lũy thêm, đó là: tránh bỏ trai gái, rượu chè, cờ bạc, và có bạn tốt. Đây được gọi là sự có đời sống cân-bằng. "Đây là bốn điều dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người tại gia ngay trong kiếp này. (II) "Rồi, này ông Byagghapajja, có bốn điều [khác] dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của người tại gia trong những kiếp sau. Bốn đó là gì? Thành tựu về niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự rộng lòng bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. (thuộc đời sống tâm linh) (5) "Và cái gì là thành tựu về niềm-tin? Ở đây, một người họ tộc có niềm-tin; người đó đặt

niềm tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’ Đây được gọi là thành tựu về niềm-tin. (6) “Và cái gì là thành tựu giới-hạnh? Ở đây, một người họ tộc sống kiêng cữ sự sát-sinh, kiêng cữ gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là thành tựu về giới-hạnh. (7) “Và cái gì là thành tựu về sự rộng lòng bố-thí? Ở đây, một người họ tộc sống ở nhà với một cái tâm không bị ố nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, dang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự bố-thí và chia-sẻ. Đây được gọi là thành tựu về sự rộng lòng bố-thí. (8) “Và cái gì là thành tựu về trí-tuệ? Ở đây, một người họ tộc có

được trí-tuệ để nhận biết sự khởi-sinh và biến-diệt, (trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây được gọi là thành tựu về trí-tuệ. “Đây là bốn điều [khác] dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của một người họ tộc trong những kiếp sau.” Tháo vát trong nghề nghiệp, Chú trọng trong mọi sự thu xếp, Cân bằng trong lối sống, Người đó bảo vệ tài sản mình đã làm ra. Được phú cho niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, Từ thiện và tránh bỏ tính keo kiệt, Người đó đều đặn thanh lọc con đường đạo, Dẫn tới sự an-toàn trong những kiếp sau. Như vậy tám phẩm chất này Của một người thành tín tìm kiếm đời sống tại gia Đã được nói ra bởi bậc hữu danh hữu thực (tức Phật)1753 Để dẫn tới sự hạnh-phúc cho cả hai trạng thái: Dẫn tới sự tốt lành và phúc lợi ngay trong kiếp này Và sự hạnh phúc trong những kiếp sau. Như vậy đối với những ai sống tại gia, Sự rộng lòng bố-thí và phước-đức của họ gia tăng.

55 (5) Ujjaya Lúc đó có bà-la-môn tên là Ujjaya đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ấy ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thầy Cồ-đàm, tôi muốn đi ra nước ngoài. Mong Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp về những điều dẫn tới ích lợi và hạnh phúc của tôi ngay trong kiếp này và trong những kiếp sau.”

• 113

[Tiếp tục giống y nội dung kinh 8:54 kế trên, gồm cả phần thi kệ, chỉ khác là kinh này người hỏi và nghe là ông bà-la-môn.]

56 (6) Hiểm Họa 1754 “Này các Tỳ kheo, ‘hiểm-họa’ là chữ (cách) để chỉ những khoái-lạc giác quan (dục lạc). (2) ‘Sự khổ’ là chữ để chỉ những khoái-lạc giác quan. (3) ‘Căn bệnh’ là chữ để chỉ những khoái-lạc giác quan. (4) ‘Ung nhọt’ là chữ để chỉ những khoái-lạc giác quan. (5) ‘Mũi tên (độc)’ là chữ để chỉ những khoái-lạc giác quan. (6) ‘Sự trói-buộc’ là chữ để chỉ những khoái- lạc giác quan. (7) ‘Vũng lầy’ là chữ để chỉ những khoái-lạc giác quan. (8) ‘Bào thai’ là chữ để chỉ những khoái-lạc giác quan. “Và, này các Tỳ kheo, tại sao ‘hiểm-họa’ là chữ (cách) để chỉ những khoái-lạc giác quan? Người ta bị

kích thích bởi tham-muốn giác quan (tham dục), bị trói buộc bởi tham-muốn và nhục-dục, không thoát khỏi hiểm-họa thuộc kiếp này hay hiểm-họa thuộc những kiếp sau; vì vậy 'hiểm-họa' là chữ để chỉ những khoái-lạc giác quan. "Và tại sao vì sao 'sự khổ' ... 'căn bệnh' ... 'ung nhọt' ... 'mũi tên (độc)' ... 'sự trói-buộc' ... 'vũng lầy' ... 'bào thai' là chữ (cách) để chỉ những khoái-lạc giác quan? Người ta bị kích thích bởi tham-muốn giác quan (tham dục), bị trói buộc bởi tham-muốn và nhục-dục, không thoát khỏi hiểm-họa thuộc kiếp này hay bào thai thuộc những kiếp sau;1755 vì vậy 'bào-thai' là chữ để chỉ những khoái-lạc giác quan." Hiểm-họa, sự khổ, và căn bệnh Ung nhọt, mũi tên, sự trói-buộc, Vũng lầy và bào thai: Những chữ này tả thực về những dục-lạc, Là những thứ người phàm phu dính theo. Do chìm đắm trong những thứ khoái thích, Họ cứ tiếp tục chui vô bào thai (luân hồi tái sinh). Nhưng khi một Tỳ kheo nhiệt thành (tu tập)

Và người đó không lơ là sự rõ-biết (tỉnh giác),
Theo cách như vậy bậc ấy vượt thoát khỏi
Vũng lầy thống khổ này;
Bậc ấy nhìn khắp quần chúng phất phơ này
Đã rớt trong sinh-già.

57 (7) Đáng Được Cúng Dường (1) "Này các Tỳ kheo, có được tám phẩm-chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Tám đó là gì? (1) "Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh ... Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) "Người đó đã học-hiểu nhiều ... và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn. (3) "Người đó có những bạn tốt, những đồng đạo tốt, những bạn tu tốt. (4) "Người đó là người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), có một tầm-nhìn đúng đắn. (5) "Tùy theo mình muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, người đó có thể chứng nhập bốn tầng thiền định, (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (6) "Người đó có thể nhớ nhiều cõi kiếp quá khứ, đó là, một lần sinh, hai lần sinh ... [như đoạn này ở kinh 8:11] ... như vậy người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ. (túc mạng minh) (7) "Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người ... [như đoạn này trong kinh 8:11] ... người đó hiểu được cách mà những chúng sinh trả giá tùy theo những nghiệp của họ. (thiên nhãn minh)

(8) "Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí- biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. (lậu tận minh) "Có được tám phẩm-chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian."

58 (8) Đáng Được Cúng Dường (2) “Này các Tỳ kheo, có được tám phẩm-chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Tám đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh … Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) “Người đó đã học-hiểu nhiều … và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn. (3) “Người đó đã phát khởi nỗ-lực (tinh tấn);1756 người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố-gắng, không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành. (4) “Người đó là người sống tu trong-rừng, là người lui về trú tu ở những nơi-ở xa lánh. (5) “Người đó đã chiến thắng sự bất-mãn và sự khoái-thích; người đó đã chinh phục sự bất-mãn mỗi khi nó khởi sinh. (6) “Người đó đã chiến thắng sự sợ-hãi và khủng-khiếp; người đó đã chinh phục sự sợ-hãi và khủng-khiếp mỗi khi chúng khởi sinh. (7) “Tùy theo mình muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, người đó có thể chứng nhập bốn tầng thiền định, (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần

tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này. (8) “Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. “Có được tám phẩm-chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.”

59 (9) Tám Loại Người (1) “Này các Tỳ kheo, tám loại người này là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Tám đó là gì? Bậc Nhập-lưu, bậc đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu; bậc Nhất-lai, bậc đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhất-lai; bậc Bất-lai, bậc đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Bất-lai; bậc A-la-hán, bậc đang tu tập để chứng ngộ thánh quả A-la-hán.1757 Này các Tỳ kheo, tám loại người này là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công-đức cao nhất trong thế gian.” Bốn đang tu-tập thánh đạo1758 Và bốn đã thiết lập trong thánh quả: Đây là Tăng Đoàn chánh trực— Điềm tĩnh trong trí-tuệ và giới-hạnh.1759 Đối với những người ý định cúng-tế, Đối với những chúng sinh tìm kiếm công-đức, Là đang tạo công-đức vốn chín muồi thành những sự thu-nạp,1760 Thứ được cúng dường cho Tăng Đoàn mới mang đại phước quả.

60 (10) Tám Loại Người (2) [Giống kinh 8:59 kế trên, chỉ khác một chút ở phần thi kệ như sau:]

Bốn đang tu-tập thánh đạo
Và bốn đã thiết lập trong thánh quả:
Tám loại người giữa những chúng sinh—

Đây là Tăng Đoàn bậc nhất.
Đối với những người ý định cúng-tế,
Đối với những chúng sinh tìm kiếm công-đức,
Là đang tạo công-đức vốn chín muồi thành những sự thu-nạp,
Thứ được cúng dường cho Tăng Đoàn mới mang đại phước quả.
NHÓM 2. CĀPĀLA

61 (1) Tham Muốn "Này các Tỳ kheo, có tám loại người thấy có trong thế gian. Tám đó là gì? (1) "Ở đây, khi một Tỳ kheo đang trú ở một-mình, sống độc-lập, một sự tham-muốn về lợi-lộc khởi sinh trong người đó. Người đó có phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc.1761 Nhưng người đó không đạt được nó. Do thiếu lợi-lộc, người đó buồn sầu, suy sụp, và ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một Tỳ kheo có tham-muốn về lợi-lộc, (i) có phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc; (ii) không có được nó; (iii) buồn sầu và ai oán: người đó đã rớt khỏi Giáo Pháp thiện lành. (2) "Nhưng, khi một Tỳ kheo đang trú ở một-mình, sống độc-lập, một sự tham-muốn về lợi-lộc khởi sinh trong người đó. Người đó có phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc. Và người đó đạt được nó. Do có được lợi-lộc, người đó trở nên say sưa, càng lơ-tâm phóng dật và trôi giạt trong sự lơ-tâm phóng dật. Đây được gọi là một Tỳ

kheo có tham-muốn về lợi-lộc, (i) có phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc; (ii) có được nó; (iii) bị say sưa và lơ- tâm phóng dật: người đó đã rớt khỏi Giáo Pháp thiện lành. (3) "Nhưng, khi một Tỳ kheo đang trú ở một-mình, sống độc-lập, một sự tham-muốn về lợi-lộc khởi sinh trong người đó. Người đó không phát khởi bản thân, không chuyên-cần tu, và không tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc. Và người đó không đạt được nó. (iii) Do thiếu lợi-lộc, người đó buồn sầu, suy sụp, và ai oán; người đó khóc lóc, đấm ngực và trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một Tỳ kheo có tham-muốn về lợi-lộc, (i) không phát khởi bản thân, không chuyên-cần tu, và không tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc; (ii) không đạt được nó; (iii) buồn sầu và ai oán: người đó đã rớt khỏi Giáo Pháp thiện lành. (4) "Nhưng, khi một Tỳ kheo đang trú ở một-mình, sống độc-lập, một sự tham-muốn về lợi-lộc khởi sinh trong người đó. Người đó không phát khởi bản thân, không chuyên-cần tu, không tạo sự nỗ-lực để thu được lợi- lộc. Nhưng người đó đạt được nó. Do có được lợi-lộc, người đó trở nên say sưa, càng lơ-tâm phóng dật và trôi giạt trong sự lơ-tâm phóng dật. Đây được gọi là một Tỳ kheo có tham-muốn về lợi-lộc, (i) không phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc; (ii) có được nó; (iii) bị say sưa và lơ-tâm phóng dật: người đó đã rớt khỏi Giáo Pháp thiện lành. (5) "Nhưng, khi một Tỳ kheo đang trú ở một-mình, sống độc-lập, một sự tham-muốn về lợi-lộc khởi sinh trong người đó. Người đó có phát khởi bản thân, không chuyên-cần tu, không tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc. Nhưng người đó không đạt được nó. Mặc dù thiếu lợi-lộc, nhưng người đó không buồn sầu, suy sụp, và ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực hay trở nên quẫn trí. Đây được gọi là

một Tỳ kheo có tham-muốn về lợi- lộc, (i) có phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc; (ii) không đạt được nó; (iii) không buồn sầu và ai oán: người đó không rớt khỏi Giáo Pháp thiện lành. (6) “Nhưng, khi một Tỳ kheo đang trú ở một-mình, sống độc-lập, một

• 119

sự tham-muốn về lợi-lộc khởi sinh trong người đó. Người đó có phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc. Và người đó đạt được nó. Mặc dù có được lợi-lộc, nhưng người đó không trở nên say sưa, không lơ-tâm phóng dật hơn hay trôi giạt trong sự lơ-tâm phóng dật. Đây được gọi là một Tỳ kheo có tham-muốn về lợi-lộc, (i) có người phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc; (ii) không đạt được nó, (iii) không buồn sầu và ai oán: người đó không rớt khỏi Giáo Pháp thiện lành. (7) “Nhưng, khi một Tỳ kheo đang trú ở một-mình, sống độc-lập, một sự tham-muốn về lợi-lộc khởi sinh trong người đó. Người đó không phát khởi bản thân, không chuyên-cần tu, và không tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc. Và người đó không đạt được nó. Mặc dù thiếu lợi-lộc, nhưng người đó không buồn sầu, suy sụp, và ai oán; người đó không khóc lóc, đấm ngực hay trở nên quẫn trí. Đây được gọi là một Tỳ kheo có tham- muốn về lợi-lộc, (i) không phát khởi bản thân, chuyên-cần tu, và không sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc; (ii) không đạt được nó; (iii) không buồn sầu và ai oán: người đó không rớt khỏi Giáo Pháp thiện lành. (8) “Nhưng, khi một Tỳ kheo đang trú ở một-mình, sống độc-lập, một sự tham-muốn về lợi-lộc khởi sinh trong người đó. Người đó không phát khởi bản thân, không chuyên-cần tu, và không tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc. Nhưng người đó vẫn đạt được nó. Mặc dù có được lợi-lộc, nhưng người đó không trở nên say sưa, không lơ-tâm phóng dật hơn hay trôi giạt trong sự lơ-tâm phóng dật. Đây được gọi là một Tỳ kheo có tham-muốn về lợi-lộc, (i) không phát khởi bản thân, không chuyên-cần tu, hay tạo sự nỗ-lực để thu được lợi-lộc; (ii) đạt được lợi-lộc; không bị say sưa hay lơ- tâm phóng dật: người đó không rớt khỏi Giáo Pháp thiện lành. “Đây là tám loại người thấy có trong thế gian.”

62 (2) Có Khả Năng [1] “Này các Tỳ kheo, có được sáu phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả

120 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

năng [làm lợi ích] cho cả mình và người khác.1762 Sáu đó là gì? “Ở đây, (i) một Tỳ kheo nắm bắt nhanh về những giáo lý thiện lành;1763 (ii) người đó có khả năng lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã học; (iii) người đó điều tra tìm hiểu ý nghĩa của những giáo lý mà mình đã lưu nhớ trong tâm; (iv) người đó đã hiểu ý nghĩa và Giáo Pháp và tu tập đúng theo Giáo Pháp; (v) người đó là người thuyết giỏi, có sự truyền đạt tốt, được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, rõ chữ, diễn đạt ý nghĩa; (vi) người đó là người chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Có được sáu phẩm-chất này, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho cả mình và người khác. [2] “Có được năm phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho cả mình và người khác. Năm đó là gì? “Ở đây, (a) một Tỳ kheo không nắm bắt nhanh về những giáo lý thiện lành; nhưng (i) người đó có khả năng lưu nhớ trong tâm

những giáo lý mình đã học; (ii) người đó điều tra tìm hiểu ý nghĩa của những giáo lý mà mình đã lưu nhớ trong tâm; (iii) người đó đã hiểu ý nghĩa và Giáo Pháp và tu tập đúng theo Giáo Pháp; (iv) người đó là người thuyết giỏi … diễn đạt ý nghĩa; (v) người đó là người chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm ho- an hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Có được năm phẩm-chất đó, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho cả mình và người khác. [3] “Có được bốn phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho mình, nhưng không [làm ích lợi] cho người khác. Bốn đó là gì? “Ở đây, (i) một Tỳ kheo nắm bắt nhanh về những giáo lý thiện lành; (ii) người đó có khả năng lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã học; (iii) người đó điều tra tìm hiểu ý nghĩa của những giáo lý mà mình đã lưu nhớ trong tâm; (iv) người đó đã hiểu ý nghĩa và Giáo Pháp và tu tập đúng theo Giáo Pháp; nhưng (a) người đó không phải là người thuyết giỏi … diễn đạt ý nghĩa; và (b) người đó không phải là người chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Có được bốn phẩm-chất đó, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho mình, nhưng

• 121

không [làm ích lợi] cho người khác. [4] “Có được bốn phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho người khác, không [làm ích lợi] cho mình. Bốn đó là gì? “Ở đây, (i) một Tỳ kheo nắm bắt nhanh về những giáo lý thiện lành; (ii) người đó có khả năng lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã học; nhưng, (a) người đó không điều tra tìm hiểu ý nghĩa của những giáo lý mà mình đã lưu nhớ trong tâm; và (b) người đó chưa hiểu ý nghĩa và Giáo Pháp và không tu tập đúng theo Giáo Pháp. Tuy nhiên, (iii) người đó là người thuyết giỏi … diễn đạt ý nghĩa; và (iv) người đó là người chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Có được bốn phẩm-chất đó, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho người khác, nhưng không [làm ích lợi] cho mình. [5] “Có được ba phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho mình, nhưng không [làm ích lợi] cho người khác. Ba đó là gì? “Ở đây, (a) một Tỳ kheo không nắm bắt nhanh về những giáo lý thiện lành; nhưng, (i) người đó có khả năng lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã học; (ii) người đó điều tra tìm hiểu ý nghĩa của những giáo lý mà mình đã lưu nhớ trong tâm; và (iii) người đó đã hiểu ý nghĩa và Giáo Pháp và tu tập đúng theo Giáo Pháp; nhưng (b) người đó không phải là người thuyết giỏi … diễn đạt ý nghĩa; và (c) người đó không phải là người chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Có được ba phẩm-chất đó, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho mình, nhưng không [làm ích lợi] cho người khác. [6] “Có được ba phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho người khác, không [làm ích lợi] cho mình. Ba đó là gì? “Ở đây, (a) một Tỳ kheo không nắm bắt nhanh về những giáo lý thiện lành; nhưng (i) người đó có khả năng lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã học. Tuy nhiên, (a) người đó không điều tra tìm hiểu ý nghĩa của những giáo lý mà mình đã lưu nhớ trong tâm; và (b) người đó chưa hiểu ý nghĩa và Giáo Pháp và không tu tập đúng theo Giáo Pháp; nhưng, (ii)

người đó là người thuyết giỏi … diễn đạt ý nghĩa; và (iii) người đó là người chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Có được ba phẩm-chất đó, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho người khác, nhưng không [làm ích lợi] cho mình. [7] “Có được hai phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho mình, nhưng không [làm ích lợi] cho người khác. Hai đó là gì? “Ở đây, (a) một Tỳ kheo không nắm bắt nhanh về những giáo lý thiện lành; (b) người đó không có khả năng lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã học; nhưng (i) người đó điều tra tìm hiểu ý nghĩa của những giáo lý mà mình đã lưu nhớ trong tâm; và (ii) người đó đã hiểu ý nghĩa và Giáo Pháp và tu tập đúng theo Giáo Pháp. Tuy nhiên, (c) người đó không phải là người thuyết giỏi … diễn đạt ý nghĩa; và (d) người đó không phải là người chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Có được hai phẩm-chất đó, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho mình, nhưng không [làm ích lợi] cho người khác. [8] “Có được hai phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho người khác, nhưng không cho mình. Hai đó là gì? “Ở đây, (a) một Tỳ kheo không nắm bắt nhanh về những giáo lý thiện lành; (b) người đó không có khả năng lưu nhớ trong tâm những giáo lý mình đã học; (c) người đó không điều tra tìm hiểu ý nghĩa của những giáo lý mà mình đã lưu nhớ trong tâm; và (d) người đó chưa hiểu ý nghĩa và Giáo Pháp và không tu tập đúng theo Giáo Pháp; nhưng, (i) người đó là người thuyết giỏi … diễn đạt ý nghĩa; và (ii) người đó là người chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo. Có được hai phẩm-chất đó, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho người khác, nhưng không cho mình.”

63 (3) Một Cách Ngắn Gọn Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

• 123

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, lui về, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập).” “Cũng chính theo kiểu này một số người nông cạn ở đây đã thỉnh cầu ta, nhưng sau khi Giáo Pháp đã được giảng giải xong, họ chỉ nghĩ đến chuyện đi loanh quanh theo ta mà thôi.”1764 “Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn. Mong bậc Phúc Lành chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn. Có lẽ con có thể đi đến hiểu được ý nghĩa của lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn; có lẽ có thể trở thành người thừa tự của lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.” “Này Tỳ kheo, trong trường hợp đó, thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Tâm của ta sẽ vững vàng và được khéo ổn định ở bên trong. Những phẩm chất bất thiện xấu ác đã khởi sinh sẽ không ám muội tâm ta.’ Thầy nên tu tập bản thân như vậy. (1) “Này Tỳ kheo, khi tâm thầy vững vàng và được khéo ổn định bên trong, và những phẩm chất bất thiện xấu ác đã phát sinh không ám muội tâm thầy, thì thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Ta sẽ tu tập và tu dưỡng ‘sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ’, làm nó thành một cỗ xe (tu thừa), thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó đúng cách.’ Thầy nên tu tập bản thân như vậy. - “Khi sự định-tâm này đã được thầy tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì thầy nên tu tập sự định-tâm này (i) với tầm [ý-nghĩ] và tứ [sự soi-

xét]; thầy nên tu tập nó (ii) không tầm, chỉ có tứ; thầy nên tu tập nó (iii) không tầm không tứ. Thầy nên tu tập nó (iv) với hỷ (hoan-hỷ); thầy nên tu tập nó (v) không hỷ; thầy nên tu tập nó (vi) có lạc (hạnh-phúc) đi kèm; và thầy nên tu tập nó (vii) có xả (buông xả) đi kèm.1765 (2)–(4) "Này Tỳ kheo, khi sự định-tâm này đã được thầy tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Ta sẽ tu tập và tu dưỡng 'sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi' … 'sự giải-thoát của tâm

bằng tâm-hỷ' … 'sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả', làm nó thành một cỗ xe (tu thừa), thực hiện nó, củng cố nó, và đảm nhận nó đúng cách.' Thầy nên tu tập bản thân như vậy. - "Khi sự định-tâm này đã được thầy tu tập và tu dưỡng1766 theo cách này, thì thầy nên tu tập sự định-tâm này (i) với tầm [ý-nghĩ] và tứ [sự soi- xét]; thầy nên tu tập nó (ii) không tầm, chỉ có tứ; thầy nên tu tập nó (iii) không tầm không tứ. Thầy nên tu tập nó (iv) với hỷ; thầy nên tu tập nó (v) không hỷ; thầy nên tu tập nó (vi) có lạc đi kèm; và thầy nên tu tập nó (vii) có xả đi kèm. (5) "Này Tỳ kheo, khi sự định-tâm này đã được thầy tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Ta sẽ sống quán sát (thiền quán, quán niệm) thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ- biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn- phiền (ưu) đối với thế giới.' Thầy nên tu tập bản thân như vậy. - "Khi sự định-tâm này đã được thầy tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì thầy nên tu tập sự định-tâm này (i) với tầm [ý-nghĩ] và tứ [sự soi- xét]; thầy nên tu tập nó (ii) không tầm, chỉ có tứ; thầy nên tu tập nó (iii) không tầm không tứ. Thầy nên tu tập nó (iv) với hỷ; thầy nên tu tập nó (v) không hỷ; thầy nên tu tập nó (vi) có lạc đi kèm; và thầy nên tu tập nó (vii) có xả đi kèm. (6)–(8) "Này Tỳ kheo, khi sự định-tâm này đã được thầy tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Ta sẽ sống quán sát (thiền quán, quán niệm) những cảm-giác trong những cảm-giác … tâm trong tâm … những giáo pháp trong những giáo pháp là những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp], nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.' Thầy nên tu tập bản thân như vậy. - "Khi sự định-tâm này đã được thầy tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì thầy nên tu tập sự định-tâm này (i) với tầm [ý-nghĩ] và tứ [sự soi- xét]; thầy nên tu tập nó (ii) không tầm, chỉ có tứ; thầy nên tu tập nó (iii)

không tầm không tứ. Thầy nên tu tập nó (iv) với hỷ; thầy nên tu tập nó (v) không hỷ; thầy nên tu tập nó (vi) có lạc đi kèm; và thầy nên tu tập nó (vii) có xả đi kèm. "Này Tỳ kheo, khi sự định-tâm này đã được thầy tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì khi bước đi đâu thầy sẽ bước đi một cách an nhiên (thư thái); khi đứng thầy sẽ đứng một cách an nhiên; khi ngồi thầy sẽ ngồi một cách an nhiên; khi nằm thầy sẽ nằm một cách an nhiên." Sau khi đã nhận sự khởi xướng như vậy từ đức Thế Tôn, Tỳ kheo đó đã đứng dậy chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra.1767 Rồi, sau khi sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, không lâu sau đó, vị Tỳ kheo đó, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí- biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm

sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Thầy ấy hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.” Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

64 (4) Gayā Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở (địa danh tên là) Gayāsīsa (tên có nghĩa là ‘Đầu Gayā’ hoặc ‘Thủ Phủ của Gayā’) thuộc vùng Gayā. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!” “Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại, Đức Thế Tôn nói điều này: (1) “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ta chỉ nhận thức một ánh-sáng, nhưng ta không nhìn thấy những hình-sắc.1768 (2) “Này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Nếu như ta nhận thức một ánh-sáng và cũng nhìn thấy những hình-sắc, thì trong trường hợp

đó trí-biết và tầm-nhìn của ta là càng được thanh lọc hơn.’1769 Tiếp đó, trong lần sau đó, khi ta đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ta nhận thức một ánh-sáng và cũng nhìn thấy những hình-sắc. Nhưng ta không giao lưu với những thiên thần đó, không nói chuyện với họ, và không tham gia thảo luận với họ. (3) “Này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Nếu như ta nhận thức một ánh-sáng và nhìn thấy những hình-sắc, và ta cũng giao lưu với những thiên thần đó, nói chuyện với họ, và thảo luận với họ, thì trong trường hợp đó trí-biết và tầm-nhìn của ta là càng được thanh lọc.’ Tiếp đó, trong lần sau đó, khi ta đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ta nhận thức một ánh-sáng và nhìn thấy những hình-sắc, và ta cũng giao lưu với những thiên thần đó, nói chuyện với họ, và thảo luận với họ. Nhưng ta không biết về những thiên thần đó là: ‘Những thiên thần này là từ cõi hạng thiên thần này, hay kia.’ (4) “Điều này đã xảy đến với ta, này các Tỳ kheo: ‘Nếu như ta nhận thức một ánh-sáng và nhìn thấy những hình-sắc, và ta cũng giao lưu với những thiên thần đó, nói chuyện với họ, thảo luận với họ, và ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Những thiên thần này là từ cõi hạng thiên thần này, hay kia.’, thì trong trường hợp đó trí-biết và tầm-nhìn của ta là càng được thanh lọc hơn.’ Tiếp đó, trong lần sau đó, khi ta đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, ta nhận thức một ánh-sáng và nhìn thấy những hình-sắc, và ta cũng giao lưu với những thiên thần đó, nói chuyện với họ, thảo luận với họ, và ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Những thiên thần này là từ cõi hạng thiên thần này, hay kia.’ Nhưng ta không biết về những thiên thần đó là: ‘Sau khi qua đời ở đây (cõi người, kiếp trước), những thiên thần đó đã tái sinh ở đó nhờ một quả của nghiệp này.’ (5) “ … (tương tự như trên) … và ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Sau khi qua đời ở đây, những thiên thần đó đã tái sinh ở đó nhờ một quả của nghiệp này.’ Nhưng ta không biết về những thiên thần đó là: ‘Nhờ một quả của nghiệp này, những thiên thần này tồn tại nhờ thức-ăn như vậy

và trải nghiệm sự sướng và khổ như vậy.’ (6) “ … và ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Nhờ một quả của nghiệp này, những thiên thần này tồn tại nhờ thức-ăn như vậy

và trải nghiệm sự sướng và khổ như vậy.’ Nhưng ta không biết về những thiên thần đó là: ‘Nhờ một quả của nghiệp này, những thiên thần này có tuổi thọ dài như vậy.’ (7) “ … và ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Nhờ một quả của nghiệp này, những thiên thần này có tuổi thọ dài như vậy.’ Nhưng ta không biết rằng trước đây ta đã từng sống chung với những thiên thần đó hay không. (8) “Này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Nếu như (i) ta nhận thức một ánh-sáng và (ii) nhìn thấy những hình-sắc, (iii) ta giao lưu với những thiên thần đó, nói chuyện với họ, và tham gia thảo luận với họ; và (iv) ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Những thiên thần này là từ cõi hạng những thiên thần này, hay kia’; và (v) ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Sau khi qua đời ở đây, những thiên thần đó được tái sinh ở đó nhờ một quả của nghiệp này’; và (vi) ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Nhờ một quả của nghiệp này, những thiên thần đó tồn tại nhờ thức-ăn như vậy và trải nghiệm sự sướng và khổ như vậy’; và (vii) ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Nhờ một quả của nghiệp này, những thiên thần này có tuổi thọ dài như vậy’; và (viii) ta cũng biết rằng trước đây ta đã từng sống chung với những thiên thần đó hay không, thì trong trường hợp đó trí-biết và tầm-nhìn của ta là càng được thanh lọc hơn.’ “Tiếp đó, trong lần sau đó, khi ta đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định: (i) ta nhận thức một ánh-sáng và (ii) nhìn thấy những hình-sắc, và (iii) ta cũng giao lưu với những thiên thần đó, nói chuyện với họ, thảo luận với họ, và (iv) ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Những thiên thần này là từ nhóm hạng thiên thần này hay kia’, (v) ta cũng biết những thiên thần đó là: ‘Sau khi qua đời ở đây, những thiên thần đó được tái sinh ở đó nhờ một quả của nghiệp này’, (vi) ta cũng biết những thiên thần đó là: ‘Nhờ một quả của nghiệp này, những thiên thần đó tồn tại nhờ

thức ăn như vậy và trái nghiệp sự sướng và khổ như vậy’; và (vii) ta cũng biết về những thiên thần đó là: ‘Nhờ một quả của nghiệp này, những thiên thần này có tuổi thọ dài như vậy.’; và (viii) ta cũng biết rằng trước đây ta đã từng sống chung với những thiên thần đó hay không.’1770 “Này các Tỳ kheo, chừng nào trí-biết và tầm-nhìn của ta về ‘những thiên thần với tám phương diện đó’ vẫn chưa được thanh lọc, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ vô thượng toàn thiện trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người. Nhưng khi trí-biết và tầm-nhìn của ta về ‘những thiên thần với tám phương diện đó’ đã được thanh lọc một cách thiện khéo, nên ta tuyên bố mình đã tỉnh thức đến sự giác-ngộ vô thượng toàn thiện trong thế gian này … những thiên thần và loài người. Trí-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vầy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ nay không còn tái hiện-hữu nữa.’”

65 (5) (Tám Cơ Sở Để) Vượt Trên “Này các Tỳ kheo, có tám ‘cơ-sở để vượt trên’ này (tám thắng xứ).1771 Tám đó là gì? (1) “Người có nhận thức [có sự hiểu tốt; giác tri] về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là hữu hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây

là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ nhất.1772 (2) “Người có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là vô hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ hai.1773 (3) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là hữu hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi

thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ ba.1774 (4) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là vô hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ tư. (5) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu xanh, xanh về màu, có sắc xanh, có ánh xanh. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ năm.1775 (6) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu vàng, vàng về màu, có sắc vàng, có ánh vàng. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ sáu. (7) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu đỏ, đỏ về màu, có sắc đỏ, có ánh đỏ. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ bảy. (8) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. Đây là ‘cơ-sở để vượt trên’ thứ tám. “Này các Tỳ kheo, đây là tám ‘cơ-sở để vượt trên’.”

66 (6) (Tám) Sự Giải Thoát “Này các Tỳ kheo, có tám sự giải-thoát.1776 Tám đó là gì? (1) “Người có được sắc nhìn thấy những hình-sắc. Đây là sự giải-

thoát thứ nhất.1777 (2) “Người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài. Đây là sự giải-thoát thứ hai.1778 (3) “Người chỉ tập trung vào sự “đẹp”. Đây là sự giải-thoát thứ ba.1779 (4) “Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, người tu chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].” Đây là sự giải-thoát thứ tư. (5) “Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, người tu chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ Đây là sự giải-thoát thứ năm. (6) “Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, người tu chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì]. Đây là sự giải-thoát thứ sáu. (7) “Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, người tu

chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận thức cũng không phải không còn nhận-thức]. Đây là sự giải-thoát thứ bảy. (8) “Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, người tu chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].”1780 Đây là sự giải-thoát thứ tám. “Này các Tỳ kheo, đây là tám sự giải-thoát.”

67 (7) Những Tuyên Bố (1) “Này các Tỳ kheo, có tám sự tuyên bố không thánh thiện.1781 Tám đó là gì? (1) Nói (dối) mình đã thấy điều mình chưa nhìn thấy; (2) nói mình đã nghe điều mình chưa nghe; (3) nói mình đã cảm nhận điều mình chưa

cảm nhận; (4) nói mình đã nhận biết điều mình chưa nhận biết; (5) nói mình không thấy điều mình đã thực sự nhìn thấy; (6) nói mình không nghe điều mình đã thực sự nghe; (7) nói mình không cảm nhận điều mình đã thực sự cảm nhận; (8) nói mình không nhận biết điều mình đã thực sự nhận biết. Đây là tám sự tuyên bố không thánh thiện.”

68 (8) Những Tuyên Bố (2) “Này các Tỳ kheo, có tám sự tuyên bố thánh thiện.1782 Tám đó là gì? (1) Nói (thật) mình không thấy điều mình không nhìn thấy; (2) nói mình không nghe điều mình không nghe; (3) nói mình không cảm nhận điều mình không cảm nhận; (4) nói mình không nhận biết điều mình không nhận biết; (5) nói mình đã thấy điều mình đã thực sự nhìn thấy; (6) nói mình đã nghe điều mình đã thực sự nghe; (7) nói mình đã cảm nhận điều mình đã thực sự cảm nhận; (8) nói mình đã nhận biết điều mình đã thực sự nhận biết. Đây là tám sự tuyên bố thánh thiện.”

69 (9) Những Hội Chúng 1783 “Này các Tỳ kheo, có tám hội chúng này. Tám đó là gì? Hội chúng những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya), hội chúng những bà-la-môn, hội chúng những gia-chủ, hội chúng những sa-môn (tu sĩ), hội chúng những thiên thần, hội chúng những thiên thần cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương, hội chúng những thiên thần cõi trời Đao-lợi (Tāvatiṃsa), hội chúng của Ma Vương, hội chúng của trời Brahmā. (1) “Này các Tỳ kheo, giờ ta nhớ lại đã đến gặp một hội chúng gồm nhiều trăm người giai cấp chiến-sĩ. Ta đã từng ngồi đó, nói chuyện, và thảo luận. Ta bề ngoài cũng giống như họ, và giọng nói của ta cũng giống như giọng nói của họ. Ta đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ họ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, và trong khi ta đang nói họ không nhận ta mà chỉ nghĩ: ‘Ai mà đang nói vậy, một thiên thần hay một

con người?’ Sau khi đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ họ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ta biến mất, và sau khi ta đã biến mất họ cũng không nhận ra ta mà chỉ nghĩ: ‘Ai mà đã biến mất vậy, một thiên thần hay một người?’1784 (1)–(8) “Rồi, này các Tỳ kheo, ta nhớ lại đã đến gặp một hội chúng gồm nhiều trăm bà-la-môn … một hội chúng gồm nhiều trăm gia-chủ … một hội chúng gồm nhiều trăm sa-môn … một hội chúng gồm nhiều trăm thiên thần cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương … một hội chúng gồm nhiều trăm thiên thần cõi trời Đao-lợi … một hội chúng gồm nhiều trăm dưới Ma Vương … một hội chúng gồm nhiều trăm dưới trời Brahmā. Ta đã từng ngồi

đó, nói chuyện, và thảo luận. Ta bề ngoài cũng giống như họ, và giọng nói của ta cũng giống như giọng nói của họ. Ta đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ họ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, và trong khi ta đang nói họ không nhận ta mà chỉ nghĩ: 'Ai mà đang nói vậy, một thiên thần hay một con người?' Sau khi đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ họ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ta biến mất, và sau khi ta đã biến mất họ cũng không nhận ra ta mà chỉ nghĩ: 'Ai mà đã biến mất vậy, một thiên thần hay một người?' "Này các Tỳ kheo, đây là tám hội chúng."

70 (10) Những Trận Động Đất (I) Tôi nghe như vầy.1785 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn. Bấy giờ, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Vesālī để khất thực. Sau khi đã xong một vòng đi khất thực trong thành Vesālī và trở về, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn nói với Ngài Ānanda như vầy: "Này Ānanda, hãy lấy tấm lót ngồi. Chúng ta đi tới chỗ Ngôi Đền Cây Cāpāla để an trú ban ngày." "Dạ, thưa Thế Tôn", thầy Ānanda đáp lại, và sau khi mang theo tấm

lót ngồi, thầy ấy đi sát sau đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đi đến Đền Cāpāla và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Thầy Ānanda, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, cũng ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: "Thật đáng thích là Vesālī, này Ānanda, thật đáng thích là Đền Ude- na, thật đáng thích là Đền Gotamaka, thật đáng thích là Đền Sattamba, thật đáng thích là Đền Bahuputta, thật đáng thích là Đền Sārandada, thật đáng thích là Đền Cāpāla. Này Ānanda, ai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, làm chúng thành một cỗ-xe (tu thừa), làm chúng thành một căn-bản, ổn định chúng, thực hành bản thân trong chúng, và hoàn thiện chúng tròn đầy, và nếu người đó muốn, người đó có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này. Này Ānanda, Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, đã làm chúng thành một cỗ-xe, đã làm chúng thành một căn-bản, ổn định chúng, đã thực hành bản thân mình trong chúng, và đã hoàn thiện chúng tròn đầy, và nếu Như Lai muốn, Như Lai có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này."1786 Nhưng mặc dù thầy Ānanda đã được đức Thế Tôn cho tín-hiệu rõ ràng như vậy, mặc dù thầy đã được đức Thế Tôn gợi-ý rõ ràng như vậy, thầy ấy vẫn không thể thấu hiểu (thâm nhập) điều đó. Thầy ấy đã không thỉnh cầu đức Thế Tôn như vầy: "Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn sống một đại kiếp! Kính mong bậc Phúc Lành sống một đại kiếp, vì phúc lợi của đại chúng, vì hạnh phúc của đại chúng, vì lòng bi mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của những thiên thần và loài người." Tâm trí của thầy ấy đã bị che ám bởi Ma Vương đến mức như vậy.1787 Lần thứ hai … Lần thứ ba đức Thế Tôn nói lại với thầy Ānanda: "Thật đáng thích là Vesālī, này Ānanda … … Này Ānanda, ai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông … và nếu người đó muốn, người đó có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này … Nếu Như Lai muốn, Như Lai có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần

còn lại của đại kiếp này.” Nhưng cũng vậy, mặc dù thầy Ānanda đã được đức Thế Tôn cho tín- hiệu rõ ràng như vậy, mặc dù thầy đã được đức Thế Tôn gợi-ý rõ ràng như vậy, thầy ấy vẫn không thể thấu hiểu điều đó … Tâm trí của thầy ấy đã bị che ám bởi Ma Vương đến mức như vậy. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: “Giờ thầy có thể đi đâu tùy ý, này Ānanda”. (tức không cần phải ngồi bên cạnh hay hầu cận Phật lúc này nữa)

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính lễ đức Thế Tôn, và giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, thầy ấy đi đến ngồi dưới một gốc cây gần đó. Rồi, không lâu sau khi thầy Ānanda đi, Ma Vương Ác Ma đã tới gặp đức Thế Tôn và nói với đức Thế Tôn: - “Này bậc Thế Tôn, vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát niết-bàn! (tức niết-bàn và qua đời). Giờ bậc Phúc Lành hãy bát niết-bàn! Giờ là lúc bát niết-bàn của bậc Thế Tôn! - “Này bậc Thế Tôn, xưa bậc Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này:1788 [‘Này Ma Vương Ác Ma, ta sẽ không Bát-niết-bàn cho tới khi ta có những đệ tử Tỳ-kheo là những người thiện-giỏi, có kỹ-luật, tự-tin, đã đạt tới ‘sự an-toàn khỏi sự trói-buộc’ (của luân-hồi …), đã học-hiểu, là những người hộ trì của Giáo Pháp, đang thực hành đúng theo Giáo Pháp, đang thực hành theo cách phù hợp đúng đắn, đang dẫn dắt bản thân đúng theo vậy; là những người đã học được giáo pháp của thầy mình và có thể giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm rõ nó; là những người có thể bác bỏ những giáo thuyết của những người khác (tà giáo, ngoại giáo) một cách thấu đáo bằng những cách hợp-lý (hữu lý, đúng lý) và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp mang tính giải độc (như tham, sân, si …).’]1789 Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, bậc Thế Tôn đã có được rồi những Tỳ-kheo là những người thiện-giỏi, có kỹ-luật … và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp mang tính giải độc. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy

• 135

bát Niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy bát Niết-bàn! Giờ là lúc bát Niết- bàn của bậc Thế Tôn! - “Này bậc Thế Tôn, xưa bậc Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này: [‘Này Ma Vương Ác Ma, ta sẽ không Bát-niết-bàn cho tới khi ta có những đệ tử Tỳ kheo ni … những đệ tử tại gia nam … những đệ tử tại gia nữ là những người thiện-giỏi, có kỹ-luật … và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp mang tính giải độc.’] Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, bậc Thế Tôn đã có được rồi những Tỳ-kheo là những người thiện-giỏi, có kỹ-luật … và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp mang tính giải độc. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát Niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy bát Niết-bàn! Giờ là lúc bát Niết- bàn của bậc Thế Tôn! - “Này bậc Thế Tôn, xưa bậc Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này: [‘Này Ác Ma, ta sẽ không bát Niết-bàn cho tới khi đời-sống tâm linh của ta đã thành công và phát đạt, được mở rộng, phổ biến, truyền rộng, được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người.’] Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, đời-sống tâm linh của đức Thế Tôn đã thành công và phát đạt, đã được mở rộng, phổ biến, truyền rộng, được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy bát Niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy bát Niết-bàn! Giờ là lúc bát Niết-bàn của bậc Thế Tôn!” Sau khi Ma Vương nói ra những điều này, đức Thế Tôn đã nói với Ma

Vương như vầy: “Yên chí đi, này Ác Ma. Cũng không lâu nữa là tới lúc bát Niết-bàn của Như Lai. Trong vòng ba tháng tới Như Lai sẽ bát Niết-bàn.” Rồi đức Thế Tôn, ở Đền Cāpāla đó, một cách có chánh-niệm và rõ- biết, đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự sống’ (sinh hành, hành sinh mạng).1790 Và sau khi đức Thế Tôn đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự sống’ của mình, một trận động đất đã xảy ra, làm kinh sợ và khiếp sợ, và tiếng gầm nổ của sấm sét làm rung chuyển khắp trời. Rồi, sau khi đã hiểu được ý nghĩa của sự kiện này, đức Thế Tôn trong

lúc đó đã thốt ra lời cảm hứng này: “Sau khi so sánh ‘điều bất khả so sánh’ với ‘sự tiếp tục hiện-hữu’, Bậc mâu-ni đã từ bỏ ‘sự tạo-tác sự hiện-hữu’. Hân hoan ở bên-trong, đạt-định; bậc ấy phá bỏ ‘Sự tiếp tục sự hiện-hữu của ngã’ như (cởi bỏ) một áo giáp.”1791 (II) Rồi điều này đã xảy đến với thầy Ānanda: “Trận động đất này thực dữ dội! Trận động đất này thực rất dữ dội, làm kinh sợ và hoảng sợ, và sấm sét đã làm rung chuyển bầu trời! Cái gì là nguyên-nhân và điều- kiện cho trận động đất dữ dội này?” Rồi thầy Ānanda đến chỗ đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, trận động đất này thực dữ dội! Trận động đất này thực rất dữ dội, làm kinh sợ và hoảng sợ, và sấm sét đã làm rung chuyển bầu trời! Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện (nhân và duy- ên) cho trận động đất dữ dội này?” “Này Ānanda, có tám nguyên-nhân và điều-kiện cho một trận động đất dữ dội. Tám đó là gì? (1) “Này Ānanda, địa cầu to lớn này được thiết lập trên (gồm) nước; nước dựa theo gió; gió thổi trong không trung. Này Ānanda, có thời khi những cơn cuồng phong thổi và làm rung chuyển nước. Nước khi bị rung chuyển, nó làm rung chuyển trái đất. Đây là nguyên-nhân và điều-kiện thứ nhất cho một trận động đất dữ dội. (2) “Lại nữa, có một tu sĩ (sa-môn) hay bà-la-môn là người có thần thông (năng lực tâm linh) và đã đạt tới sự điều-khiển (nắm vững, quản trị, điều động, vận dụng, làm chủ) cái tâm, hay một thiên thần là vị rất uy lực và uy dũng. Vị ấy đã tu tập một nhận-thức hữu hạn về trái đất và một nhận-thức vô lượng về nước. Vị ấy làm trái đất này rung động, rung chuyển, và chấn động.1792 Đây là nguyên-nhân và điều-kiện thứ hai cho một trận động đất dữ dội.

(3) “Lại nữa, khi một vị bồ-tát qua đời từ cõi trời Đâu-suất (Tusita), và có chánh-niệm và rõ-biết vị ấy nhập vào bào thai mẹ, sự kiện này làm trái đất này rung động, rung chuyển, và chấn động. Đây là nguyên-nhân và điều-kiện thứ ba cho một trận động đất dữ dội. (4) “Lại nữa, khi vị bồ-tát đó, có chánh-niệm và rõ-biết, ra khỏi thai mẹ, sự kiện đó làm trái đất này rung động, rung chuyển, và chấn động. Đây là nguyên-nhân và điều-kiện thứ tư cho một trận động đất dữ dội. (5) “Lại nữa, khi Như Lai tỉnh thức tới sự giác-ngộ vô thượng toàn thiện, sự kiện này làm trái đất này rung động, rung chuyển, và chấn động. Đây là nguyên-nhân và điều-kiện thứ năm cho một trận động đất dữ dội. (6) “Lại nữa, khi Như Lai thiết lập sự dịch chuyển bánh xe vô thượng của Giáo Pháp (chuyển pháp luân), sự kiện này làm trái đất này rung động, rung chuyển, và chấn động. Đây là nguyên-nhân và điều-kiện thứ sáu cho một trận động đất dữ dội. (7) “Lại

nữa, khi Như Lai, có chánh-niệm và rõ-biết, (quyết định) buông bỏ 'nguồn-sống' của mình, sự kiện này làm trái đất này rung động, rung chuyển, và chấn động. Đây là nguyên-nhân và điều-kiện thứ bảy cho một trận động đất dữ dội. (8) "Lại nữa, khi Như Lai bát Niết-bàn [chứng Niết-bàn cuối cùng] bằng yếu-tố niết-bàn không còn tàn dư (vô dư y niết-bàn giới), sự kiện này làm trái đất này rung động, rung chuyển, và chấn động. Đây là nguyên- nhân và điều-kiện thứ tám cho một trận động đất dữ dội. "Đây là tám nguyên-nhân và điều-kiện cho một trận động đất dữ dội."

NHÓM 3. CẶP ĐÔI

71 (1) Niềm Tin (1) (1) Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin,

nhưng người đó thiếu giới-hạnh; như vậy người đó là không hoàn thành (không đầy đủ) về chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: 'Làm cách nào ta được phú cho niềm-tin và cũng có luôn giới-hạnh?' Nhưng khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và cũng có luôn giới-hạnh, thì người đó là hoàn thành (đầy đủ) về phương diện chi phần đó. (2) "Một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, nhưng người đó không có sự học-hiểu; như vậy người đó là không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: 'Làm cách nào ta được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, và cũng có luôn sự học-hiểu?' Nhưng khi một Tỳ kheo được phú cho niềm- tin, có giới-hạnh, và cũng có luôn sự học-hiểu, thì người đó là hoàn thành về phương diện chi phần đó. (3) "Một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, có sự học-hiểu, nhưng người đó không phải là người giỏi thuyết về Giáo Pháp … (4) … là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng … (5) là một người hay đến những hội chúng, nhưng không phải là người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng … (6) … là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng, nhưng không phải là người 'tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này' … (7) … là một người 'tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này', nhưng không phải là người 'với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó'. Như vậy người đó là không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: 'Làm cách nào ta được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh … và cũng

là một người 'với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó'?' (8) "Nhưng khi một Tỳ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới- hạnh, và (iii) có sự học-hiểu; (iv)

là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi) là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người 'tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (chúng) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an-trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này'; và (viii) người đó cũng là một người 'với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó', thì người đó là hoàn thành về phương diện chi phần đó. "Một Tỳ kheo có được tám phẩm-chất này là người khích lệ niềm-tin về tất cả mọi phương diện và người hoàn thành về tất cả mọi mặt."

72 (2) Niềm Tin (2) (1) Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin nhưng người đó thiếu giới-hạnh; như vậy người đó là không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: 'Làm cách nào ta được phú cho niềm-tin và có luôn giới-hạnh?' Nhưng khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và cũng có luôn giới- hạnh, thì người đó là hoàn thành về phương diện chi phần đó. (2) "Một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, nhưng người đó không có sự học-hiểu; như vậy người đó là không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: 'Làm cách nào ta được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, và cũng có luôn sự học-hiểu?' Nhưng khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-

tin, có giới-hạnh, và cũng có luôn sự học-hiểu, thì người đó là hoàn thành về phương diện chi phần đó. (3) "Một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, có sự học-hiểu, nhưng người đó không phải một người giỏi thuyết về Giáo Pháp ... (4) ... là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng ... (5) là một người hay đến những hội chúng, nhưng không phải người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng ... (6) ... là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng, nhưng không phải là người 'tiếp-xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an đó, (chúng là) vượt trên thể-sắc, chúng là (những sự giải-thoát) vô-sắc' ... (7) ... là một người 'tiếp-xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an đó, vượt trên thể-sắc, chúng là vô-sắc', nhưng không phải là người 'với sự đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó'. Như vậy người đó là không hoàn thành về phương diện chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: 'Làm cách nào ta được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh ... và cũng là một người 'với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó'?' (8) "Nhưng khi một Tỳ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới- hạnh, và (iii) có sự học-hiểu; (iv) là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi)

là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người 'tiếp-xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an đó, vượt trên thể-sắc, chúng là vô-sắc'; và (viii) người đó là một người 'với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó', thì người đó là

• 141

hoàn thành về phương diện chi phần đó. "Một Tỳ kheo có được tám phẩm-chất này là người khích lệ niềm-tin về tất cả mọi phương diện và người hoàn thành về tất cả mọi mặt."

73 (3) Sự Chánh Niệm Về Cái Chết (1)1793 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nādika, trong hội trường gạch. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!" "Dạ, thưa Thế Tôn!", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: "Này các Tỳ kheo, sự chánh-niệm về cái chết, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất- tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó. Nhưng, này các Tỳ kheo, các thầy có tu tập sự chánh-niệm về cái chết hay không?" (1) Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con có tu tập sự chánh-niệm về cái chết." "Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?" "Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống một ngày và một đêm nữa, vậy ta nên chú-tâm (tác ý) tới giáo lý của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết." (2) Một Tỳ kheo khác nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con cũng tu tập sự chánh-niệm về cái chết." "Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?" "Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống một ngày nữa, vậy ta nên chú-tâm tới giáo lý của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về

142 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

cái chết." (3) Một Tỳ kheo khác nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết." "Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?" "Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống nửa ngày nữa, vậy ta nên chú-tâm tới giáo lý của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết." (4) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết." "Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?" "Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống khoảng 20 phút nữa [nguyên văn: 'một khoảng thời gian đủ để ăn một bữa cơm khất thực'], vậy ta nên chú tâm tới lời dạy của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết." (5) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết." "Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?" "Ở

đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống khoảng 10 phút nữa [nguyên văn: 'một khoảng thời gian đủ để ăn nửa bữa cơm khất thực'], vậy ta nên chú tâm tới lời dạy của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết." (6) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết."

• 143

"Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?" "Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống khoảng 02 phút nữa [nguyên văn: 'một khoảng thời gian đủ để nhai và nuốt bốn hay năm miếng ăn'], vậy ta nên chú tâm tới lời dạy của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết." (7) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết." "Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?" "Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống khoảng nửa phút nữa [nguyên văn: một khoảng thời gian đủ để nhai và nuốt một miếng ăn], vậy ta nên chú-tâm tới giáo lý của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết." (8) Lại một Tỳ kheo nữa nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con cũng có tu tập sự chánh-niệm về cái chết." "Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm về cái chết?" "Ở đây, thưa Thế Tôn con nghĩ như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống khoảng 1-2 giây nữa [nguyên văn: một khoảng thời gian đủ để thở-ra sau khi thở-vô, hoặc để thở-vô sau khi thở-ra], vậy ta nên chú-tâm tới giáo lý của đức Thế Tôn. Nếu vậy ta có thể thành tựu nhiều!' Chính theo cách này con tu tập sự chánh-niệm về cái chết." Sau khi điều này được nói ra, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo đó: "Này các Tỳ kheo, (1) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống một ngày và một đêm …'; và (2) Tỳ kheo tu

144 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống một ngày …'; và (3) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống nửa ngày …'; và (4) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống 20 phút …'; và (5) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống 10 phút …'; và (6) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống 02 phút …": đây được gọi là những Tỳ kheo sống một cách thiếu chuyên-chú. Họ tu tập sự chánh-niệm về cái chết một cách chậm chạp (với mục tiêu) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận). Nhưng, (7) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống nửa phút …'; và (8) Tỳ kheo tu tập sự chánh-niệm về cái chết như vầy: 'Biết đâu ta chỉ còn sống 1-2 giây …": đây được gọi là những Tỳ kheo sống một cách chuyên-chú. Họ tu tập sự chánh-niệm về cái chết một cách nhiệt thành (miên mật) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm. "Do vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ sống một cách chuyên tâm chuyên chú. Chúng ta sẽ tu tập sự chánh-niệm về cái chết một cách nhiệt thành để đạt tới sự tiêu diệt ô- nhiễm.' Các thầy nên tu tập bản thân như vậy."

74 (4) Sự Chánh Niệm Về Cái Chết (2)1794 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nādika, trong hội trường gạch. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, sự chánh-niệm về cái chết, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất- tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó. Nhưng, này các Tỳ kheo, các thầy có tu tập sự chánh-niệm về cái chết hay không?” (I) “Ở đây, này các Tỳ kheo, khi ngày đã hết và đêm đã tới, một Tỳ kheo quán chiếu như vầy: ‘Ta có thể chết bởi nhiều nguyên nhân. (1) Do rắn cắn, hay bò cạp hay bò sát chích ta, và ta có thể chết; đó là sự cản trở cho ta. (2) Ta có thể vấp té, hoặc (3) thức ăn (độc, xấu) có thể hại chết ta,

• 145

hoặc (4) túi mật của ta có thể bị kích động, hoặc (5) đờm đãi của ta có thể bị kích động, hoặc (6) khí độc trong (thân) ta có thể bị kích động, làm ta chết; hoặc (7) con người có thể tấn công ta, hoặc (8) những quỷ dữ [phi nhân] có thể tấn công ta, làm ta chết; đó sẽ là sự cản trở cho ta.’ (a) “Tỳ kheo đó nên quán chiếu như vầy: ‘Ta còn những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa được trừ bỏ, sẽ trở thành sự cản trở cho ta nếu tối này ta chết?’ Nếu, sau khi quán xét, Tỳ kheo đó biết: ‘Ta còn những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa được trừ bỏ, sẽ trở thành sự cản trở cho ta nếu ta chết tối nay’, thì người đó cần đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ- lực, sự nhiệt-tâm, sự nhiệt-thành, sự không-biết mệt-mỏi, sự chánh-niệm, sự rõ-biết (tỉnh giác) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đó. “Ví dụ một người có quần áo hay đầu tóc đang bị lửa cháy cần phải có ngay sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt-tâm, sự nhiệt- thành, sự không biết mệt-mỏi, sự chánh-niệm, sự rõ-biết để dập tắt [lửa cháy trên] áo quần hay đầu tóc của mình. Cũng giống như vậy, Tỳ kheo đó phải đặt ra sự mong-muốn phi thường, sự nỗ-lực, sự nhiệt-tâm, sự nhiệt-thành, sự không biết mệt-mỏi, sự chánh-niệm, sự rõ-biết để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện xấu ác đó. (b) “Nhưng nếu, sau khi quán xét, Tỳ kheo đó biết như vầy: ‘Ta không còn những phẩm chất bất thiện xấu ác chưa được trừ bỏ, nên sẽ không trở thành sự cản trở cho ta nếu ta chết tối nay’, thì người đó sống trong sự khoan-khoái và hoan-hỷ đó, tu tập ngày và đêm trong những phẩm chất thiện lành. (II) “Nhưng khi đêm đã hết và ngày đã tới, một Tỳ kheo quán chiếu như vầy: ‘Ta có thể chết bởi nhiều nguyên nhân. (1) Do rắn cắn … hoặc (8) những quỷ dữ [phi nhân] có thể tấn công ta, làm ta chết; đó sẽ là sự cản trở cho ta.’ [Tiếp tục giống hệt phần (I), (a), (b) ở trên, chỉ khác là chữ “tối nay” được thay bằng chữ “ngày hôm nay”.]

“Này các Tỳ kheo, đó là, sự chánh-niệm về cái chết, nếu được tu tập

146 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung cuộc của nó.”

75 (5) Những Thành Tựu (1) “Này các Tỳ kheo, có tám sự thành tựu này. Tám đó là gì? Thành tựu về sự tháo-vát (tự thân làm được, tự phát, tự đảm đang), thành tựu về sự phòng-hộ, có bạn-tốt, có đời sống cân-bằng; thành tựu về niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về tâm bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. Đây là tám sự thành tựu.”

[Phần thi kệ giống thi kệ ở kinh 8:54.]

76 (6) Những Thành Tựu (2) “Này các Tỳ kheo, có tám sự thành tựu này. Tám đó là gì?1795 Có đầy đủ sự tháo-vát, có đầy đủ sự cẩn-trọng, có bạn-tốt, có đời sống cân-bằng, thành tựu về niềm-tin, thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về bố-thí, và thành tựu về trí-tuệ. Đây là tám sự thành tựu. (1) “Và cái gì là sự có đầy đủ sự tháo-vát? Ở đây, dù nghề nghiệp gì người tại gia đang làm—làm nông, buôn bán, chăn nuôi gia súc, săn bắn, làm công sở hoặc bất cứ nghề gì—thì ở đó người đó cần phải có kỹ năng và siêng năng; tìm hiểu rõ cách làm và công cụ nghề nghiệp; có khả năng thực hiện và thu xếp công việc một cách hợp lý. Đây được gọi là sự có đầy đủ sự tháo-vát. (2) “Và cái gì là sự có đầy đủ sự cẩn-trọng? Ở đây, một người họ tộc nên thiết lập sự bảo vệ và phòng hộ tài sản do mình đã làm ra bằng sự tháo-vát và nỗ-lực, được tích cóp bằng công sức của tay mình, kiếm được bằng mồ hôi của mình, là tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đó luôn biết nghĩ: ‘Làm cách nào tôi bảo vệ tài sản không bị cướp bóc hay bị vua chúa tịch thu, không bị hỏa hoạn cháy mất, không bị lũ lụt cuốn mất, và không bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt?’ Đây

• 147

được gọi là sự có đầy đủ sự cẩn-trọng. (3) “Và cái gì là sự có bạn-tốt? Ở đây, trong làng hay phố thị nào một người họ tộc sống, người đó nên biết giao lưu với những gia chủ [hay con trai của họ], dù trẻ mà có đức-hạnh hay già và có đức-hạnh, là những người thành tựu (có đầy đủ) về niềm-tin, giới-hạnh, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ; người đó nói chuyện với họ và tham gia thảo luận với họ. Người đó thi đua với họ để thành tựu bằng họ về mức độ niềm-tin, giới- hạnh, sự bố-thí, và trí-tuệ. Đây được gọi là sự có bạn-tốt. (4) “Và cái gì là sự có đời sống cân-bằng? Ở đây, này ông Byag- ghapajja, một người họ tộc nên biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, làm sao để cho mức thu nhập luôn nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại. Ví dụ một người thợ bạc [hay người phụ việc của ông ta] khi cầm cân lên, biết rõ: ‘Bớt bao nhiêu thì cần cân nghiêng xuống, thêm bao nhiêu thì cần cân nhỏng lên’. Cũng giống như vậy, một người họ tộc cũng biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, làm sao để cho mức thu nhập luôn nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại. “Nếu người họ tộc này có thu nhập ít mà sống một cách xa xỉ, những người khác sẽ nói về ông: ‘Ông họ tộc này chắc ăn của cải như ăn trái sung.’ Nhưng nếu ông có thu nhập nhiều nhưng sống một cách hà tiện, những người khác sẽ nói về ông: “Họ tộc này chắc bỏ đói cả chính mình luôn.’ Nhưng đời sống được gọi là cân bằng khi một người họ tộc biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, và [biết]: ‘Theo cách này mức thu nhập của mình sẽ nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại.’ (5) “Và cái gì là sự thành tựu về niềm-tin? Ở đây, một người họ tộc có niềm-tin; người đó đặt niềm tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vầy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán (đã tu thành), bậc Toàn Giác (đã giác ngộ toàn thiện), đã thành tựu về trí-biết đích thực (minh) và đức-hạnh, là bậc phúc-lành, bậc hiểu-biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối

thượng của

những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Đây được gọi là sự thành tựu về niềm-tin. (6) "Và cái gì là sự thành tựu giới-hạnh? Ở đây, một người họ tộc sống kiêng cữ sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, và uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật. Đây được gọi là sự thành tựu về giới-hạnh. (7) "Và cái gì là sự thành tựu sự rộng lòng bố-thí? Ở đây, một người họ tộc sống ở nhà với một cái tâm không bị ố nhiễm bởi tính keo-kiệt, rộng lòng bố-thí, dang tay giúp-đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự bố-thí và chia-sẻ. Đây được gọi là sự thành tựu về sự rộng lòng bố-thí. (8) "Và cái gì là sự thành tựu về trí-tuệ? Ở đây, một người họ tộc là có trí; người đó có được trí-tuệ vốn nhận biết được sự khởi-sinh và sự biến-diệt (của mọi sự), (loại trí-tuệ) đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây được gọi là sự thành tựu về trí- tuệ. "Này các Tỳ kheo, đây là tám sự thành tựu." [Phần thi kệ giống hệt thi kệ ở kinh 8:54.]

77 (7) Tham Muốn
Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, các
Tỳ kheo!"
"Dạ, đạo hữu", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất nói điều này:
"Này các đạo hữu, có tám loại người này được thấy trong thế gian.
Tám đó là gì?" …
[Tiếp tục giống hệt kinh 8:61, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói] …
"Đây là tám loại người được thấy có trong thế gian."

• 149

78 (8) Có Khả Năng Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!" "Dạ, đạo hữu", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này: [1] "Này các đạo hữu, có được sáu phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho cả mình và người khác. Sáu đó là gì? … [Tiếp tục giống hệt kinh 8:62, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói] …

[8] "Có được hai phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho người khác, không cho mình. Hai đó là gì? … "Có được hai phẩm chất đó, một Tỳ kheo là có khả năng [làm ích lợi] cho người khác, nhưng không cho mình."

79 (9) Sự Sa Sút 1796 "Này các Tỳ kheo, tám phẩm-chất này dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân. Tám đó là gì? Thích thú làm công việc này nọ (hơn là tu), thích thú nói chuyện, thích thú ngủ, thích thú gặp gỡ giao lưu, không phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (các giác quan), không tiết độ trong ăn uống, ưa thích sự ràng-buộc, và ưa thích sự tăng-phóng (phóng tâm). Tám phẩm-chất này dẫn tới sự sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân. "Này các Tỳ kheo, tám phẩm-chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân. Tám đó là gì? Không thích thú công việc này nọ,

không thích thú nói chuyện, không thích thú ngủ, không thích thú gặp gỡ giao lưu, luôn phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận, biết tiết độ trong ăn uống, không thích sự ràng-buộc, và không thích sự tăng-phóng.

Tám phẩm-chất này dẫn tới sự không sa-sút của một Tỳ kheo là bậc học nhân."

80 (10) Những Cơ Sở Cho Sự Lười Biếng và Sự Phát Khởi Nỗ Lực (I) "Này các Tỳ kheo, có tám cơ-sở này (biện hộ) cho sự lười-biếng. Tám đó là gì? (1) "Ở đây, một Tỳ kheo phải làm một số việc. Người đó nghĩ như vầy: 'Ta có mấy việc phải làm. Khi làm thân ta sẽ mệt. Vậy ta nằm nghỉ.' Người đó nằm xuống. Người đó không phát khởi sự nỗ-lực để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu, để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ. Đây là cơ-sở thứ nhất cho sự lười- biếng. (2) "Lại nữa, một Tỳ kheo đã làm một số việc. Người đó nghĩ như vầy: 'Ta đã làm mấy công việc. Do làm mấy việc đó nên thân ta bị mệt. Vậy ta nằm nghỉ.' Người đó nằm xuống. Người đó không phát khởi sự nỗ- lực … để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ. Đây là cơ-sở thứ hai cho sự lười-biếng. (3) "Lại nữa, một Tỳ kheo phải đi một chuyến. Người đó nghĩ như vầy: 'Ta phải đi một chuyến. Khi đi thân ta sẽ mệt. Vậy ta nằm nghỉ.' Người đó nằm xuống. Người đó không phát khởi sự nỗ-lực … để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ. Đây là cơ-sở thứ ba cho sự lười-biếng. (4) "Lại nữa, một Tỳ kheo đã đi một chuyến. Người đó nghĩ như vầy: 'Ta đã đi một chuyến. Do đã đi một chuyến nên thân ta bị mệt. Vậy ta nằm nghỉ.' Người đó nằm xuống. Người đó không phát khởi sự nỗ-lực … để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ. Đây là cơ-sở thứ tư cho sự lười-biếng. (5) "Lại nữa, một Tỳ kheo đã đi khất thực trong làng hay phố thị nhưng không có được nhiều thức ăn, dù ngon hay dở, như mình cần. Người đó nghĩ như vầy: 'Ta đã đi khất thực trong làng hay phố thị nhưng

ta không có được nhiều thức ăn, dù ngon hay dở, như ta cần. Thân ta bị mệt và khó vận dụng. Vậy ta nằm nghỉ.' Người đó nằm xuống. Người đó không phát khởi sự nỗ-lực … để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ. Đây là cơ-sở thứ năm cho sự lười-biếng. (6) "Lại nữa, một Tỳ kheo đã đi khất thực trong làng hay phố thị và có được nhiều thức ăn, dù ngon hay dở, như mình cần. Người đó nghĩ như vầy: 'Ta đã đi khất thực trong làng hay phố thị và ta có được nhiều thức ăn, dù ngon hay dở, như ta cần. Thân ta giờ nặng trịch và khó vận dụng. Vậy ta nằm nghỉ.' Người đó nằm xuống. Người đó không phát khởi sự nỗ- lực … để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ. Đây là cơ-sở thứ sáu cho sự lười-biếng. (7) "Lại nữa, một Tỳ kheo hơi bệnh yếu. Người đó nghĩ như vầy: 'Ta hơi bị yếu. Ta cần nằm nghỉ. Vậy ta nằm nghỉ.' Người đó nằm xuống. Người đó không phát khởi sự nỗ-lực … để chứng ngộ những điều chưa chứng ngộ. Đây là cơ-sở thứ bảy cho sự lười-biếng. (8) "Lại nữa, một Tỳ kheo vừa hết bệnh. Ngay sau khi hết bệnh, người đó nghĩ như vầy: 'Ta vừa mới khỏi bệnh thôi. Thân ta còn yếu ớt và khó vận dụng. Vậy ta nằm nghỉ.' Người đó nằm xuống. Người đó không phát khởi sự nỗ-lực để đạt tới những điều chưa đạt được, để thành tựu những điều chưa thành tựu, để chứng ngộ những

điều chưa chứng ngộ. Đây là cơ-sở thứ tám cho sự lười-biếng. “Đây là tám cơ-sở cho sự lười-biếng. (II) “Này các Tỳ kheo, có tám cơ-sở cho sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn). Tám đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo phải làm một số việc. Người đó nghĩ như vầy: ‘Ta phải làm mấy việc. Khi bận làm những việc đó thì không dễ cho ta chú-tâm tới giáo lý của những vị Phật. Vậy trước tiên ta hãy phát khởi sự nỗ-lực để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ.’ Người đó phát khởi sự nỗ- lực để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để

chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Đây là cơ-sở thứ nhất cho sự phát khởi sự nỗ-lực. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã làm một số việc. Người đó nghĩ như vầy: ‘Ta đã làm mấy việc. Khi bận làm những việc đó thì không thể nào ta chú-tâm tới giáo lý của những vị Phật. Vậy giờ ta hãy nên phát khởi sự nỗ-lực …’ Đây là cơ-sở thứ hai cho sự phát khởi sự nỗ-lực. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo phải đi một chuyến. Người đó nghĩ như vầy: ‘Ta sẽ đi một chuyến. Khi đang đi thì không dễ cho ta chú-tâm tới giáo lý của những vị Phật. Vậy giờ ta hãy nên phát khởi sự nỗ-lực …’ Đây là cơ-sở thứ ba cho sự phát khởi sự nỗ-lực. (4) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã đi một chuyến. Người đó nghĩ như vầy: ‘Ta đã đi một chuyến. Khi đang đi thì không thể nào ta chú-tâm tới giáo lý của những vị Phật. Vậy giờ ta hãy nên phát khởi sự nỗ-lực …’ Đây là cơ- sở thứ tư cho sự phát khởi sự nỗ-lực. … (5) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã đi khất thực trong làng hay phố thị nhưng không có được nhiều thức ăn, dù ngon hay dở, như mình cần. Người đó nghĩ như vầy: ‘Ta đã đi khất thực trong làng hay phố thị nhưng ta không có được nhiều thức ăn, dù ngon hay dở, như ta cần. Thân ta còn nhẹ và dễ vận dụng. Vậy giờ ta hãy nên phát khởi sự nỗ-lực …’ Đây là cơ-sở thứ năm cho sự phát khởi sự nỗ-lực. (6) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã đi khất thực trong làng hay phố thị và có được nhiều thức ăn, dù ngon hay dở, như mình cần. Người đó nghĩ như vầy: ‘Ta đã đi khất thực trong làng hay phố thị và ta đã có được nhiều thức ăn, dù ngon hay dở, như ta cần. Thân ta còn khỏe mạnh và dễ vận dụng. Vậy giờ ta hãy nên phát khởi sự nỗ-lực …’ Đây là cơ-sở thứ sáu cho sự phát khởi sự nỗ-lực. (7) “Lại nữa, một Tỳ kheo hơi bệnh yếu. Người đó nghĩ như vầy: ‘Mình hơi bệnh yếu. Có thể sự bệnh yếu còn phát nặng hơn nữa. Vậy giờ ta hãy nên phát khởi sự nỗ-lực …’ Đây là cơ-sở thứ bảy cho sự phát khởi sự nỗ-lực.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo vừa hết bệnh. Ngay sau khi hết bệnh, người đó nghĩ như vầy: ‘Ta đã hết bệnh, vừa mới khỏi bệnh. Biết đâu rồi bệnh sẽ còn quay lại nữa. Vậy giờ ta hãy nên phát khởi sự nỗ-lực để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Người đó phát khởi sự nỗ-lực để đạt tới điều chưa đạt tới, để thành tựu điều chưa được thành tựu, để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Đây là cơ-sở thứ tám cho sự phát khởi sự nỗ-lực. “Đây là tám cơ-sở cho sự phát khởi sự nỗ-lực.”

NHÓM 4. SỰ CHÁNH NIỆM

81 (1) Sự Chánh Niệm 1797 (I) (1) Này các Tỳ kheo, khi không có sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác), người thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết (2) là thiếu nguyên- nhân cận kề đưa đến cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết xấu-hổ về mặt đạo đức. Khi không có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức, người thiếu cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức là (3) thiếu nguyên-nhận cận kề đưa đến sự kiềm-chế các căn cảm-nhận (các giác quan). Khi không có sự kiềm-chế các căn cảm-nhận, người thiếu sự kiềm-chế các căn cảm-nhận là (4) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh. Khi không có giới-hạnh, người thiếu giới-hạnh là (5) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự chánh-định. Khi không có sự chánh-định, người thiếu sự chánh-định là (6) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là. Khi không có sự-biết và sự-thấy, người thiếu sự-biết và sự-thấy như vậy là (7) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ [sự không còn mê-thích] và sự chán-bỏ. Khi không có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, người thiếu sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là (8) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Ví dụ có một cây mà thiếu cành và lá, thì phần chồi, vỏ, phần gỗ mềm và gỗ lõi của nó sẽ không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, khi (1) không có sự chánh-niệm và sự rõ-biết, người thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết là (2) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức … là (8) thiếu nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. (II) (1) Này các Tỳ kheo, khi có sự chánh-niệm và sự rõ-biết, người có được (thành tựu) sự chánh-niệm và rõ-biết là (2) có nguyên-nhân cận kề đưa đến cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết xấu-hổ về mặt đạo đức. Khi có được cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức, người có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức là (3) có nguyên-nhận cận kề đưa đến sự kiềm-chế các căn cảm-nhận (các giác quan). Khi có được sự kiềm-chế các căn cảm- nhận, người có sự kiềm-chế các căn cảm-nhận là (4) có nguyên-nhân cận kề đưa đến giới-hạnh. Khi có được giới-hạnh, người có giới-hạnh là (5) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự chánh-định. Khi có được sự chánh-định, người có sự chánh-định là (6) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự-biết và sự-thấy về mọi sự đúng như chúng thực là. Khi có được sự-biết và sự- thấy, người có được sự-biết và sự-thấy như vậy là (7) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự tỉnh-ngộ [sự không còn mê-thích] và sự chán-bỏ. Khi có được sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, người có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là (8) có nguyên-nhân cận kề đưa đến trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. “Ví dụ có một cây mà có được đủ cành và lá, thì phần chồi, vỏ, phần gỗ mềm và gỗ lõi của nó sẽ phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, khi (1) có sự chánh-niệm và sự rõ-biết, người có được sự chánh-niệm và sự rõ- biết là (2) có nguyên-nhân cận kề đưa đến sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức … là (8) có nguyên-nhân cận kề đưa đến trí- biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

82 (2) Ngài Puṇṇiya

Lúc đó có Ngài Puṇṇiya đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: (I) “Thưa Thế Tôn, tại sao có những lúc Như Lai dành thời gian để chỉ dạy Giáo Pháp và có những lúc Như Lai không dành thời gian để chỉ dạy Giáo Pháp?”1798 (1) “Này Puṇṇiya, khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin nhưng không đến gặp Như Lai, thì Như Lai không dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp. (2) Nhưng khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và đến gặp Như Lai, thì Như Lai dành lúc để chỉ dạy. (3) “Khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và đến gặp Như Lai, nhưng không chú ý nghe Như Lai … (4) Khi người đó chú ý nghe Như Lai nhưng không hỏi những câu hỏi … (5) … Khi người đó hỏi những câu hỏi nhưng lại không lóng tai lắng nghe Giáo Pháp … (6) Khi người đó lóng tai lắng nghe Như Lai, nhưng sau khi đã nghe được Giáo Pháp, người đó không lưu giữ nó trong tâm … (7) Khi người đó, sau khi đã nghe được Giáo Pháp lưu giữ nó trong tâm, nhưng không xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm … (8) Khi người đó xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm, nhưng không hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp cho nên không thực hành đúng theo Giáo Pháp, thì Như Lai không dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp. (II) “Nhưng, này Puṇṇiya, (1) khi một Tỳ kheo được phú cho niềm- tin, (2) đến gặp Như Lai, (3) chú ý nghe Như Lai, (4) hỏi những câu hỏi, và (5) lóng tai lắng nghe Giáo Pháp; và (6) sau khi đã nghe được Giáo Pháp, người đó lưu giữ nó trong tâm, (7) xem xét ý nghĩa của những giáp lý mình đã lưu giữ trong tâm, và (8) hiểu được ý nghĩa và Giáo Pháp và thực hành đúng theo Giáo Pháp, thì Như Lai dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp. Này Puṇṇiya, khi một người có được tám phẩm-chất này, thì Như Lai sẽ hoàn toàn dành lúc chỉ dạy Giáo Pháp.”1799

83 (3) Bắt Rễ

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ các giáo phái khác (ngoại đạo) có thể hỏi các thầy: (1) ‘Này các bạn, mọi thứ (tất cả mọi pháp) bắt rễ (có gốc rễ) từ cái gì? (2) Thông qua cái gì chúng trở thành hiện hữu? (3) Chúng khởi sinh từ cái gì?1800 (4) Chúng hội tụ trên cái gì? (5) Chúng được dẫn đầu bởi cái gì? (6) Cái gì thực hiện sự thẩm quyền đối với chúng? (7) Cái gì là người giám sát của chúng? (8) Cái gì là cốt lõi của chúng?’ Nếu được hỏi như vậy, các thầy sẽ trả lời họ ra sao?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này: “Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Này bạn, mọi thứ bắt rễ từ cái gì? … Cốt lõi của chúng là gì?’, thì các thầy nên trả lời họ như sau: “‘Này các bạn, (1) mọi thứ đều bắt rễ từ sự tham-muốn (dục). (2) Chúng trở thành hiện hữu thông qua sự chú-tâm (sự tác ý). (3) Chúng khởi sinh từ sự tiếp-xúc (xúc). (4) Chúng hội tụ trên cảm-giác (thọ). (5) Chúng được dẫn đầu bởi sự định-tâm (định). (6) Sự chánh-niệm (niệm) thực hiện sự thẩm quyền đối với chúng. (7) Trí-tuệ là người giám sát của chúng. (8) Sự giải-thoát là cốt-lõi của chúng.’1801 “Nếu các thầy được hỏi những câu hỏi đó, thì chính theo cách

như vậy các thầy nên trả lời những du sĩ khác đạo đó.”

84 (4) Kẻ Trộm “Này các Tỳ kheo, có tám yếu tố, một siêu trộm sẽ mau bị dính nạn (bị bắt), sẽ không tồn tại (hành nghề) được lâu. Tám đó là gì? (1) Người

• 157

đó tấn công người không tấn công mình. (2) Người đó trộm cắp không chừa lại thứ gì. (3) Người đó giết hại phụ nữ. (4) Người đó hãm hiếp gái trẻ. (5) Người đó cướp giựt của tu sĩ. (6) Người đó cướp kho báu của vua chúa. (7) Người đó hành sự ở gần nơi ở. Và (8) người đó không khéo che giấu [những thứ đã trộm cướp].1802 Có tám yếu tố này, một siêu trộm sẽ mau bị dính nạn, sẽ không tồn tại được lâu. “Này các Tỳ kheo, có được tám yếu tố, một siêu trộm sẽ không mau bị dính nạn (bị bắt), sẽ tồn tại (hành nghề) được lâu. Tám đó là gì? (1) Người đó không tấn công người không tấn công mình. (2) Người đó không trộm cắp hết mà không chừa lại thứ gì. (3) Người đó không giết hại phụ nữ. (4) Người đó không hãm hiếp gái trẻ. (5) Người đó không cướp giựt của tu sĩ. (6) Người đó không cướp kho báu của vua chúa. (7) Người đó không hành sự ở gần nơi ở. Và (8) người đó khéo che giấu [những thứ đã trộm cướp]. Có được tám yếu tố này, một siêu trộm sẽ không mau bị dính nạn, sẽ tồn tại được lâu.”

85 (5) Những Chữ Để Chỉ “Này các Tỳ kheo, (1) ‘Sa-môn’ (tu sĩ) là một chữ (cách) để chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (2) ‘Bà-la-môn’ là một chữ để chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. (3) ‘Bậc chữa-trị’ … (4) ‘Bậc thầy về trí-biết’1803 … (5) ‘Bậc bất-nhiễm’ (không bị ố nhiễm) … (6) ‘Bậc vô- nhiễm’ (hết nhiễm) … (7) ‘Người-biết’ … (8) ‘Người được giải-thoát’ là một chữ để chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.” Trạng thái cao nhất đó được chứng ngộ bởi một sa-môn,1804 Hay bởi một bà-la-môn đã sống đời sống tâm linh, Được chứng ngộ bởi một bậc thầy về trí-biết và bậc chữa-trị— Trạng thái cao nhất đó được chứng ngộ bởi một bậc bất-nhiễm, Bởi một bậc vô-nhiễm là người đã được thanh-lọc, Được chứng ngộ bởi một người-biết, Bởi một người được giải-thoát —

158 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

[bên trên điều đó] Ta là chiến thắng trong trận chiến; Đã được tự-do, ta giải-thoát tha nhân khỏi sự trói-buộc. Ta là một nāga, đã được thuần-phục một cách tối thượng,1805 Là bậc vô-học nhân, đã đạt tới Niết-bàn.

86 (6) Ngài Nāgita 1806 Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn lớn các Tỳ kheo, lúc đó mới tới khu làng Icchānaṅgala của những bà-la-môn người Kosala. Ở đó đức Thế Tôn trú trong khu rừng rậm ở vùng Icchānaṅgala. Các gia chủ bà-la-môn ở làng Icchānaṅgala nghe tin: [“Nghe nói sa-môn Cồ-đàm, người con của dân tộc Thích-Ca đã xuất gia từ một gia đình họ Thích-Ca, vừa mới đến làng Icchānaṅgala, và giờ đang trú ở khu rừng rậm ở Ic-chānaṅgala. Giờ tin đồn tốt về Thầy Cồ-đàm đã lan truyền như vầy: ‘Bậc Thế Tôn đó là một A-la-hán [đã tu-thành] và bậc Toàn Giác [đã giác ngộ toàn thiện] … [giống đoạn mẫu này ở kinh 6:42] … bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.”] Giờ sẽ tốt lành để đi gặp những vị A-la-hán đó.” Rồi, khi đêm đã qua, những gia

chủ bà-la-môn của làng Icchānaṅgala mang nhiều thứ thức-ăn khác nhau và đi đến khu rừng rậm vùng Ic- chānaṅgala. Họ đứng ở bên ngoài cửa rừng và gây ra những tiếng ồn ào huyên náo. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Nāgita là người hầu cận của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn mới nói với thầy Nāgita: “Này Nāgita, ai đang làm những tiếng ồn ào huyên náo vậy? Ai nghe cứ tưởng như một đám ngư dân đang hò hét lúc vây bắt một đàn cá.” “Thưa Thế Tôn, đó là những gia chủ bà-la-môn ở làng Icchānaṅgala, họ mang đến nhiều thứ thức-ăn khác nhau. Họ đang đứng ngoài cửa rừng [và muốn cúng dường chúng] cho Thế Tôn và Tăng đoàn các Tỳ kheo.” “Này Nāgita, cầu cho ta đừng bao giờ nổi tiếng. Cầu cho danh tiếng đừng đến với ta. Có những người không thể có được niềm chân phúc của

• 159

sự từ-bỏ, niềm chân phúc của sự tách-ly (ẩn dật), niềm chân phúc của sự bình-an, niềm chân phúc của sự giác-ngộ khi họ muốn có; ta thì dễ dàng có được, không khó khăn hay rắc rối gì. Hãy để họ thụ hưởng khoái lạc thấp hèn, khoái lạc lười nhác, khoái lạc của ‘lợi, vinh, danh’.” “Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn đồng ý! Mong bậc Phúc Lành đồng ý! Giờ là lúc đức Thế Tôn hãy đồng ý. Vì dù đức Thế Tôn có đi đâu, những bà-la-môn và gia chủ ở thành thị hay vùng quê cũng sẽ đi theo. Giống như khi trời mưa lớn và nước đều chảy dồn xuống dốc. Tương tự vậy, dù đức Thế Tôn đi đâu, những bà-la-môn và gia chủ ở thành thị hay vùng quê cũng sẽ đi theo. Vì lý do gì? Vì đức-hạnh và trí-tuệ của đức Thế Tôn.” “Này Nāgita, cầu cho ta đừng bao giờ nổi tiếng. Cầu cho danh tiếng đừng đến với ta. Có những người không thể có được niềm chân phúc của sự từ-bỏ … Hãy để họ thụ hưởng khoái lạc thấp hèn, khoái lạc lười nhác, khoái lạc của ‘lợi, vinh, danh’.
“Này Nāgita, ngay cả có một số thiên thần cũng không thể ‘tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có được niềm chân-phúc của sự từ- bỏ, niềm chân-phúc của sự tách-ly, niềm chân-phúc của sự bình-an, niềm chân-phúc của sự giác-ngộ’ mà ta tùy theo ý mình có được, không khó khăn hay rắc rối gì. (1) “Này Nāgita,1807 khi các thầy đến gặp nhau, ý định gặp gỡ giao lưu với nhau, thì ý nghĩ này xảy đến với ta: ‘Chắc rồi, những vị này không thể [tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có được niềm chân- phúc của sự từ-bỏ, niềm chân-phúc của sự tách-ly, niềm chân-phúc của sự bình-an, niềm chân-phúc của sự giác-ngộ] khi họ muốn có; ta thì dễ dàng có được, không khó khăn hay rắc rối gì; bởi vì họ đến gặp nhau, họ có ý định gặp gỡ giao lưu. (2) “Này Nāgita, ta thấy có những Tỳ kheo đang cười cợt và chơi đùa dùng ngón tay chọt lét lẫn nhau, thì ý nghĩ này xảy đến với ta: ‘Chắc rồi, những vị này không thể [tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì,

160 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

có được niềm chân-phúc của sự từ-bỏ …] khi họ muốn có; ta thì dễ dàng có được, không khó khăn hay rắc rối gì; bởi vì họ cứ cười cợt và chơi đùa dùng ngón tay chọt lét lẫn nhau.’ (3) “Này Nāgita, ta thấy có những Tỳ kheo, sau khi ăn nhiều đến căng đầy bụng như họ muốn, sinh ra khoái thích nằm nghỉ, khoái thích lười biếng, khoái thích ngủ, thì ý nghĩ này xảy đến với ta: ‘Chắc rồi, những vị này không thể [tùy theo ý mình, không khó khăn hay rắc rối gì, có được niềm chân-phúc của sự từ-bỏ …] khi họ muốn có; ta thì

dễ dàng có được, không khó khăn hay rắc rối gì; bởi vì do sau khi ăn nhiều đến căng đầy bụng như họ muốn, họ sinh ra khoái thích nằm nghỉ, khoái thích lười biếng, khoái thích ngủ.' (4) "Ở đây, này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống gần rìa một khu làng đang ngồi trong trạng thái định-tâm. Rồi ý nghĩ này xảy đến với ta: 'Giờ một người giúp việc hay một sa-di hay một người đồng-đạo dễ làm vị ấy rớt khỏi sự định-tâm.'1808 Vì lý do này, ta không hài lòng với sự ở gần rìa khu làng của Tỳ kheo đó. (5) "Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng đang ngồi trong rừng và đang ngủ gật. Rồi ý nghĩ này xảy đến với ta: 'Giờ vị này sẽ xua tan sự buồn ngủ và chú tâm duy nhất vào nhận-thức về khu rừng, [là một trạng thái] hợp-nhất.' Vì lý do này, ta hài lòng với sự ở trong rừng của của Tỳ kheo đó. (6) "Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng đang ngồi trong rừng trong trạng thái không định-tâm. Ý này xảy đến với ta: 'Giờ vị này sẽ tập trung [định] cái tâm chưa đạt định của mình hoặc phòng hộ cái tâm chưa đạt định của mình.' Vì lý do này, ta hài lòng với sự trú-ở cuả Tỳ kheo đó trong rừng. (7) "Này Nāgita, ta nhìn thấy một Tỳ kheo sống tu trong rừng đang ngồi trong rừng trong trạng thái định-tâm. Ý nghĩ này xảy đến với ta: 'Giờ vị này sẽ giải thoát cái tâm chưa được giải thoát của mình hoặc phòng hộ cái tâm chưa được giải thoát của mình.' Vì lý do này, ta hài lòng với sự ở

trong rừng của Tỳ kheo đó. (8) "Này Nāgita, khi ta đang đi du hành trên đường lộ và không nhìn thấy ai trước mặt hay sau lưng mình, thậm chí là những người đang đi đại tiện hay tiểu tiện, thì trong thời đó ta thấy an nhiên."

87 (7) Thức Ăn Khất Thực "Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử tại gia có tám phẩm-chất, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể lật úp bình bát đối với người đó.1809 Tám đó là gì? (1) Người đó cố cản trở một Tỳ kheo có được lợi lộc (đồ cúng dường); (2) người đó cố gây sự nguy hại cho các Tỳ kheo; (3) người đó cố cản trở các Tỳ kheo ở [một nơi trú ở nào đó, ví dụ gần chỗ người đó]; (4) người đó sỉ nhục và mắng chửi các Tỳ kheo; (5) người đó chia rẽ các Tỳ kheo; (6) người đó nói lời chê bai Phật; (7) người đó nói lời chê bai Giáo Pháp; (8) người đó nói lời chê bai Tăng Đoàn. Khi một người tại gia có tám phẩm- chất này, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể lật úp bình bát đối với người đó. "Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử tại gia có được tám phẩm-chất, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể để ngửa bình bát đối với người đó. Tám đó là gì? (1) Người đó không cản trở một Tỳ kheo có được lợi lộc (đồ cúng dường); (2) người đó không gây sự nguy hại cho các Tỳ kheo; (3) người đó không cản trở các Tỳ kheo ở [một nơi trú ở nào đó, ví dụ gần chỗ người đó]; (4) người đó không sỉ nhục và mắng chửi các Tỳ kheo; (5) người đó không chia rẽ các Tỳ kheo; (6) người đó nói lời đề cao Phật; (7) người đó nói lời đề cao Giáo Pháp; (8) người đó nói lời đề cao Tăng Đoàn. Khi một người tại gia có được tám phẩm-chất này, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể để ngửa bình bát đối với người đó."

88 (8) Thiếu Niềm Tin "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có tám phẩm-chất, thì những đệ

tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố thiếu niềm-tin vào thầy đó.1810 Tám đó là gì? (1) Thầy đó cố cản trở những người tại gia có được lợi ích; (2) thầy đó gây sự nguy hại cho những người tại gia; (3) thầy đó xúc phạm và chê chửi những người tại gia; (4) thầy đó gây chia rẽ những người tại gia; (5) thầy đó nói lời chê bai Phật; (6) thầy đó nói lời chê bai Giáo Pháp; (7) thầy đó nói lời chê bai Tăng Đoàn; (8) họ nhìn thấy thầy đó ở chỗ nơi không đúng đắn [không hợp pháp đối với một tăng sĩ].1811 Khi một Tỳ kheo có tám phẩm-chất đó, thì những người đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố thiếu niềm-tin vào thầy đó. “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được tám phẩm-chất, thì những người đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố niềm-tin vào thầy đó. Tám đó là gì? (1) Thầy đó không cản trở những người tại gia có được lợi ích; (2) thầy đó không gây sự nguy hại cho những người tại gia; (3) thầy đó không xúc phạm và chê chửi những người tại gia; (4) thầy đó không gây chia rẽ giữa những người tại gia; (5) thầy đó nói lời đề cao Phật; (6) thầy đó nói lời đề cao Giáo Pháp; (7) thầy đó nói lời đề cao Tăng Đoàn; (8) họ nhìn thấy thầy đó ở chỗ nơi đúng đắn [phù hợp với một tăng sĩ]. Khi một Tỳ kheo có được tám phẩm-chất đó, thì những người đệ tử tại gia, nếu họ muốn, có thể tuyên bố niềm-tin vào thầy đó.

89 (9) Hòa Giải “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có tám phẩm-chất, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể chỉ định thực hiện sự hòa-giải về thầy đó [về tội làm sai đối với người tại gia].1812 Tám đó là gì? (1) Thầy đó cố cản trở những người tại gia có được lợi ích; (2) thầy đó gây sự nguy hại cho những người tại gia; (3) thầy đó xúc phạm và chê chửi những người tại gia; (4) thầy đó gây chia rẽ những người tại gia; (5) thầy đó nói lời chê bai Phật; (6) thầy đó nói lời chê bai Giáo Pháp; (7) thầy đó nói lời chê bai Tăng Đoàn; (8) thầy đó không thực thi một lời hứa chính đáng đối với những người tại gia. Khi một Tỳ kheo có tám phẩm-chất này, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể áp dụng điều luật xử lý (về tội xúc phạm người tại

gia của) thầy đó. “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo có được tám phẩm-chất, thì tăng Đoàn, nếu muốn, có thể hủy bỏ thực hiện sự hòa-giải về thầy đó [đã được chỉ định trước đó] [về tội xúc phạm đối với người tại gia]. Tám đó là gì? (1) Thầy đó không cản trở những người tại gia có được lợi ích; (2) thầy đó không gây sự nguy hại cho những người tại gia; (3) thầy đó không xúc phạm và chê chửi những người tại gia; (4) thầy đó không gây chia rẽ giữa những người tại gia; (5) thầy đó nói lời đề cao Phật; (6) thầy đó nói lời đề cao Giáo Pháp; (7) thầy đó nói lời đề cao Tăng Đoàn; (8) thầy đó thực thi một lời hứa chính đáng đối với những người tại gia. Khi một Tỳ kheo có được tám phẩm-chất này, thì Tăng Đoàn, nếu muốn, có thể hủy bỏ thực hiện sự hòa-giải về thầy đó [đã được chỉ định trước đó] [về tội xúc phạm đối với người tại gia].”

90 (10) Hành Vi “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo bị phạt do hành-vi sai trái (ác hành) nghiêm trọng1813 nên cư xử một cách đúng đắn bằng sự tôn trọng đối với tám nguyên tắc. (1) Người đó không nên ban cấp thụ giới toàn-bộ (cho những sa-di hay Tỳ kheo mới); (2) người đó không nên ban cấp sự nương- dựa (cho một Tỳ kheo mới; tức không nên làm sư phụ hay y chỉ sư của các Tỳ kheo mới thụ giới);1814 (3) người đó không nên

có sa-di làm thị giả hầu cận; (4) người đó không nên nhận lãnh sự chấp thuận (của Tăng đoàn) cho phép người đó làm một người khởi xướng giáo giới cho những Tỳ kheo ni; (5) ngay cả khi đã lỡ nhận lãnh, người đó cũng không nên khởi xướng giáo giới các Tỳ kheo ni; (6) người đó không nên nhận lãnh bất kỳ chấp thuận nào [cho phép người đó làm một chức danh] trong Tăng Đoàn; (7) người đó không nên được đặt ở bất kỳ vị trí lãnh đạo chủ chốt nào (trong Tăng Đoàn); (8) người đó không nên ban cấp sự phục-hồi (cho ai) [trong trường hợp cùng là] với (tội) gốc đó.1815 Một Tỳ kheo bị phạt do hành-vi sai trái nghiêm trọng thì nên cư xử một cách đúng đắn bằng sự tôn trọng đối với tám nguyên tắc này.”

NHÓM 5. GIỐNG NHAU 1816

91 (1) 117 (27) 1817 Lúc đó có nữ đệ tử tại gia là Bojjhā … Sirimā … Padumā … Sutanā … Manujā … Uttarā … Muttā … Khemā … Somā1818 … Rucī … Công chúa Cundī … nữ đệ tử tại gia là Bimbī … Công chúa Sumanā … Hoàng hậu Mallikā … nữ đệ tử tại gia là Tissā … Soṇā là mẹ của Tissā … mẹ của Soṇā … Kāṇā … mẹ của Kāṇā … Uttarā Nandamātā (Uttarā là mẹ của Nanda, cũng = Veḷukaṇṭakī Nandamātā)1819 … Visākhā Migāramātā (Visākhā là mẹ của Migāra) … nữ đệ tử tại gia là Khujjuttarā … nữ đệ tử tại gia là Sāmāvatī … Suppavāsā là con gái dân Koliya (Câu-lợi) … nữ đệ tử tại gia là Suppiyā … nữ gia chủ Nakulamātā (là mẹ của Nakula) …

NHÓM 6. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC 1820

118 (1) “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, tám điều (pháp tu) cần được tu tập. Tám đó là gì? Đó là: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh- ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh- định” (tám chi phần của Bát thánh đạo)

119 (2) “Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, tám điều (tám cơ- sở để vượt trên, tám thắng xứ) cần được tu tập. Tám đó là gì? (1) “Người có nhận thức (có sự hiểu tốt) về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là hữu hạn, đẹp, hay

xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. (2) “Người có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là vô hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. (3) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là hữu hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. (4) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là vô hạn, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: ‘Tôi biết, tôi thấy’. (5) “Một người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu

xanh, xanh về màu, có sắc xanh, có ánh xanh. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy'. (6) ... là những thứ màu vàng, vàng về màu, có sắc vàng ... (7) ... là những thứ màu đỏ, đỏ về màu, có sắc đỏ ... (8) ... là những thứ màu trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó có nhận thức như vầy: 'Tôi biết, tôi thấy'. "Để có sự trực-tiếp biết về tham, tám điều này cần được tu tập."

120 (3) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết về tham, tám điều (tám sự giải-thoát) cần được tu tập. Tám đó là gì? (1) "Người có được sắc nhìn thấy những hình-sắc.

(2) "Người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài. (3) "Người chỉ tập trung vào sự "đẹp". (4) "Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', người tu chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên]." (5) "Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', người tu chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].' (6) "Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không-có-gì', người tu chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì]. (7) "Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, người tu chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận thức cũng không phải không còn nhận-thức]. (8) "Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, người tu chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác]." "Để có sự trực-tiếp biết về tham, tám điều này cần được tu tập."

121 (4) 147 (30) "Này các Tỳ kheo, để có sự hoàn-toàn hiểu về tham ... sự phá-sạch tham ... sự dẹp-bỏ tham ... sự tiêu-diệt tham ... sự biến-mất tham ... sự phai-biến tham ... sự chấm-dứt tham ... sự buông-bỏ tham ... sự từ-bỏ tham ... ... Để có sự từ-bỏ tham, tám điều này cần được tu tập."

148 (31) 627 (510) "Này các Tỳ kheo, để có sự trực-tiếp biết ... sự hoàn-toàn hiểu ... sự phá-sạch ... sự dẹp-bỏ ... sự tiêu-diệt ... sự biến-mất ... sự phai-biến ... sự chấm-dứt ... sự buông-bỏ ... sự từ-bỏ sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-bạo ... sự chê-bai ... sự hỗn-xược ... sự ganh-tỵ ... sự ti-tiện ... sự lừa-dối ... sự mưu-mẹo ... sự bướng-bỉnh ... sự thái-quá (quá đáng, quá lố, dữ dội) ... sự tự-ta (ngã mạn) ... sự kiêu-ngạo ... sự say-sưa ... sự lơ-tâm phóng dật ... ... để có sự từ-bỏ sự lơ-tâm phóng dật, tám điều này cần được tu tập." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

HẾT QUYỂN 8

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN Aṅguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi

Be: phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử)

Ee: phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS)

Ce: phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy)

Mp Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN

Mp-ṭ Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN

NDB = Nummerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của AN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

Lưu Ý: Khi chữ Be và Ce được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng Mp, là chúng tương ứng chỉ ấn bản Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ) và ấn bản Tích Lan Simon Hewavitarne Bequest (1923–31). Nếu chỉ ghi Mp không thôi thì đó là luận giảng Mp thuộc ấn bản điển tử của Chaṭṭha Saṅgāyana.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: Vi Diệu Pháp Tạng

∗ AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs

Dhp = Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú (thuộc KN)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: Bộ Pháp Tụ (thuộc Abhi)

∗ DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ)

170 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

It = Itivuttaka: tập Kinh Phật Tự Thuyết (thuộc KN) It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: Chú Giải tập It Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Khp = Khuddakapāṭha: tập Kinh Tiểu Tụng (thuộc KN) ∗ KN = Khuddaka Nikaya: Bộ Kinh Ngắn (Tiểu Kinh Bộ) Mil = Milindapanha: tập kinh Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) ∗ MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Vừa (Trung Kinh Bộ) Mp = Manorathapūraṇī: Chú Giải bộ AN Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc KN) Nidd I = Mahā-niddesa: tập Đại Diễn Giải (Đại Nghĩa Tích) (thuộc KN) Nidd II = Cūḷa-niddesa: tập Tiểu Diễn Giải (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc KN) Paṭis = Paṭisambhidāmagga: tập Con Đường Phân Biệt (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc KN) Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Patis Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc KN) Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Sn Pp = Puggalapannatti: bộ Phân Định Cá Nhân (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc Abhi) Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Pp Ps = Papancasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ MN Pv = Petavatthu: tập Chuyện Quỷ Đói (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc KN) ∗ SN = Saṃyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên Kết (Tương Ưng Kinh

Bộ) Sn = Suttanipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): Chú Giải Luật Tạng Sv = Sumaogalavilāsinī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): Chú Giải bộ kinh DN Sv-pṭ = Sumaogalavilāsinī-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): Tiểu Chú Giải bộ kinh DN (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ (thuộc KN) Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Th Thī = Therīgāthā: tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ (thuộc KN) Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): Chú Giải tập Thī (bản 1998) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Ud Vibh = Vibhaṅga: Bộ Phân Tích (thuộc Abhi) Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): Chú Giải bộ Vibh Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): Tiểu Chú Giải tập Vbh (phiên bản Miến Điện) Vin = Vinaya: Luật Tạng (Rỗ Luật) Vism = Visuddhimagga: Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH: BL= Buddhist Legends: Những Huyền Thoại Phật Giáo (của học giả Burlingame) CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: Cẩm Nang Vi Diệu Pháp (của Tỳ Kheo Bồ-Đề) EV I = Elders' Verses I: Trưởng Lão Thi Kệ I (của Norman) EV II = Elders' Verses II: Trưởng Lão Thi Kệ II (của Norman) GD = Group of Discourse: tập Kinh Tập II (của Norman) Germ Tr = Bản dịch SN tiếng Đức (của Geiger) KS = Kindred Sayings: Bản dịch tiếng Anh của SN (bởi Rhys Davids, Woodward) LDB = Long Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của DN (bởi học giả Walshe) MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: bản dịch Pāli-Anh của MN (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli và TKBĐ)

Ppn = Path of Purification: bản dịch Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli) SN-Anth = "Saṃyutta Nikāya: An Anthology": Tuyển tập các kinh thuộc SN (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC: CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ưng A-hàm Hán Tạng (của Enomoto) DPPN: Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli (của Malalasekera) MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: Tự Điển Phạn-Anh (của Monier-William) PED = Pāli-English Dictionary: Tự Điển Pāli-Anh (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC: BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: Chữ Lai Phạn trong Phật giáo BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiến sĩ học giả dịch giả Rhys Davids) PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali) Skt = Sanskrit: tiếng Phạn VĀT = Vanarata Ānanda Thera: Trưởng Lão Vanarata Ānanda

Lưu Ý: Các trích dẫn kinh gốc tiếng Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBĐ) là ghi số quyển và số trang của ấn bản PTS. Các trích dẫn từ Udāna và

Itivuttaka thì ghi số kinh theo sau là số trang của ấn bản PTS. Còn trích dẫn từ Vism cũng được ghi kèm theo bằng số chương và số đoạn trong Ppn.

CHÚ THÍCH

1615 [Những quỷ thần" là tạm dịch chữ amanussā, nghĩa gốc là "những loài

phi nhân". Chữ này nguyên sơ là chỉ những địa thần, những dạ-xoa (yakkha), và quỷ dữ. Vism 312,9–313,18 (Ppn 9.64–69) có minh họa điều ích-lợi này bằng một câu chuyện về một Tỳ kheo chiếm được cảm tình của những địa thần sống trên cây.] (1615)

1616 [Nguyên văn câu này: Sabbe ca pāṇe manasānukampī. Anukampā (danh

từ trừu tượng của anukampī) có nghĩa hơi khác một chút so với chữ karuṇā (bi mẫn) là tâm vô lượng thứ hai. (i) Chữ anukampā thường gợi tả lòng bi- mẫn như một động cơ của hành động vì người khác, trong khi chữ karuṇā thì thường dùng để chỉ một trạng thái thiền (tâm bi).] (1616)

1617 [Tôi dịch dựa theo Be và Ee ghi là assamedhaṃ, đúng thứ tự với loại

cúng tế đầu tiên cũng được ghi trong các kinh khác trong các bộ kinh. Trong kinh 4:39, những sự cúng tế này bị phê phán là sự hãm-hại đối với những chúng sinh yếu thế bất lực. Ce chỗ này ghi là sassamedhaṃ (sự cúng tế bắp). Có lẽ đây là cách họ chỉnh sửa để bào chữa cho những sự cúng tế (sát-sinh) bởi những người hoàng tộc.] (1617)

1618 [Đây là tên của những lễ cúng tế khác.] (1618)

1619 [Tôi dịch theo Be và Ee ghi là tāraganā va, khác với Ce ghi là tāraganā

ca.] (1619)

1620 [Nguyên văn câu này: Mettaṃso sabbabhūtānaṃ veraṃ tassa na kenaci.

Mp coi chữ mettaṃso là chữ kết hợp của mettā và aṃso, giải nghĩa là: mettāyamānacittakoṭṭhāso: một phần của tâm-từ. BHSD sv aṃśa đã làm chứng cho sự xuất hiện của chữ maitra aṃśa trong văn chương BHS; cụm chữ maitreṇāṃśena sphuritvā có trong Divyāvadāna 60.24 và 61.12.] (1620)

1621 [Nguyên văn câu này: Ādibrahmacariyikāya paññāya. Mp giải nghĩa câu

này rằng: "[Đây là] sự minh-sát, trí-tuệ này vốn là căn bản cho đời sống tâm linh của đạo" (maggabrahma cariyassa ādibhūtāya paññāyā ti vipas-

sanāya).] (1621)

1622 [Nguyên văn câu cuối này: Ariyaṃ vā tuṇhībhāvaṃ nātimaññati. Nghĩa

gốc của nó là: "hoặc người đó không coi thường sự im lặng thánh thiện".] (1622)

1623 [Nguyên văn là: piyatāya na garutāya na bhāvanāya na sāmaññāya na

ekībhāvāya saṃvattati. Mp giải nghĩa chữ bhāvanāya là: bhāvanatthāya guṇasambhāvanāya vā (dẫn tới sự tu-tập [thiền] hoặc dẫn tới sự kính trọng dành cho những đức-hạnh). Nghĩa thứ hai này có lẽ phù hợp với ngữ cảnh lời kinh chỗ này hơn. Mp giải nghĩa chữ sāmaññāya = samaṇadhammatthāya (là vì bổn-phận của sa-môn), nhưng tôi nghĩ có lẽ là chữ sāmaññā là một danh từ trừu tượng từ chữ samāna ("thứ giống y" hoặc "giống hệt nhau, giống y). Tôi dịch chữ nó là "sự hòa hợp", điều này rất hợp với chữ theo sau nó là ekībhāvāya (sự đoàn kết, sự như-một). PED đã ghi ra chữ sāmaññā1 có nghĩa là "sự hợp nhau" và "sự như một". Chữ này được ghi theo nghĩa này là tên của NHÓM 5 [GIỐNG NHAU] trong phần "NĂM MƯƠI KINH THỨ HAI" ở bên dưới. - Không có bản tương ứng trong Hán tạng, nhưng mời quý vị đọc thêm chú thích số 2106 trong kinh 10:87.] (1623)

1624 [Đây là là một kinh song hành được mở rộng của kinh 7:01. Tuy nhiên,

cho dù chúng dùng khuôn mẫu giống nhau nhưng kinh 8:04 thì không chính xác là một kinh song hành được mở rộng của kinh 7:02.] (1624)

1625 [Nguyên bản chữ này là asuci. Mp chỉ giải nghĩa là "người đó có hành vi

thân không trong sạch …".] (1625)

1626 [Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã gây ra sự chia-rẽ trong Tăng Đoàn, và sau

đó đã bỏ đi cùng với nhóm Tỳ kheo của thầy ấy, chủ mưu thiết lập nhóm đoàn đối nghịch (với Tăng Đoàn của Phật).] (1626)

1627 [Nguyên văn cả câu này: Yaṃ kiñci subhāsitaṃ sabbaṃ taṃ tassa bhaga-

vato vacanaṃ ara- hato sammāsambuddhassa. Tato upādāy'upādāya mayañ c'aññe ca bhaṇāma. Câu này không thể được dịch là: "Bất cứ lời nào của đức Thế Tôn … được nói ra một cách hay khéo." Như lời đã ghi, câu này diễn tả ý tưởng rằng: mọi giáo lý tốt thiện mà những đệ tử nói ra, ngay cả khi những điều đó bắt nguồn từ họ, thì có thể được coi là lời của Phật (bud-

dhavacana) bởi vì chúng được dựa trên cơ sở là những giáo lý của Phật.] (1627)

1628 [Như vậy có lẽ là: lý do bài kinh này đã được kết tập trong Quyển "Tám"

là do có ['08 điều-kiện xấu' đã chi phối và ám muội thầy Đề-bà-đạt-đa] như đã được nói trong kinh kế trên đã đưa vào trong kinh này.] (1628)

1629 [Khó nhìn ra dựa trên cơ sở nào mà vua trời Đế-thích lại nói bài thuyết

pháp này đã chưa được thiết lập ở đâu trong 04 hội chúng (n'āyaṃ dhammapariyāyo kismiñci patiṭṭhito). Bài kinh này rõ ràng đã 'lồng vào' nội dung là [sự xét lại của một người về những thất-bại và thành-tựu của mình và của người khác] đã được chỉ dạy trước đó cho những Tỳ kheo trong kinh 8:07 kế trên, và hoàn toàn có khả năng rằng những Tỳ kheo đó cũng đã chỉ dạy lại cho 03 hội chúng kia.] (1629)

1630 [Tỳ kheo Nanda, vừa là em cùng cha khác mẹ và là anh em bạn dì của

Phật (tức con trai của di mẫu Kiều-đàm-di và anh trai của công chúa/ Tỳ kheo ni Sundari Nanda) rõ ràng là người có nhiều tham muốn dục-lạc. Sau khi trở thành một Tỳ kheo, lúc này thầy ấy vẫn luôn nghĩ tới người hôn thê của mình và sau đó còn ước được tái sinh thành mỹ thần trong cõi trời. Câu chuyện về thầy ấy được nói trong kinh Ud 3:2, 21–24.] (1630)

1631 [Để ý rằng: trong kinh 4:41, điều (3), thì những sự "biết những cảm-giác

… biết những nhận-thức …" này thì được gọi là "sự tu tập sự định-tâm dẫn tới sự chánh-niệm và rõ-biết".] (1631)

1632[Nguyên văn cả câu này: Aññenāññaṃ paṭicarati, bahiddhā kathaṃ apanāmeti, kopañca dosañca appaccayañca pātukaroti.] (1632)

1633[Tôi đọc câu này theo Ce và Be ghi là: niddhamath'etaṃ … nid- dhamath'etaṃ; khác với Ee ghi là: dhamath'etaṃ … niddhamath'etaṃ.]

1634 [Tất cả những cách ghi trong 03 phiên bản đều không rõ nghĩa. Ce ghi là:

kiṃ vo para- putto vihethīyati, trong đó động từ thụ động dường như không hợp cách. Ee ghi là: kiṃ vo paraputtā viheṭheti, trong đó nó nối một chủ-thể số nhiều với một động-từ chủ động số ít. Còn Be thì ghi: kiṃ vo tena para- puttena visodhitena (Các thầy phải [làm] gì với con trai của người khác là

người đã được thanh lọc?)" là vô nghĩa trong ngữ cảnh này. Ee thì vẫn ghi thêm những biến thể trong những chú thích cuối trang của nó. Tôi coi cách ghi cho đúng phải là vầy: kiṃ vo paraputto viheṭheyya. Mp không đưa ra lời chú giải nào ở đây. Nhưng dường như hàm ý của lời kinh là: Tỳ kheo phiền rối đó, bởi hành-vi của mình, không phải là một đệ tử thực thụ của Phật và như vậy có thể được coi là một "con" [tức đệ tử] của đạo sư nào khác, (không phải là 'con của Phật', không phải là một Phật tử).] (1634)

1635 [Nguyên văn câu cuối này: Aññesaṃ bhaddakānaṃ bhikkhūnaṃ. Tôi cho

rằng 08 động-tác này là lý do kinh này được xếp vào Quyển "Tám" này.] (1635)

1636 [Nguyên văn cụm chữ này: kuṭhāripāsena. DOP không chắc chắn về

nghĩa cụm chữ này nhưng gợi ý là người đó có thể dùng phần búa của rìu để gõ hay phần lưỡi của rìu để chặt vô các cây (để thử coi cây nào là cây bọng ruột và cây nào là đặc ruột). Còn PED thì nói là người đó "quăng cây rìu vô cây" để thử nghe tiếng cây là rỗng hay đặc ruột.] (1636)

1637 [Nguyên văn cụm chữ cuối: naḷerupucimandamūle. Sp I 108, 29–30 nói

chữ Naḷeru là tên của một quỷ dạ-xoa (yakkha).] (1637)

1638 [Lời kết tội giống vầy đối với Đức Phật cũng có ghi trong kinh 4:22 và

đối với Ngài Đại Ca-chiên-diên cũng có ghi trong kinh 2:38.] (1638)

1639 [Nguyên văn câu này: Arasarūpo bhavaṃ Gotamo. Mp giải thích: "Bà-

la-môn này thiếu trí, không nhận biết Phật là người già nhất trong thế gian. Ông không tin không nghe lời Phật mới tuyên-bố; chữ "vị giác" ở đây là ông ta muốn chỉ "ý vị hòa hợp" (sāmaggirasa) mà trong đời nó có nghĩa là những sự lễ phép như kính lễ, đứng dậy kính lễ, lễ lạy, và những hành vi lễ độ khác. Để làm dịu bớt tâm trí của ông, Phật tránh đối nghịch trực diện với lời của ông; thay vì vậy Phật dùng những chữ ông ta dùng, nhưng 'lồng vô' bằng nghĩa của Phật để nói với ông. [Ở đây Phật dùng nghĩa "vị giác"] là sự thỏa- thích về những đối-tượng dục lạc (những hình-sắc, âm-thanh, mùi-hương, mùi-vị, chạm-xúc) khởi sinh trong những người phàm tục ...] (1639)

1640 [Nguyên văn câu này: Nibbhogo bhavaṃ Gotamo. Mp nói đây có nghĩa

là thiếu sự hòa đồng, sự lịch sự, sự nhã nhặn; thiếu sự thân thiện (sāmag-

giparibhogo), tức cũng chỉ sự không lễ phép không kính lễ ... đối với những người già. Và Phật cũng trả lời lại bằng cách dùng ngay chính chữ mà bà-la- môn đã dùng và 'lồng vô' bằng nghĩa của Phật.] (1640)

1641 [Nguyên văn câu này: Akiriyavādo bhavaṃ Gotamo. Thuyết không-làm-

gì, nhưng được diễn tả bởi những người chủ xướng nó là từ chối sự khác- nhau giữa thiện và ác (tức họ không tin có nghiệp thiện và thiện quả, nghiệp ác và ác quả). Coi thêm kinh dài DN 02, mục 17; kinh trung MN 60, mục 13; MN 76, mục 10; kinh liên-kết SN 24:06 (Quyển 3). Mp giải thích ông bà-la- môn nói theo nghĩa Phật không-làm-gì cho đúng theo truyền thống, tức là không lễ phép không kính lễ những người già lão ... Nhưng Phật trả lời bằng "sự không-làm" đối với những hành-vi xấu ác của thân, miệng, và tâm (03 ác hành, 03 tà nghiệp).] (1641)

1642 [Nguyên văn câu này: Ucchedavādo bhavaṃ Gotamo. Những người chủ

trương thuyết diệt-vong hay đoạn-diệt tuyên bố rằng khi một người chết thì đó là "sự diệt vong, sự hủy diệt, sự kết liễu" (tức: chết là hết!). Coi kinh dài DN 1, mục 3.9–16. Mp nói ở đây ý của bà-la-môn là kết tội Đức Phật tìm cách hủy-diệt những quy-ước truyền thống lâu đời, tức đó cũng là những sự lễ phép sự kính lễ đối với người già ... nhưng Phật đã trả lời lại rằng Phật chỉ tìm kiếm sự hủy-diệt những ô-nhiễm (lậu hoặc) và những phẩm-chất bất thiện thông qua con đường Bát Thánh Đạo.] (1642)

1643 [Nguyên văn câu này: Jegucchī bhavaṃ Gotamo. Mp nói: "Bà-la-môn đó

gọi Đức Thế Tôn là 'một người chê-chán' (chán ghét, thấy ghê tởm, khinh ghét; jegucchī); ý ông ta nói là Đức Phật thấy chán-ghét (jigucchati) với những sự lễ phép sự kính lễ đối với những người già lão ... cho nên Phật mới không kính lễ hay lễ phép đối với họ ..., nhưng Phật đã trả lời lại rằng Phật đúng là một người chê-chán những chê-chán và ghê-tởm với những hành-vi xấu ác của thân, miệng, và tâm (03 ác hành) và nhiều loại phẩm-chất bất thiện xấu ác. Giống như một người đã yêu thích những thứ

trang sức đẹp đẽ thì sao không thấy chán-ghét và ghê-tởm với phân cứt vậy.] (1643)

1644 [Nguyên văn câu này: Venayiko bhavaṃ Gotamo. Chữ venayika, từ động

từ vineti [kỷ luật, xử phạm, loại bỏ vi phạm], có thể có nghĩa là "người đưa ra kỷ luật, người rèn luyện người khác". Nhưng vào thời Đức Phật chữ ve-

nayika dường như cũng hàm tích nghĩa là "người dẫn lạc lối", là người dẫn người khác đi tới chỗ sự lụn bại tàn hoại. Như vậy Mp đã giải nghĩa chữ vineti, theo quan-điểm của bà-la-môn này, là vināseti [hủy diệt, hủy bỏ, bãi bỏ]. Nhưng Đức Phật khẳng định sự loại-bỏ của Phật là theo cái nghĩa mà Phật đã chỉ dạy Giáo Pháp để loại-bỏ tham, sân, si và những ô-nhiễm khác (rāgādīnaṃ vinayāya).] (1644)

1645 [Nguyên văn câu này: Tapassī bhavaṃ Gotamo. Một người tu khổ hạnh

(tapassī) thường là một tu sĩ hành hạ xác thân. Chữ này xuất phát từ động từ tapati [đốt, thiêu đốt]. Theo ý của Mp, bà-la-môn này dùng chữ này theo nghĩa là Phật là một người hành-hạ những người già trưởng lão bằng cách không lễ phép với họ, không kính lễ họ …, nhưng Phật đã dùng chữ này theo nghĩa 'thiêu đốt' những phẩm-chất bất thiện.] (1645)

1646 [(Ý ông bà-la-môn lại nói Phật đã rút khỏi những phong tục, lễ nghĩa

truyền thống … trong đời sống xã hội). [Nguyên văn câu này: Apagabbho bhavaṃ Gotamo. SED giải thích chữ tiếng Phạn là apagalbha có nghĩa là "muốn mà nhát, rụt rè, ngại ngần" [coi thêm DOP sv apagabbha]. Ở đây Đức Phật đã dùng sự chơi-chữ cho nên có nghĩa như là "loại bỏ (apa) bào thai (gabbha)". Hầu như không thể 'bắt' được trọn vẹn nghĩa ở đây để dịch; tôi dịch thành chữ "rút khỏi", đây là một cách vụng về nhưng để kết hợp được 02 nghĩa gốc của chữ này là "nhút nhát, rụt rè, ngại ngùng" và "đã rút khỏi, đã rút lui" khỏi sự lang thang trôi giạt trong vòng luân hồi sinh-tử.] (1646)

1647 [Chỗ này mời coi lại kinh 4:128, đoạn (4), và chú thích 824 ở đó.] (1647)

1648 [Tôi làm theo Be và Ee: ghi lại đầy đủ sự mô tả về 02 loại trí-biết (minh)

thứ nhất. Còn Ce thì chỉ ghi tóm lược chúng.] (1648)

1649 [Tôi không làm theo Ce chỗ này có chữ diṭṭhā-sava (ô-nhiễm tà kiến); do

thấy trong Be và Ee đều không có chữ này, và thấy thêm các đoạn song hành trong các kinh như 3:59, 4:198 … của Ce thì lại không có chữ diṭṭhā-sava này.] (1649)

1650 [Chỗ này nghe rất lạ khi lời kinh ghi rằng Mahāvīra (Đại Thiên, tức Ni-

kiền-tử Nātaputta, giáo chủ đạo Jain của những người Ni-kiền-tử) đã nói ra

câu này với tướng quân Sīha. Những Ni-kiền-tử theo đạo Jain chắc chắn đã biết rằng Đức Phật cũng chỉ dạy sự hành-động như một thuyết về nghiệp (kamma), chỉ có điều là

thuyết của Phật khác với thuyết của họ. Mp nói rằng Ni-kiền-tử Nātaputta đã cực kỳ không hài lòng với lời thỉnh cầu của tướng quân Sīha cho nên ông đã liền ngăn cản không cho tướng quân đi đến gặp Phật. Lời ngăn cản của ông ta "đã dập tắt niềm hoan-hỷ đã khởi sinh trước đó trong tướng Sīha, như kiểu tát nước vào mặt [giống như sự dùng gậy đánh vào con bò đi sai lối, hay sự dập tắt một ngọn đèn, hay sự lật úp một bát cơm vậy]".] (1650)

1651 [Chỗ này tôi đọc theo Be và Ee là: yannūnāhaṃ anapaloketvā va ni-

gaṇṭhe; khác với Ce ghi là: yannūnāhaṃ anapalokitā va nigaṇṭhe. Trong câu trước, với chữ nigaṇṭhā là chủ từ, thì những phân từ quá khứ apalokitā vā anapalokitā vā là phù hợp, là những từ chỉ danh thích hợp với chủ từ. Nhưng trong câu này chữ ahaṃ là chủ từ, nó như một từ tuyệt đối biểu thị một hành động của tướng Sīha.] (1651)

1652 [Về đoạn "câu hỏi" khuôn mẫu này, mời coi lại chú thích 416 ở kinh

3:57.] (1652)

1653 [Những lời buộc tội trong kinh này có 06 điều giống như điều (1) và các

điều từ (3)-(7) trong kinh 8:11 kế trên. Mời coi lại các chú thích trong kinh 8:11.] (1653)

1654 [Ce và Be ghi chữ assāsako; Ee ghi là assattho, có nghĩa là: "được an ủi,

được yên ủi". Tôi không chắc nghĩa như vậy có đúng theo ý phê phán của người buộc tội Đức Phật hay không.] (1654)

1655[Mp diễn dịch rằng: "Sự an-ủi hay sự yên-ủi tối thượng (paramena assāsena) chính là: 04 thánh đạo và 04 thánh quả.".] (1655)

1656 [Nội dung từ đoạn (i), (ii), (iii) … cho đến câu "và đã trở thành không

còn phụ thuộc vào những người khác về giáo lý của Vị Thầy"] là gần như giống hệt với sự trải nghiệm của Upāli được ghi trong kinh MN 56, mục 16– 18.] (1656)

1657 [Lời nói xuyên tạc này cũng có ghi trong đoạn đầu của kinh 3:57, khi du

sĩ Vaccha đang chất vấn Phật.] (1657)

1658 [Ce và Ee ghi chữ jīranti; Be ghi jiridanti. Mp giải nghĩa câu này là: "Họ

không giới hạn lời lăng mạ của họ (abbhakkhānassa antaṃ na gacchanti). Hoặc, chữ jiridanti có nghĩa là sự xấu-hổ (lajjanatthe). Ý nghĩa là họ không biết xấu-hổ (na lajjanti) (trong khi cứ đi xuyên tạc, bôi nhọ Phật và Phật giáo)."] (1658)

1659 [(Chỗ này liên hệ đến giới-luật thời Phật có cho phép những Tỳ kheo ăn

thịt cá với điều-kiện đó thuộc loại "tam tịnh nhục" (không biết, không nghe, không thấy người khác giết con vật để lấy thịt làm thức ăn cho mình).)

- [Mời coi lại kinh Jīvaka Sutta (MN 55) để nắm rõ quan-điểm của Đức Phật về vấn đề ăn thịt cá. Lời kinh chỗ này thật đáng tò mò, vì nó có vẻ không trung thực (là kinh gốc

nguyên thủy), bởi vì: (a) đây là kinh của Phật giáo mà lại đi mô tả những người Ni-kiền-tử của đạo Jain đã chỉ trích Đức Phật đã cố ý ăn thịt mặc dù đã biết đã nghe về con thú bị giết để lấy thịt nấu thức ăn cho mình và các đệ tử của mình. (Bởi vì những người Ni-kiền-tử đâu có đề cao hay giữ giới 'tam tịnh nhục' đâu mà lại trách tội Phật và Tăng đoàn như vậy!). Điều đó chỉ có lý là những người Ni-kiền-tử đã trực tiếp lợi dụng giới cấm "tam tịnh nhục" của Đức Phật để châm chọc và xuyên tạc dựa theo giới cấm đó. Điều này nếu đúng như lời kinh thì quả là một sự bịa đặt xuyên tạc quá nghiêm trọng. (Theo như bối cảnh bài kinh đã cho thấy rõ Đức Phật đã hoàn toàn không hay biết gì (về những món ăn của mình là gì), và càng không thấy, không biết, và không nghe gì về 'con vật béo mập' nào đã bị giết để lấy thịt nấu thức ăn cho mình và Tăng Đoàn.) (b) Nhưng những Ni-kiền-tử theo đạo Jain là những người ăn chay trường nghiêm ngặt, cho nên chúng ta có thể chắc chắn rằng họ đã chỉ trích Đức Phật và những đệ tử của Phật chỉ đơn giản vì việc ăn thịt mà thôi, chứ không phải vì đã biết và ăn thịt một sinh vật bị giết để làm thức ăn cho mình. Mời coi trang thông tin:

1660 [Trong phiên bản Ee, chữ so rato nên được ghi không có gián đoạn là

sorato.] (1660)

1661 [Câu thệ 'quyết tâm' này cũng có trong kinh AN 2:05, và SN 12:22, SN

21:03 (Quyển 2); MN 70, mục 27; và Ja Ī 71, 24–27] (1661)

Chú Thích •181

1662 [Nguyên văn câu này: piṭṭhito rathaṃ pavatteti. Mp giải nghĩa các động

tác đó là: "Nó dùng xương vai hất cái ách lên cao, rồi co lùi lại, rồi kéo quay vòng chiếc xe bằng phần lưng của nó."] (1662)

1663[Nguyên văn câu này: pacchā laṅghati, kubbaraṃ hanati, tidaṇḍaṃ bhañjati. Mp giải nghĩa các động tác đó: "Nó đá tung hai chân sau, đạp vào thanh xe, và làm hư thanh xe. Nó làm gảy thanh ba, tức ba thanh ở phần trước xe ngựa."] (1663)

1664 [Nguyên văn câu này: rathīsāya satthiṃ ussajjitvā rathīsaṃyeva ajjhomaddati. Mp giải nghĩa các động tác đó là: "Nó hạ thấp đầu, hất văng cái ách xuống đất và đạp gảy gọng xe bằng đùi và đạp nát gọng xe bằng hai chân trước của nó."] (1664)

1665 [Tôi đọc theo Ce và Ee, ngay đây và bên dưới có ghi là patodaṃ, khác

với Be ghi là patodalaṭṭhi: cán/gót thúc và roi.] (1665)

1666[Nguyên văn câu kệ này: Anuṭṭhānamalā gharā. Nghĩa theo chữ là: "Những nhà cửa có sự thiếu chủ-động (chăm sóc) là vết ố của chúng." Mp chú giải là: "Vết ố của những nhà cửa là sự thiếu sự chủ-động, thiếu vắng sự nỗ-lực." Mp-ṭ bổ sung rằng: "Điều này được nói như vậy là bởi vì một ngôi nhà sẽ đi đến hư tàn nếu người ta không lặp lại 'sự chủ-động sửa chữa' những chỗ bị hư hỏng và vân vân."] (1666)

1667 [02 đoạn kệ này cũng có trong kinh Pháp Cú, Dhp 241–243ab. Dhp

243cd có thêm câu: “Sau khi loại bỏ những vết ố này; sẽ thành vô nhiễm, này các Tỳ kheo” (etaṃ malaṃ pahatvāna nimmalā hotha bhikkhavo).] (1667)

1668 [“Bằng quà tặng hay tặng vật” là tạm dịch chữ vanabhaṅgena. Nghĩa gốc

là: “bằng thứ được bẻ/hái từ trong rừng”. Mp giải nghĩa: “Bằng một tặng vật, như những bông hoa hay trái quả được hái từ rừng, và đưa tặng cho người đàn ông.] (1668)

1669 [Tôi dịch dựa theo Ce và Ee. Phiên bản Be, trong kinh này và kinh kế

tiếp, có ghi 08 phương tiện trói buộc khác nhau, theo một thứ tự khác nhau, đó là: bằng sự khóc, bằng sự cười, bằng lời nói, bằng dáng vẻ, bằng quà tặng, bằng mùi hương, bằng mùi vị, bằng chạm xúc (ruṇṇena, hasitena, bhaṇitena,

ākappena, vanabhaṅgena, gandhena, rasena, phassena) (như bản dịch của nhà sư Bhikkhu Sujato). Như vậy là, ngoài việc thay đổi thứ tự, Be còn thay các chữ “thân sắc” và “sự ca hát” trong Ce và Ee bằng các chữ “mùi hương” và “mùi vị”. Theo Mp, chữ “dáng vẻ” (ākappa) có nghĩa là “cách ăn mặt, cách biểu hiện, điệu bộ này nọ …”, nhưng cách giải thích này có vẻ hơi hẹp nghĩa. Bản kinh tương ứng của Hán Tạng là EĀ II 765c24–766a2 thì liệt kê 09 cách một phụ nữ trói buộc một đàn ông: bằng sự ca hát, khiêu vũ, những tạp kỹ, sự chạm xúc, sự cười, sự khóc, những cách xảo kế (như giả hiền, khéo che khuyết điểm …), sự làm đẹp mặt mày và thân thể, và dáng vẻ, và cách ứng xử.] (1669)

1670 [Tôi đọc theo Ce và Be là subaddhā yeva phassena baddhā. Ee thì có

một biến từ ở đây và trong kinh kế tiếp: subaddhā yeva pāsena baddhā, nghĩa là: “[họ] bị trói buộc hoàn toàn như bị trói dính bởi bẫy sập.” (như cách dịch trong bản dịch của HT Minh Châu).] (1670)

1671 [Cụm chữ cuối ở đây đã thường được dịch là “chỉ sau một dãi (đáy) dài

mới có sự hụp-sâu đột ngột” (tức là: lài xuống từ từ một khoảng dài mới tới chỗ hụp sâu). Nhưng lời ghi tiếng Pāli là: na āyataken’eva papāto, với phân từ phủ định na, thực chất có nghĩa ngược lại là: không có sự hụp-sâu đột ngột. Coi thêm DOP sv āyataka, là từ āyatakena (bất ngờ, đột ngột, như bẻ cái rụp; thuộc sự bất ngờ”. Mp chú giải rằng: “Nó không hụp sâu liền giống như một vực núi hay một hố thẳm. Bắt đầu từ bờ, nó sâu dần dần từng tấc, từng gang, từng thước [và cứ lài từ từ ra xa] đến khi nó được tới độ sâu 84.000 do-tuần (yojana) ở/là gốc chân Núi Tu-di (Sineru).”] (1671)

- (Nhân tiện, về địa điểm mở đầu bài kinh, coi kinh 8:11 và chú thích ở đó.)

1672 [03 loại đầu là những loài cá khổng lồ huyền thoại.] (1672)

1673 [Nguyên văn 03 thuật ngữ này là: anupubbasikkhā, anupubbakiriyā, anupubbapaṭipadā. Tôi coi những chữ này là những chữ phương-tiện được rút gọn liên quan tới chữ aññāpaṭivedho. Mp giải nghĩa chúng thành là: anupubbasikkhāya, anupubbakiriyāya, anupubbapaṭipadāya. Mp thì tương ứng mỗi chữ đó với ‘một bộ

những yếu tố tu-học' như vầy: "(i) Bằng sự tu- học tiến dần là gồm có 03 sự tu-học [coi kinh 3:89]; (ii) bằng sự thực-hành tiến dần là gồm có 13 sự thực-hành khổ hạnh [13 hạnh đầu-đà; coi Vism,

Chú Thích •183

Chương 2]; và bằng sự tu-tập tiến dần là gồm có 03 sự quán-sát, 18 sự minh- sát lớn [coi Vism 694,3–27, Ppn 22.113], 38 đối-tượng thiền, và 37 phần trợ- đạo dẫn tới giác-ngộ (37 phần bồ-đề). Câu 'sự thâm-nhập tới trí-biết cuối cùng xảy ra ... chứ không phải như một cái rụp' (na āyataken'eva aññāpaṭivedho): nghĩa là, không có chuyện có sự thâm-nhập (một lần một phát) tới thánh quả A-la-hán một cách tức-thì một cái rụp (ādito va) như một cú nhảy thẳng tới đích của một con ếch mà không tu tập hoàn-thiện xong các phần như giới-hạnh ... vân vân. Người tu có khả năng chứng ngộ thánh quả A-la-hán chỉ sau khi đã hoàn-thiện theo thứ tự đúng đắn (paṭipātiyā) của các phần giới-hạnh, thiền-định, và trí-tuệ (giới, định, tuệ)." Mời coi thêm kinh MN 70, mục 22, 23.] (1673)

1674 [Nguyên văn câu cuối này: Na tena nibbānadhātuyā ūnattaṃ vā purattaṃ

vā paññāyati. Mp diễn dịch: "Nếu không có các vị Phật đã khởi sinh trong vô vàn đại-kiếp, thì không thể nào có một chúng sinh nào chứng ngộ Niết-bàn. Nhưng không thể nói rằng 'Niết-bàn giới là trống vắng'. Và trong thời Đức Phật, cho dù có vô số chúng sinh đạt tới sự bất-tử trong một hội chúng duy nhất, cũng không thể nói rằng 'Niết-bàn giới đã đầy.'"] (1674)

1675 [Một bản đầy đủ của kinh này, có cả phần thi kệ cuối kinh, là kinh Ud

5:05, 51–56. Nó cũng có trong Luật Tạng (Vin II 236–240), trong đó nó được dùng như câu chuyện nền để đưa ra giới-luật treo quyền một Tỳ kheo không được tham dự vào lễ Tự Tứ (dịp ôn tụng giới-luật Tỳ kheo Pātimokkha).] (1675)

1676 [Chữ này tôi đọc theo Ce là āgamessati, khác với Be và Ee ghi là āga-

missati.] (1676)

1677 [Trong kinh 1:253 gia chủ Ugga ở thành Vesālī này được Phật tuyên bố

là đệ nhất trong số những người cúng dường những thứ đáng thích (tốt, ngon, hữu ích, đúng pháp). Trong kinh 5:44 ông đã bố thí những thứ cúng dường đáng thích cho Đức Phật.] (1677)

1678 [Nguyên văn câu cuối này: Brahmacariyapañcamāni sikkhāpadāni. Chỗ

này chỉ năm giới-hạnh thông thường của Phật tử tại gia, nhưng trong đó điều thứ ba là "không tà-dâm" được thay bằng giới lớn hơn là "sống độc-thân" (tức: không có quan hệ giới tính, cho dù tà dâm hay chánh dâm).] (1678)

184 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

1679 [Giống như trong kinh 7:53, đoạn (1). Khi nói câu này gia chủ chứng tỏ

mình đã là một bậc thánh Bất-lai.] (1679)

1680 [Đây là một cách nói khác tuyên bố mình là một bậc thánh Bất-lai. Bằng

cách nói rằng ông ta sẽ không quay lại "thế gian này" (imaṃ lokaṃ), (i) ông đã chỉ ra mình đã loại bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử) vốn trói buộc một người quay lại thế giới tham-dục này, và (ii) cũng chỉ ra rằng ông ta chưa phải là một A-la-hán, là bậc không còn (tái sinh) quay lại trạng thái hiện-hữu nào nữa.] (1680)

1681 [Cần lưu ý: Khác với 02 vị đệ tử tại gia (gia chủ Ugga ở thành Vesālī và

gia chủ Ugga ở làng Hatthi) trong 02 kinh kế trước: lời kinh ở đây nói Hat- thaka đang ở một nơi-ở hay tư-gia (nivesana) của mình nhưng ông không được gọi là "gia chủ" (gahapati) mà Tỳ kheo đó chỉ gọi ông là "đạo hữu" (āvuso). Chúng ta không thể biết chỗ này lời kinh nguyên thủy là cố ý ghi như vậy hay chỉ là do lỗi ghi chép sau đó khi truyền thừa. Tuy nhiên, trong kinh 6:123, Hatthaka lại được gọi là một gia chủ (gahapati), trong khi đó những người tại gia gia khác trong NHÓM kinh này thì được gọi là những đệ tử tại gia (upāsaka, u-bà-tắc).] (1681)

1682 [Nguyên văn kinh gốc thì chỗ này lặp lại toàn bộ lời kinh từ lúc Tỳ kheo

đó đến nhà Hatthaka cho đến lúc kết thúc cuộc nói chuyện của họ.] (1682)

1683 [Bốn phương-tiện này có được nói trong các kinh 4:32 và 4:256.] (1683)

1684[Nguyên văn câu cuối này là: Daḷiddassa kho no tathā sotabbaṃ maññanti. Mp chú giải nghĩa là: "Họ không lắng nghe con theo kiểu họ lắng nghe một người nghèo, người không thể bố thí thứ gì hay làm được điều gì; nhưng họ nghĩ họ nên lắng nghe con và làm theo lời khuyên bảo của con và họ không nghĩ họ nên làm sai với những sự hướng dẫn của con."] (1684)

1685 [Jīvaka là lương y chăm sóc sức khỏe của Phật. Về cuộc đời của vị lương

y nổi tiếng này, mời coi lại Vin I 268–280.] (1685)

1686 [Động từ "cân nhắc kỹ lưỡng": Dường như ở đây 02 chữ Pāli ujjhatti và

nijjhatti đang được dùng một cách cố-ý để chơi chữ đối với nhau. Mp giải nghĩa chữ ujjhattibala = ujjhānabala và luận giải rằng: "Đối với những người

Chú Thích •185

ngu chỉ có sức mạnh là sự phàn nàn: 'Khi có người nói điều này điều nọ, người (ngu) đó nói lại cho tôi, không nói cho ai khác.' Nhưng [người có trí] có sức mạnh là sự suy luận, là suy luận điều gì là ích lợi và điều gì là nguy hại: 'Điều này không phải vầy, do đó nó là vậy.'" Về chữ nijjhatti và động từ của nó là nijjhāpeti, mời coi thêm kinh 2:51 và chú thích 289 ở đó.] (1686)

1687 [Chữ này đọc theo Ce là: vavakaṭṭhaṃ; khác với Be và Ee ghi là: vive-

kaṭṭhaṃ với chữ vavakaṭṭha là quá khứ phân từ của vavakassati. PED đã đưa ra các nghĩa "rút khỏi, lánh khỏi, xa lánh, rút lui, thu mình, tách ly".] (1687)

1688 [Nguyên văn câu này này: khaṇakicco loko! Dịch theo thứ tự từng chữ là:

“thời-trách nhiệm-thế gian”. Mp chú giải là: “Một người làm những trách- nhiệm của mình vào/theo thời. Sau khi đạt được cơ hội này, người đó làm những trách-nhiệm của mình.”

- (Nhân tiện, kế dưới là cụm chữ “thời không phải, là thời không đúng để sống đời sống tâm linh” có nghĩa là không đúng thời, không có được thời cơ, không có được cơ hội để tu theo Đức Phật xuất hiện trong thế gian).] (1688)

1689 [Những thiên thần sống trường thọ: dīghāyukaṃ devanikāyaṃ. Mp chú

giải là: “Điều này nói như vậy là để chỉ số những thiên thần không có nhận thức (phi tưởng) (asaññaṃ devanikāyaṃ)”. Tuy nhiên, những thiên thần sống trường thọ cũng bao gồm cả số những thiên thần cõi trời vô-sắc giới, những chúng sinh đó [do thiếu sắc-thân] cũng không thể nghe được Đức Phật hay những vị đệ tử của Phật chỉ dạy Giáo Pháp (do vậy cũng đâu tu hành chánh pháp được) và do vậy không thể nào đạt tới (thánh đạo, thánh quả nào) ngay cả thánh đạo Nhập-lưu.] (1689)

1690 [Nguyên văn câu này: Saddhammassa niyāmataṃ. Mp diễn dịch đây là

hàm chỉ thánh đạo (ariyaṃ maggaṃ).] (1690)

1691 [Chỗ này tôi đọc theo Ce và Ee là: māradheyyasarānuge, khác với Be

ghi là: māradheyyaparānuge. Mp giải nghĩa là: “Những (tùy miên) đó đi với vòng luân-hồi (saṃsāra) được gọi là ‘lãnh địa của Ma Vương’” (māradhey- yasaṅkhātaṃ saṃsāraṃ anugate).] (1691)

1692 [Mp giải thích bối cảnh là: “Sau khi xuất gia, trong những kỳ an cư mùa

mưa (kiết hạ) đầu tiên, thầy Anuruddha đã chứng đắc những tầng thiền định và đạt tới trí-biết là mắt thiên thánh (thiên nhãn minh) nhờ đó thầy ấy có thể nhìn thấy hết thảy hệ ngàn thế giới. Thầy ấy đã đến gặp thầy Xá-lợi-phất để được tư vấn … Và thầy Xá-lợi-phất đã chỉ giải cho thầy ấy về một đề-mục thiền. Thầy đã học đề-mục thiền đó, và xin phép tạm biệt Đức Phật để đi đến xứ Ceti, ở đó suốt tám tháng và thầy ấy tập trung vào việc đi-thiền. Rồi lúc này, khi đang nỗ-lực thiền tập thân thể thầy ấy bị mệt mỏi đuối sức, thầy ấy đã ngồi xuống nghỉ trong chỗ mấy bụi tre. Lúc đó dòng ý nghĩ này mới khởi lên trong thầy ấy.”] (1692)

1693 [Nguyên văn câu này: Nippapañcārāmassāyaṃ dhammo nippa- pañcaratino, nāyaṃ dhammo papañcārāmassa papañcaratino. Mp giải thích: “[Giáo Pháp này là] dành cho ‘người không ưa thích sự tăng-phóng’, cho người vui thích trạng thái Niết-bàn, trạng thái được gọi là ‘sự không tăng-phóng’ (sự không phóng tâm này nọ; HT Minh Châu dịch là ‘sự không hý luận’) bởi vì nó không còn sự phóng-tâm này nọ vì/do/theo dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm nay nọ (tà kiến)” (taṇhāmāna- diṭṭhipapañcarahitattā nippapañcasaṅkhāte nibbānapade abhiratassa). Về chữ papañca theo nghĩa là: tăng phóng, phóng đại, mời coi thêm chú thích 881 ở kinh 4:173.] (1693)

1694 [Chữ này tôi cũng đọc theo Ce là vavakaṭṭhena, khác với Be và Ee ghi là

vivekaṭṭhena. PED nói rằng chữ vavakaṭṭha và vūpakaṭṭha là 02 dạng hoán đổi của cùng một chữ. Cả 02 chữ đều là biến thể từ chữ vivekaṭṭha: vững vàng trong sự tách-ly ẩn dật. Do có tiếp đầu ngữ là viveka trong các chữ ghép này, nên dễ thấy cách chữ gốc đã trải qua sự đột biến từ ngữ như vậy. Về chữ này (với nghĩa: thu mình, rút lui, hiền hưu, lánh trần), mời coi thêm chú thích 1687 ở đoạn (3), kinh 8:28 ở trên.] (1694)

1695 [Phần thi kệ này cũng được ghi trong phần thi kệ của thầy A-nậu-lâu-đà

trong tập Trưởng Lão Kệ, Th 901–903.] (1695)

1696 [Ngay sau đây: động-cơ thứ năm, sáu, và tám của việc bố-thí cũng được

ghi trong kinh 7:52.] (1696)

1697 [Cho dù chữ āsajja có những nghĩa khác, nhưng trong Kinh Tạng Nikāya

chữ này dường như không mang những nghĩa đó mà luôn luôn mang nghĩa là

“sau khi sỉ nhục, sau khi mắng chửi, sau khi chê quở”…] (1697)

1698 [Cả 03 phiên bản đều ghi câu này là: cittālaṅkāracittaparikkhāratthaṃ

dānaṃ deti. Coi thêm kinh 7:52, trong đó Ce ghi là: cittālaṅkāraṃ cit- taparikkhāranti dānaṃ deti. Mp diễn dịch nghĩa câu này là: “Vì mục đích trang điểm và trang bị cái tâm bằng định (tĩnh lặng) và tuệ (minh sát).”] (1698)

1699 [Dường như kinh này nguyên gốc chỉ là lời của phần thi kệ được gắn vào

cuối kinh kế trên, mặc dù đọc không thấy nó chứa gì như phần kết luận hay tóm tắt về 08 điều bố-thí của kinh kế trên.] (1699)

1700 [Nguyên văn cụm chữ: dānavatthūni. Mp giải nghĩa là: dānakāraṇāni:

những nguyên nhân hay lý do của việc bố-thí.] (1700)

1701 [Tôi đọc theo Be và Ee là bhayā dānaṃ deti; Ce ghi garahā dānaṃ deti:

“người bố thí một món quà do/từ sự chê trách”, có lẽ với hàm nghĩa là “do sợ bị chê trách.] (1701)

1702 [Trong khi dịch những câu thi kệ này, tôi hoán đổi giữa 02 nghĩa “thành

tựu” và “sự xuất sắc” để diễn dịch chữ sampadā, và 02 nghĩa “được thành tựu” và “xuất sắc” để diễn dịch chữ sampanna. Trong mỗi trường hợp tôi để cảm nhận tự nhiên về tiếng Anh của tôi để quyết định chọn nghĩa nào là thích hợp. (Người dịch Việt dịch các nghĩa tính từ là “tốt” hay “tốt lành” có nghĩa là tốt, đủ, thích hợp (điều kiện, nhân duyên), và tốt, nhiều, thu hoạch tốt (kết quả, thành quả), và các nghĩa động từ là “thành tựu”).] (1702)

1703 [Nguyên gốc chỗ này ghi là tassa taṃ cittaṃ, nhưng dịch chữ “khát

nguyện” sẽ tốt nghĩa hơn dịch là chữ “tâm” đối với chữ gốc cittaṃ.] (1703)

1704 [Tôi đọc theo Ee là hīne ’dhimuttaṃ (= hīne adhimuttaṃ), cũng được ghi

như vậy trong phiên bản Xiêm-la (Siam, Thái Lan cổ). Ce và Be ghi là hīne vimuttaṃ, đây chắc hẳn là lấy từ cách ghi trong luận giảng Mp. Luận giảng Mp-ṭ thì giải nghĩa là: “Được buông bỏ giải thoát theo nghĩa là đã được định đoạt theo, nghĩa là đã “hướng về, đổ về, nghiêng về, ngã theo” (vimuttan ti adhimuttaṃ, ninnaṃ poṇaṃ pabbhāranti attho). Mp: “Điều thấp hèn tiểu nhược (hīna) là chỉ năm đối-tượng khoái-lạc giác quan (mà người đó khát

nguyện sẽ thụ hưởng trong kiếp tái sinh).”] (1704)

1705 [Đoạn (8) này được thêm vào câu “dành cho những người không còn

tham-dục, không dành cho những người có tham-dục” (vītarāgassa, no sarāgassa). Câu này được thêm vào là do sự tái-sinh trong cõi trời Brahmā (phạm thiên giới) đòi hỏi nhiều thành-tựu hơn chỉ là sự tu-tập tâm bố-thí. Nó cũng cần phải được phụ trợ thêm bởi sự chứng đắc những tầng thiền định của người tu, những tầng thiền định chính là trạng thái khởi sinh nhờ sự phai biến của dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái).] (1705)

1706 [So sánh với kinh 5:148. Hai kinh nói những yếu tố khác nhau, chỉ có

một yếu tố giống nhau là “cho tặng/bố thí đúng thời đúng lúc”.] (1607)

1707 [Đây chính là kinh 5:42 được mở rộng thêm điều (5), (6), (7), nhưng

khác nhau chỗ phần thi kệ.] (1707)

1708 [Mp giải nghĩa chữ pubbe ở đây là = paṭhamaṃeva, nhưng tôi nghi ngờ

rằng nó là một dạng viết tắt của chữ pubbapeta, như đã được ghi trong lời kinh văn xuôi. Tôi dịch dựa trên cơ sở của sự giả định này.] (1708)

1709 [Tôi đọc phần thi kệ này thành 02 đoạn sáu dòng và 01 đoạn bốn dòng.

Ce và Be thì chia ra thành 04 đoạn bốn dòng. Ee thì viết liền tục, không chia thành các đoạn kệ.] (1709)

1710 [Tôi đọc theo Be và Ee ghi là: ñatvā dhamme ca pesalo, khác với Ce ghi:

ñatvā dhamme’dha pesale.] (1710)

1711 [Nguyên văn câu kệ này: Apace brahmacārayo. Mp giải nghĩa cứ như

chữ apace ;à đại diện cho chữ apacayati (tôn vinh), như vầy: brahmacārino apacayati, nīcavuttitaṃ nesaṃ āpajjati. Tuy nhiên, DOP thì coi chữ apaca có nghĩa là “không nấu ăn”, và do vậy biểu thị nghĩa là “không nhà” (xuất gia). Tôi đã dịch theo nghĩa này cũng với cách dịch của tôi là “những khất sĩ”.] (1711)

1712 [Coi và so sánh với các kinh 4:51–52, 5:45.] (1712)

1713 [Về sự giữ giới bố-tát của những thánh nhân, mời coi lại kinh 3:70, phần

(TÁM GIỚI BỐ-TÁT).] (1713)

Chú Thích •189

1714 [Phần thi kệ bên dưới là giống hệt như ở kinh 3:70 cũng là kinh nói về

chủ đề sự trai giới Bố-tát (bát quan trai giới). - Mời coi thêm mấy chú thích trong phần thi kệ ở kinh đó.] (1714)

1715 [Trong kinh này, trong cả 03 phiên bản, chỉ có Ee ghi ở đây chữ "sace

ceteyyuṃ": thực ra chỉ ghi chữ này thì mới đồng nhất với lời kinh song hành ở cuối kinh 4:193. (Coi thêm chú thích 912 ở cuối kinh 4:193).] 1715)

1716 (Trước tiên mời quý vị coi lại chú thích 1009 ở đoạn (5), kinh 5:33). [So

chiếu với kinh 5:33, lời kinh và chú thích 1009 ở đoạn (5), Mp đã nhận dạng đây chính là những thiên thần vui thích sự sáng tạo (nimmānaratino devā, Hóa lạc thiên). Mp kể lại nguồn gốc của kinh này như vầy: "Chuyện kể rằng những thiên thần đó, sau khi xem xét sự vinh quang (hào quang) của mình, đã tự hỏi mình: 'Làm cách nào chúng ta đã có được vinh quang như vầy?' Sau khi quán chiếu, họ đã gặp thầy A-nậu-lâu-đà và biết được: 'Trong quá khứ, khi thầy ấy từng là một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), chúng ta là tùy tùng của thầy ấy. Chúng ta đã chấp hành sự hướng dẫn của thầy ấy và do vậy chúng ta mới đạt được sự vinh quang như vầy. Nào hãy đi. Chúng ta sẽ mang vị trưởng lão này (A-nậu-lâu-đà) [cùng với chúng ta] sẽ cùng thụ hưởng (anubhavissāma) sự vinh quang này.' Do nhân duyên như vậy nên họ đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà vào ban ngày. (Nhưng sau khi đã gặp và đàm đạo, rốt cuộc thầy A-nậu-lâu-đà là bậc thánh không chủ trương việc tu tiên để hưởng phước cõi trời mà chủ trương tu đến sự giải-thoát rốt ráo, Niết-bàn).] (1716)

1717

1718 [Nguyên văn câu cuối này: Tā devatā 'na khvayyo anuruddho sādiyatī' ti

tatth'ev'antaradhāyiṃsu. Mp diễn dịch là: "[Mấy thiên thần đó nghĩ:] 'Thầy A-nậu-lâu-đà không thưởng thức màn múa hát của chúng ta. Thầy ấy nhắm mắt lại và không chịu nhìn chúng ta. Vậy tại sao chúng ta tiếp tục múa hát làm gì?' Rồi họ biến mất ngay tại chỗ."] (1781)

1719 [Tiếp theo là 08 phẩm-chất, trong đó 05 phẩm-chất đầu thực chất là giống

05 phẩm-chất đã được ghi trong kinh 5:33, ngoại trừ có máy chỗ thay đổi bởi sự phân thời các động từ để thích ứng với ngữ cảnh bài kinh này.] (1719)

190 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

1720 [Tôi đọc chỗ này theo Ee ghi là: rajataṃ vā jātarūpaṃ vā, giống như ở

kinh 5:33 cũng ghi vậy. Cả Ce và Be đều ghi thiếu chữ rajataṃ ở đây, nhưng trong kinh 8:49 bên dưới thì tất cả 03 phiên bản đều ghi đủ.] (1720)

1721 [Chỗ này tôi đọc theo Be và Ee [và Ce kinh 5:33 cũng giống vậy] ghi là:

sabbakāmaharaṃ; khác với Ce (kinh này) ghi là: sabbakāmadaṃ.] (1721)

1722 [Chỗ này cả 03 phiên bản đều ghi là issāvādena. Ngược lại, ở kinh 5:33

thì cả 03 phiên bản lại ghi 03 chữ khác luôn [Ce ghi là: icchācārena, Be ghi: issācārena, Ee ghi: issāvādena]. Mời quý vị đọc lại chú thích 1010 về chữ này trong phần thi kệ của kinh 5:33. (Phần thi kệ giống trong kinh 5:33 được lặp lại trong kinh này để chỉ ra mấy chữ được ghi khác nhau này bằng 02 chú thích này).] (1722)

1723 [Kinh này có thể được coi là một kinh kết-hợp, vì nó kết hợp 02 bộ x "04-

điều" để trở thành 08-điều.] (1723)

1724 ['Sự thắng-lợi trong đời này và cuộc sống của cô ấy trong thế gian này là

thành-công' là tạm dịch cụm ngữ "ayaṃ'sa loko āraddho hoti". Mp giải nghĩa dài dòng cụm ngữ này là: Ayam assa loko idha- loke karaṇamattāya āraddhattā paripuṇṇattā āraddho hoti paripuṇṇo (Đời này là thành-công đối với cô ấy ấy và được thành tựu vì cô ấy thành-công và đạt tới thành-tựu bằng cách làm [những điều cần được làm] trong đời này).] (1724)

1725 [Tôi làm theo Ee, ghi đầy đủ lời kinh, còn trong Ce và Be thì ghi giản

lược chỗ này.] (1725)

1726 [Nguyên văn dòng kệ này là: Soḷasākārasampannā. Lời ghi như vầy tự

nó không có nghĩa rõ ràng, không nói rõ là 16 phương-diện nào. Mp thì giải thích đó gồm như vầy: "08 điều được ghi trong bài kinh và 08 điều được ghi trong bài kệ, tổng cộng là 16 điều. Hoặc, 08 điều là cô ấy có-được và 08 điều như vậy cô ấy sẽ khuyến khích người khác làm theo, tổng cộng là 16 điều hay 16 phương-diện."] (1726)

1727 [Kinh này, là câu chuyện thuộc kinh điển về sự thành lập Ni Đoàn, là đề

tài đã được nghiên cứu điều tra sâu rộng của giới học giả. Chuyện kể trong kinh này cũng có ghi trong Luật Tạng, Vin II 253–256. Một số nghiên cứu

gần đây về bài kinh này, từ một góc độ phê bình, là có trong tập san "Thea Mohr và Jampa Tsedroen năm 2010". Đặc biệt hữu ích và nhiều thông tin trong tập san này là (i) bài nghiên cứu "The Eight Garudhammas" (Tám Giới Thêm cho các Tỳ kheo Ni) của học giả Ute Hüsken, và (ii) "Sự Xuất-Gia của Phụ Nữ trong Phật Giáo Tiền Thân: Bốn Hội Chúng và Sự Thành Lập Ni Đoàn" của nhà sư Anālayo, đã xử lý vấn đề nan giải về mặt thời-gian (của bài kinh so với lịch sử Ni Đoàn Phật giáo) ở trang 86–90 của tập san.] (1727)

1728 [Niên đại và thời gian ở đây là không rõ ràng đối với tôi! Mp đã nói rằng,

vào lúc chuyện kinh này bắt đầu thì Đức Phật đang sống giữa xứ Thích-Ca (Sakya) trong lần thứ nhất của Phật trở lại kinh đô quê nhà là Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) (paṭhamagamanena gantvā viharati). Nhưng chúng ta biết chắc: (i) di mẫu Kiều-đàm-di (Gotamī) chỉ có thể xuất gia sau khi chồng bà [là vua cha Suddhodana (Tịnh Phạn) của Đức Phật], qua đời. Nhưng (ii) trong chuyến đầu tiên Phật trở lại kinh đô quê nhà là Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavat- thu) thì vua cha vẫn còn sống, thời điểm này là không lâu sau khi Đức Phật giác-ngộ, cho nên cái sự kiện (di mẫu xin xuất gia, lập Ni Đoàn) trong kinh này là khó tin được. Chỗ này dẫn tới một sự không-khớp lạ kỳ về mặt thời- gian. (iii) Trong bộ Cūḷavagga (Bộ Tiểu Phẩm) của Luật Tạng có ghi rằng: Ngài Ānanda và những người họ Thích-Ca nổi tiếng đã xuất gia trở thành Tỳ kheo sau chuyến về thăm quê đầu tiên của Phật ở Ca-tỳ-la-vệ [coi Vin II 182–183]. Sử liệu là: thầy Ānanda trở thành người thị giả của Phật từ lúc 20 năm sau khi Phật giác-ngộ, tức là từ lúc Phật đã 55 tuổi, và thầy ấy đã hầu cận Đức Phật suốt 25 năm còn lại cho tới lúc Phật từ giã trần gian (80 tuổi) [coi Th 1041–43]. Nhưng, trong kinh này, thầy Ānanda lại được mô tả đã là người thị giả của Phật trước cả khi Ni Đoàn được thành lập. Cho dù Ni Đoàn có được thành lập rất nhanh sau khi Đức Phật lần đầu về thăm quê nhà, hay thậm chí sau 05 năm hay 10 năm đi nữa, thì lúc đó thầy Ānanda thực tế cũng vẫn chưa là thị giả của Đức Phật. Như vậy là, trừ khi lúc này thầy Ānanda thực tế chưa phải là thị giả của Phật vào lúc bối cảnh của kinh này (chẳng hạn như chỉ vì thầy là người thân thuộc với dì Kiều-đàm-di nên thầy đang làm trung gian giữa bà và Phật trong bối cảnh này), nếu không thì sự sai-lệch về mặt thời-gian giữa bối-cảnh trong kinh này và giai-đoạn lịch sử thực tế vào lúc bắt đầu có Ni Đoàn đầu tiên là khó mà giải thích cho được!] (1728)

1729 [Tôi tóm lược chuỗi sự kiện từ luận giảng Mp: Khi Phật trở lại kinh đô

Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) lần đầu tiên, Phật đã thụ giới xuất gia cho Nanda (người em trai cùng cha khác mẹ với Phật, là con trai của di mẫu Kiều-đàm- di) và Rāhula (con trai của Phật), và sau đó đã giải quyết sự tranh chấp giữa những người dân Thích-Ca và nước láng giềng là những người Câu-lợi (Koliya) [những người Câu-lợi thực ra cũng là những người họ tộc bên phía mẹ của Phật]. Sau đó, mỗi bên có 250 thanh niên đã xuất gia theo Phật. Không bao lâu sau, những người mới xuất gia đó bắt đầu sầu nhớ vợ con (và muốn hoàn tục quay về). Đức Phật đã dẫn họ tới Hồ Kuṇāla, ở đó Phật đã dạy cho họ một chuyện tiền kiếp của Phật, gọi là Kuṇāla Jātaka, có nói về những mưu kế và sự lừa dối của những phụ nữ. Sau khi nghe lời dạy này, 500 Tỳ kheo trẻ đó đã chứng thánh quả Nhập-lưu, và không bao lâu sau họ trở thành A-la-hán. Những người vợ đã gửi thư van nài họ quay về nhà với vợ con, nhưng những Tỳ kheo đó trả lời rằng từ giờ họ không còn khả năng sống đời sống tại gia nữa (vì họ đã là thánh nhân). Do vậy những phụ nữ đó đã đến gặp di mẫu Kiều-đàm-di nhờ bà tới thỉnh cầu Đức Phật [Phật đã từng là con nuôi và cháu ruột của bà] cho phép những phụ nữ xuất gia tu hành (như những người chồng của họ). Vậy là di mẫu Kiều-đàm-di đã dắt những phụ nữ đó cùng đi đến gặp Đức Phật, và thỉnh cầu Phật như đã được mô tả trong kinh này.] (1729)

1730 [Mp diễn dịch như vầy: “Tại sao Phật từ chối bà ấy? Bộ không phải đúng

là tất cả những vị Phật đều có bốn hội chúng hay sao? Điều đó là đúng, nhưng ở đây Phật từ chối bà ấy chỉ vì Phật nghĩ rằng nếu những phụ nữ được phép xuất gia sau nhiều lần họ đã liên tục cố xin phép thì sau đó họ mới duy trì sự thụ-giới của mình và tôn kính sự xuất-gia đó, họ sẽ luôn nhớ lại sự khó khăn lắm mới xin được phép cho họ xuất gia tu hành." (Sự diễn dịch này có phần hữu lý).] (1730)

1731 [Đây là 500 phụ nữ người Thích-Ca có chồng đã xuất gia và đã chứng

quả A-la-hán. Trong một cuộc trao đổi cá nhân, học giả Pruitt đã viết: "Không có dấu hiệu thông tin nào (trong bài kinh) đã cho thấy khoảng thời gian là bao lâu kể từ lúc Phật rời khỏi kinh đô Ca-tỳ-la-vệ cho đến lúc đang xảy ra những sự kiện tiếp theo chỗ này. Trong luận giảng về tập Trưởng Lão Ni Kệ, Thī-a 3, thì [luận sư là] Dhammapāla đã nói rằng: 'Phật đã thụ giới xuất gia cho thiếu niên Nanda (em cùng cha khác mẹ, con trai của di mẫu) và thiếu niên Rāhula (con trai của Phật) và sau đó Phật đã quay trở lại Vương

Xá (Rājagaha). Trong một dịp sau đó, khi Phật đang sống ở Hội Trường Kūṭāgāra gần Tỳ-xá-li (Vesālī), vua cha Tịnh Phạn (Suddhodana) đã chứng ngộ sự tắt-ngấm (tịch diệt) cuối cùng [tức Niết-bàn], sau khi đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán thậm chí ngay trong khi nhà vua đang [ngồi ngự triều] dưới ô lọng trắng. Chí hướng xuất-gia đã khởi sinh trong bà Đại Ái Đạo (Mahā-Pajāpatī)'." [theo Pruitt 1998: 6–7]. Đoạn này cũng được ghi trong Thī-a 141 [theo Pruitt 1998: 181]. Vua Tịnh Phạn là người tại gia duy nhất mà tôi biết là người đã chứng thành A-la-hán và vẫn còn là một người tại gia, điều này có nghĩa rằng nhà vua không thể nào đã sống thêm 07 ngày đó sau khi đã trở thành một A-la-hán."] (1731)

1732 [Phiên bản Be có ghi chữ muhuttaṃ, Ce và Ee không có ghi.] (1732)

1733 [Nguyên văn cụm chữ cuối là: aṭṭha garudhamme. Chữ garudhamma là

hơi mơ hồ. Từ garu thường có nghĩa là "nặng, nặng ký, nghiêm trọng", lấy ví dụ chữ garukā āpatti có nghĩa là tội nặng, tội nghiêm trọng. Nhưng chữ garuṃ karoti, nghĩa gốc là "làm cho nặng", lại có nghĩa là "tôn trọng, kính trọng" và chữ garukata có nghĩa là "được tôn trọng, được kính trọng". Như vậy thuật ngữ garudhamma có thể có nghĩa là "điều luật nặng, điều luật nghiêm trọng" hoặc có nghĩa là "điều luật cần được tôn trọng, quy tắc cần được tôn trọng; tôn quy". Mp còn 'bọc hậu' thêm bằng một cách diễn dịch thứ hai là: "Những garudhamma là những quy-tắc cần phải được đối xử bằng sự tôn-trọng bởi những Tỳ kheo ni là những người đã chấp nhận chúng". (Ở đây người dịch Việt dịch gọn bằng cụm chữ "Tám Quy Tắc Tôn Trọng" hay "Tám Tôn Quy" có thể chứa cả 02 hàm nghĩa nói trên: (a) Tám quy tắc cần được tôn trọng, hoặc (2) Tám quy-tắc về sự tôn-trọng.)

- Những dịch giả dịch Luật Tạng (Vinaya) qua tiếng Hán thời xưa cũng đã dựa theo cách diễn dịch này. Do vậy nên trong một đoạn tương ứng trong Luật Tạng của bộ phái Sarvāstivāda (Nhất Thiết Hữu Bộ) [ở T XXIII 345b29–c33] thì những điều quy định này

đã được dịch là “Tám Quy Tắc Về Sự Tôn Trọng” hay “Bát Tôn Quy” []. Trong Luật Tạng của bộ phái Mūlasarvāstivāda (Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ) [ở T XXIV 350c29] thì gọi những điều quy định đó là “Tám Quy Tắc Tôn Vinh và Tôn Kính” hay “Bát Tôn Vinh Quy” []. Nhưng trong Luật Tạng của bộ phái Dhar- maguptaka (Pháp Tạng Bộ) [ở T XXII 923a27, và ở chỗ khác] thì đặt tên cho

những quy định đó là “Tám Quy Tắc Không Được Vi Phạm Suốt Đời” [ ]: riêng nghĩa này là tương ứng với cụm chữ yāvajīvaṃ anatikkamanīyo trong tiếng Pāli có trong bài kinh 8:51 này. Còn Luật Tạng của bộ phái Mahīśasaka (Hóa Địa Bộ) [ở T XXII 185c19] cũng tương tự gọi những quy định đó là “Tám Quy Tắc Bất Khả Vi Phạm” [ ].”] (1733)

1734 [Thật thú vị khi để ý cách mà cái chủ đề đang thảo luận thương lượng

bỗng nhiên đã chuyển đổi một cách không kịp nhận ra từ việc đang xin phép cho sự xuất-gia (pabbajjā) của phụ nữ sang sự đại thọ giới (upasampadā) của họ. Sự xuất-gia là mới chỉ sự rời khỏi đời sống tại gia; còn đại thọ giới (thụ nhận toàn-bộ giới thành Tỳ kheo ni) là một hành-động chính thức gia nhập vào Tăng Đoàn.] (1734)

1735 [Về sau này (thánh ni) Kiều-đàm-di đã có lần thỉnh cầu Đức Phật cho

phép những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni lễ chào lẫn nhau [và biểu hiện thể hiện sự tôn kính] tùy theo tuổi thâm-niên (tuổi hạ) chứ không phân biệt giới tính như vậy. Nhưng Đức Phật đã từ chối, và còn đưa ra thêm một điều luật là: “Các Tỳ kheo không nên kính lễ những phụ nữ, đứng dậy khi thấy họ, chào họ một cách kính trọng hay cư xử một cách tôn trọng đối với họ. Ai làm điều như vậy là phạm tội sai trái (ác tác)” (na bhikkhave mātugāmassa abhivādanaṃ pac- cuṭṭhānaṃ añjalikammaṃ sāmīcikammaṃ kātabbaṃ; yo kareyya āpatti duk- kaṭassa). ‘Sự cố’ này cũng được ghi lại trong Luật Tạng, Vin II 257–258.] (1735)

1736 [Chỗ này đề cập 03 tháng an-cư (kiết hạ) trong mùa mưa. (Nghĩa ở đây là

trong vùng hay gần khu vực có các Tỳ kheo cũng đang nhập kỳ an-cư mùa mưa, có lẽ mục đích là để có được an toàn và sự hỗ trợ khi cần, cũng như cần có các Tỳ kheo để chỉ giáo định kỳ cho các Tỳ kheo ni và tổ chức các Lễ Mời (Tự Tứ) để tụng đọc Giới Bổn Tỳ kheo Ni).] (1736)

1737 [Vậy là vào ngày bố-tát (uposatha) một Tỳ kheo sẽ được giao trách nhiệm

giảng dạy cho những Tỳ kheo ni một bài khởi xướng hay giáo giới (ovāda) (về Giáo Pháp). Coi thêm nhà sư Ṭhānissaro 2007b: trang 446–447.] (1737)

1738 [“Lễ mời” hay “lễ tự tứ” (pavāraṇā) là một nghi thức được tổ chức vào

ngày cuối cùng của kỳ 03 tháng an-cư mùa mưa (kiết hạ), tại đó tất cả những thành viên Tăng Đoàn theo thứ tự thâm-niên (tuổi hạ, từ cao xuống thấp) sẽ yêu cầu những

người khác chỉ ra (tự thú nhận) tội hay lỗi mà họ có thể đã phạm phải, cho dù theo dạng đã thấy, đã nghe hay đã nghi ngờ. Mỗi Tỳ kheo sẽ nói lời-mời tới tất cả những Tỳ kheo khác (để tu chỉnh, sửa sai cho mình). Tuy nhiên, theo điều luật này, các Tỳ kheo ni bắt buộc phải mời sự tu chỉnh (sửa sai) từ cả những Tỳ kheo và những Tỳ kheo ni khác. See Ṭhānissaro 2007b: 447–48. Coi thêm nhà sư Ṭhānissaro 2007b: trang 447–448.] (1738)

1739 [Thời gian phạt (mānatta) được ấn định cho một tội lỗi của tu sĩ thuộc

một tội tăng-tàng (saṅghādisesa). Một Tỳ kheo thì bị sự phạt trong thời gian 06 ngày; mỗi ngày người đó phải thông báo cho tất cả những Tỳ kheo khác về tội phạm của mình, đó là một trải nghiệm đáng xấu hổ (của người phạm tội). Trong trường hợp các Tỳ kheo ni thì thời gian chịu phạt phải là 02 tuần và phải thi hành việc thông báo tội của mình cho tất cả những Tỳ kheo và Tỳ kheo ni khác. Về chi tiết tội và hình phạt, mời đọc thêm nhà sư Ṭhānissaro 2007b: trang 358–373. Theo điều luật này, chữ garudhamma lại có một ý nghĩa khác với nghĩa thông thường được dùng liên quan đến cả bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' nói trong chú thích 1733 ở trên. Ở đây, Mp giải nghĩa nó là: garukaṃ saṅghādisesāpattiṃ, có nghĩa là: một tội thuộc điều luật trọng tội tăng-tàng (saṅghādisesa). Hüskin [trong tập san Mohr và Tsedroen 2010, trang 144] thì kết hợp 02 nghĩa của thuật ngữ này thành một, và do vậy cho thấy có một sự không nhất quán ở đây, nơi thực ra không có.] (1739)

1740 [Một nữ tu tập sự (sikkhamānā) là một nữ tu được chuẩn bị để thụ giới

toàn-bộ (đại thọ giới) để trở thành Tỳ kheo ni đúng như hạnh nguyện xuất-gia của người đó. Để hoàn thành những điều kiện yêu cầu trước khi đại thọ giới, cô ấy bắt buộc phải sống 02 năm tuân thủ sự tu-tập trong sáu quy-tắc (cha dhammā). Sáu quy-tắc này—được quy định rõ trong Luật Tạng Vin IV 319, 24–29 liên quan đến điều-luật Bhikkhunī Pācittiya 63—nói về sự kiêng giữ và không vi phạm những giới (1) sát-sinh, (2) gian-cắp, (3) tính-dục, (4) nói- dối nói láo, (5) uống rượu mạnh, rượu nhẹ hoặc dùng những chất độc hại, và (6) ăn phi thời [ăn trong thời gian sau giờ ngọ cho đến rạng sáng hôm sau]. Nếu phạm bất kỳ giới nào thì phải bắt đầu lại từ đầu thời gian tu tập sự 02 năm.] (1740)

1741 [Trong bộ Phân Tích (Vibhaṅga) của Luật Tạng (Vinaya Piṭaka), những

điều-luật trong Giới Bổn Tỳ Kheo Ni (Bhikkhunī Pātimokkha) được thấy là đã được đặt ra (quy định) để đối phó với những sự cố cụ thể về hành-vi sai trái của một số Tỳ kheo ni [hay nhóm Tỳ kheo ni]. Một số những điều-luật này đã nằm trong bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' (garudhamma, bát tôn quy). Như vậy những quy-tắc garudhamma 2, 3, 4, và 7 là tương ứng với những điều-luật Bhikkhunī Pācittiya số 56, 59, 57, và 52. Còn quy-tắc garudhamma 6 thì đã có những phần nội dung như vậy trong các điều-luật Bhikkhunī Pācittiya số 63 và 64. Sự thật là: những câu chuyện nói về bối cảnh phát sinh những điều-luật này đã cho thấy rằng chúng đã được đặt ra và quy định vào những thời-điểm khác nhau trong lịch sử thời đầu của Ni Đoàn (Bhikkhunī Saṅgha), sự thật

này đã gây ra sự nghi-ngờ về tính lịch sử của câu chuyện bối cảnh của bài kinh này, bởi trong kinh này cho thấy bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' (garudhamma) đã đang được đặt ra và quy định ngay từ phút giây đầu tiên của Ni Đoàn (thậm chí ở đây là ngay từ lúc Kiều-đàm-di còn chưa được thụ giới Tỳ kheo ni). Nếu bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' này đã được đặt ra vào lúc khai sinh của của Ni Đoàn, thì chúng đã có hiệu lực từ đó rồi, và như vậy về sau Đức Phật đâu cần phải đặt ra thêm những điều-luật mới (như đã được ghi trong Giới Bổn Tỳ Kheo Ni) với nội dung tương tự như vậy để ngăn cấm những hành-vi tương tự như vậy? (Đức Phật đâu thể nhầm lẫn và về sau đặt thêm những điều-luật dư thừa như vậy để làm gì?). Nếu cần thì Phật chỉ đơn giản ra những quy-tắc đó đã có sẵn trong bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng'. Như vậy, sự việc rằng Phật đã đặt ra thêm những điều-luật mới (thuộc Giới Bổn Tỳ Kheo Ni) là mâu thuẫn với giả thuyết cho rằng bộ bộ 'tám quy-tắc về sự tôn-trọng' đã được quy định ngay từ (trước) lúc ra đời của Ni Đoàn (như trong kinh này đang nói).] (1741)

1742 [Chữ cuối là atimuttaka, DOP nói đây là "tên một loại hoa bụi [có lẽ họ

Ougeinia oojeinensi]; hoặc tên hoa của nó". Thay vì dùng luôn chữ Pāli hay Latin chưa rõ nghĩa lắm, tôi tạm phỏng dịch là "hoa huệ" [vì những vòng hoa thường được làm từ 03 loại hoa này], (người dịch Việt có đối chiếu thấy thầy Thích Minh Châu dịch là thiên tư hoa hay cự thắng hoa).] (1742)

1743 [Cứ cho là lời kinh này đúng thực là nguyên văn Phật đã nói: nhưng, nếu

Đức Phật đã muốn cấm hẳn việc xuất gia của phụ nữ thì có lẽ ngay từ đầu Phật đã nói ra sự nguy-hại này cho thầy Ānanda nghe rồi. Và thầy Ānanda đã

Chú Thích •197

dẹp bỏ sự cố công thỉnh cầu của mình rồi, và có lẽ những phụ nữ cũng đã không được cho phép xuất gia luôn rồi! (Nhưng theo bài kinh thì Phật đã cho phép trước, rồi sau đó Phật mới nói ra sự tổn-hại đối với thiện Pháp nếu/sau khi những phụ nữ đã xuất gia và gia nhập Tăng Đoàn).] (1743)

1744[Nguyên văn cụm chữ này: corehi kumbhatthenakehi. Nghĩa chữ là: "những tay trộm đã làm việc trộm chậu". Mp thì chú giải là: "Họ làm đèn bằng một cái chậu và nhờ ánh ánh sáng của nó (phát ra từ trong chậu) họ tìm kiếm những đồ vật quý giá trong nhà của người ta."] (1744)

1745 [Nguyên văn là: setaṭṭhikā rogajāti nipatati. Mp giải thích: "Loại bệnh

do côn trùng cắn thân lúa và chui vô trong thân. Khi thân lúa bị đục lỗ, nhựa cây bị ứa ra, không chảy lên được để nuôi bông lúa."] (1745)

1746 [Nguyên văn là: mañjiṭṭhikā rogajāti nipatati. Mp giải thích: "Loại bệnh

này làm mía bị đỏ bên trong thân."] (1746)

1747 [Mp [của Ce] luận giải (với đại ý) như vầy: "Bằng lời kinh này Đức Phật

muốn cho thấy: 'Nếu đường đê không được xây trước để bao bọc hồ trữ nước lớn thì sẽ xảy ra sự cố là nước sẽ chảy thoát đi hết. Nhưng nếu đường đê đã được xây trước, trước khi hồ trữ nước có nước, thì nước trong hồ sẽ không thể chảy thoát đi. Cũng giống như vậy, những bộ 'Tám quy-tắc về sự tôn- trọng' này đã được quy định trước, trước khi sự cố có thể xảy ra, với mục đích ngăn ngừa những sự vi-phạm. Nếu những quy-tắc này không được đặt ra và quy định trước, thì sẽ xảy ra sự cố là: "Do có phụ nữ xuất gia nên thiện Pháp chỉ còn tồn tại 500 năm. Nhưng bởi vì những quy-tắc này đã được đặt ra và quy định ra trước, cho nên thiện Pháp sẽ tiếp tục 500 năm nữa, và tổng cộng cũng trụ được 1.000 năm như đã nói ban đầu." Và cách nói "1.000 năm" là so chiếu với những A-la-hán là những người có loại trí-biết mang tính phân tích (vô ngại giải trí) [paṭisambhidāpabhedappattakhīṇāsavānaṃ vasen'eva vuttaṃ]. Theo cách này, trong 1.000 năm nữa sẽ xuất hiện những A-la-hán tu thiền minh-sát khô (= phi thiền-định); trong 1.000 năm nữa sẽ xuất hiện những thánh Bất-lai, trong 1.000 năm nữa xuất hiện những thánh Nhất-lai, trong 1.000 năm nữa xuất hiện những thánh Nhập-lưu. Như vậy thiện Pháp để thâm-nhập (paṭivedhasaddhammo; pháp chứng ngộ) sẽ tồn tại được 5.000 năm. Và thiện Pháp để học (pariyattidhammo; pháp học) cũng

tồn tại lâu như vậy. Vì nếu không có sự tu-học thì không có sự thâm-nhập (chứng ngộ), chừng nào còn sự tu-học thì còn có sự thâm-nhập." Từ những lời luận giải trên, chúng ta có thể thấy rằng: theo như luận giảng, việc cho phép những phụ nữ xuất gia là không làm tổn thọ thời-gian trường tồn của Giáo Pháp; điều này có được là bởi vì Đức Phật đã đặt ra trước bộ 'Tám quy- tắc về sự tôn-trọng' (trước khi có Tỳ kheo ni hay Ni Đoàn), cho nên bộ tám quy-tắc này này có công dụng như con đê ngăn chặn không cho xảy ra sự cố nước chảy thoát đi vậy.] (1747)

1748 [Chỗ này rõ ràng nhắc tới "quy tắc tôn kính" (garudhamma) thứ ba mà

Phật mới nói ra trong kinh kế trên. Ở đây lại có thêm sự bất-khớp về mặt thời gian, chỉ nói riêng về mặt niên thời gian thuộc về luận giảng. Theo biểu đồ thời gian của các luận giảng, (coi điều (8) bên dưới), Ni Đoàn mới được thành lập không lâu sau lần đầu tiên Đức Phật về thăm quê nhà ở kinh đô Ca- tỳ-la-vệ (Kapilavatthu), [hoặc, chiếu theo những mốc thời gian khác Ni Đoàn có lẽ đã được thành lập 05 hay 10 năm sau khi Phật giác ngộ] mà lúc đó lại yêu-cầu một Tỳ kheo phải có đủ ít nhất 20 tuổi hạ thì mới được giáo giới chỉ dạy cho những Tỳ kheo ni! Dĩ nhiên điều này là bất khả có được, vì lúc này ngay cả Tăng Đoàn củ Phật còn chưa được thành lập đủ 20 năm lấy đâu ra có Tỳ kheo nào đã có hơn 20 tuổi hạ. Và nếu có đi nữa, cứ giả sử như lúc này Tăng Đoàn đã được 20 năm và có Tỳ kheo đã 20 tuổi hạ, thì lúc này di mẫu Kiều-đàm-di có lẽ đã quá già yếu lâu rồi, lấy đâu ra bà còn có sức mà đi bộ từ kinh đô Ca-tỳ-la-vệ đến tận Tỳ-xá-li (Vesālī) để gặp Phật (?).] (1748)

1749 [Kinh này cũng có ghi trong Luận Tạng Vin II 258–259. Kinh này cũng

theo dạng kinh của kinh 7:83.] (1749)

1750 [Mặc dù Ce dùng cách ghi tên ông này là "Vyagghapajja", tôi dùng cách

ghi tên ông là “Byagghapajja” cho nó đồng nhất với cách ghi tên ông trong kinh 4:194. Đây chính là họ của ông ta, còn Dīghajāṇu là tên riêng (có nghĩa là “Chân cọp dài”).] (1750)

- (Nhân tiện: kinh này nếu bỏ 02 đoạn thêm (a) và (b) thì sẽ giống hệt kinh 8:75 ở bên dưới.)

1751[Chỗ này Ce và Ee ghi là: udumbarakhādikaṃ va; Be: udum- barakhādīvāyaṃ. Nghĩa muốn nói ở đây là không rõ ràng. Mp chú giải là:

Chú Thích •199

“Một người muôn ăn trái sung thường đẩy lắc mạnh cây sung làm cho nhiều trái rụng xuống. Người đó ăn một vài trái chín và bỏ đi, để lại một đống sung rụng (tức lãng phí: để thỏa mãn nhu cầu ít của mình mà phung phá cả đống lớn như vậy); cũng giống như vậy, một người tiêu xài phần lớn những thu nhập của mình là thụ hưởng của cải theo kiểu làm tiêu tan nó, do vậy nên mới nói: ‘Người họ tộc này ăn của cải của mình như kiểu một người ăn trái sung.’” Bản tương đương Hán tạng, SĀ 91 [T II 23a22–c17] có ghi chỗ [T II 23b17] là: , (Mọi người gọi ông ta là một trái sung
không có hột. Người ngu dốt, là con mồi của dục-vọng (ái), không biết nghĩ cho những người đến sau.”] (1751)

1752 [Ce và Ee ghi là: ajaddhumārikaṃ; Be ghi là: ajeṭṭhamaraṇaṃ. DOP liên hệ chũ ghép này với chữ Phạn là jagdhvā (sau khi đã ăn) và định nghĩa chữ ajaddhumārikā là: “sự chết vì đói, sự chết đói”. Coi thêm PED sv jaddhu, được cho là chỉ xảy ra ở dạng phủ định là ajaddhu (không ăn, kiêng ăn). Mp (của Ce) thì giải nghĩa chữ này là = anāthamaraṇaṃ (sự chết không có người bảo hộ); còn Mp (của Be) thì giải nghĩa = anāyakamaraṇaṃ (sự chết không có người dẫn đầu). Dường như Mp (của Ce) thì giải nghĩa cách ghi được ghi trong Be. Bản Hán tạng [chỗ T II 23b19–20] có ghi: (những người khác đều sẽ nói rằng người ngu dốt thì giống như một
con chó bị đói cho tới chết).] (1752)

1753[“Bậc hữu danh hữu thực” hay “người đúng thực như tên gọi” hay “người xứng danh được gọi” là tạm dịch từ cụm chữ akkhātā saccanāmena. Người “đúng thực như tên gọi” chính là Đức Phật, vì cái danh xưng “Phật” là xứng với tầm-vóc của một bậc đã giác-ngộ. Coi lại thêm chú thích 1320 trong phần thi kệ của kinh 6:43.] (1753)

1754 [Đây là một kinh song hành của kinh 6:23. Những cách khác để chỉ

những khoái-lạc giác quan là “mũi tên” (salla) và “bào thai” (gabbha). Phần thi kệ khác đi so với thi kệ trong kinh 6:23. Toàn bộ kinh này, cùng phần thi kệ, cũng được lặp lại trong Nidd II 62, 29–38 (ấn bản VRI. 240).] (1754)

1755 [Nguyên văn câu cuối: Diṭṭhadhammikāpi gabbhā na parimuccati, sam-

parāyikāpi gabbhā na parimuccati. Mp luận giải câu này là: “Bào thai thuộc kiếp hiện tại là một bào thai người; bào thai thuộc những kiếp sau là một bào

thai khác người.] (1755)

1756 [Trong câu chỗ này thì cụm chữ thường có là "để dẹp bỏ những phẩm

chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện lành" đã bị lược bỏ, có lẽ là do cố ý bỏ đi bởi vì vị Tỳ kheo đang nói tới là một A-la-hán như đã được ghi ở điều (8) (cho nên không cần phải còn những công đoạn đó). - (Nhân tiện, câu mẫu trong các kinh mô tả về sự phát khởi sự nỗ-lực (tu tập) là: "Người đó phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố- gắng, không lơ là bổn-phận tu dưỡng những phẩm chất thiện lành lành.")] (1756)

1757 [Lời kinh ở đây ghi là arahattaphalasacchikiriyāya paṭipanno, trong khi

đó trong kinh 8:19 thì ghi arahattāya paṭipanno.] (1757)

1758 [Phần thi kệ này cũng có trong kinh SN 11:16 (Quyển 1).] (1758)

1759 [Nguyên văn câu này: Paññāsīlasamāhito. Mp giải nghĩa câu này là:

paññāya ca sīlena ca samannāgato. Mặc dù câu này lấy chữ samāhito với nghĩa là "có được" chứ không phải nghĩa là chứng đắc sự định-tâm (samādhi), nhưng ở đây dịch là "bình tĩnh, điềm tĩnh" chúng ta có thể thấy chữ này cũng gián tiếp nói về sự định-tâm hay tĩnh-tâm (samādhi).] (1759)

1760 [Nguyên văn câu này: Karotaṃ opadhikaṃ puññaṃ. Chữ opadhikaṃ có

nghĩa là loại công-đức sẽ chín muồi thành sự thu-nạp (upadhi, sanh y), đó là sự thu-nạp cho tương lai là thành năm-uẩn mới trong kiếp sau, và do vậy nghiệp này chỉ mang lại sự sống tốt hơn trong vòng luân hồi tái-sinh mà thôi chứ không đưa đến sự giải-thoát (tu phước chứ không phải tu giải-thoát).] (1760)

1761 [Mp giải thích: người tu muốn có được lợi-lộc ở đây là những thứ được

cúng dường bởi những người tại gia: y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh.] (1761)

1762 [Nguyên văn: Alaṃ attano alaṃ paresaṃ. Tôi thêm vào cụm chữ trong

ngoặc [làm lợi ích] dựa trên sự chú giải của Mp nói rằng: "Có khả năng [làm ích lợi] cho mình và có khả năng [làm ích lợi] cho người khác nghĩa là: có

năng lực, thích hợp, được trang bị về sự thực-hành để dẫn tới phúc lợi của mình và của người" (attano ca paresañca hitapaṭipattiyaṃ samattho pariyat- to anucchaviko).] (1762)

1763 [Nguyên văn câu này: Khippanisanti ca hoti kusalesu dhammesu. Mp

diễn dịch là: "Người đó tiếp thu nhanh, nghĩa là khi những chủ-đề giáo pháp như: các uẩn (uẩn), các yếu-tố (giới), và các căn cảm-nhận (xứ) đang được giảng dạy, người đó

hiểu được nhanh" (khippaṃ upadhāreti, khandhadhātu- āyatanādīsu kathiyamānesu te dhamme khippaṃ jānāti).] (1763)

1764 [Nguyên văn "nhưng khi Giáo Pháp … theo loanh quanh theo ta mà

thôi" là: Dhamme ca bhāsite mamaññeva anubandhitabbaṃ maññanti. Dhamme ca bhāsite mamaññeva anubandhitabbaṃ maññanti. Mp chú giải rằng: "Chuyện kể rằng cho dù Phật đã ban cho một bài khởi xướng (giáo giới), nhưng Tỳ kheo này vẫn không chuyên chú tu tập. Sau khi nghe được Giáo Pháp của Phật, thầy đó cứ đi quanh quẩn chứ không muốn chuyên-cần tu (tinh cần). Do vậy Phật mới quở trách thầy đó. Nhưng do Tỳ kheo đó có những điều-kiện trợ giúp (trợ duyên) để chứng thành A-la-hán, cho nên Phật đã tiếp tục khởi xướng cho thầy đó với lời nói [bên dưới]: 'Thầy nên tu tập bản thân như vậy.'".] (1764)

1765 [Mp giải thích: "Câu này có nghĩa là: 'Này Tỳ kheo, khi thầy đã tu tập sự

định-tâm căn bản này của tâm-từ theo cách như vậy, thầy không nên thỏa mãn ở mức này thôi, mà thầy nên chứng đắc bốn và năm tầng thiền định [theo công thức "05 tầng thiền định" của Vi Diệu Pháp Tạng] đối với những đối-tượng thiền khác. Như vậy thầy nên tu tập nó đúng theo phương pháp "không tầm, chỉ có tứ", "không tầm, không tứ" … và vân vân'." Theo công thức "04 tầng thiền định" trong Kinh Tạng các Nikāya thì sự chuyển tiếp từ tầng thiền định thứ nhất lên tầng thiền định thứ hai được mô tả (xảy ra) bằng sự cùng lúc loại bỏ cả tầm (vitakka) và tứ (vicāra). Tuy nhiên trong đó cũng có một số kinh phân biệt các trạng thái định-tâm (samādhi) theo 03 chặng là: có tầm có tứ, không tầm chỉ có tứ, và không tầm không tứ [coi kinh DN 33, mục 1.10; MN 128, mục 31; SN 43:03 (Quyển 4). Theo Vi Diệu Pháp thì, do có thêm chặng-giữa [không tầm, có tứ] này của trạng thái định-tâm (samādhi) nên mới có công thức "05 tầng thiền định" như vậy. Tức là, sau tầng thiền định thứ nhất thì có một tầng thiền định thứ hai [hết tầm, còn tứ]. Công thức

này bắt đầu tính tầng thiền định thứ hai, ba, tư thành tầng thiền định thứ ba, tư, năm để trở thành công thức "05 tầng thiền định" như vậy. Trạng thái sự định-tâm có hỷ (sappītika) thì gồm có tầng thiền định thứ nhất và tầng thiền định thứ hai [theo khuôn mẫu "04 tầng thiền định" mà chúng ta hay dùng]; trạng thái sự định-tâm không còn hỷ (nippītika) thì gồm có tầng thiền định thứ ba và tầng thiền định thứ tư. Còn trạng thái sự định-tâm có lạc (sātasahagata) là tầng thiền định thứ ba, và trạng thái sự định-tâm có xả (up- ekhagata) là tầng thiền định thứ tư.] (1765)

- (Công thức "04 tầng thiền định" mà các bộ kinh Nikaya và chúng ta thường dùng là: (i) có tầm có tứ, có hỷ và lạc; (2) hết tầm hết tứ, còn hỷ và lạc; (3) hết hỷ còn lạc; (4) hết lạc còn xả.)

1766 [Ngay chữ này tôi đọc theo Ee là bahulīkato, khác với Ce và Be ghi là

subhāvito.] (1766)

1767 [Câu này không có trong phiên bản Ce, rõ ràng là ghi thiếu do vô ý.]

(1767)

1768 [Nguyên văn cả câu này là: Obhāsaññeva kho sañjānāmi, no ca rūpāni

passāmi. Mp giải nghĩa chữ obhāsaṃ là "ánh-sáng của trí-biết của mắt thiên thánh (thiên nhãn minh)" (dibba-cakkhuñāṇobhāsaṃ).] (1768)

1769 [Mp giải nghĩa câu này là: "Ở đây, trí-biết và tầm-nhìn (ñāṇadassana)

chính là mắt thiên thánh (dibbacakkhubhūtaṃ, thiên nhãn minh).] (1769)

1770 [Mp đã quy kết '08 phương diện' này lần lượt là 08 loại trí-biết bậc cao

(minh) như sau: (1) trí-biết của mắt thiên thánh, (2) trí-biết của thần thông, (3) trí-biết bao trùm tâm của những người khác, (4) trí-biết về những chúng sinh trả giá tùy theo những nghiệp của họ, (5) trí-biết về tương lai, (6) trí-biết về hiện tại, (7) trí-biết về quá khứ, và (8) trí-biết về những kiếp quá khứ. Mp còn nói tiếp: "Đây là 08 loại trí-biết được truyền ghi trong bài kinh. Nhưng kinh này nên được giải thích bằng cách kết hợp những (trí-biết) này với những trí-biết của sự minh-sát, những trí-biết của 04 thánh đạo, những trí-biết của 04 thánh quả, 04 trí-biết quán xét lại, 04 trí-biết phân tích, và 06 trí-biết chỉ có bởi một vị Phật.".] (1770)

1771 [Abhibhāyatanāni: những cơ-sở để vượt qua (để thắng phục; tám thắng

xứ). Từ cách diễn tả trong cả các kinh và luận giảng, dường như "những cơ- sở để vượt qua" thực sự là chỉ những sự tiếp-cận tới những kasiṇa (vật thể làm đối-tượng thiền định) như đã được mô tả chi tiết trong Thanh Tịnh Đạo, Vism, Chương 4 và 5]. Mp nói rằng: "Abhibhāyatanāni là những nguyên- nhân để vượt qua (abhibhavanakāraṇāni). Chúng vượt qua cái gì? Vượt qua những những phẩm-chất và những đối-tượng bất lợi. Bởi vì chúng vượt qua những phẩm-chất bất lợi đối ngược với chúng (paṭipakkhabhāvena pac- canīkadhamme), và, thông qua trí-biết cao siêu của một người tu, [chúng vượt qua] những đối-tượng (puggalassa ñāṇuttariyatāya ārammaṇāni).] (1771)

1772 [Mp giải thích: "Người có nhận thức (có sự hiểu tốt) về những hình-sắc ở

bên trong (ajjhattaṃ rūpasaññī): Chỗ này nói về hình-sắc bên trong được dùng cho công việc sơ khởi [sơ thiền]. Vì có người làm công việc sơ khởi [sơ thiền] về một hình-sắc màu xanh dương, chẳng hạn như tóc, mật, hay những tròng đen của mắt. Khi làm công việc sơ khởi về một hình-sắc màu vàng, người đó dùng mỡ, da, hay bề mặt bàn tay hay bàn chân, hay chỗ màu vàng trong mắt. Khi làm công việc sơ khởi về một hình-sắc màu đỏ, người đó dùng thịt, máu, lưỡi, hay chỗ màu đỏ của mắt. Khi làm công việc sơ khởi về một hình-sắc màu trắng, người đó dùng xương, răng, móng tay, hay lòng trắng của mắt. Những màu này không phải hoàn hảo là màu xanh, vàng, đỏ, hay trắng, mà chúng còn chưa tinh-khiết.

- [Người đó] nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài (eko bahiddhā rūpāni passati): Sau khi công việc sơ khởi đã xảy ra ở bên trong như vậy, nhưng dấu-hiệu (tướng) lại xảy ra ở bên ngoài, người đó được gọi là "người có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong [là người] nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài", có nghĩa là: công việc sơ khởi của người đó được làm xong ở bên trong nhưng sự thấm-định (jhāna, tầng thiền định) xảy ra ở bên ngoài. Sau khi đã vượt qua chúng (tāni abhibhuyya), nghĩa là: Giống như một người có hệ tiêu hóa mạnh, chỉ có được một muỗng thức-ăn, gom nó lại, nghĩ rằng: 'Có gì để ăn ở đây?' và dùng cái khả năng hữu hạn này; tương tự vậy, một người có sự-biết đang nổi lên, một người có sự-biết rõ ràng, nghĩ rằng: 'Có gì để chứng đắc liên quan tới một đối-tượng hữu hạn? Điều này không phiền khó gì đối với tôi (để chứng định)'. Và sau khi đã vượt qua những hình-sắc

đó, người đó chứng nhập vào một sự chứng đắc, và với sự khởi sinh của dấu- hiệu (tướng) người đó đạt tới sự thấm-định. Người đó có nhận thức như vầy (evaṃsaññī hoti), nghĩa là: người đó có nhận thức bằng sự nhận-thức về sự chú-tâm có suy-xét (ābhoga) và bằng sự nhận-thức về tầng thiền định (jhāna). 'Tôi biết, tôi thấy' (jānāmi passāmi), nghĩa là: Bằng câu này là muốn nói về sự chú-tâm có suy-xét; bởi vì điều đó xảy ra sau khi người đó đã thoát ra khỏi tầng thiền định, bản thân điều đó không ở trong sự chứng đắc. Sự nhận-thức về sự vượt-qua (abhibhavanasaññā) là có trong sự chứng đắc, nhưng sự nhận-thức về sự chú-tâm có suy-xét (ābhogasaññā) chỉ xảy ra sau khi người đó đã thoát ra khỏi sự chứng đắc."] (1772)

1773 [Mp chú giải rằng: "Như một người đói đã có được nhiều thứ thức-ăn

nhưng không nhìn thấy bữa ăn là lớn mà lại nghĩ: 'Hãy cho tôi thêm lần hai, lần ba. Chỗ thức-ăn này đâu đủ thiếu gì cho tôi?'. Cũng giống như vậy, một người có sự-biết nổi lên, là người có sự-biết rõ ràng, nghĩ rằng: 'Cái gì để chứng đắc ở đây? Đây không phải là một đối-tượng vô lượng. Điều này phiền khó gì đối với tôi để chứng đắc sự nhất-điểm của tâm.' Sau khi đã vượt qua [những hình-sắc đó], người đó chứng nhập một sự chứng đắc, và với sự khởi sinh của dấu-hiệu (tướng) người đó đạt tới sự thấm-định (tầng thiền định)."] (1773)

1774 [Mp giải thích rằng: "Một người không có nhận thức về những hình-sắc

ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài (ajjhattaṃ arūpasaññī eko bahiddhā rūpāni passati): Câu này mô tả một người mà công việc sơ khởi (sơ thiền) và dấu-hiệu (tướng) đã khởi sinh ở bên ngoài. Như vậy theo cả 02 nghĩa, về theo cách diễn đạt bằng 'công việc sơ khởi' và theo cách diễn đạt bằng sự thấm-định (tầng thiền định), người đó được gọi là người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài.] (1774)

1775 [Mp chú giải: "Từ 'cơ-sở để vượt qua' (thắng xứ) thứ năm này trở đi,

Phật đã chỉ ra sự thanh-lọc xuyên suốt của chúng. Vì những cơ-sở này đã được nói theo cách diễn đạt bằng 'những màu sắc được thanh-lọc' (visud- dhavaṇṇavasen'eva)."

Những ‘cơ-sở để vượt qua’ dùng màu sắc này được minh họa bằng những ví dụ trong kinh 10:29, cũng có trong kinh dài DN 16, mục 3.29–32.] (1775)

Chú Thích •205

1776 [Chữ giải-thoát (vimokkha) được dùng ở đây là theo nghĩa riêng và hữu

hạn (tạm thời, nhất thời) chứ không theo nghĩa là sự giải-thoát bất thoái chuyển khỏi mọi ô-nhiễm; nghĩa sau (là sự giải-thoát rốt ráo) thường diễn tả bằng cụm chữ là akuppā cetovimutti (sự giải-thoát của tâm sạch-nhiễm) hay cetovimutti paññāvimutti (sự giải-thoát của tâm nhờ trí-tuệ). Mp luận giải về những sự giải-thoát trong kinh này: “Chúng là những sự giải-thoát theo nghĩa nào? Theo nghĩa là sự buông bỏ thoát khỏi (adhimuccanaṭṭhena). Buông bỏ theo nghĩa nào? (i) Theo nghĩa đã hoàn toàn tự do thoát khỏi những phẩm- chất bất lợi, và (ii) theo nghĩa đã hoàn toàn tự do thoát khỏi thông qua sự thích-thú vào đối-tượng (thiền). Theo nghĩa nào sự diễn-ra [của tâm] về một đối-tượng mà không còn sự hạn chế, không còn lo lắng, giống như một đứa bé đang nằm ngủ trên hai đùi của người cha thì thân nó sẽ hoàn toàn thư giãn. Nghĩa thứ hai này [đối với đối-tượng] không áp dụng cho (tức không có nghĩa là) sự giải-thoát cuối cùng, nhưng chỉ áp dụng cho những (trạng thái lâm thời, tạm thời) khác [bởi vì trong sự giải-thoát cuối cùng thì đâu còn có đối-tượng của nhận-thức].”] (1776)

1777 [‘Người có được sắc nhìn thấy những hình-sắc’ (Rūpī rūpāni passati).

Mp giải thích: “Ở đây, ‘sắc’ là tầng thiền định (jhāna) với một đối-tượng là sắc, vốn đã khởi sinh theo cách của một kasiṇa xanh dương, vàng … vân vân, dựa trên thứ ở bên trong như tóc, mật, tròng mắt … vân vân. Một người đạt được [tầng thiền định, jhāna] này được nói là có được sắc. Người tu cũng có thể nhìn thấy những hình-sắc bằng con mắt của tầng thiền định ở bên ngoài, chẳng hạn như một kasiṇa xanh dương, vàng … vân vân. Cái được chỉ ra bởi câu này là những tầng thiền định sắc-giới trong trường hợp một người là người đã chứng đắc tầng thiền định thông qua những kasiṇa với một cơ-sở ở bên trong hoặc ở bên ngoài.”] (1777)

1778 [‘Người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn

thấy những hình-sắc ở bên ngoài’ (ajjhattaṃ arūpasaññī, bahiddhā rūpāni passati). Mp chú giải là: “Người không có nhận thức về những hình-sắc ở bên trong là người không chứng đắc những tầng thiền định sắc-giới dựa trên tóc, tròng mắt … của mình. Cái được chỉ ra bởi câu này là những tầng thiền định sắc-giới của người là người chứng đắc tầng thiền định ở bên ngoài, sau khi đã làm xong công việc sơ khởi ở bên ngoài.”] (1778)

206 • Bộ Kinh Tăng Chi QUYỂN 8

1779 [Nguyên văn câu này: Subhant’eva adhimutto hoti. Mp giải nghĩa: “Bằng

câu này, cái được chỉ ra là những tầng thiền định dựa trên những kasiṇa có màu sắc cực kỳ tinh khiết, như màu xanh dương … vân vân.” Mp chỉ ra rằng Paṭis, một chuyên luận kinh điển, đã định nghĩa sự giải-thoát dựa trên sự ‘đẹp’ chính là 04 trạng thái vô lượng [từ, bi, hỷ, xả]; mời coi thêm Paṭis II 39,14–26. Dường như: sự giải-thoát thứ nhất

gồm có 02 ‘cơ-sở để vượt qua’ (thắng xứ) thứ nhất; còn sự giải-thoát thứ hai gồm có 02 ‘cơ-sở để vượt qua’ thứ hai, và sự giải-thoát thứ ba gồm có 04 ‘cơ-sở để vượt qua’ còn lại.” - (Có 08 cơ-sở để vượt qua (thắng xứ) được nói trong kinh kế trên).] (1779)

1780 [Về trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (saññāvedayitanirodha,

diệt thọ tưởng), mời coi thêm các kinh MN 43, mục 25; MN 44, mục 16–21; SN 41: 06 (Quyển 4); Vism 702–709, Ppn 23.16–52.] (1780)

1781 [08 điều này là kết hợp 04 điều ở kinh 4:250 và 04 điều ở kinh 4:252.]

(1781)

1782 [08 điều này là kết hợp 04 điều kinh 4:251 và 04 điều ở kinh 4:253.]

(1782)

1783 [Nội dung kinh này cũng có trong kinh DN 16, mục 3.21–23.] (1783)

1784 [Đoạn kinh này, cho thấy Phật là một bậc thầy về những sự biến hóa

thân, dường như có những nét gốc gác Đại Thừa (Mahāyāna). Mp đã bình luận: “Cho dù những người khác là trắng, đen, hay nâu, Vị Thầy là kim hoàng. Nhưng điều này được nói là đề cập về hình-dạng. Và chỉ riêng hình- dạng được nhận thức bởi họ. Đây không phải là trường hợp Phật trở thành một người chủng lạ hay giống một người đeo bông tai làm bằng ngọc trai; Phật ngồi đó trong hình-sắc của một vị Phật. Nhưng họ nhìn thấy Phật như có cùng hình-dạng giống họ. Có người nói giọng bể, có người nói giọng khàn, có người nói giọng cộc lốc, có người nói giọng như tiếng quạ, nhưng riêng Vị Thầy luôn luôn có giọng của vị trời Brahmā. Điều này được nói là đề cập về tiếng nói. Bởi vì nếu Vị Thầy mà đang ngồi ở chỗ ngồi của vị vua, họ sẽ nghĩ ‘Bữa này nhà vua nói một cách ngọt ngào.’ Sau khi Phật rời khỏi sau khi đã thuyết giảng, và họ nhìn thấy một vị vua [vua thật] bước vào, họ sẽ ngạc nhiên: ‘Vậy người kia là ai?’ … Mặc dù họ có điều tra tìm hiểu, họ cũng không biết được. Rồi, vì sao Phật lại chỉ dạy Giáo Pháp cho họ nếu họ không

Chú Thích •207

biết? (Mục đích của Phật là) gieo cấy những ấn-tượng (vāsanatthāya). Bởi vì ngay cả khi Giáo Pháp được nghe theo cách như vậy, nó sẽ trở thành một điều-kiện (duyên) cho tương lai. Như vậy là Phật đã chỉ dạy vì sự xem xét cho tương lai.”] (1784)

1785 [Nội dung kinh này từ đầu kéo dài tới hết phần thi kệ (… Như cởi bỏ áo

giáp đang mang mặc) là giống kinh SN 51:10 (Quyển 5). Còn nội dung toàn bộ kinh này là giống với kinh dài DN 16, mục 3.1–20.] (1785)

- (Nhân tiện, về bối cảnh mở đầu bài kinh: Trong kinh song hành là SN 51:10 (Quyển 5) có chú thích về bối cảnh chỗ này như sau: [Sự kiện của kinh này cũng được ghi trong kinh DN 16 (Đại Kinh Bát Niết-Bàn). Phần chú giải của Spk ở đây cũng tương tự như phần chú giải của Sv II 554–58. Phần kinh chỗ này cũng có trong Ud 62–64 và cũng được luận giải Ud-a 322–30.] (248).)

1786 [Kappaṃ vā tiṭṭheyya kappāvasesaṃ vā. Mp giải nghĩa kappa (đại kiếp)

= āyukappa (kiếp sống), tức một kiếp sống bình thường của con người, đại khái gần như 100 năm. Và kappāvasesa (phần còn lại của một kappa) được giải thích là phần thời gian còn lại của một kiếp người (của một người đang sống), tức ít hơn 100 năm. Mp có đưa ra một quan điểm của một trưởng lão tên là Mahāsīva, người đó nói (nghĩa lời kinh) là Đức Phật có thể sống tiếp hết một đại kiếp vũ trụ, nhưng Mp thì dẫn lại luận giảng cổ xưa cho rằng một kappa chỉ có nghĩa là một kiếp sống (idameva aṭṭhakathāya niyāmitaṃ) (tức khoảng 100 năm, tức Đức Phật có thể sống tiếp tới 100 tuổi). Tuy nhiên, không có kinh nào khác trong các bộ kinh Nikāya có chữ kappa được dùng với nghĩa là 'một kiếp người' cả, và dường như ở đây cũng không có lý do đáng thuyết phục nào để gán nghĩa cho chữ kappa là 'một kiếp người' để thay cho cái nghĩa thông thường của nó là 'một đại kiếp', tức một kiếp vũ trụ.] (1786)

- (Chỗ này cũng có chú thích trong kinh SN 51:10, để tiện xin trích dẫn luôn cho quý vị đọc luôn như sau: [Nguyên văn câu này: "kappaṃ vā tiṭṭheyya kappāvasesaṃ vā". Spk giải thích "một đại kiếp" (kappa) ở đây là một kiếp người (āyukappa), tức một kiếp sống thọ, tức khoảng 100 năm. Còn chữ "hết phần còn lại của đại kiếp này" (kappāvasesaṃ) được giải thích là 'dài hơn một chút' so với kiếp người 100 năm. Spk có đề cập quan điểm của trưởng

lão Mahāsīva Thera, người cho rằng Phật có thể sống hết phần còn lại của "đại kiếp vũ trụ" (bhaddakappa) này. Mil 141 cũng diễn dịch kappa ở đây là bằng kiếp người (āyukappa), có lẽ cũng cùng nguồn các giảng luận khác. Tuy nhiên, đáng lưu ý rằng, không có chỗ nào khác trong các bộ kinh Nikāya dùng chữ kappa với nghĩa bằng một 'kiếp người' như vậy, và dường như cũng không có lý do thỏa đáng để gán nghĩa khác cho nó ngoài cái nghĩa thông thường của nó là một "đại kiếp vũ trụ". Dù đoạn kinh này là nguyên thủy hay đã được thêm thắt, và dù cho sự thiền-định thành công có mang đến những năng-lực siêu bậc như vậy, thì cũng đã có nhiều ý kiến khác nhau về ý nghĩa của chữ kappa trong đoạn kinh này.] (249).)

1787 [Nguyên văn câu cuối là: Yathā taṃ Mārena pariyuṭṭhitacitto. Mp giải

thích là: "Giống như một người phàm phu không có khả năng bắt kịp một gợi-ý, Ngài Ānanda đã không thể bắt được lời gợi-ý (của Phật). Bởi Ma Vương có thể ám muội tâm trí của bất cứ ai chưa dẹp bỏ hết 12 sự điên-đảo/ sai-lạc về nhận-biết [vipallāsa; coi thêm kinh 4:49], và thầy Ānanda [mới chỉ là một bậc Nhập-lưu] vẫn còn tới 4 trong 12 sự điên-đảo về nhận-biết đó. [Mp-ṭ giải thích: Những sự điên-đảo về nhận-thức và ý-nghĩ cứ nhận lầm thứ không hấp dẫn là hấp dẫn, thứ khổ đau là sung sướng.] Ma Vương đã ám muội tâm thầy ấy bằng cách tạo ra một quan cảnh đáng sợ. Khi nhìn thấy nó, vị trưởng lão Ānanda đã không còn bắt được lời gợi-ý rõ ràng của Đức Phật.] (Điều này những người thường, nhất là người tu tập, cũng dễ thấy: khi tâm trí bị ám muội bởi những điều khác, nó mù mờ, ngu mờ, u ám, hoặc xao lãng, hoặc ngu ngơ thụ động thậm chí người đó không nhận ra những điều đó, và khó nhận ra những điều nhận biết

được khi tâm trong, sáng, minh mẫn.) (1787)

- (Chỗ này cũng có chú thích trong kinh SN 51:10 với nghĩa tương tự như vậy. Sẵn đây trích dẫn cho quý vị đọc như sau: [Nguyên văn câu cuối: "Yathā taṃ Mārena pariyuṭṭhitacitto." Spk: Ma Vương có thể ám muội tâm của bất cứ ai chưa dẹp bỏ hết 12 "sự sai-lạc/ sai-lệch/ điên-đảo về nhận-biết" (vi- pallāsa), và thầy Ānanda lúc đó chưa dẹp bỏ được chúng [bởi lúc đó thầy mới là bậc Nhập-lưu, vẫn còn bị những lệch-lạc của tâm và nhận-thức, mặc dù về mặt cách-nhìn thì thầy ấy đã không còn tà-kiến]. Cũng Spk: Ma Vương ám muội tâm thầy ấy bằng cách dựng ra một cảnh tượng đáng sợ, và trong khi đang nhìn cảnh đó, vị trưởng lão này đã không bắt kịp lời gợi-ý rõ ràng

của Đức Phật.] (250).)

1788 [Điều thú vị là: trong toàn bộ các 05 bộ kinh Nikāya và trong lịch sử Đức

Phật không thấy có chỗ nào có ghi cuộc nói chuyện như các đoạn [...] dưới đây giữa Phật và Ma Vương. Chuyện mà Ma Vương đang nhắc lại với Phật ở đây chỉ thấy được ghi duy nhất trong kinh này và các kinh song hành là DN 16, mục 3.7–8 và kinh SN 51:10 (Quyển 5) mà thôi.] (1788)

1789 [Cụm chữ pattayogakkhemā (đã đạt tới sự an-toàn thoát khỏi sự trói-

buộc) là có trong tất cả 03 phiên bản của AN, nhưng không có trong một số phiên bản của các kinh song hành là DN 16 và SN 51:10 mới được nói trong chú thích kế trên. Vì thành ngữ này cũng hàm nghĩa người tu đã "đạt tới thánh quả A-la-hán", và do vậy là không thể được dùng trong lời kinh có mô tả về những đệ tử tại gia cho được (vì những đệ tử tại gia không thể đạt tới thánh quả A-la-hán). Mp có luận giải những thành ngữ khác trong đoạn kinh này nhưng không luận giải về cụm chữ này, vì phiên bản kinh mà nó luận giải thì không có ghi cụm chữ này. Mp giải nghĩa cụm chữ sappāṭihāriyaṃ dhammaṃ desenti là: "họ chỉ dạy Giáo Pháp để cho nó (giúp) giải thoát (giải trừ)" (yāva niyyānikaṃ katvā dhammaṃ desessanti). Mp-ṭ bổ sung thêm bằng ý của lời kinh là: "Họ giảng giải Giáo Pháp theo cách để những giáo lý của những giáo phái khác bị bỏ đi và giáo lý của họ được thiết lập; như vậy, bằng cách đọc ra những lý-do, nó đưa đến sự chứng ngộ mục-tiêu [cần phải] được thành tựu" (yathā paravādaṃ bhañjitvā sakavādo patiṭṭhahati, evaṃ hetūdāharaṇehi yathādhigatamatthaṃ sampādetvā dhammaṃ kathessanti). Về lý do vì sao tôi dịch chữ sappāṭihāriya = "mang tính giải độc" thì tôi đã giải thích trong chú thích 586 ở đoạn thứ hai của kinh 3:125 (586).] (1789)

- (Nhân tiện: trong kinh SN 51:10 (Quyển 5) thì chữ sappāṭihāriya TKBD dịch là "hiệu nghiệm, có hiệu quả nhưng mong đợi". Mời coi chú thích 252 trong kinh đó.)

1790 [Āyusaṅkhāraṃ ossaji: sự tạo-tác sự sống, hành sinh-mạng. Mp giải

thích: "Sau khi đã thấu suốt thiết lập sự chánh-niệm, sau khi đã hạn định nó bằng sự hiểu-biết, bậc ấy vứt bỏ, đã dẹp bỏ nguồn lực sống của mình. Đức Thế Tôn không từ bỏ nguồn lực sống của mình theo kiểu một người ta bỏ cục đất khỏi tay mà đức Thế Tôn

đã làm sự quyết-định: ‘Ta sẽ chứng nhập thánh

quả trong vòng ba tháng, không lâu hơn đó.’”.] (1790)

- (Mời quý vị đọc thêm chú thích số 254 ở phần cuối kinh SN 51:10 (Quyển 5) như vầy: [Chữ gốc là āyusaṅkhāraṃ ossaji: sự tạo-tác sự sống (hành sinh mạng), sự duy trì nguồn sống. Spk giải thích chỗ này: Đức Thế Tôn không từ bỏ sự tạo-tác sự sống (hành sinh mạng) như kiểu bỏ cục đất khỏi tay, mà Phật đã làm một quyết-định: “Ta sẽ chứng nhập thánh quả trong vòng ba tháng, không trễ hơn đó.” Spk không chú giải về chữ āyusaṅkhāra, nhưng có lẽ nó đồng nghĩa với chữ jīvitindriya (căn sinh mạng), và đồng nghĩa với chữ jīvitasaṅkhāra (hành sinh mạng) [như trong kinh SN 47:09 (Quyển 5 này)] về vai trò chức năng của nó là duy-trì sự liên-tục của sự sống. Chữ āyusaṅkhārā [số nhiều] có ghi trong kinh SN 20:06 (Quyển 2), và cũng có đoạn thảo luận về chữ này trong kinh MN 43, mục 23-25.] (254).)

1791 [Bài thi kệ này vốn rất khó dịch, nhất là hai câu đầu. Các luận giảng

Spk, Sv II 557–58, Mp IV 153–54, và Ud-a 329–30 cũng đều than như vậy. Các luận giảng đều đưa ra 02 kiểu diễn dịch thay phiên nhau: (i) coi chữ tulaṃ và atulaṃ là 02 chữ đối nghịch, và (ii) coi chữ tulaṃ là hiện tại phân từ ngắn [= tulento] và coi chữ atulaṃ và sambhavaṃ là 02 chữ đối nghịch. Tôi dịch theo cách diễn dịch thứ (ii) này. Mời quý vị đọc thêm phần chú giải và thảo luận đầy đủ về bài thi kệ này trong chú thích số 255 ở cuối kinh song hành là SN 51:10 (Quyển 5). (Đây có lẽ là một trong những chú-thích dài nhất về vài chữ của một bài thi kệ chỉ gồm mấy câu!).] (1791)

1792 [Ce và Ee ghi ba chữ là kampeti, saṅkampeti, sampakampeti. Be còn

thêm một động từ nữa là sampavedheti, nó có thể dịch nghĩa là “làm cho (nó) rung động hay rúng động”. Đây là những thể động từ tác nhân. Còn trong đoạn (3) kế dưới thì ba động từ ở đối ứng thể là phi tác nhân được ghi trong Ce và Ee: kampati, saṅkampati, sampakampati. Be cũng ghi thêm động từ thứ tư là sampavedhati.] (1972)

1793 [Đây là kinh song hành được mở rộng của kinh 6:19. Trong kinh 8:73

này, 02 phần được thêm vào là số (3) và (5) với 02 giả định “chỉ còn sống nửa ngày nữa” và “chỉ còn sống khoảng 10 phút nữa”. (Mời đọc lại các chú thích 1283-1286 trong kinh 6:19).] (1793)

1794 [Đây là kinh song hành được mở rộng của kinh 6:20. Trong kinh 8:74

này, 02 điều được thêm vào là số “con người tấn công” và “những loài phi nhân tấn công”. (Nhân tiện: 08 khả năng gây chết được nói bên dưới cũng được nói ra trong 05 đoạn của kinh 5:77, trong kinh đó chúng được gọi là ‘những hiểm-họa tương lai’ của một người sống tu trong rừng.).] (1794)

1795 [08 sự thành-tựu hay sự có-đủ (sampadā) này và định nghĩa của chúng đã

được nói giống như trong kinh 8:54, ngoại trừ 02 đoạn (a) và (b) nói về 04- cửa làm tiêu tán tài sản và 04-cửa tích lũy tài sản. Nói cách khác, nếu bỏ 02 đoạn đó ra thì kinh 8:54 thành kinh này.] (1795)

- (Để ý: các đoạn (1)-(4) dưới đây là giống hệt các đoạn (1)-(4) trong kinh 8:54 ở trên (Ông Chân Cọp Dài), coi chú thích 1751-1752 trong đoạn (4).)

1796 [Đây là kinh song hành được mở rộng của kinh 6:31, và song hành một

phần với các kinh 5:90 và 7:26.] (1796)

1797 [Đây là kinh song hành được mở rộng của kinh 5:24, 6:50, và 7:65.]

(1796)

1798 [Nguyên văn câu này là: Tathāgataṃ dhammadesanā paṭibhāti. Ở đây,

tôi diễn dịch thành ngữ Pāli đặc biệt này theo ngữ cảnh này là (tạm dịch Việt là) "dành thời gian, dành lúc để chỉ dạy". Theo nguyên văn thì có thể dịch nghĩa là "một sự chỉ dạy Giáo Pháp 'tỏa sáng' [hay 'xảy ra với'] Như Lai."] (1798)

1799 [Nguyên văn câu cuối: Ekantapaṭibhānā tathāgataṃ dhammadesanā ho-

ti.] (1799)

1800 [Thật khó mà chỉ ra được sự khác-biệt giữa chữ sambhava (trong câu hỏi

2, tạm dịch là 'trở thành hiện hữu') và chữ samudaya (trong câu hỏi 3, tạm dịch là 'khởi sinh'), bởi vì trong các kinh thì 02 chữ này được dùng hầu như là đồng nghĩa. Mp coi chữ samudaya xuất phát từ thể động từ là samudenti và giải nghĩa nó là rāsī bhavanti (tích lũy, trở thành đống)." – (Nhân tiện, kinh này là giống kinh 10:58 trong đó có thêm điều (9) và (10).)] (1800)

1801 [Nhà sư Brahmāli [trong một cuộc trao đổi riêng với thầy ấy] đã đưa ra

lời giải thích tinh tế về lời 'bí nghĩa khó hiểu' của kinh này như sau: "Tôi

hiểu chữ sabbe dhammā (tất cả các pháp, mọi thứ) là một sự đề cập đến 'thế giới thuộc trải-nghiệm cá nhân'. Vì vậy ý nghĩa ở đây có thể là: Tất cả mọi yếu tố trải-nghiệm của chúng ta đều bắt rễ từ trong tham-dục (chan- damūlakā) theo cái nghĩa là 'chúng ta hiện hữu là do tham-dục' [lấy chữ tham-dục hay tham-muốn (chanda) ở đây là đồng nghĩa dục-vọng (ái); (là nguyên nhân gốc rễ của sự tái hiện-hữu)]. Chúng trở thành hiện hữu thông qua sự chú-tâm (manasikārasambhavā) theo nghĩa là chúng ta chỉ trải nghiệm thứ mà chúng ta chú-tâm (tác ý) tới nó. Chúng khởi sinh từ sự tiếp- xúc (phassasamudayā) bởi vì nếu không có tiếp-xúc (xúc) thì chúng ta đâu trải nghiệm điều gì. Chúng hội tụ trên cảm-giác (vedanāsamosaraṇā) theo nghĩa cảm-giác (thọ) là mặt quan trọng nhất trong trải nghiệm của chúng ta, là yếu tố căn bản thúc đẩy tạo ra mọi điều chúng ta làm. Chúng được dẫn đầu bởi sự định-tâm (samādhippamukhā) theo nghĩa sự định-tâm (định) là một căn [indriya] kiểm soát trong những căn dẫn dắt mọi

yếu tố của sự trải nghiệm của chúng ta đi theo. Chúng nằm dưới sự thẩm-quyền của sự chánh- niệm (satādhipateyyā) bởi sự chánh-niệm là một căn khác dẫn hướng chúng ta trong mọi sự chúng ta làm hay trải nghiệm. Tất cả mọi thứ đều có trí-tuệ là người giám-sát của chúng (paññuttarā) bởi vì trí-tuệ là người chỉ đạo cầm đầu của mọi căn kiểm soát; trí-tuệ, hơn mọi căn khác, kiểm soát trải nghiệm của chúng ta [03 yếu tố cuối cùng là những cái cho phép chúng ta có 'một cảm-nhận về sự hiện-hữu' chính là 'sự sống' của chúng ta]. Sự giải-thoát là cốt-lõi của chúng (vimuttisārā), là thứ siêu xuất nhất trong tất cả mọi thứ, như nghĩa câu đã tự nói ra." (Một kinh có nội dung song hành là kinh AN 9:14, coi thêm các chú thích 1867-1869 ở đó).] (1801)

1802 [Mp đã làm rõ một số điều ở đây như sau. (1) Một tay trộm không thạo

khéo hay tấn công những người không tấn công mình, như người già, trẻ con, và những người đức-hạnh không phải là kẻ thù của mình và không tấn công mình. (2) Một tay trộm thạo khéo thì chỉ lấy một nửa đồ đạc của cải; ví dụ như, có 02 bộ đồ thì chỉ lấy 01 bộ; có mấy phần thức ăn thì chỉ lấy 01 phần [có thể phần ngon hơn] và chừa lại cho những người khác ăn. (7) Một tay trộm không thạo khéo thì trộm cướp ở gần làng, thị xã, hay thành phố. (8) Một tay trộm không thạo khéo thì không làm-sạch (thanh lọc) con-đường (đạo) dẫn tới thế giới khác bằng cách "ký gởi" một phần 'những vật phẩm trộm cướp được' trong những phần cúng dường cho "những bậc đáng được

cúng dường" (yaṃ laddhaṃ, taṃ dakkhiṇeyye nidahituṃ cheko na hoti, paralokamaggaṃ na sodheti). Cứ cho là, một tay trộm thạo khéo sẽ "ký gửi" một phần của cải trộm cướp được bằng cách cúng dường cho những chân tăng và nhờ đó có thể "thanh lọc con-đường dẫn tới thế giới khác (kiếp sau)". (Tuy nhiên, lưu ý, đây chỉ là lời luận giải ví von của luận giảng Mp; đây không phải là tinh thần của đạo Phật, cũng không phải là lời Phật nói; nói nôm na, không ai chân chính mà đi ủng hộ người đi cướp của về để dùng một phần đó làm tài vật cúng dường cho tăng ni).] (1802)

1803 [Chỗ này tôi làm theo Ce. Be và Ee đã đặt chữ vedagū trước bhisakko.]

(1803)

1804 [Bài thi kệ này, như đã được lưu truyền, dường như không được đầy đủ

bởi vì những mệnh đề tương quan bắt đầu từ chữ yaṃ rõ ràng là không được hoàn thành đầy đủ bằng một mệnh đề chứng minh. Do vậy tôi đã làm theo gợi ý của nhà sư Vanarata rằng: cần có một mệnh đề hàm nghĩa chứng minh tương ứng với dòng chữ anuttaraṃ pattabbaṃ câu kết của bài kệ. Có lẽ chữ vijitasaṅgamo đề cập chính xác tới chỗ này, và tôi đã bổ sung thêm chữ [bên trên điều đó] trong ngoặc.] (1804)

1805 [Câu này Ce ghi là: paramo danto; Be: paramadanto; Ee: paramaṃ dan-

to. Lời chú giải của Mp là: paramadamathena dantattā paramadanto nāma, cho thấy rằng chữ parama là bổ nghĩa cho chữ danto, không phải cho chữ nāgo như đã thấy trong Ce.] (1805)

1806 [Khuôn mẫu mở đầu và bối cảnh bài kinh này là giống hệt như kinh 5:30

và 6:42 (mời coi thêm các chú thích trong các kinh đó), nhưng nội dung bài kinh này thì có khác đi từ sau chỗ "… khoái lạc của 'lợi, vinh, danh'." .] (1806)

1807 [Bắt đầu từ chỗ này đổ xuống: những đoạn từ (4)–(7) là giống hệt (1)–(4)

trong kinh 6:42. Trong phiên bản của Ce và Ee, đoạn (5) và (6) của kinh 6:42 thì không có trong kinh này, nhưng câu cuối cùng của kinh 6:42, không được đánh số là một đoạn (một chi phần) trong kinh đó, lại trở thành đoạn (8) trong kinh này. Be thì có các đoạn từ (5)–(6) của kinh 6:42 trở thành luôn đoạn (8)- (9). Riêng câu cuối cùng trong kinh đó thì có thể được coi là một đoạn nhưng nó đã không được đánh số (tức không được coi là một đoạn riêng) trong kinh

đó, hoặc cũng có thể được đánh số thành đoạn thứ (10) vậy. Nếu làm theo Be thì khó mà xếp kinh này trong Quyển "Tám" cho được mà phải nằm trong Quyển "Chín" hay "Mười". Các đoạn từ (1)–(3) của kinh này thì không có trong các bản kinh tương tự trước (tức không có trong 5:30 và 6:42). Nhà sư Brahmāli gợi ý đánh số đoạn ngay từ câu "Ngay cả những thiên thần…" là đoạn số (1) và tính luôn câu cuối cùng của bài kinh là đoạn số (9) để cho điều này tương hợp với kinh 6:42 (và như vậy phải xếp kinh này vô Quyển "Chín"). Tuy nhiên, ở đây tôi vẫn làm theo cách đánh số của Ce, là phiên bản chính mà tôi chọn để dịch.] (1807)

1808 [Cách ghi chỗ này của Ce là gần giống với cách ghi của Be trong kinh

6:42 hơn với cách ghi của Ce trong kinh 6:42. Nhưng chỗ này của kinh này của Ce có ghi động từ paccessati (quay lại, trở lại) [chữ này không có trong kinh 6:42 của Ce], trong khi đó trong cả 02 kinh thuộc Be thì có ghi là upaṭṭhahissati (sẽ phục vụ). Chữ saccessati của Ee có lẽ là do đọc sai từ chữ paccessati. Phiên bản Ee không đề cập tới chữ sahadhammika (người cùng tôn giáo, người cùng đạo) như đã có trong kinh 6:42.] (1808)

- (Nhân tiện, đoạn (4) này giống đoạn (1) của kinh 6:42 trong đó có thêm chú thích số 1313 như sau: [Tôi đọc theo Ce là ārāmiko vā samaṇuddeso vā sa- hadhammiko vā. Còn cả 02 phiên bản Be và Ee đều không có chữ sa- hadhammiko vā. Ở đây Be ghi rất khác là: idān' imaṃ āyasmantaṃ ārāmiko vā upaṭṭhahissati samaṇuddeso vā taṃ tamhā samādhimhā cāvessati, nghĩa là: "Giờ một người giúp việc trong chùa hay một sa-di sẽ phục vụ vị thầy này, như vậy sẽ làm cho vị ấy rớt ra khỏi định." Ee thì ghi giống Be, chỉ khác động từ là ghaṭṭessati (đánh trả, xúc phạm, gây sự) thay vì là upaṭṭhahissati.] (1313).

- Còn đoạn (5) bên dưới là giống đoạn (2) của kinh 6:42 ở đó có chú thích số 1314 như sau: [Nguyên văn câu này: Araññasaññamaṃyeva manasi karissati ekattaṃ. Nguyên văn câu này: Araññasaññamaṃyeva manasi karissati ekattaṃ. Mp chú giải (tạm dịch) là: "Sự duy-nhất: người đó sẽ mang tới tâm chỉ sự nhận-thức về rừng mà thôi, đó là trạng thái nhất-điểm của sự nhất-thể" (ekasabhāvaṃ, ekaggatābhūtāṃ araññasaññaṃ yeva citte

karissati).] (1314).)

Chú Thích •215

1809 [Pattaṃ nikkujjeyya (lật úp bình bát). Những thủ tục lật úp bình bát được

ghi trong Luật Tạng [Vin II 124–27]. Coi thêm nhà sư Ṭhānissaro 2007b: 411–412. Mp chú giải: "Có thể lật úp bình bát đối với người đó: họ không thực sự lật úp cái bình bát ngay trước mặt người đó, nhưng họ chỉ thể hiện cử động 'xoay và úp nhẹ bình bát' với nghĩa là họ không chấp nhận đồ cúng dường từ người đó. Tương tự, họ cũng có thể hủy bỏ hành động này bằng cử động 'lật ngửa bình bát lại' (ukkujjeyya) với nghĩa là họ nhận đồ cúng dường của người đó trở lại." Thủ tục này đã được dùng ở Miến Điện trong thời gian bạo loạn cuối năm 2007 khi những nhà sư quyết định những hành vi sai ác của chính quyền quân sự lúc đó là đáng bị 'lật úp bình bát'. Những nhà sư đã đi bộ xuống đường với những bình bát thực sự bị lật úp lại để thể hiện sự bất đồng với những hành động của những người cầm quyền lúc đó.] (1809)

1810 [Thiếu niềm-tin" hay mất lòng-tin: appasāda. Mp giải thích: "Khi đã nói

thiếu hay mất niềm tin (vào một tu sĩ) thì người tại gia không cần phải đứng dậy khỏi chỗ ngồi (để nhường chỗ) hay kính lễ hay đi gặp hay cúng dường cho Tỳ kheo đó nữa."] (1810)

1811 [Mp đã đề cập tới "05 chỗ không phù hợp", có lẽ là muốn nói tới 05 chỗ

đến đã được nói trong kinh 5:102 (là chỗ gái bán dâm, đàn bà góa, phụ nữ chưa chồng, hoạn quan, hay những Tỳ kheo ni).] (1811) 1812 [Nguyên văn Pali là: "paṭisāraṇiyakamma" (tên một điều luật xử lý của

tội làm sai hay xúc phạm người tại gia). Khi điều luật này được đưa ra, thì Tỳ kheo đó phải đi đến chỗ người tại gia, đi kèm với một Tỳ kheo khác đi cùng, để xin lỗi người tại gia. Nếu người đó không xin lỗi được, không được người tại gia thứ lỗi, thì vị Tỳ kheo đi cùng phải cố gắng hòa giải họ. Câu chuyện gốc được ghi trong Luật Tạng [Vin II 15–18], với những quy định pháp chế được ghi trong [Vin II 18–21]. Để coi thêm chi tiết vấn đề này, xin đọc thêm "Giới Luật Tăng Đoàn II" (The Buddhist Monastic Code II, trang 407–11) của nhà sư Ṭhānissaro.] (1812)

1813 [Nguyên văn: tassapāpiyasikakamma. Những cơ sở của hình phạt này

được thảo luận trong Luật Tạng [Vin II 85–86]. Coi thêm nhà sư Ṭhānissaro 2007a: 549–551, ở đó điều này được dịch nghĩa là "tình tiết phạt thêm, tình tiết tăng tội". Theo nguồn gốc câu chuyện thì, hình phạt này được áp cho một

Tỳ kheo cứ nói lời quanh co tránh né hoặc phản ứng một cách thái quá khi bị buộc một tội nghiêm trọng [một tội thuộc hạng tội nặng nhì (tội tăng tàng, saṅghādisesa), rồi sau đó mới thừa nhận mình phạm tội đó do bị áp lực.] (1813)

1814 [Chỗ này mời coi lại chú thích số 1085 ở đoạn (2) của kinh 5:79, như

vầy: [“Sự nương dựa” là tạm dịch chữ nissaya. Ở đây, một thủ tục theo Luật Tạng, là một Tỳ kheo nhỏ tuổi (tuổi hạ) cần tập sự bản thân dựa theo một Tỳ kheo trưởng lão thiện thạo, thông thường vị đó là vị thầy hướng dẫn (sư phụ, y chỉ sư) của người đó. Thủ tục tương tự đối với những Tỳ kheo ni. Giai đoạn nissaya (nương dựa vào vị y chỉ sư) thường là 5 năm sau khi vị Tỳ kheo trẻ đã thụ nhận đại thọ giới (cụ túc giới), nhưng thời gian cũng có thể nhiều hơn trong trường hợp Tỳ kheo tập sự (y chỉ đệ) cần thêm nhiều thời gian mới đạt tới sự giỏi giang, thiện thạo. Về chi tiết, đọc thêm Ṭhānissaro 2007a: 29– 40.] (1085).) [1814]

1815 [Nguyên văn câu này là: Na ca tena mūlena vuṭṭhāpetabbo (người đó

không nên ban cấp sự phục-hồi (cho ai) [trong trường hợp] với gốc rễ đó). Mp giải nghĩa câu này là: “Người đó không thể làm một hành động phục-hồi [trong trường hợp] lấy gốc rễ đó” (taṃ mūlaṃ katvā abbhānakammaṃ kātuṃ na labhati). Nhưng đọc Mp cũng không rõ nghĩa chính xác của câu này là gì. Tôi đã làm theo gợi ý của nhà sư Brahmāli cho rằng chữ mūla ở đâu là “tội gốc”, đó là tội mà người đó đã phạm phải và bị dẫn tới bị hình phạt là “hành-vi sai trái nghiêm trọng” đã nói ngay mở đầu kinh.] (1815)

1816 [Ee không đánh số cho NHÓM này và các kinh trong nhóm này. Ce và

Be thì đánh số X (10) theo thứ tự liên tục theo cách đánh số những NHÓM trước trong toàn bộ Quyển này. Ce đánh số các kinh từ 1–27; Be đánh số từ 91–116. Sự các nhau về số xuất phát từ sự thêm vào 01 nữ đệ tử tại gia là Somā có ghi trong Ce và Ee, những không được ghi trong Be (tức là, tôi làm theo cách đánh số của Be và bổ sung thêm tên Somā; như vậy tổng cộng có 27 tên nữ đệ tử tại gia trong NHÓM này).] (1816)

1817 [Các phiên bản khác nhau ở chỗ họ dùng những cụm chữ (hình dung từ)

để mô tả những cá nhân các phụ nữ là đệ tử. Ce có số người lớn nhất; một số có lẽ được thêm vào sau này. Ee thì chỉ gắn chữ upāsikā (u-bà-di, nữ đệ tử tại

gia) trước các tên Khujjuttarā, Sāmāvatī, và Suppiyā; Be thì gắn chữ này trước tên 03 người này và tên Bojjhā. Những từ chỉ danh như rājakumārī (công chúa) và devī (hoàng hậu) chỉ thấy có trong Ce. Tôi dịch đuôi chữ mātā là “mẹ”. Khi nó đã được gắn vào tên luôn thì tôi để nguyên tiếng Pali, ví dụ để nguyên chữ Migāramātā chứ không dịch là “mẹ của Migāra” vì có lẽ đó cũng là tên thực của người phụ nữ đó chứ không chỉ đơn thuần là “mẹ” của cái tên đứng tiếp trước chữ mātā, (người dịch Việt thì vừa giữ nguyên và dịch luôn để người đọc dễ nhớ).

Mp nói rằng tất cả những kinh trong nhóm “GIỐNG NHAU” này có nội dung là GIỐNG NHAU như mẫu kinh 8:42 với nội dung là sự tuân giữ tám giới bố-tát (uposatha). Tức là, 27 tên của những nữ đệ tử tại gia của NHÓM này lần lượt được đưa vào mẫu kinh 8:42 để thay cho tên Visākhā. Dĩ nhiên tên của phu nhân Visākhā và Bojjhā thì đã được nói trong kinh mẫu 8:43 và kinh 8:45 rồi.] (1817)

1818 [Tên này không có trong phiên bản Be, và do vậy Be chỉ có tổng cộng 26

kinh trong nhóm này. Còn Ce và Ee [và bản dịch này] thì có ghi, nên tổng số là 27 kinh, như đã giải thích trong chú thích 1816 kế trên.] (1818)

1819 [Đây có lẽ chính là cô Veḷukaṇṭakī Nandamātā. Để biết rõ thêm về cô

này, mời quý vị nên coi lại chú thích 143 ở kinh 1:260 và chú thích 141 ở kinh 1:260.] (1819)

1820 [Ee không đánh số NHÓM này và các kinh trong NHÓM này. Ce và Be

đánh số nó là NHÓM/phẩm XI (11) theo thứ tự liên tục theo cách đánh số của chúng trong Quyển này. Cũng giống như trong Quyển "Bảy", tôi đã đánh số NHÓM này như là nhóm thứ 6 của phần "NĂM MƯƠI KINH SAU" này. Ce đánh số các kinh trong nhóm này là từ 1-510. Be đánh số các kinh này liên tục theo các kinh trước theo cách đánh số của nó trong Quyển này, từ 117-626. Và ở đây tôi làm theo cách đánh số của Be, chỉ khác là số kinh bắt đầu và kinh cuối cùng của tôi là tăng thêm 1, vì tôi tính thêm 01 nữ đệ tử tại gia là Somā từ NHÓM kế trên [cô này không được ghi trong Be, như đã nói trong chú thích 1816 và 1818 kế trên].] (1820)

- (Nhân tiện: kinh 8:119 bên dưới là tương tự mẫu kinh 8:65 với các chú thích 1771-1775 và kinh 8:120 là tương tự mẫu kinh 8:66 với các chú thích

1776-1780.)

++++

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.